

Bộ giáo dục và đào tạo

**Giáo trình
Lịch sử
Đảng cộng sản
Việt Nam**

(Dùng trong các trường đại học, cao đẳng)

(Tái bản lần thứ hai có sửa chữa và bổ sung)

Đồng chủ biên
PGS, NGND. Lê Mậu Hãn - PGS, TS. Trình Mưu
GS, TS. Mạch Quang Thắng

Tập thể tác giả:
PGS, NGND. Lê Mậu Hãn
PGS. TS. Vũ Quang Hiến
TS. Lê Văn Thai
TS. Ngô Quang Định
TS. Phạm Xuân Mỹ
PGS, TS. Trình Mưu
GS, TS. Mạch Quang Thắng
PGS, TS. Ngô Đăng Tri
TS. Đinh Xuân Lý

Bài mở đầu

Nhập môn lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam

1. Đối tượng nghiên cứu

Đảng Cộng sản Việt Nam do Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện, là đội tiên phong cách mạng, bộ tham mưu chiến đấu của giai cấp công nhân và dân tộc Việt Nam. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta đã vượt qua mọi khó khăn gian khổ và hy sinh, giành nhiều thắng lợi có ý nghĩa chiến lược và mang tính thời đại, làm cho đất nước, xã hội và con người Việt Nam ngày càng đổi mới sâu sắc. Lịch sử của Đảng là một pho lịch sử bằng vàng. Hồ Chí Minh nói: "Với tất cả tinh thần khiêm tốn của người cách mạng, chúng ta vẫn có quyền nói rằng: *Đảng ta thật là vĩ đại!*"¹.

Để không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo và phát huy truyền thống vẻ vang của mình, Đảng Cộng sản Việt Nam rất coi trọng công tác nghiên cứu lịch sử Đảng và tổng kết những bài học lịch sử trong từng thời kỳ cũng như trong toàn bộ tiến trình lãnh đạo cách mạng của Đảng.

Nghiên cứu và tổng kết các bài học lịch sử của Đảng là một phương pháp tốt để nâng cao trình độ lý luận của cán bộ, đảng viên, nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, góp phần khắc phục những xu hướng giáo điều và kinh nghiệm chủ nghĩa trong Đảng. Trên cơ sở nghiên cứu và khái quát sâu sắc, toàn diện kinh nghiệm lịch sử đã tích lũy được trong cuộc đấu tranh cách mạng của Đảng, nếu không hiểu được mối liên hệ lịch sử tất yếu và qua đó hiểu tiến trình phát triển có thể có của các sự kiện, Đảng mới có thể đề ra được một đường lối chính trị hoàn chỉnh.

Đảng Cộng sản Việt Nam là một tổ chức chính trị có quy luật hình thành, phát triển vai trò lịch sử riêng trong tiến trình lịch sử Việt Nam. Do đó, lịch sử Đảng là đối tượng nghiên cứu của một khoa học riêng - khoa học lịch sử Đảng.

Lịch sử Đảng gắn liền với lịch sử dân tộc. Theo đó, lịch sử Đảng là một khoa học chuyên ngành của khoa học lịch sử và có quan hệ mật thiết với các khoa học về lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Mỗi ngành khoa học có một phạm vi nghiên cứu cụ thể trong mối quan hệ biện chứng với các khoa học khác. Khoa học lịch sử nghiên cứu về xã hội và con người xã hội, nghiên cứu về cuộc sống đã qua của nhân loại một cách toàn diện trong sự vận động, phát triển, với những quy luật phổ biến và đặc thù của nó. Lịch sử Việt Nam từ năm 1930 là lịch sử đấu tranh cách mạng kiên cường và anh dũng của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhằm xóa bỏ chế độ thuộc địa của chủ

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.10, tr. 2.

nghĩa thực dân cũ và mới, xây dựng chế độ mới. Đảng Cộng sản Việt Nam là người lãnh đạo và tổ chức mọi thắng lợi của nhân dân ta. Do đó, lịch sử Việt Nam (từ năm 1930 trở đi) và lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam gắn bó hữu cơ với nhau.

Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân. Đảng là người đề ra đường lối cách mạng và tổ chức lãnh đạo nhân dân thực hiện đường lối. Do đó, khoa học lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là một hệ thống tri thức về quá trình hoạt động đa dạng và phong phú của Đảng trong mối quan hệ mật thiết với tiến trình lịch sử của dân tộc và thời đại. Với tư cách là một khoa học, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam có *đối tượng nghiên cứu là tổ chức và hoạt động của Đảng và các phong trào cách mạng của quần chúng diễn ra dưới sự lãnh đạo của Đảng.*

2. Mục đích, yêu cầu, chức năng, nhiệm vụ

- *Mục đích, yêu cầu:*

Liên quan đến đối tượng nghiên cứu, mục đích của khoa học lịch sử Đảng là làm sáng tỏ toàn bộ quá trình hình thành, phát triển của tổ chức đảng và những hoạt động toàn diện của Đảng; khẳng định sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu bảo đảm mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam; làm rõ những vấn đề có tính quy luật của cách mạng Việt Nam; góp phần tổng kết những kinh nghiệm lịch sử phục vụ sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc; đồng thời giáo dục niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng và con đường cách mạng Hồ Chí Minh.

Yêu cầu của việc nghiên cứu, biên soạn và giảng dạy lịch sử Đảng là trình bày khách quan, toàn diện và có hệ thống các sự kiện cơ bản về lịch sử Đảng qua từng giai đoạn và thời kỳ cách mạng trong sự vận động, phát triển và những mối liên hệ nội tại của nó. Trên cơ sở đó so sánh với yêu cầu thực tiễn để phân tích, đánh giá các hoạt động của Đảng; khẳng định những thắng lợi, thành tựu và những sai lầm, khuyết điểm trong quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam; khái quát được các sự kiện và biến cố lịch sử, vạch ra bản chất, khuynh hướng chung và những quy luật khách quan chi phối sự vận động của lịch sử.

Yêu cầu quan trọng trong việc nghiên cứu, biên soạn giáo trình và giảng dạy lịch sử Đảng là phải căn cứ vào các nguồn sử liệu của Đảng, nhất là *Văn kiện Đảng Toàn tập* và *Hồ Chí Minh Toàn tập*. Bởi vì "Với bộ *Văn kiện Đảng Toàn tập*, tất cả những người cần nghiên cứu và sử dụng văn kiện Đảng đều có thể dễ dàng tìm thấy những tài liệu chính thức và xác thực". "Việc xuất bản *Văn kiện Đảng Toàn tập* nhằm cung cấp những tư liệu lịch sử xác thực, có hệ thống cho công tác nghiên cứu lý luận, nghiên cứu và biên soạn lịch sử Đảng". "Công bố các văn kiện Đảng cũng là để cung cấp một nguồn tư liệu chứa đựng những thông tin chân thực, chống lại những luận điệu xuyên tạc, làm cơ sở cho cán bộ, đảng viên và nhân dân hiểu rõ hơn hoạt động của Đảng và phong trào cách mạng của nhân dân, đồng thời cũng giới thiệu với bạn bè quốc tế về lịch sử vẻ vang và những bài học kinh nghiệm của Đảng ta"¹.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, t.1, tr. VI-VII.

Giảng dạy và học tập môn lịch sử Đảng phải chú ý sử dụng phương pháp tích hợp, sử dụng những kiến thức đã biết từ các môn học khác. Phương pháp giảng dạy và học tập ở bậc đại học cần không ngừng phát huy tính chủ đạo của giảng viên và tính chủ động của sinh viên. Điều đáng chú ý là sinh viên có khả năng tự nghiên cứu theo sự hướng dẫn của giảng viên, có yêu cầu kiểm tra tính đúng đắn của các thông tin và khả năng cung cấp cho nhau các tri thức trong quá trình học tập. Trong sự nghiệp đổi mới, việc giảng dạy và học tập môn Lịch sử Đảng cần đổi mới mạnh mẽ về phương pháp để đáp ứng yêu cầu đào tạo.

- Chức năng, nhiệm vụ

Với tư cách là khoa học về những quy luật phát triển và hoạt động lãnh đạo của Đảng, lịch sử Đảng có hai chức năng: chức năng nhận thức khoa học và chức năng giáo dục tư tưởng chính trị.

Chức năng nhận thức khoa học lịch sử có mục đích trước hết là để phục vụ việc cải tạo xã hội theo đúng quy luật phát triển của xã hội Việt Nam như một quá trình lịch sử - tự nhiên. Việc hiểu biết thấu đáo những kiến thức và kinh nghiệm lịch sử Đảng là cơ sở khoa học để có thể dự kiến những xu hướng phát triển chủ yếu của xã hội và những điều kiện lịch sử cụ thể có tác động đến những xu hướng đó. Bằng cách đó, khoa học lịch sử Đảng cùng với các môn khoa học lý luận Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh góp phần tích cực tạo cơ sở lý luận để Đảng vạch ra đường lối, chủ trương, chính sách.

Mặt khác, lịch sử Đảng có chức năng giáo dục tư tưởng chính trị, tham gia vào việc giải quyết những nhiệm vụ hiện tại. Những kiến thức khoa học về các quy luật khách quan của sự phát triển lịch sử cách mạng Việt Nam có tác dụng quan trọng đối với cán bộ, đảng viên, nhân dân trong việc trau dồi thế giới quan, phương pháp luận khoa học, xây dựng niềm tin vào thắng lợi của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng, từ đó có quyết tâm phấn đấu thực hiện đường lối, chủ trương chính sách của Đảng.

Để thực hiện chức năng đó, trong quá trình nghiên cứu, giảng dạy và học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam chúng ta có nhiệm vụ làm rõ những quy luật của cách mạng Việt Nam, nghiên cứu, trình bày các điều kiện lịch sử, các sự kiện và quá trình hình thành, phát triển và hoạt động của Đảng, nổi bật là những nhiệm vụ sau đây:

+ Làm sáng tỏ điều kiện lịch sử, quá trình ra đời tất yếu của Đảng Cộng sản Việt Nam - bộ tham mưu chiến đấu của giai cấp công nhân và dân tộc Việt Nam.

Trong thời gian đầu không phải là toàn bộ giai cấp công nhân đã tiếp thu được chủ nghĩa Mác - Lênin, mà chỉ có một bộ phận tiên tiến nhất tiếp thu được lý luận đó. Bộ phận này đứng ra thành lập đảng cộng sản, do vậy đảng cộng sản là một bộ phận của giai cấp công nhân và giai cấp công nhân thực hiện sứ mệnh lãnh đạo cách mạng thông qua đảng cộng sản là đội tiên phong của mình.

Sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân là quy luật chung cho sự ra đời của các đảng cộng sản trên thế giới. Nhưng sự kết hợp đó không theo một

khuôn mẫu giáo điều, cứng nhắc, mà nó được thực hiện bằng con đường riêng biệt, tùy theo điều kiện cụ thể về không gian và thời gian.

Yêu cầu của cách mạng thuộc địa khác với yêu cầu của cách mạng ở các nước tư bản chủ nghĩa. Đảng cộng sản ở các nước tư bản chủ nghĩa phải lãnh đạo cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản chống giai cấp tư sản, còn đảng cộng sản ở thuộc địa trước hết phải lãnh đạo cuộc đấu tranh dân tộc chống chủ nghĩa thực dân. Vấn đề giai cấp ở thuộc địa phải đặt trong vấn đề dân tộc, đòi hỏi sự vận dụng và phát triển sáng tạo lý luận Mác - Lênin về đảng cộng sản trong điều kiện một nước thuộc địa.

+ Làm rõ quá trình trưởng thành, phát triển của Đảng gắn liền với hoạt động xây dựng một chính đảng cách mạng theo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Khoa học xây dựng Đảng có nhiệm vụ nghiên cứu những quy luật xây dựng đảng, xác định những nguyên tắc, mục đích, yêu cầu; những nguyên lý và hệ thống các biện pháp phải tuân theo để xây dựng một chính đảng cách mạng về chính trị, tư tưởng và tổ chức; hình thành nên lý luận về xây dựng đảng.

Lịch sử Đảng có nhiệm vụ làm rõ những hoạt động cụ thể của Đảng để xây dựng, chỉnh đốn Đảng nhằm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong từng thời kỳ cách mạng. Đó là sự thực hiện các nguyên lý, vận dụng những nguyên tắc, tiến hành các biện pháp để làm cho Đảng trong sạch, vững mạnh, đủ sức lãnh đạo cách mạng. Đương nhiên giữa hai ngành khoa học đó có mối quan hệ mật thiết với nhau.

+ Trình bày quá trình hoạt động lãnh đạo cách mạng của Đảng qua các thời kỳ, các giai đoạn cách mạng trong những bối cảnh lịch sử cụ thể.

Đó là quá trình đi sâu nắm vững phương pháp biện chứng của chủ nghĩa Mác - Lênin, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh phù hợp với bối cảnh quốc tế và thực tiễn của xã hội Việt Nam, để định ra cương lĩnh, vạch ra đường lối, xác định những chủ trương và biện pháp cụ thể cho mỗi giai đoạn cách mạng.

Đó là quá trình đấu tranh về quan điểm tư tưởng trong nội bộ Đảng để xác định một đường lối đúng đắn, đấu tranh bảo vệ đường lối cách mạng của Đảng, chống mọi biểu hiện của tư tưởng hữu khuynh và "tả" khuynh, chống mọi ảnh hưởng của tư tưởng duy ý chí, chủ quan, giáo điều và các loại tư tưởng phi vô sản khác.

Đó cũng là quá trình chỉ đạo và tổ chức quần chúng hành động thực tiễn, giành thắng lợi từng bước tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn, thực hiện triệt để các mục tiêu cơ bản của cách mạng Việt Nam do Đảng vạch ra.

+ Trình bày các phong trào cách mạng của quần chúng do Đảng tổ chức và lãnh đạo.

Nhằm theo những phương hướng cơ bản do Đảng xác định, phong trào cách mạng của quần chúng diễn ra một cách tự giác, hết sức sinh động, phong phú và sáng tạo. Sức sáng tạo của các tổ chức đảng và quần chúng rất lớn. Nó làm cho quyết tâm của Đảng trở thành hành động cách mạng, làm cho đường lối, chủ trương cách mạng của Đảng trở

thành thực tiễn, và do đó, tạo cơ sở cho việc bổ sung, phát triển và hoàn chỉnh đường lối cách mạng của Đảng. Một đường lối cách mạng đúng sẽ được quần chúng nhân dân ủng hộ và quyết tâm thực hiện.

+ *Tổng kết những kinh nghiệm lịch sử Đảng*

Khoa học lịch sử Đảng có nhiệm vụ góp phần tổng kết những kinh nghiệm từ những thành công và không thành công của Đảng trong quá trình lãnh đạo cách mạng, góp phần làm phong phú thêm kho tàng lý luận của Đảng.

3. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu gắn liền với đối tượng nghiên cứu. Chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng. Đường lối chính trị, hoạt động của Đảng là sự biểu hiện cụ thể lý luận đó trong hoàn cảnh Việt Nam với tất cả đặc điểm vốn có của nó. Do đó, chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử và tư tưởng Hồ Chí Minh có ý nghĩa cực kỳ quan trọng đối với khoa học lịch sử nói chung và khoa học lịch sử Đảng nói riêng. Đó là những cơ sở phương pháp luận khoa học để nghiên cứu lịch sử Đảng.

Đảng Cộng sản Việt Nam nhờ có hoạt động lý luận dựa vào chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, đã đi đến nhận thức được những điều kiện khách quan và sự chín muồi của những nhân tố chủ quan của sự phát triển xã hội thông qua hệ thống công tác tổ chức và tư tưởng của Đảng đối với quần chúng.

Do đó, đối với khoa học lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, quan niệm duy vật về lịch sử là chìa khóa để lý giải sự xuất hiện và phát triển của Đảng như là một kết quả tất yếu của lịch sử đấu tranh của nhân dân Việt Nam. Chỉ có đứng trên quan điểm lịch sử mới có thể đánh giá được một cách khoa học các giai đoạn phát triển của Đảng, trên cơ sở làm sáng tỏ địa vị khách quan và vai trò lịch sử của Đảng trong đấu tranh giành độc lập dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, cũng như mới lý giải được rằng lý tưởng cách mạng và những mục tiêu cao cả xuất phát từ lý tưởng đó, mà Đảng đã kiên trì theo đuổi từ ngày mới ra đời không phải là do ý muốn chủ quan của một cá nhân hoặc của một nhóm người tài ba lỗi lạc nào, cũng không phải do "nhập cảng" từ bên ngoài vào, mà xét cho cùng là sự phản ánh khách quan của sự phát triển lịch sử - tự nhiên trong những điều kiện lịch sử nhất định.

Với phương pháp luận khoa học, các nhà sử học chân chính có thể nhận thức được lịch sử một cách chính xác, khoa học. Họ có thể nhận thức và phản ánh đúng hiện thực khách quan khi nghiên cứu bất kỳ một hiện tượng, một quá trình lịch sử nào.

Nghiên cứu lịch sử Đảng đòi hỏi phải quán triệt quan điểm lịch sử cụ thể mới có thể xem xét các sự kiện lịch sử trong những điều kiện và thời điểm cụ thể và trong mối quan hệ giữa chúng với nhau. Việc nắm vững và vận dụng quan điểm lịch sử trong khoa học lịch sử Đảng cho phép lý giải được tính sáng tạo cách mạng trong đường lối, chủ trương của Đảng, cũng như làm rõ được cơ sở phương pháp luận của hoạt động lý luận của Đảng trong quá trình nghiên cứu để quyết định những đường lối, chủ trương.

Khoa học lịch sử Đảng sử dụng những phương pháp nghiên cứu cụ thể của khoa học lịch sử nói chung, như các phương pháp lịch sử và lôgích, đồng đại và lịch đại, phân tích và tổng hợp, quy nạp và diễn dịch, cụ thể hóa và trừu tượng hóa... trong đó quan trọng nhất là phương pháp lịch sử và phương pháp lôgích cùng sự kết hợp hai phương pháp ấy.

Nhiệm vụ đầu tiên của khoa học lịch sử Đảng là phải làm sáng tỏ nội dung các giai đoạn lịch sử đấu tranh của Đảng, với những sự kiện cụ thể sinh động và trong mối liên hệ có tính nhân quả giữa chúng với nhau, cho nên phương pháp được đặt lên hàng đầu trong khoa học lịch sử Đảng là phương pháp lịch sử.

Song nếu phương pháp lịch sử không có sự kết hợp với phương pháp lôgích thì sẽ giảm đi tính chất khái quát của nó, không thể vạch ra được bản chất, khuynh hướng chung và những quy luật khách quan chi phối sự vận động lịch sử.

Hoạt động của Đảng trong quá khứ cơ bản là hoạt động lãnh đạo, lên lịch sử của Đảng chính là lịch sử của sự lãnh đạo cách mạng, lịch sử của hoạt động nhận thức quy luật, đề ra đường lối, chủ trương cách mạng. Hoạt động đó đã được ghi lại, được thể hiện trong các cương lĩnh, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, qua phát ngôn của các lãnh tụ của Đảng. Hoạt động xây dựng Đảng trong lịch sử về tư tưởng và tổ chức cũng được thể hiện qua Điều lệ của Đảng. Do đó, để nghiên cứu lịch sử của Đảng, phương pháp quan trọng có tính đặc thù, bắt buộc là phải nghiên cứu các văn kiện Đảng, nhất là văn kiện các Đại hội và Hội nghị Trung ương. Nắm vững nội dung các văn kiện Đảng sẽ hiểu được đường lối, chủ trương lãnh đạo cách mạng của Đảng trong các thời kỳ lịch sử, tức là nắm được hoạt động chính yếu của Đảng trong quá khứ, hiểu được lịch sử của Đảng.

Tính đúng đắn của sự lãnh đạo của Đảng đã được kiểm nghiệm qua hành động thực tiễn của cán bộ, đảng viên, qua hoạt động của hệ thống chính trị do Đảng tổ chức, qua phong trào cách mạng của quần chúng. Vì vậy, để đánh giá đúng đắn lịch sử của Đảng, rút ra những kinh nghiệm lịch sử phải căn cứ vào phong trào thực tiễn của nhân dân, vào thành bại của cách mạng.

4. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn

Nghiên cứu, học tập, nắm vững tri thức khoa học về lịch sử Đảng có ý nghĩa rất to lớn trong việc giáo dục phẩm chất chính trị, lòng trung thành với lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và dân tộc Việt Nam, tính kiên định cách mạng trước tình hình chính trị quốc tế có những diễn biến phức tạp và trong việc giáo dục đạo đức cách mạng, mà Hồ Chí Minh, người sáng lập và rèn luyện Đảng Cộng sản Việt Nam là một mẫu mực tuyệt vời.

Việc nghiên cứu, học tập lịch sử Đảng cũng có ý nghĩa to lớn trong việc giáo dục về truyền thống cách mạng, về chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc chân chính, về lòng tự hào đối với Đảng và đối với dân tộc Việt Nam; đồng thời còn có tác dụng bồi dưỡng ý chí chiến đấu cách mạng, thôi thúc ở người học ý thức biết noi gương những người đã đi trước, tiếp tục cuộc chiến đấu dũng cảm ngoan cường, thông minh, sáng tạo

để bảo vệ và phát triển những thành quả cách mạng mà Đảng và nhân dân ta đã tốn biết bao xương máu để giành được, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Chương I

Sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam

I. Tình hình thế giới và Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX

1. Tình hình thế giới

Từ nửa sau thế kỷ XIX, chủ nghĩa tư bản phương Tây chuyển nhanh từ giai đoạn tự do cạnh tranh sang giai đoạn độc quyền (giai đoạn đế quốc chủ nghĩa). Nền kinh tế hàng hóa phát triển mạnh, đặt ra yêu cầu bức thiết về thị trường. Đó chính là nguyên nhân sâu xa dẫn tới những cuộc chiến tranh xâm lược các quốc gia phong kiến phương Đông, biến các quốc gia này thành thị trường tiêu thụ sản phẩm hàng hóa, mua bán nguyên vật liệu, khai thác sức lao động và xuất khẩu tư bản của các nước đế quốc. Đến năm 1914, các nước đế quốc Anh, Nga, Pháp, Đức, Mỹ, Nhật chiếm một khu vực thuộc địa rộng 65 triệu km² với số dân 523,4 triệu người (so với diện tích các nước đó là 16,5 triệu km² và dân số 437,2 triệu). Riêng diện tích các thuộc địa của Pháp là 10,6 triệu km² với số dân 55,5 triệu (so với diện tích nước Pháp là 0,5 triệu km² và dân số 39,6 triệu người)¹.

Chủ nghĩa đế quốc xuất khẩu tư bản, đầu tư khai thác thuộc địa đem lại lợi nhuận tối đa cho tư bản chính quốc, trước hết là tư bản lũng đoạn; làm cho quan hệ xã hội của các nước thuộc địa biến đổi một cách căn bản. Các nước thuộc địa bị lôi cuốn vào con đường tư bản thực dân. Sự áp bức và thôn tính dân tộc của chủ nghĩa đế quốc càng tăng thì mâu thuẫn giữa dân tộc thuộc địa thực dân càng gay gắt, sự phản ứng dân tộc của nhân dân các thuộc địa càng quyết liệt. Và chính bản thân chủ nghĩa đế quốc xâm lược, thống trị các thuộc địa lại tạo cho các dân tộc bị chinh phục những phương tiện và phương pháp để tự giải phóng. Sự thức tỉnh về ý thức dân tộc và phong trào đấu tranh dân tộc để tự giải phóng khỏi ách thực dân, lập lại các quốc gia dân tộc độc lập trên thế giới chịu tác động sâu sắc của chính sách xâm lược, thống trị của chủ nghĩa đế quốc thực dân.

Đầu thế kỷ XX, trên phạm vi quốc tế, sự thức tỉnh của các dân tộc châu á cùng với phong trào dân chủ tư sản ở Đông Âu bắt đầu từ Cách mạng 1905 ở Nga đã tạo thành một cao trào thức tỉnh của các dân tộc phương Đông. Hàng trăm triệu người hướng về một cuộc sống mới với ánh sáng tự do.

Năm 1917, Cách mạng Tháng Mười Nga thành công. Đối với nước Nga, đó là cuộc cách mạng vô sản, nhưng đối với các dân tộc thuộc địa trong đế quốc Nga thì đó còn là một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, bởi vì trước cách mạng "nước Nga là nhà tù của các dân tộc". Cuộc cách mạng vô sản ở nước Nga thành công, các dân tộc

1. Xem V.I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Mátxcova, 1980, t.27, tr. 478.

thuộc địa của đế quốc Nga được giải phóng và được hưởng quyền dân tộc tự quyết, kể cả quyền phân lập, hình thành nên các quốc gia độc lập và quyền liên hợp, dẫn đến sự ra đời của Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xôviết (1922). Cách mạng Tháng Mười đã nêu tấm gương sáng về sự giải phóng dân tộc bị áp bức đã "mở ra trước mắt họ thời đại cách mạng chống đế quốc, thời đại giải phóng dân tộc"¹. Nó làm cho phong trào cách mạng vô sản ở các nước tư bản chủ nghĩa phương Tây và phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa phương Đông có quan hệ mật thiết với nhau trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung là chủ nghĩa đế quốc.

Tháng 3-1919, Quốc tế Cộng sản được thành lập. Tại Đại hội II của Quốc tế Cộng sản (1920), *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của V.I. Lênin được công bố. Luận cương nổi tiếng này đã chỉ ra phương hướng đấu tranh giải phóng các dân tộc bị áp bức. Với thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga và sự ra đời của Quốc tế Cộng sản, nhiều đảng cộng sản trên thế giới đã được thành lập.

Tình hình thế giới đầy biến động đó đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến Việt Nam.

2. Sự chuyển biến về kinh tế, xã hội Việt Nam

Trong trào lưu xâm lược thuộc địa của chủ nghĩa tư bản phương Tây, từ năm 1858 thực dân Pháp bắt đầu tiến công quân sự để chiếm Việt Nam. Sau khi đánh chiếm được nước ta, thực dân Pháp thiết lập bộ máy thống trị thực dân và tiến hành những cuộc khai thác nhằm cướp đoạt tài nguyên, bóc lột nhân công rẻ mạt và mở rộng thị trường tiêu thụ hàng hóa.

Từ năm 1897, thực dân Pháp tiến hành chương trình khai thác thuộc địa lần thứ nhất và sau Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918), chúng tiến hành chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai ở Đông Dương với số vốn đầu tư trên quy mô lớn, tốc độ nhanh.

Do sự du nhập của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, tình hình kinh tế Việt Nam có sự biến đổi: quan hệ kinh tế nông thôn bị phá vỡ, hình thành nên những đô thị mới, những trung tâm kinh tế và tụ điểm cư dân mới. Nhưng thực dân Pháp không du nhập một cách hoàn chỉnh phương thức tư bản chủ nghĩa vào nước ta, mà vẫn duy trì quan hệ kinh tế phong kiến. Chúng kết hợp hai phương thức bóc lột tư bản và phong kiến để thu lợi nhuận siêu ngạch. Chính vì thế, nước Việt Nam không thể phát triển lên chủ nghĩa tư bản một cách bình thường được, nền kinh tế Việt Nam bị kìm hãm trong vòng lạc hậu và phụ thuộc nặng nề vào kinh tế Pháp.

Về chính trị, chúng tiếp tục thi hành chính sách chuyên chế với bộ máy đàn áp nặng nề. Mọi quyền hành đều tập trung trong tay các viên quan cai trị người Pháp, từ toàn quyền Đông Dương, thống đốc Nam Kỳ, khâm sứ Trung Kỳ, thống sứ Bắc Kỳ, công sứ các tỉnh, đến các bộ máy quân đội, cảnh sát, toà án...; biến vua quan Nam triều thành bù nhìn, tay sai. Chúng bóp nghẹt tự do, dân chủ, thẳng tay đàn áp, khủng bố, dìm các cuộc đấu tranh của dân ta trong biển máu. Chúng tiếp tục thi hành chính sách

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.8, tr. 562.

chia để trị rất thâm độc, chia nước ta làm ba kỳ, mỗi kỳ đặt một chế độ cai trị riêng và nhập ba kỳ đó với nước Lào và nước Campuchia để lập ra liên bang Đông Dương thuộc Pháp, xóa tên nước ta trên bản đồ thế giới. Chúng gây chia rẽ và thù hận giữa Bắc, Trung, Nam, giữa các tôn giáo, các dân tộc, các địa phương, thậm chí là giữa các dòng họ; giữa dân tộc Việt Nam với các dân tộc trên bán đảo Đông Dương.

Về văn hóa, chúng thi hành triệt để chính sách văn hóa nô dịch, gây tâm lý tự ti, vong bản, khuyến khích các hoạt động mê tín dị đoan, đòi phong bại tục. Mọi hoạt động yêu nước của nhân dân ta đều bị cấm đoán. Chúng tìm mọi cách bưng bít và ngăn chặn ảnh hưởng của nền văn hóa tiến bộ trên thế giới vào Việt Nam và thi hành chính sách ngu dân để dễ bề thống trị.

Các cuộc khai thác thuộc địa của thực dân Pháp ảnh hưởng mạnh mẽ đến tình hình xã hội Việt Nam. Sự phân hoá giai cấp diễn ra ngày càng sâu sắc hơn.

Giai cấp địa chủ phong kiến đã tồn tại hơn ngàn năm. Chủ nghĩa tư bản thực dân được đưa vào Việt Nam và trở thành yếu tố bao trùm, song vẫn không xóa bỏ mà vẫn bảo tồn và duy trì giai cấp địa chủ để làm cơ sở cho chế độ thuộc địa. Tuy nhiên, do chính sách kinh tế và chính trị phản động của thực dân Pháp, giai cấp địa chủ càng bị phân hóa thành ba bộ phận khá rõ rệt: tiểu, trung và đại địa chủ. Có một số địa chủ bị phá sản. Vốn sinh ra và lớn lên trong một quốc gia dân tộc có truyền thống yêu nước chống ngoại xâm, lại bị chính sách thống trị tàn bạo về chính trị, chèn ép về kinh tế, nên một bộ phận không nhỏ tiểu và trung địa chủ không chịu nổi nhục mất nước, có mâu thuẫn với đế quốc về quyền lợi dân tộc nên đã tham gia đấu tranh chống thực dân và bọn phản động tay sai.

Giai cấp nông dân chiếm khoảng 90% dân số. Họ bị đế quốc, phong kiến địa chủ và tư sản áp bức, bóc lột rất nặng nề. Ruộng đất của nông dân đã bị bọn tư bản thực dân chiếm đoạt. Chính sách độc quyền kinh tế, mua rẻ bán đắt, tô cao, thuế nặng, chế độ cho vay nặng lãi... của đế quốc và phong kiến đã đẩy nông dân vào con đường bán cùng hóa không lối thoát. Một số ít bán sức lao động, làm thuê trong các nhà máy, hầm mỏ, đồn điền hoặc bị bắt đi làm phu tại các thuộc địa khác của đế quốc Pháp. Còn số đông vẫn phải gắn vào đồng ruộng và gánh chịu sự bóc lột vô cùng nặng nề ngay trên mảnh đất mà trước đây là sở hữu của chính họ.

Vì bị mất nước và mất ruộng đất nên nông dân có mâu thuẫn với đế quốc và phong kiến, đặc biệt sâu sắc nhất với đế quốc và bọn tay sai phản động. Họ vừa có yêu cầu độc lập dân tộc, lại vừa có yêu cầu ruộng đất, song yêu cầu về độc lập dân tộc là bức thiết nhất. Giai cấp nông dân có truyền thống đấu tranh kiên cường bất khuất là lực lượng to lớn nhất, một động lực cách mạng mạnh mẽ. Giai cấp nông dân khi được tổ chức lại và có sự lãnh đạo của một đội tiên phong cách mạng, sẽ phát huy vai trò cực kỳ quan trọng của mình trong sự nghiệp đấu tranh vì độc lập tự do của dân tộc Việt Nam.

Giai cấp tư sản hình thành trong quá trình khai thác thuộc địa của thực dân Pháp. Trước Chiến tranh thế giới thứ nhất, tư sản Việt Nam mới chỉ là một tầng lớp nhỏ bé. Sau chiến tranh, tư sản Việt Nam đã hình thành giai cấp rõ rệt. Ra đời trong điều kiện bị

tư bản Pháp chèn ép, cạnh tranh rất gay gắt, nên số lượng tư sản Việt Nam không nhiều, thế lực kinh tế nhỏ bé, thế lực chính trị yếu đuối.

Trong quá trình phát triển, giai cấp tư sản Việt Nam phân thành hai bộ phận:

Tư sản mại bản là những tư sản lớn, hợp tác kinh doanh với đế quốc, bao thầu những công trình xây dựng của chúng ở nước ta. Nhiều tư sản mại bản có đồn điền lớn hoặc có nhiều ruộng đất cho phát canh, thu tô. Vì có quyền lợi kinh tế và chính trị gắn liền với đế quốc thực dân, nên tư sản mại bản là tầng lớp đối lập với dân tộc.

Tư sản dân tộc là bộ phận đông nhất trong giai cấp tư sản, bao gồm những tư sản loại vừa và nhỏ, thường hoạt động trong các ngành thương nghiệp, công nghiệp và cả tiểu thủ công nghiệp. Họ muốn phát triển chủ nghĩa tư bản của dân tộc Việt Nam, nhưng do chính sách độc quyền và chèn ép của tư bản Pháp nên không thể phát triển được. Xét về mặt quan hệ với đế quốc Pháp, tư sản dân tộc phải chịu số phận mất nước, có mâu thuẫn về quyền lợi với bọn đế quốc thực dân và phong kiến, nên họ có tinh thần chống đế quốc và phong kiến. Giai cấp tư sản dân tộc là một lực lượng cách mạng không thể thiếu trong phong trào cách mạng giải phóng dân tộc.

Giai cấp tiểu tư sản bao gồm nhiều bộ phận khác nhau: tiểu thương, tiểu chủ, thợ thủ công, viên chức, trí thức, học sinh, sinh viên và những người làm nghề tự do. Giữa những bộ phận đó có sự khác nhau về kinh tế và cách sinh hoạt, nhưng nhìn chung, địa vị kinh tế của họ rất bấp bênh, luôn luôn bị đe dọa phá sản, thất nghiệp. Họ có tinh thần yêu nước nồng nàn, lại bị đế quốc và phong kiến áp bức, bóc lột và khinh rẻ nên rất hăng hái cách mạng. Đặc biệt là tầng lớp trí thức là tầng lớp rất nhạy cảm với thời cuộc, dễ tiếp xúc với những tư tưởng tiên bộ và canh tân đất nước, tha thiết bảo vệ những giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc. Khi phong trào quần chúng công nông đã thức tỉnh, họ bước vào trận chiến đấu giải phóng dân tộc ngày một đông đảo và đóng một vai trò quan trọng trong phong trào đấu tranh của quần chúng, nhất là ở đô thị. Giai cấp tiểu tư sản là một lực lượng cách mạng quan trọng trong cuộc đấu tranh vì độc lập tự do của dân tộc.

Giai cấp công nhân là sản phẩm trực tiếp của chính sách khai thác thuộc địa của Pháp và nằm trong những mạch máu kinh tế quan trọng do chúng nắm giữ. Lớp công nhân đầu tiên xuất hiện vào cuối thế kỷ XIX, khi thực dân Pháp xây dựng một số cơ sở công nghiệp và thành phố phục vụ cho việc xâm lược và bình định của chúng ở nước ta. Trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của đế quốc Pháp, giai cấp công nhân đã hình thành. Đến cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai, giai cấp công nhân đã phát triển nhanh chóng về số lượng, từ 10 vạn (năm 1914) tăng lên hơn 22 vạn (năm 1929), trong đó có hơn 53.000 công nhân mỏ (60% là công nhân mỏ than), và 81.200 công nhân đồn điền.

Giai cấp công nhân Việt Nam tuy còn non trẻ, số lượng chỉ chiếm khoảng 1% số dân, trình độ học vấn, kỹ thuật thấp, nhưng sống khá tập trung tại các thành phố, các trung tâm công nghiệp và các đồn điền.

Giai cấp công nhân Việt Nam có những đặc điểm chung của giai cấp công nhân

quốc tế, đồng thời còn có những điểm riêng của mình như: phải chịu ba tầng lớp áp bức bóc lột (đế quốc, phong kiến và tư sản bản xứ); phần lớn vừa mới từ nông dân bị bán rơm rã mà ra, nên có mối quan hệ gần gũi nhiều mặt với nông dân. Giai cấp công nhân Việt Nam ra đời trước giai cấp tư sản dân tộc, nên nội bộ thuần nhất, không bị phân tán về lực lượng và sức mạnh. Sinh ra và lớn lên ở một đất nước có nhiều truyền thống văn hóa tốt đẹp, nhất là truyền thống yêu nước chống ngoại xâm, sớm tiếp thu được tinh hoa văn hóa tiên tiến trong trào lưu tư tưởng của thời đại cách mạng vô sản để bồi dưỡng bản chất cách mạng của mình.

Giai cấp công nhân Việt Nam là một lực lượng xã hội tiên tiến, đại diện cho phương thức sản xuất mới, tiến bộ, có ý thức tổ chức kỷ luật cao, có tinh thần cách mạng triệt để, lại mang bản chất quốc tế. Họ là một động lực cách mạng mạnh mẽ và khi liên minh được với giai cấp nông dân và tiểu tư sản sẽ trở thành cơ sở vững chắc cho khối đại đoàn kết dân tộc trong cuộc đấu tranh vì độc lập tự do. Khi được tổ chức lại và hình thành được một đảng tiên phong cách mạng được vũ trang bằng một học thuyết cách mạng triệt để là chủ nghĩa Mác - Lênin thì giai cấp công nhân trở thành người lãnh đạo cuộc đấu tranh vì độc lập tự do của dân tộc.

Tóm lại, chính sách thống trị của thực dân Pháp đối với Việt Nam và cả Đông Dương nói chung là một chính sách thống trị chuyên chế về chính trị, bóc lột nặng nề về kinh tế nhằm đem lại lợi nhuận tối đa về kinh tế, kìm hãm và nô dịch về văn hóa, giáo dục, chứ không phải đem đến cho nhân dân một sự "khai hoá văn minh" - một sự khai hoá và cải tạo thực sự theo kiểu phương Tây. Bản chất của "sứ mạng khai hoá" đó chính là sự khai thác thuộc địa diễn ra dưới lưỡi lê, họng súng, máy chém, v.v.. Hồ Chí Minh từng nói về "nhà khai hoá" như sau: "Khi người ta đã là một nhà khai hoá thì người ta có thể làm những việc dã man mà vẫn cứ là người văn minh nhất"¹. Và nếu dân bản xứ không chịu nhục được, phải vùng lên, thì các nhà khai hoá "điều quân đội, súng liên thanh, súng cối và tàu chiến đến, người ta ra lệnh giới nghiêm. Người ta bắt bớ và bỏ tù hàng loạt. Đấy! Công cuộc khai hoá nhân từ là như thế đấy!"².

Nước Việt Nam đã có những biến chuyển sâu sắc về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Việt Nam từ một xã hội phong kiến thuần túy đã biến thành một xã hội thuộc địa. Mặc dù thực dân còn duy trì một phần tính chất phong kiến, song khi đã thành thuộc địa thì tất cả các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và giai cấp ở Việt Nam đều bị đặt trong quỹ đạo chuyển động của xã hội đó.

Trong lòng chế độ thuộc địa của thực dân Pháp ở Việt Nam đã hình thành những mâu thuẫn đan xen nhau, song mâu thuẫn cơ bản và chủ yếu là mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp và tay sai phản động. Sự thống trị, áp bức và bóc lột càng tăng thì mâu thuẫn đó càng sâu sắc, sự phản kháng và đấu tranh vì sự tồn vong của dân tộc càng phát triển mạnh mẽ, gay gắt về tính chất, đa dạng về nội dung và hình thức. Trái lại, sự xung đột, đấu tranh về quyền lợi riêng của mỗi giai cấp trong nội bộ dân tộc được giảm thiểu và không quyết liệt như cuộc đấu tranh dân tộc. Hồ Chí Minh

1, 2. *Sđd*, 2002, t.2, tr. 56, 115.

đã vạch rõ vấn đề này từ năm 1924 rằng: "Cuộc đấu tranh giai cấp không diễn ra giống như ở phương Tây... Sự xung đột về quyền lợi của họ được giảm thiểu. Điều đó, không thể chối cãi được"³.

II. Các phong trào yêu nước ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX

1. Các phong trào yêu nước theo khuynh hướng phong kiến và tư sản

Cuối thế kỷ XIX, mặc dù triều đình phong kiến nhà Nguyễn ký các Hiệp ước ácmăng (Harmand) năm 1883 và Patonôt (Patenôtre) năm 1884, đầu hàng thực dân Pháp, song phong trào chống thực dân Pháp xâm lược vẫn diễn ra. Phong trào *Cần Vương* (1885-1896), một phong trào đấu tranh vũ trang do Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết phát động, đã mở cuộc tiến công trại lính Pháp ở cạnh kinh thành Huế (1885). Việc không thành, Tôn Thất Thuyết đưa Hàm Nghi chạy ra Tân Sở (Quảng Trị), hạ chiếu *Cần Vương*. Mặc dù sau đó Hàm Nghi bị bắt, nhưng phong trào Cần Vương vẫn phát triển, nhất là ở Bắc Kỳ và Bắc Trung Kỳ, tiêu biểu là các cuộc khởi nghĩa: *Ba Đình* của Phạm Bành và Đinh Công Tráng (1881-1887), *Bãi Sậy* của Nguyễn Thiện Thuật (1883-1892) và *Hương Khê* của Phan Đình Phùng (1885-1895). Cùng thời gian này còn nổ ra cuộc khởi nghĩa nông dân *Yên Thế* do Hoàng Hoa Thám lãnh đạo, kéo dài đến năm 1913.

Thất bại của phong trào Cần Vương chứng tỏ sự bất lực của hệ tư tưởng phong kiến trong việc giải quyết nhiệm vụ giành độc lập dân tộc do lịch sử đặt ra.

Đầu thế kỷ XX, Phan Bội Châu chủ trương dựa vào sự giúp đỡ bên ngoài, chủ yếu là Nhật Bản, để đánh Pháp giành độc lập dân tộc, thiết lập một nhà nước theo mô hình quân chủ lập hiến của Nhật. Ông lập ra Hội Duy tân (1904), tổ chức phong trào Đông Du (1906-1908). Chủ trương dựa vào đế quốc Nhật để chống đế quốc Pháp không thành, ông về Xiêm nằm chờ thời. Giữa lúc đó Cách mạng Tân Hợi bùng nổ và thắng lợi (1911). Ông về Trung Quốc lập ra Việt Nam Quang phục Hội (1912) với ý định tập hợp lực lượng rồi kéo quân về nước võ trang bạo động đánh Pháp, giải phóng dân tộc, nhưng rồi cũng không thành công.

Phan Châu Trinh chủ trương dùng những cải cách văn hóa, mở mang dân trí, nâng cao dân khí, phát triển kinh tế theo hướng tư bản chủ nghĩa trong khuôn khổ hợp pháp, làm cho dân giàu, nước mạnh, buộc thực dân Pháp phải trao trả độc lập cho nước Việt Nam. ở Bắc Kỳ, có việc mở trường học, giảng dạy và học tập theo những nội dung và phương pháp mới, tiêu biểu là trường Đông Kinh nghĩa thực Hà Nội. ở Trung Kỳ, có cuộc vận động Duy tân, hô hào thay đổi phong tục, nếp sống, kết hợp với phong trào đấu tranh chống thuế (1908).

Do những hạn chế về lịch sử, về giai cấp, nên Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh,

³. *Sđd*, 2002, t.1, tr. 464.

cũng như các sĩ phu cấp tiến lãnh đạo phong trào yêu nước đầu thế kỷ XX không thể tìm được một phương hướng giải quyết chính xác cho cuộc đấu tranh giải phóng của dân tộc, nên chỉ sau một thời kỳ phát triển đã bị kẻ thù dập tắt.

Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất mặc dù còn nhiều hạn chế về số lượng, về thế lực kinh tế và chính trị, nhưng với tinh thần dân tộc, dân chủ, giai cấp tư sản Việt Nam đã bắt đầu vươn lên vũ đài đấu tranh với thực dân Pháp bằng một số cuộc đấu tranh cụ thể với những hình thức khác nhau.

- Năm 1919-1923, *Phong trào quốc gia cải lương* của bộ phận tư sản và địa chủ lớp trên đã diễn ra bằng việc vận động chấn hưng nội hoá bài trừ ngoại hoá; chống độc quyền thương cảng Sài Gòn; chống độc quyền khai thác lúa gạo ở Nam Kỳ; đòi thực dân Pháp phải mở rộng các viện dân biểu cho tư sản Việt Nam tham gia.

Năm 1923 xuất hiện *Đảng Lập hiến* của Bùi Quang Chiêu ở Sài Gòn, tập hợp tư sản và địa chủ lớp trên. Họ cũng đưa ra một số khẩu hiệu đòi tự do dân chủ để lôi kéo quần chúng. Nhưng khi bị thực dân Pháp đàn áp hoặc nhân nhượng cho một số quyền lợi thì họ lại đi vào con đường thỏa hiệp.

- Năm 1925-1926 đã diễn ra *Phong trào yêu nước dân chủ công khai* của tiểu tư sản thành thị và tư sản lớp dưới. Họ lập ra nhiều tổ chức chính trị như: *Việt Nam Nghĩa đoàn*, *Phục Việt (1925)*, *Hưng Nam*, *Thanh niên cao vọng (1926)*; thành lập nhiều nhà xuất bản như *Nam Đồng thư xã (Hà Nội)*, *Cường học thư xã (Sài Gòn)*, *Quan hải tùng thư (Huế)*; ra nhiều báo chí tiên bộ như *Chuông rạn (La Cloche fêlée)*, *Người nhà quê (Le Nhaque)*, *An Nam trẻ (La jeune Annam)*... Có nhiều phong trào đấu tranh chính trị gây tiếng vang khá lớn như đấu tranh đòi thả Phan Bội Châu (1925), lễ truy điệu và để tang Phan Châu Trinh, đấu tranh đòi thả nhà yêu nước Nguyễn An Ninh (1926). Cùng với phong trào đấu tranh chính trị, tiểu tư sản Việt Nam còn tiến hành một cuộc vận động văn hóa tiên bộ, tuyên truyền rộng rãi những tư tưởng tự do dân chủ. Tuy nhiên, càng về sau, cùng sự thay đổi của điều kiện lịch sử, phong trào trên đây ngày càng bị phân hoá mạnh. Có bộ phận đi sâu hơn nữa vào khuynh hướng chính trị tư sản (như Nam Đồng thư xã), có bộ phận chuyển dần sang quỹ đạo cách mạng vô sản (tiêu biểu là Phục Việt, Hưng Nam).

- Năm 1927-1930 *Phong trào cách mạng quốc gia tư sản* gắn liền với sự ra đời và hoạt động của Việt Nam Quốc dân Đảng (25-12-1927). Cội nguồn Đảng này là Nam Đồng thư xã, lãnh tụ là Nguyễn Thái Học, Phạm Tuấn Tài, Nguyễn Khắc Nhu và Phó Đức Chính. Đây là tổ chức chính trị tiêu biểu nhất của khuynh hướng tư sản ở Việt Nam, tập hợp các thành phần tư sản, tiểu tư sản, địa chủ và cả hạ sĩ quan Việt Nam trong quân đội Pháp.

Về tư tưởng, Việt Nam quốc dân Đảng mô phỏng theo chủ nghĩa Tam Dân của Tôn Trung Sơn. Về chính trị, Việt Nam quốc dân Đảng chủ trương đánh đuổi đế quốc, xóa bỏ chế độ vua quan, thành lập dân quyền, nhưng chưa bao giờ có một đường lối chính trị cụ thể, rõ ràng. Về tổ chức, Việt Nam quốc dân Đảng chủ trương xây dựng các cấp từ Trung ương đến cơ sở, nhưng cũng chưa bao giờ có một hệ thống tổ chức

thống nhất.

Ngày 9-2-1929, một số đảng viên của Việt Nam Quốc dân Đảng ám sát tên trùm mộ phu Badan (Bazin) tại Hà Nội. Thực dân Pháp điên cuồng khủng bố phong trào yêu nước. Việt Nam Quốc dân Đảng bị tổn thất nặng nề nhất. Trong tình thế hết sức bị động, các lãnh tụ của Đảng quyết định dốc toàn bộ lực lượng vào một trận chiến đấu cuối cùng với tư tưởng “không thành công cũng thành nhân”.

Ngày 9-2-1930, cuộc khởi nghĩa Yên Bái bùng nổ, trung tâm là thị xã Yên Bái với cuộc tiến công trại lính Pháp của quân khởi nghĩa. ở một số địa phương như Thái Bình, Hải Dương... cũng có những hoạt động phối hợp.

Khởi nghĩa Yên Bái nổ ra khi chưa có thời cơ, vì thế nó nhanh chóng bị thực dân Pháp dập trong biển máu. Các lãnh tụ của Việt Nam quốc dân Đảng cùng hàng ngàn chiến sĩ yêu nước bị bắt và bị kết án tử hình. Trước khi bước lên đoạn đầu đài họ hô vang khẩu hiệu "Việt Nam vạn tuế". Vai trò của Việt Nam Quốc dân Đảng trong phong trào dân tộc ở Việt Nam chấm dứt cùng với sự thất bại của khởi nghĩa Yên Bái.

Nhìn chung, các phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản ở Việt Nam đã diễn ra liên tục, sôi nổi, lôi cuốn đông đảo quần chúng tham gia với những hình thức đấu tranh phong phú, thể hiện ý thức dân tộc, tinh thần chống đế quốc của giai cấp tư sản Việt Nam, nhưng cuối cùng đều thất bại vì giai cấp tư sản Việt Nam rất nhỏ yếu cả về kinh tế và chính trị nên không đủ sức giương cao ngọn cờ lãnh đạo sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Mặc dù thất bại nhưng các phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản đã góp phần cổ vũ mạnh mẽ tinh thần yêu nước của nhân dân ta, bồi đắp thêm cho chủ nghĩa yêu nước Việt Nam, đặc biệt góp phần thúc đẩy những nhà yêu nước, nhất là lớp thanh niên trí thức có khuynh hướng dân chủ tư sản chọn lựa một con đường mới, một giải pháp cứu nước, giải phóng dân tộc theo xu thế của thời đại và nhu cầu mới của nhân dân Việt Nam.

2. Nguyễn ái Quốc tìm đường giải phóng dân tộc và sự phát triển phong trào yêu nước theo khuynh hướng vô sản

Trước yêu cầu cấp bách phải tìm một con đường cứu nước mới, bằng thiên tài trí tuệ và nhãn quan chính trị sắc bén, tháng 6-1911 Nguyễn ái Quốc đã lên đường sang các nước phương Tây, nơi có khoa học - kỹ thuật phát triển và những tư tưởng dân chủ tự do, xem họ làm như thế nào, để rồi trở về nước giúp đồng bào cởi ách xiềng xích nô lệ.

Với tên gọi Văn Ba, Người đã qua nhiều quốc gia trên thế giới, nhất là các nước tư bản phát triển như Mỹ, Pháp, Anh. Người nghiên cứu lý luận và khảo sát thực tiễn cách mạng đã có trên thế giới như cách mạng Mỹ, cách mạng Pháp, đồng thời tham gia lao động và đấu tranh trong hàng ngũ giai cấp công nhân và nhân dân lao động thuộc đủ các màu da. Người nhận thấy các cuộc cách mạng tư sản Mỹ và Pháp "chưa đến nơi" vì quần chúng nhân dân vẫn đói khổ.

Vào cuối năm 1917, giữa lúc Chiến tranh thế giới thứ nhất sắp kết thúc, Người trở

lại nước Pháp. Tại đây, Người lao vào cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân Pháp, tham gia Đảng Xã hội Pháp, lập ra *Hội những người Việt Nam yêu nước* với tờ báo *Việt Nam hồn* để tuyên truyền giáo dục Việt kiều ở Pháp. Trong những ngày hoạt động cách mạng sôi nổi đó, cuộc Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 bùng nổ làm chấn động toàn cầu. Với sự nhạy cảm chính trị đặc biệt, Người hướng đến ánh sáng của Cách mạng Tháng Mười và chịu ảnh hưởng sâu sắc tư tưởng của cuộc cách mạng vĩ đại đó.

Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, các nước đế quốc thắng trận họp Hội nghị Vécxay (1919) để phân chia quyền lợi. Thay mặt những người Việt Nam yêu nước sống ở Pháp, Người lấy tên là Nguyễn ái Quốc đưa đến Hội nghị này bản yêu sách đòi các quyền tự do, dân chủ và bình đẳng của dân tộc Việt Nam. Bản yêu sách đó không được Hội nghị Vécxay chú ý đến, nhưng được báo chí tiến bộ Pháp công bố rộng rãi và gây ảnh hưởng chính trị vang dội. Đó là đòn tiến công trực diện đầu tiên của Nguyễn ái Quốc vào bọn trùm đế quốc. Kết luận quan trọng mà Nguyễn ái Quốc rút ra là: Những lời tuyên bố dân tộc tự quyết của bọn đế quốc chỉ là trò bịp bợm; các dân tộc bị áp bức muốn được độc lập tự do thực sự, trước hết phải dựa vào lực lượng của bản thân mình, phải tự mình giải phóng cho mình.

Sau Cách mạng Tháng Mười Nga, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế phát triển mạnh mẽ. Quốc tế Cộng sản do Lênin đứng đầu thành lập (1919) và tuyên bố kiên quyết ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc ở các nước phương Đông. Tháng 7-1920, Nguyễn ái Quốc được đọc *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lênin. Bản Luận cương đó đã đáp ứng đúng nguyện vọng tha thiết mà Nguyễn ái Quốc đang ấp ủ: độc lập cho Tổ quốc, tự do cho đồng bào. Sau này Người viết: "Luận cương của Lênin làm cho tôi rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao! Tôi vui mừng đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo: "Hỡi đồng bào bị đọa đầy đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta!"

Từ đó tôi hoàn toàn tin theo Lênin, tin theo Quốc tế thứ ba"¹.

Cuộc hành trình dài ngày, qua nhiều đại dương và lục địa là một cuộc khảo sát vô cùng phong phú, đã đem lại cho Nguyễn ái Quốc một tình cảm cách mạng sâu sắc, một vốn tri thức lớn, làm cơ sở cho Người đi đến một khám phá, một sự lựa chọn chính xác con đường giải phóng dân tộc trong thời đại mới.

Tháng 12-1920, tại Đại hội Đảng Xã hội Pháp họp ở Tua (Tours) đã nảy ra cuộc tranh luận gay gắt về việc gia nhập Quốc tế thứ ba hay ở lại Quốc tế thứ hai. Nguyễn ái Quốc bỏ phiếu tán thành gia nhập Quốc tế thứ ba và tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp. Sự kiện đó đánh dấu bước ngoặt quyết định trong cuộc đời hoạt động của Người, từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa cộng sản; mở đường giải quyết đúng đắn về đường lối giải phóng dân tộc của Việt Nam. Bằng thiên tài trí tuệ và hoạt động cách mạng của mình, Nguyễn ái Quốc đã kịp thời đáp ứng nhu cầu bức thiết của lịch sử. Vượt qua sự hạn chế về tư tưởng của các sĩ phu và của các nhà cách mạng có xu hướng tư sản đương

1. *Sđd*, 2002, t.10, tr. 127.

thời, Nguyễn ái Quốc đã đến với học thuyết cách mạng của chủ nghĩa Mác-Lênin và lựa chọn con đường cách mạng vô sản... Người nói: "*Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản*"¹.

Từ khi trở thành người cộng sản, cùng với việc thực hiện những nhiệm vụ đối với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, Nguyễn ái Quốc xúc tiến mạnh mẽ việc nghiên cứu lý luận giải phóng dân tộc theo học thuyết cách mạng vô sản của chủ nghĩa Mác - Lênin để truyền bá vào nước ta, từng bước chuẩn bị về tư tưởng, chính trị và tổ chức cho việc thành lập chính đảng cộng sản ở Việt Nam.

Năm 1921, nhờ sự giúp đỡ của Đảng Cộng sản Pháp, Nguyễn ái Quốc cùng một số chiến sĩ cách mạng ở nhiều nước thuộc địa của Pháp lập ra *Hội liên hiệp thuộc địa* nhằm tập hợp tất cả những người ở thuộc địa sống trên đất Pháp đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân. Hội quyết định xuất bản tờ báo *Người cùng khổ* (Le Paria), do Nguyễn ái Quốc làm chủ nhiệm kiêm chủ bút...

Cuối năm 1921, tại Đại hội lần thứ nhất của Đảng Cộng sản Pháp họp ở Mácxây, Nguyễn ái Quốc trình bày dự thảo nghị quyết về vấn đề "Chủ nghĩa cộng sản và các thuộc địa" và kiến nghị thành lập Ban Nghiên cứu thuộc địa trực thuộc ủy ban Trung ương Đảng Cộng sản Pháp. Kiến nghị đó được Đại hội chấp nhận. Năm 1922, Ban Nghiên cứu thuộc địa được thành lập, Nguyễn ái Quốc được cử làm trưởng tiểu ban nghiên cứu về vấn đề Đông Dương.

Nguyễn ái Quốc viết nhiều bài đăng trên các báo *Người cùng khổ* (Le Paria), *Nhân đạo* (L' Humanité) của Đảng Cộng sản Pháp, *Đời sống công nhân* (La Vie ouvrière) của Tổng Liên đoàn Lao động Pháp. Người viết tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp* (Le Procès de la colonisation Française) và được xuất bản lần đầu tiên ở Pari năm 1925. Bằng những dẫn chứng cụ thể, sinh động, tác phẩm đã tố cáo trước dư luận Pháp và thế giới những tội ác tày trời của bọn thực dân Pháp đối với các nước thuộc địa. "Chủ nghĩa tư bản là một con đĩa có một cái vòi bám vào giai cấp vô sản ở chính quốc và một cái vòi khác bám vào giai cấp vô sản ở các thuộc địa. Nếu người ta muốn giết con vật ấy, người ta phải đồng thời cắt cả hai vòi. Nếu người ta chỉ cắt một vòi thôi, thì cái vòi kia vẫn tiếp tục hút máu của giai cấp vô sản; con vật vẫn tiếp tục sống và cái vòi bị cắt đứt lại sẽ mọc ra"¹.

Chủ nghĩa đế quốc là kẻ thù chung của giai cấp công nhân ở "chính quốc" và nhân dân lao động ở các thuộc địa. Cách mạng giải phóng dân tộc và cách mạng vô sản ở các nước "chính quốc" có mối quan hệ hữu cơ với nhau. Phải thực hiện sự hợp tác chặt chẽ với nhau để chống kẻ thù chung, vì chỉ có sự hợp tác này mới bảo đảm cho giai cấp công nhân quốc tế giành được thắng lợi cuối cùng.

Nhân dân các dân tộc thuộc địa có khả năng cách mạng to lớn. Phải "làm cho các dân tộc thuộc địa, từ trước đến nay vẫn cách biệt nhau, hiểu biết nhau hơn và đoàn kết lại để đặt cơ sở cho một Liên minh phương Đông tương lai, khối liên minh này sẽ là

1. *Sđd*, 2002, t.9, tr. 314.

1. *Sđd*, 2002, t.1, tr. 298.

một trong những cái cánh của cách mạng vô sản"².

Các dân tộc thuộc địa có sẵn trong bản thân mình một sức mạnh vô cùng to lớn. Khi hàng triệu quần chúng ở các nước thuộc địa đã hiểu được giá trị của đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế và quyết tâm vùng lên chiến đấu thì chủ nghĩa đế quốc nhất định bị đánh đổ.

Bản án chế độ thực dân Pháp đã vạch trần bản chất phản động của đế quốc Pháp đối với các nước thuộc địa, thức tỉnh tinh thần dân tộc, hướng nhân dân các nước thuộc địa tới con đường giải phóng dân tộc của thời đại cách mạng vô sản. Vận dụng công thức của C. Mác: Công cuộc giải phóng của anh em (thuộc địa) chỉ có thể thực hiện được bằng sự nỗ lực của bản thân anh em, và góp phần vào việc thực hiện sự liên minh giữa giai cấp công nhân, nhân dân lao động Pháp với các dân tộc thuộc địa nhằm đánh đổ kẻ thù chung là chủ nghĩa đế quốc Pháp.

Nhân dân ta, trước hết là những tiểu tư sản trí thức yêu nước, tiến bộ, nhờ tác phẩm đó và các bài viết khác của Nguyễn ái Quốc trong thời kỳ ấy mà hướng tới con đường cách mạng của Người để đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam.

Tháng 6-1923, Nguyễn ái Quốc rời Pháp đi Mátxcova để tham dự Hội nghị Quốc tế nông dân, đồng thời trực tiếp học tập nghiên cứu kinh nghiệm Cách mạng Tháng Mười và chủ nghĩa Lênin. Người viết nhiều bài cho báo *Sự thật* của Đảng Cộng sản Liên Xô và tạp chí *Thư tín quốc tế* của Quốc tế Cộng sản. Năm 1924, Người tham gia Đại hội V của Quốc tế Cộng sản và các đại hội của Quốc tế Công hội đỏ, Quốc tế Phụ nữ, Quốc tế Thanh niên, Quốc tế Cứu tế đỏ. Trong hai bản tham luận quan trọng đọc tại Hội nghị Quốc tế nông dân và Đại hội lần thứ V của Quốc tế Cộng sản, Nguyễn ái Quốc đã đề cập hai vấn đề lớn sau:

1. Tăng cường mối quan hệ giữa phong trào công nhân ở các nước đế quốc với phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa.
2. Vấn đề nông dân ở các nước thuộc địa.

Người thẳng thắn phê bình một số đảng cộng sản ở các nước tư bản chủ nghĩa đã coi nhẹ vấn đề thuộc địa, chưa biết kết hợp phong trào cách mạng ở chính quốc và cách mạng ở các nước thuộc địa để thành lập một mặt trận đấu tranh chung. Đối với vấn đề nông dân, Người chỉ rõ rằng: Nông dân bị áp bức bóc lột nặng nề, nạn đói luôn luôn xảy ra, sự phẫn uất ngày càng lên cao. "Sự nổi dậy của nông dân bản xứ đã chín muồi. Trong nhiều nước thuộc địa, họ đã vài lần nổi dậy, nhưng lần nào cũng bị dìm trong máu. Nếu hiện nay nông dân vẫn còn ở trong tình trạng tiêu cực, thì nguyên nhân là vì họ còn thiếu tổ chức, thiếu người lãnh đạo. Quốc tế Cộng sản cần phải giúp đỡ họ tổ chức lại, cần phải cung cấp cán bộ lãnh đạo cho họ và chỉ cho họ con đường đi tới cách mạng và giải phóng"¹.

2. *Sđd*, 2002, t.2, tr. 124.

1. *Sđd*, 2002, t.1, tr. 289.

Ngày 11-11-1924, Nguyễn ái Quốc đến Quảng Châu (Trung Quốc). Tại đây Người cùng các nhà cách mạng Trung Quốc, Triều Tiên, Ấn Độ, Thái Lan, Indônêxia, Malaixia, v.v., thành lập *Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức*.

Tháng 6-1925, Người sáng lập *Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên*, hạt nhân là *Cộng sản đoàn*. Cơ quan tuyên truyền của Hội là tuần báo *Thanh niên*. Đây là một bước chuẩn bị có ý nghĩa quyết định về mặt tổ chức cho sự ra đời Đảng Cộng sản Việt Nam. Từ năm 1925-1927, Người mở nhiều lớp huấn luyện chính trị tại Quảng Châu, đào tạo một đội ngũ cán bộ cho cách mạng Việt Nam. Sau các khoá học một số được chọn đi học ở trường Đại học Phương Đông của Quốc tế Cộng sản, một số được cử đi học trường quân sự Hoàng Phố, còn phần lớn trở về nước để "truyền bá lý luận giải phóng dân tộc, và tổ chức nhân dân"².

Đầu năm 1927, những bài giảng của Nguyễn ái Quốc cho các lớp đào tạo cán bộ tại Quảng Châu được Bộ Tuyên truyền của Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức xuất bản thành sách với tên gọi là *Đường cách mệnh*. Trong tác phẩm này, Nguyễn ái Quốc vạch ra những phương hướng cơ bản về chiến lược và sách lược của cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam.

Người nêu chân lý "muốn sống, phải làm cách mệnh", "cách mệnh là việc chung của cả dân chúng chứ không phải là việc của một hai người". Việc giải phóng dân tộc, chủ yếu là do nhân dân ta tự làm lấy, vì vậy phải làm cho mọi người Việt Nam hiểu rõ "vì sao làm cách mệnh", "không làm không được". *Đường cách mệnh* giới thiệu tính chất và kinh nghiệm các cuộc cách mạng Mỹ (1776), cách mạng Pháp (1789), Cách mạng Tháng Mười Nga (1917), và khẳng định rằng chỉ có Cách mạng Tháng Mười Nga là triệt để nhất, vì thế cách mạng Việt Nam cần phải đi theo con đường cách mạng của học thuyết Mác - Lênin mới thành công. *Đường cách mệnh* nhấn mạnh tính chất và nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam là cách mạng giải phóng dân tộc; lực lượng cách mạng bao gồm "sỹ, nông, công, thương", trong đó công nông là "chủ cách mệnh", là "gốc cách mệnh", còn học trò, nhà buôn nhỏ, điền chủ nhỏ cũng bị đế quốc áp bức, song không cực khổ bằng công nông nên ba hạng ấy chỉ là "bầu bạn cách mệnh của công nông".

Đường cách mệnh đã chỉ ra rằng cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, vì vậy phải động viên, tổ chức và lãnh đạo đông đảo quần chúng vùng lên "đánh đuổi tụi áp bức mình đi". Người phê phán hành động ám sát cá nhân và những khuynh hướng cơ hội chủ nghĩa khác chỉ "xúi dân bạo động mà không biết cách tổ chức, làm cho dân quen thói ỷ lại mà quên tính tự cường". Quần chúng một khi được giác ngộ, có tổ chức và lãnh đạo sẽ là lực lượng cách mạng vô địch.

Đường cách mệnh cũng còn chỉ rõ rằng cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới, cần được sự giúp đỡ quốc tế, nhưng "muốn người ta giúp cho, thì trước hết mình phải tự giúp lấy mình đã". Cách mạng vô sản ở chính quốc và cách mạng

². Trần Dân Tiên: *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb. Chính trị quốc gia, Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 1994, tr. 61.

giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa quan hệ mật thiết với nhau và ảnh hưởng thúc đẩy nhau trong quan hệ bình đẳng. "An Nam dân tộc cách mệnh thành công thì tư bản Pháp yếu, tư bản Pháp yếu thì công nông Pháp làm giai cấp cách mệnh cũng dễ".

Đường cách mệnh khẳng định: muốn đưa cách mạng đến thắng lợi, "Trước hết phải có đảng cách mệnh... Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy. Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt, trong đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam". "Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lenin"¹.

Đường cách mệnh dành một phần thích đáng để giới thiệu các tổ chức chính trị của Quốc tế Cộng sản như công hội, nông hội, phụ nữ, thanh niên... và hướng dẫn nhân dân Việt Nam tham gia các tổ chức đó.

Đường cách mệnh đã trực tiếp chuẩn bị về tư tưởng chính trị cho việc thành lập chính đảng của giai cấp công nhân Việt Nam.

Tháng 4-1927, Tưởng Giới Thạch phản bội cách mạng Trung Quốc, đàn áp những đảng viên cộng sản và những người cách mạng. Nguyễn ái Quốc phải rời Quảng Châu sang Liên Xô. Mùa thu năm 1928, Người về Thái Lan tiếp tục công việc chuẩn bị thành lập Đảng.

Sự ra đời và hoạt động của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên có ảnh hưởng mạnh mẽ đến phong trào cách mạng trong nước, làm cho khuynh hướng cứu nước giải phóng dân tộc theo con đường cách mệnh của Nguyễn ái Quốc ngày càng chiếm ưu thế.

Năm 1928, Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên thực hiện chủ trương "Vô sản hóa", đưa hội viên của mình vào các nhà máy, hầm mỏ, đồn điền trong nước, cùng sống và làm việc với công nhân, đồng thời cũng là phương thức truyền bá lý luận giải phóng dân tộc, tổ chức và lãnh đạo quần chúng đấu tranh.

Việc truyền bá lý luận giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng của Nguyễn ái Quốc - Hồ Chí Minh đã phải "chọc thủng lưới sắt của bọn thực dân Pháp" mới đến được với nhân dân Việt Nam ta.

Cùng với cuộc đấu tranh chống lại chính sách khủng bố của bọn đế quốc, những người theo con đường cách mạng Hồ Chí Minh, con đường cách mạng của học thuyết Mác-Lênin còn phải đấu tranh với các đề xướng và vận động thành lập các chính đảng quốc gia, thành lập "khối dân tộc". Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên cũng kiên quyết đấu tranh chống lại quan điểm lập hiến của Bùi Quang Chiêu, Phạm Quỳnh, thuyết "trực trị" của Nguyễn Văn Vĩnh. Cuộc đấu tranh chống lại đường lối của Việt Nam Quốc dân Đảng, một đường lối dân tộc chủ nghĩa hẹp hòi tiểu tư sản không kém phần gay gắt.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.2, tr. 257.

Lập trường giải phóng dân tộc đúng đắn của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên đã thắng lập trường giải phóng dân tộc tư sản. Nó đã giáo dục, giác ngộ nhiều người yêu nước chân chính theo con đường cách mạng Hồ Chí Minh, đào tạo và rèn luyện họ thành những chiến sĩ cách mạng trung thành làm nòng cốt cho việc thành lập đảng cộng sản.

Sự truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng cách mạng Hồ Chí Minh vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước gắn liền với việc xây dựng các tổ chức cơ sở của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở nhiều trung tâm kinh tế, chính trị quan trọng. Số hội viên của Hội tăng nhanh. Năm 1928, có 300 hội viên, năm 1929, có 1.700 hội viên. Tổ chức công hội cũng đã được xây dựng trong nhiều nhà máy, hầm mỏ. Một số đảng viên tiên tiến trong Tân Việt cũng ngã theo Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Nhiều người đã trở thành hội viên của Hội.

Việc truyền bá lý luận giải phóng dân tộc và tổ chức, vận động nhân dân đấu tranh đã đẩy lên một phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam ngày càng mạnh mẽ, đặc biệt là phong trào công nhân.

Cuộc đấu tranh của công nhân xuất hiện ngay từ khi giai cấp công nhân ra đời. Trước Chiến tranh thế giới thứ nhất phong trào đã diễn ra với những hình thức sơ khai như bỏ trốn tập thể, phá giao kèo, đốt lán trại, đánh cai ký, đưa đơn phản kháng, rồi tiến dần lên những hình thức đấu tranh đặc thù của giai cấp mình như bãi công. Năm 1907, đã nổ ra cuộc bãi công đầu tiên của 200 công nhân viên chức hãng Liên hiệp Thương mại Đông Dương (LUCI) ở Hà Nội. Năm 1912, có cuộc bãi công của công nhân Ba Sơn và cuộc bãi khóa của học sinh trường Bách nghệ Sài Gòn... Ngoài ra, công nhân còn tham gia các phong trào yêu nước khác: công nhân mỏ than Đông Triều tham gia đội nghĩa quân của lãnh binh Pha và lãnh binh Hy (1892); công nhân làm đường Phủ Lạng Thương - Lạng Sơn tham gia phong trào khởi nghĩa Yên Thế, tập kích các đạo quân đóng dọc đường sắt và nhà ga (1894); những bồi bếp và công nhân làm trong quân đội Pháp tham gia vụ đầu độc binh lính và sĩ quan Pháp ở Hà Nội (1908); công nhân tham gia khởi nghĩa Duy Tân ở Huế (1916); trong cuộc binh biến ở Thái Nguyên, công nhân tham gia trực tiếp chiến đấu, hoặc rèn vũ khí cho nghĩa quân (1917).

Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, giai cấp công nhân ở nước ta ngày càng đông đảo và tập trung hơn. Trong những năm 1919-1925 đã nổ ra 25 cuộc bãi công, tiêu biểu là các cuộc bãi công của công nhân viên chức các sở công thương tư nhân Bắc Kỳ, công nhân các lò nhuộm ở Sài Gòn, Chợ Lớn (1922), các nhà máy dệt, rượu, xay xát ở Nam Định, Hà Nội, Hải Dương (1924). Đáng chú ý nhất là cuộc bãi công của hơn 1.000 công nhân Xưởng sửa chữa tàu thủy Ba Sơn, Sài Gòn (8-1925) do Tôn Đức Thắng tổ chức, không chịu chữa chiến hạm Misolê (Michelet) để thực dân Pháp chở quân đi đàn áp phong trào nổi dậy chống xâm lược của nhân dân Trung Quốc tại các thành phố có tô giới của đế quốc. Cuộc bãi công nổ ra với yêu sách đòi tăng lương 20%, thu nhận những công nhân bị sa thải được trở lại làm việc. Cuộc bãi công được công nhân nhiều xưởng ở Sài Gòn - Chợ Lớn ủng hộ. Chủ hung hãn đe dọa, nhưng không khuất phục được, cuối cùng chúng phải nhượng bộ, chịu tăng 10% lương cho công nhân. Mặc dù vậy, sau khi

trở lại làm việc công nhân Ba Son còn tìm cách lãn công, kéo dài thời hạn sửa chữa, làm cho chiến hạm Misolê phải nằm chờ 4 tháng trời mới nhổ neo đi lên hướng Bắc đước. Ngoài ra, trong phong trào dân chủ những năm 1925-1926, công nhân đã tham gia các cuộc mít tinh, biểu tình, đòi thực dân Pháp thả Phan Bội Châu, để tang Phan Châu Trinh, v.v..

Nhìn chung, phong trào công nhân những năm 1919-1925 đã có bước phát triển mới so với trước chiến tranh. Hình thức bãi công đã trở nên phổ biến, diễn ra trên quy mô lớn hơn và thời gian dài hơn.

Từ năm 1926 đến năm 1929, phong trào công nhân ngày càng phát triển với sự ra đời và hoạt động của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Trong những năm 1926-1927, mỗi năm có hàng chục cuộc bãi công. Trong hai năm 1928-1929 nổ ra hơn 40 cuộc đấu tranh, tiêu biểu là các cuộc bãi công ở Nhà máy xi măng Hải Phòng, Nhà máy sợi Nam Định, Nhà máy diêm và Nhà máy چرا Bến Thủy, Xưởng sửa chữa ô tô Avia Hà Nội, Nhà máy sợi Hải Phòng, Mỏ than Hòn Gai, Nhà máy xe lửa Trường Thi (Vinh), Xưởng sửa chữa tàu thủy Ba Son (Sài Gòn), Đồn điện cao su Phú Riềng, v.v.. Các cuộc đấu tranh đó đã kết hợp những khẩu hiệu kinh tế với những khẩu hiệu chính trị, vượt ra ngoài phạm vi một nhà máy, đồn điền, bước đầu có sự liên kết nhiều ngành, nhiều địa phương. Điều đó chứng tỏ trình độ giác ngộ của công nhân đã nâng lên rõ rệt tuy chưa được đều khắp. Phong trào phát triển mạnh mẽ, có sức quy tụ và dẫn đầu phong trào yêu nước nói chung.

3. Các tổ chức cộng sản ở Việt Nam ra đời

Đến năm 1929, phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam đã phát triển mạnh mẽ, đòi hỏi phải có sự lãnh đạo thống nhất của một đảng cách mạng. Yêu cầu khách quan đó tác động vào các tổ chức tiền cộng sản, dẫn đến cuộc đấu tranh nội bộ và sự phân hoá tích cực trong các tổ chức này, hình thành nên các tổ chức cộng sản ở Việt Nam.

Phong trào *Vô sản hoá* (1928) của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên diễn ra mạnh nhất là ở Bắc Kỳ, làm cho phong trào cách mạng ở đây phát triển sôi nổi hơn, yêu cầu thành lập đảng cộng sản cũng xuất hiện sớm hơn. Cuối tháng 3-1929, một số phần tử tiên tiến họp ở nhà số 5 Đ, phố Hàm Long (Hà Nội) để thành lập chi bộ cộng sản đầu tiên, gồm 7 đảng viên*, do Trần Văn Cung làm Bí thư. Chi bộ tích cực chuẩn bị để đi đến thành lập một đảng cộng sản thay thế cho Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.

Tháng 5-1929, tại Đại hội đại biểu của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên họp tại Hương Cảng đã xảy ra sự bất đồng giữa các đoàn đại biểu xung quanh việc xúc tiến thành lập đảng cộng sản. Đoàn đại biểu Bắc Kỳ do Ngô Gia Tự dẫn đầu kiên quyết đấu tranh đòi thành lập ngay một đảng cộng sản. Yêu cầu đó không được chấp nhận, đoàn đại biểu Bắc Kỳ liền rút khỏi Đại hội về nước.

Ngày 17-6-1929, tại nhà số 312 Khâm Thiên, Hà Nội, đại biểu các tổ chức cơ sở

* Ngô Gia Tự, Nguyễn Đức Cảnh, Đỗ Ngọc Du, Trịnh Đình Cửu, Trần Văn Cung, Dương Hạc Đỉnh, Kim Tôn.

cộng sản ở miền Bắc họp Đại hội, quyết định thành lập Đông Dương Cộng sản Đảng, thông qua Tuyên ngôn, Điều lệ, quyết định xuất bản báo *Búa liềm* và cử ra Ban Chấp hành Trung ương lâm thời của Đảng.

Trước nhu cầu của phong trào cách mạng và với sự ra đời của Đông Dương Cộng sản Đảng, một số hội viên tiên tiến trong bộ phận của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở Trung Kỳ và Nam Kỳ vạch ra kế hoạch tổ chức đảng cộng sản. Ngày 25-7-1929, các đồng chí trong bộ phận Việt Nam Cách mạng Thanh niên hoạt động ở Trung Quốc gửi Đông Dương Cộng sản Đảng một bức thư thông báo rằng họ quyết định lập một đảng cộng sản bí mật, còn ""Thanh niên"... giữ nguyên để cải tổ dần..."¹. Một số hội viên giác ngộ nhất của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên hoạt động ở Trung Quốc được tổ chức thành một chi bộ với danh nghĩa chi bộ của An Nam Cộng sản Đảng. Một số chi bộ cộng sản lần lượt thành lập ở Nam Kỳ. Theo Hồng Thệ Công², An Nam Cộng sản Đảng ra đời vào tháng 8 năm 1929 và khoảng tháng 11-1929, An Nam Cộng sản Đảng họp Đại hội tại Sài Gòn để thông qua đường lối chính trị, Điều lệ Đảng và lập Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Tuy hai tổ chức cộng sản trên hoạt động riêng rẽ, thậm chí còn công kích lẫn nhau, song từ sự ra đời Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên đến sự xuất hiện các tổ chức cộng sản là một xu thế phát triển khách quan của phong trào cách mạng Việt Nam lúc bấy giờ.

Cùng với sự phân hoá trong Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, Tân Việt cách mạng Đảng cũng có sự chuyển biến mạnh mẽ.

Tân Việt cách mạng Đảng ra đời là kết quả của sự phân hoá nội bộ các nhóm tiểu tư sản yêu nước trong cuộc đấu tranh giữa hai đường lối cách mạng vô sản và tư sản trong phong trào dân tộc Việt Nam. Tiền thân của Tân Việt cách mạng Đảng là Hội Phục Việt (1925), đổi thành Hội Hưng Nam (1926). Để giao thiệp với Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, tháng 7-1926 Hội Hưng Nam đổi thành Việt Nam cách mạng Đảng, rồi Việt Nam cách mạng đồng chí Hội (7-1927). Trong khoảng thời gian 1926-1928, nhiều lần Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên và Việt Nam cách mạng Đảng bàn việc hợp nhất nhưng không đi đến kết quả. Vì thế, ngày 14-7-1928 Việt Nam cách mạng đồng chí Hội họp Đại hội ở Huế, quyết định tổ chức ra một đảng "tự lập" lấy tên là *Tân Việt cách mạng Đảng*. Tân Việt ra đời và hoạt động trong điều kiện Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ngày càng phát triển, lý luận Mác - Lênin và tư tưởng cách mạng của Nguyễn ái Quốc có ảnh hưởng mạnh mẽ đến Tân Việt, cuốn hút nhiều đảng viên trẻ, tiên tiến đi theo Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Trong nội bộ Tân Việt đã diễn ra cuộc đấu tranh giữa hai khuynh hướng tư tưởng cách mạng và cải lương, cuối cùng xu hướng cách mạng theo quan điểm vô sản chiếm ưu thế. Một số đảng viên tiên tiến của Tân Việt đã ngả sang Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Số tiên tiến còn lại chuẩn bị để tiến tới thành lập một chính đảng kiểu mới theo chủ nghĩa Mác - Lênin.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, t.1, tr. 536.

2. Đồng chí Hà Huy Tập.

Sự ra đời của Đông Dương cộng sản Đảng (6-1929) và An Nam cộng sản Đảng (8-1929) tác động mạnh mẽ đến sự phân hoá trong Tân Việt, những đảng viên tiên tiến đã tách ra thành lập các chi bộ cộng sản.

Tháng 9-1929, họ công bố *Tuyên đạt*, nêu rõ "những người giác ngộ cộng sản chân chính trong Tân Việt Cách mệnh Đảng trình trọng tuyên ngôn cùng toàn thể đảng viên Tân Việt Cách mệnh Đảng, toàn thể thợ thuyền dân cày và lao khổ biết rằng chúng tôi đã chánh thức lập ra *Đông Dương Cộng sản Liên đoàn*"¹. Đây là một chính đảng cách mạng vô sản. Mục tiêu của đảng là đấu tranh giành độc lập hoàn toàn cho xứ Đông Dương, xóa bỏ nạn người bóc lột người, xây dựng chế độ công nông chuyên chính, tiến lên chế độ cộng sản chủ nghĩa. Theo kế hoạch, Đông Dương Cộng sản Liên đoàn sẽ họp đại hội chính thức vào 1-1-1930 song trên đường đến địa điểm đại hội, các đại biểu đã bị địch bắt, song Đảng vẫn tích cực hoạt động.

Chỉ trong bốn tháng ở Việt Nam có ba tổ chức cộng sản ra đời, điều đó chứng tỏ xu thế thành lập đảng cộng sản đã trở thành tất yếu của phong trào dân tộc ở Việt Nam. Các tổ chức cộng sản trên đã nhanh chóng xây dựng cơ sở ở nhiều địa phương trong cả nước và trực tiếp tổ chức, lãnh đạo cuộc đấu tranh của quần chúng. Phong trào công nhân kết hợp chặt chẽ với phong trào đấu tranh của nông dân chống sưu cao thuế nặng, chống cướp ruộng đất và phong trào bãi khóa của học sinh, bãi thị của tiểu thương, tạo thành một làn sóng đấu tranh cách mạng dân tộc, dân chủ khắp cả nước.

III. Hội nghị thành lập Đảng và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng

1. Hội nghị thành lập Đảng

Phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam phát triển mạnh mẽ đòi hỏi phải có sự lãnh đạo của một đảng cộng sản thống nhất. Sự tồn tại và hoạt động riêng rẽ của ba tổ chức cộng sản làm cho lực lượng và sức mạnh của phong trào cách mạng bị phân tán. Điều đó không phù hợp với lợi ích của cách mạng và nguyên tắc tổ chức của đảng cộng sản.

Ngày 27-10-1929, Quốc tế Cộng sản gửi những người cộng sản ở Đông Dương tài liệu *Về việc thành lập một đảng cộng sản ở Đông Dương*, chỉ rõ: "Việc thiếu một Đảng Cộng sản duy nhất trong lúc phong trào quần chúng công nhân và nông dân ngày càng phát triển, đã trở thành một điều nguy hiểm vô cùng cho tương lai trước mắt của cuộc cách mạng ở Đông Dương". Quốc tế Cộng sản nhấn mạnh: "Nhiệm vụ quan trọng nhất và cấp bách nhất của tất cả những người cộng sản Đông Dương là thành lập một đảng cách mạng có tính chất giai cấp của giai cấp vô sản, nghĩa là một Đảng Cộng sản có tính chất quần chúng ở Đông Dương. Đảng đó phải chỉ có một và là tổ chức cộng sản duy nhất ở Đông Dương"². Song, tài liệu này chưa đến tay những người cộng sản Việt Nam.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, t.1, tr. 404.

². *Sđd*, tr. 614.

Lúc đó Nguyễn ái Quốc đang ở Xiêm tìm đường về nước thì nhận được tin Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên phân liệt, "những người cộng sản chia thành nhiều phái", Nguyễn ái Quốc rời Xiêm đến Hương Cảng (Trung Quốc). "Với tư cách là phái viên của Quốc tế Cộng sản có đầy đủ quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến phong trào cách mạng ở Đông Dương", Người *chủ động* triệu tập "đại biểu của hai nhóm (Đông Dương và An Nam)" và chủ trì Hội nghị hợp nhất đảng tại Cửu Long (Hương Cảng, Trung Quốc). Hội nghị bắt đầu họp ngày 6-1-1930. Sau này, Đại hội toàn quốc lần thứ III của Đảng (1960) căn cứ vào những tài liệu hiện có, đã ra Nghị quyết về ngày thành lập Đảng, trong đó ghi rõ: "lấy ngày 3 tháng 2 dương lịch mỗi năm làm ngày kỷ niệm thành lập Đảng"¹.

Tham dự Hội nghị có hai đại biểu của Đông Dương Cộng sản Đảng (Trịnh Đình Cửu và Nguyễn Đức Cảnh) và hai đại biểu của An Nam cộng sản Đảng (Nguyễn Thiệu và Châu Văn Liêm). Tổng số đảng viên của Đông Dương cộng sản Đảng và An Nam cộng sản Đảng cho tới Hội nghị hợp nhất là 310 đồng chí (ở Xiêm: 40, Bắc Kỳ: 204, Nam Kỳ: 51, Trung Quốc và nơi khác: 15, Trung Kỳ thì ghép vào Bắc Kỳ và Nam Kỳ)².

Hội nghị hoàn toàn nhất trí, tán thành việc hợp nhất hai tổ chức Đông Dương Cộng sản Đảng và An Nam Cộng sản Đảng thành một đảng duy nhất, lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam; thông qua *Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Chương trình tóm tắt, Điều lệ vắn tắt* của Đảng. Nhân dịp thành lập Đảng, Nguyễn ái Quốc viết Lời kêu gọi công nhân, nông dân, binh lính, học sinh, anh chị em bị áp bức bóc lột hãy gia nhập Đảng, đi theo Đảng để đánh đổ đế quốc Pháp, phong kiến An Nam và tư sản phản cách mạng "làm cho nước An Nam được độc lập"³.

Hội nghị cũng vạch kế hoạch hợp nhất các tổ chức cộng sản trong nước và thành lập Ban Chấp hành Trung ương lâm thời.

Sau Hội nghị hợp nhất, ngày 8-2-1930 các đại biểu về nước thực hiện kế hoạch hợp nhất các cơ sở đảng ở trong nước. Ban Chấp hành Trung ương lâm thời của Đảng được thành lập gồm có Trịnh Đình Cửu, Trần Văn Lan, Nguyễn Văn Hới, Nguyễn Phong Sắc, Hoàng Quốc Việt, Phan Hữu Lầu, Lưu Lập Đạo, do Trịnh Đình Cửu đứng đầu. Tiếp đến các xứ uỷ cũng được thành lập. Đỗ Ngọc Du là Bí thư Xứ uỷ Bắc Kỳ, Nguyễn Phong Sắc, Bí thư Xứ uỷ Trung Kỳ, Ngô Gia Tự, Bí thư Xứ uỷ Nam Kỳ.

Ngày 24-2-1930, theo yêu cầu của Đông Dương Cộng sản Liên đoàn, Ban Chấp hành Trung ương Lâm thời họp và ra *Quyết nghị chấp nhận Đông Dương Cộng sản Liên đoàn gia nhập Đảng Cộng sản Việt Nam*¹.

2. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng

Hội nghị thành lập Đảng đã thông qua *Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt* và

1. Xem *Sđd*, 1998, t.2, tr.19, t.4, tr.401, t.21, tr.904.

2. *Sđd*, 1998 t.2, tr. 21.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.3, tr. 10.

¹. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, 1998, t.2, tr. 26.

Chương trình tóm tắt do Nguyễn ái Quốc soạn thảo. Các văn kiện đó hợp thành Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng ta - Cương lĩnh Hồ Chí Minh. Nội dung cơ bản như sau:

Xác định *phương hướng chiến lược* của cách mạng Việt Nam là "làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản".

Xác định những *nhiệm vụ cụ thể của cách mạng*:

Về chính trị: đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến, làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập, dựng ra Chính phủ công nông binh và tổ chức quân đội công nông.

Về kinh tế: tịch thu toàn bộ các sản nghiệp lớn của bọn đế quốc giao cho Chính phủ công nông binh; tịch thu ruộng đất của bọn đế quốc làm của công và chia cho dân cày nghèo, mở mang công nghiệp và nông nghiệp, miễn thuế cho dân cày nghèo, thi hành luật ngày làm tám giờ.

Về văn hóa xã hội: dân chúng được tự do tổ chức, nam nữ bình quyền, phổ thông giáo dục theo hướng công nông hoá.

Những nhiệm vụ trên đây bao gồm cả hai nội dung dân tộc và dân chủ, chống đế quốc, chống phong kiến, song nổi lên hàng đầu là nhiệm vụ chống đế quốc giành độc lập dân tộc.

Về lực lượng cách mạng, Đảng chủ trương tập hợp đại bộ phận giai cấp công nhân, nông dân và phải dựa vào hạng dân cày nghèo, lãnh đạo nông dân làm cách mạng ruộng đất; lôi kéo tiểu tư sản, trí thức, trung nông... đi vào phe vô sản giai cấp; đối với phú nông, trung tiểu địa chủ và tư bản An Nam mà chưa rõ mặt phản cách mạng thì phải lợi dụng, ít lâu mới làm cho họ đứng trung lập. Bộ phận nào đã ra mặt phản cách mạng (như Đảng Lập hiến) thì phải đánh đổ.

Chủ trương tập hợp lực lượng trên đây phản ánh tư tưởng đại đoàn kết dân tộc của Hồ Chí Minh. "Trong khi liên lạc với các giai cấp, phải rất cẩn thận, không khi nào nhượng một chút lợi ích gì của công nông mà đi vào đường thỏa hiệp"².

Lãnh đạo cách mạng là giai cấp công nhân thông qua Đảng Cộng sản. "Đảng là đội tiên phong của vô sản giai cấp phải thu phục cho được đại bộ phận giai cấp mình, phải làm cho giai cấp mình lãnh đạo được dân chúng".

Cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới, "liên kết với những dân tộc bị áp bức và quần chúng vô sản trên thế giới nhất là với quần chúng vô sản Pháp".

Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng là một cương lĩnh giải phóng dân tộc đúng đắn và sáng tạo theo con đường cách mạng Hồ Chí Minh, phù hợp với xu thế phát triển của thời đại mới, đáp ứng yêu cầu khách quan của lịch sử, nhuần nhuyễn quan điểm giai cấp và thấm đượm tinh thần dân tộc vì độc lập tự do, tiến hành cách mạng tư sản dân

². Những đoạn trích nội dung Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng đều căn cứ theo *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, 1998, t.2, từ tr. 4 đến tr. 7.

quyền và cách mạng ruộng đất để đi tới xã hội cộng sản là tư tưởng cốt lõi của cương lĩnh này.

Nhờ sự thống nhất về tổ chức và cương lĩnh chính trị đúng đắn, ngay từ khi ra đời Đảng đã quy tụ được lực lượng và sức mạnh của giai cấp công nhân và của dân tộc Việt Nam. Đó là một đặc điểm và đồng thời là một ưu điểm của Đảng, làm cho Đảng trở thành lực lượng lãnh đạo duy nhất của cách mạng Việt Nam, sớm được nhân dân thừa nhận là đội tiên phong của mình, tiêu biểu cho lợi ích, danh dự, lương tâm và trí tuệ của dân tộc.

3. Ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đầu năm 1930 là kết quả tất yếu của cuộc đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp ở Việt Nam trong thời đại mới, Hồ Chí Minh viết: Đảng Cộng sản Việt Nam là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam. Đảng Cộng sản Việt Nam được lịch sử giao cho sứ mệnh nắm quyền lãnh đạo duy nhất đối với cách mạng Việt Nam.

Sự ra đời của Đảng với hệ thống tổ chức chặt chẽ và cương lĩnh cách mạng đúng đắn đã chấm dứt tình trạng khủng hoảng về lãnh đạo cách mạng kéo dài mấy chục năm đầu thế kỷ XX. "Việc thành lập Đảng là một bước ngoặt vô cùng quan trọng trong lịch sử cách mạng Việt Nam ta. Nó chứng tỏ rằng giai cấp vô sản ta đã trưởng thành và đủ sức lãnh đạo cách mạng"¹.

Đảng ra đời làm cho cách mạng Việt Nam trở thành một bộ phận khăng khít của cách mạng thế giới. Từ đây giai cấp công nhân và nhân dân lao động Việt Nam tham gia một cách tự giác vào sự nghiệp đấu tranh cách mạng của nhân dân thế giới.

Sự ra đời của Đảng là sự chuẩn bị tất yếu đầu tiên có tính chất quyết định cho những bước phát triển nhảy vọt trong tiến trình lịch sử tiến hoá của dân tộc Việt Nam, được mở đầu bằng thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám 1945 và sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Nguyễn ái Quốc - Hồ Chí Minh, người Việt Nam yêu nước tiên tiến đã tìm được con đường giải phóng dân tộc đúng đắn, phù hợp với nhu cầu phát triển của dân tộc Việt Nam và xu thế của thời đại. Người đã tiếp thu và phát triển học thuyết Mác - Lênin về cách mạng thuộc địa, xây dựng hệ thống lý luận về cách mạng giải phóng dân tộc và tổ chức truyền bá lý luận đó vào Việt Nam, ra sức chuẩn bị về tư tưởng chính trị và tổ chức, sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam, vạch ra cương lĩnh chính trị đúng đắn nhằm dẫn đường cho dân tộc ta tiến lên trong cuộc đấu tranh vì độc lập tự do.

Ngay từ ngày mới thành lập "Đảng ta liền giương cao ngọn cờ cách mạng, đoàn kết và lãnh đạo toàn dân ta tiến lên đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp. Mâu cơ đồ của Đảng chói lợi như mặt trời mới mọc, xé tan cái màn đen tối, soi đường dẫn lối cho nhân dân ta vững bước tiến lên con đường thắng lợi trong cuộc cách mạng

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội 2002, t.10, tr. 8.

phản đế, phản phong"¹.

1. *Sđđ*, 2002, t.10, tr. 3.

Chương II

Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945)

I. Đảng lãnh đạo Phong trào cách mạng 1930-1935

1. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng tháng 10-1930. Luận cương chính trị của Đảng

Sau Hội nghị thành lập Đảng, cương lĩnh và điều lệ của Đảng được bí mật đưa vào quần chúng. Phong trào cách mạng phát triển mạnh và tiến dần lên cao trào. Ban Chấp hành Trung ương lâm thời của Đảng vừa thành lập đã bước ngay vào một cuộc thử thách toàn diện trên cương vị đội tiên phong lãnh đạo cuộc đấu tranh mới của dân tộc. Tháng 4-1930, sau khi tốt nghiệp Trường Đại học Phương Đông của Quốc tế cộng sản ở Mátxcova (Liên Xô), Trần Phú về nước hoạt động. Tháng 7-1930, Trần Phú được bổ sung vào Ban Chấp hành Trung ương lâm thời của Đảng và được phân công cùng Ban Thường vụ chuẩn bị cho Hội nghị thứ nhất của Ban Chấp hành Trung ương. Giữa lúc đó một số uỷ viên Trung ương lâm thời của Đảng bị địch bắt. Một số uỷ viên mới được bổ sung.

Từ ngày 14 đến ngày 31-10-1930 Ban Chấp hành Trung ương họp Hội nghị lần thứ nhất tại Hương Cảng (Trung Quốc) do Trần Phú chủ trì đã quyết định đổi tên Đảng Cộng sản Việt Nam thành Đảng Cộng sản Đông Dương, thông qua Nghị quyết "Về tình hình hiện tại ở Đông Dương và nhiệm vụ cần kíp của Đảng" và Điều lệ Đảng; thảo luận bản *Luận cương chính trị của Đảng Cộng sản Đông Dương (Dự án để thảo luận trong Đảng)*. Ban Chấp hành Trung ương mới của Đảng được thành lập gồm 6 uỷ viên, trong đó Ban Thường vụ có: Trần Phú, Ngô Đức Trì, Nguyễn Trọng Nhã, do Trần Phú làm Tổng Bí thư. Hội nghị còn thông qua các nghị quyết về vận động công nhân, nông dân, thanh niên, phụ nữ...

Ban Chấp hành Trung ương nhận định Hội nghị họp nhất các tổ chức cộng sản đầu năm 1930 do Nguyễn ái Quốc chủ trì đã lập đảng với tên gọi là Việt Nam cộng sản Đảng chưa bao gồm được Cao Miên và Lào. Ban Chấp hành Trung ương quyết định "bỏ tên Việt Nam cộng sản Đảng mà lấy tên Đông Dương cộng sản Đảng".

Hội nghị đánh giá Chánh cương vắn tắt và Sách lược vắn tắt của Đảng do Hội nghị họp nhất thông qua đã "chỉ lo đến việc phản đế mà quên mất lợi ích giai cấp tranh đấu", Ban Chấp hành Trung ương quyết định phải dựa vào nghị quyết của Quốc tế Cộng sản để hoạch định cương lĩnh, chính sách và kế hoạch của Đảng mà chinh đôn nội bộ, làm cho Đảng bôn-sê-vích hoá. Hội nghị đã thảo luận Dự án *Luận cương chính trị của Đảng Cộng sản Đông Dương*. Luận cương xác định:

Mâu thuẫn giai cấp ngày càng diễn ra gay gắt ở Việt Nam, Lào và Cao Miên là

"một bên thì thợ thuyền, dân cày và các phần tử lao khổ; một bên thì địa chủ, phong kiến, tư bản và đế quốc chủ nghĩa"*.

Về phương hướng chiến lược của cách mạng, Luận cương nêu rõ tính chất của cách mạng Đông Dương lúc đầu là một cuộc "*cách mạng tư sản dân quyền*", "*có tính chất thổ địa và phản đế*". "*Tư sản dân quyền cách mạng là thời kỳ dự bị để làm xã hội cách mạng*". Sau khi cách mạng tư sản dân quyền thắng lợi sẽ tiếp tục "*phát triển, bỏ qua thời kỳ tư bản mà tranh đấu thẳng lên con đường xã hội chủ nghĩa*".

Nhiệm vụ cốt yếu của cách mạng tư sản dân quyền là phải "*tranh đấu để đánh đổ các di tích phong kiến, đánh đổ các cách bóc lột theo lối tiền tư bản và để thực hành thổ địa cách mạng cho triệt để*" và "*đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập*". Hai nhiệm vụ chiến lược đó có quan hệ khăng khít với nhau: "*có đánh đổ đế quốc chủ nghĩa mới phá được cái giai cấp địa chủ và làm cách mạng thổ địa được thắng lợi; mà có phá tan chế độ phong kiến thì mới đánh đổ được đế quốc chủ nghĩa*". Luận cương nhấn mạnh: "*Vấn đề thổ địa là cái cốt của cách mạng tư sản dân quyền*", là cơ sở để Đảng giành quyền lãnh đạo dân cày.

Về lực lượng cách mạng, Luận cương xác định giai cấp vô sản và nông dân là hai động lực chính của cách mạng tư sản dân quyền, trong đó giai cấp vô sản là động lực chính và mạnh, là giai cấp lãnh đạo cách mạng, nông dân có số lượng đông đảo nhất, là một động lực mạnh của cách mạng, còn những giai cấp và tầng lớp khác ngoài công nông như tư sản thương nghiệp thì đứng về phía đế quốc chống cách mạng, còn tư sản công nghiệp thì đứng về phía quốc gia cải lương và khi cách mạng phát triển cao thì họ sẽ theo đế quốc. Trong giai cấp tiểu tư sản, bộ phận thủ công nghiệp thì có thái độ do dự; tiểu tư sản thương gia thì không tán thành cách mạng; tiểu tư sản trí thức thì có xu hướng quốc gia chủ nghĩa và chỉ có thể hăng hái tham gia chống đế quốc trong thời kỳ đầu. Chỉ có các phần tử lao khổ ở đô thị như những người bán hàng rong, thợ thủ công nhỏ, trí thức thất nghiệp mới đi theo cách mạng mà thôi.

Về lãnh đạo cách mạng, Luận cương nhấn mạnh "Điều kiện cốt yếu cho sự thắng lợi của cách mạng ở Đông Dương là cần phải có một Đảng cộng sản có một đường chánh trị đúng, có kỷ luật, tập trung, mật thiết liên lạc với quần chúng, và từng trải tranh đấu mà trưởng thành. Đảng là đội tiên phong của vô sản giai cấp, lấy chủ nghĩa Các Mác và Lênin làm gốc mà đại biểu quyền lợi chánh và lâu dài, chung cho cả giai cấp vô sản ở Đông Dương, và lãnh đạo vô sản giai cấp Đông Dương ra tranh đấu để đạt được mục đích cuối cùng của vô sản là chủ nghĩa cộng sản".

Về phương pháp cách mạng, Luận cương khẳng định để đạt được mục tiêu cơ bản của cuộc cách mạng là đánh đổ đế quốc và phong kiến, giành chính quyền về tay công nông thì phải ra sức chuẩn bị cho quần chúng về con đường "võ trang bạo động". Vì vậy, lúc thường thì phải tùy theo tình hình mà đặt khẩu hiệu "phần ít", "phải lấy những sự chủ yếu hàng ngày làm bước đầu mà dắt vô sản giai cấp và dân cày ra chiến trường

* Các đoạn trích Luận cương chánh trị của Đảng Cộng sản Đông Dương (Dự án đề thảo luận trong Đảng) đều theo *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, 1998, t.2, tr. 88 - 103.

cách mạng". Đến lúc có tinh thần cách mạng "Đảng phải lập tức lãnh đạo quần chúng để đánh đổ chính phủ của địch nhân và giành lấy chính quyền cho công nông". Võ trang bạo động để giành chính quyền là một nghệ thuật, "phải tuân theo khuôn phép nhà binh".

Cách mạng Đông Dương là một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới, vì thế giai cấp vô sản Đông Dương phải đoàn kết gắn bó với giai cấp vô sản thế giới, trước hết là giai cấp vô sản Pháp, và phải mật thiết liên hệ với phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa và nửa thuộc địa nhằm mở rộng và tăng cường lực lượng cho cuộc đấu tranh cách mạng ở Đông Dương.

Luận cương chính trị tháng 10-1930 đã vạch ra nhiều vấn đề cơ bản thuộc về chiến lược cách mạng. Tuy nhiên, do nhận thức giáo điều và máy móc về mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và giai cấp trong cách mạng thuộc địa, lại hiểu biết không đầy đủ về tình hình đặc điểm của xã hội, giai cấp và dân tộc ở Đông Dương, đồng thời chịu ảnh hưởng trực tiếp của khuynh hướng "tả" của Quốc tế Cộng sản và một số đảng cộng sản trong thời gian đó, nên Ban Chấp hành Trung ương đã không vạch rõ mâu thuẫn chủ yếu của xã hội Việt Nam thuộc địa là mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam bị nô dịch với đế quốc thực dân Pháp xâm lược và tay sai của chúng, do đó không nhấn mạnh nhiệm vụ giải phóng dân tộc, mà nặng về đấu tranh giai cấp, về cách mạng ruộng đất, không đề ra được một chiến lược liên minh dân tộc và giai cấp rộng rãi trong cuộc đấu tranh chống đế quốc xâm lược và tay sai. Luận cương chưa đánh giá đúng mức vai trò cách mạng của giai cấp tiểu tư sản, phủ nhận mặt tích cực của tư sản dân tộc, cường điệu mặt hạn chế của họ, chưa thấy được khả năng phân hoá và lôi kéo một bộ phận địa chủ vừa và nhỏ trong cách mạng giải phóng dân tộc. Từ nhận thức hạn chế như vậy, Ban Chấp hành Trung ương đã phê phán gay gắt quan điểm đúng đắn trong Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt do Hội nghị hợp nhất thông qua. Đó là một quyết định không đúng. Sau này trong quá trình lãnh đạo cách mạng, nhất là đến Hội nghị lần thứ VIII của Ban Chấp hành Trung ương (5-1941), Đảng đã khắc phục được những hạn chế đó và đưa cách mạng đến thành công.

2. Phong trào cách mạng những năm 1930-1935

Những năm 1929-1933, khi Liên Xô đang đạt được những kết quả lớn trong công cuộc công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa và phát triển kinh tế với tốc độ nhanh, thì ở các nước tư bản chủ nghĩa nổ ra một cuộc khủng hoảng kinh tế trên quy mô lớn.

Cuộc khủng hoảng lan nhanh đến các nước thuộc địa và phụ thuộc, trong đó có Việt Nam. Thực dân Pháp lại tăng cường vơ vét, bóc lột để bù đắp những hậu quả của cuộc khủng hoảng ở chính quốc. Vì thế nền kinh tế Việt Nam sa sút nghiêm trọng.

Kể từ cuộc khởi nghĩa Yên Bái (2-1930) thực dân Pháp tiến hành một chiến dịch khủng bố ở khắp nơi, gây nên một không khí chính trị căng thẳng, mâu thuẫn giữa dân tộc ta với đế quốc Pháp và bè lũ tay sai phát triển gay gắt hơn. Điều đó càng đẩy nhân dân ta tiến nhanh trên con đường vùng lên đấu tranh mạnh mẽ, quyết liệt hơn với kẻ thù.

Giữa lúc đó Đảng Cộng sản Việt Nam đã xây dựng được hệ thống tổ chức thống

nhất và cương lĩnh chính trị đúng đắn, đảm nhận sứ mệnh lãnh đạo cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân ta chống đế quốc và tay sai. Đảng đã nhanh chóng phát triển tổ chức cơ sở của mình trong nhiều nhà máy, xí nghiệp, khu mỏ, đồn điền ở nông thôn và thành phố. Những tổ chức quần chúng của Đảng như công hội, nông hội, đoàn thanh niên cộng sản, hội phụ nữ, hội cứu tế được xây dựng ở nhiều nơi.

Dưới sự lãnh đạo thống nhất của Đảng, phong trào đấu tranh của quần chúng trên đà phát triển từ năm 1929, đã bùng lên mạnh mẽ khắp cả ba miền: Bắc, Trung, Nam.

Từ tháng 1 đến tháng 4-1930 là bước khởi đầu của phong trào. Nhiều cuộc bãi công của công nhân đã nổ ra liên tiếp ở nhà máy xi măng Hải Phòng, hãng dầu Nhà Bè (Sài Gòn), các đồn điền Phú Riềng, Dầu Tiếng, nhà máy dệt Nam Định, nhà máy diêm và nhà máy cưa Bến Thủy... Phong trào đấu tranh của nông dân cũng diễn ra ở nhiều địa phương như Hà Nam, Thái Bình, Nghệ An, Hà Tĩnh... Truyền đơn, cờ đỏ búa liềm của Đảng Cộng sản xuất hiện trên các đường phố Hà Nội và một số địa phương khác. Những cuộc đấu tranh của công nhân, nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động chống đế quốc và phong kiến tay sai, trong đó giai cấp công nhân đóng vai trò tiên phong, là màn đầu của một cao trào cách mạng mới ở Việt Nam do Đảng Cộng sản tổ chức và lãnh đạo.

Từ tháng 5-1930, phong trào phát triển thành cao trào. Ngày 1-5-1930, lần đầu tiên nhân dân ta kỷ niệm ngày Quốc tế Lao động. Từ thành phố đến nông thôn ở cả ba miền đất nước xuất hiện nhiều truyền đơn, cờ đỏ búa liềm, mít tinh, bãi công, biểu tình, tuần hành, v.v.. Đấu tranh của công nhân nổ ra trong các xí nghiệp ở Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định, Hòn Gai, Cẩm Phả, Vinh, Bến Thủy, Sài Gòn, Chợ Lớn, v.v.. Đấu tranh của nông dân cũng nổ ra ở nhiều địa phương thuộc các tỉnh Thái Bình, Hà Nam, Kiến An, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Ngãi, Bình Định, Vĩnh Long, Sa Đéc, Bến Tre, Mỹ Tho, Thủ Dầu Một, Long Xuyên, Cần Thơ, Trà Vinh....

Sau ngày 1-5, làn sóng đấu tranh tiếp tục dâng cao. Riêng trong tháng 5-1930, trong cả nước có 16 cuộc đấu tranh của công nhân, 34 cuộc đấu tranh của nông dân, 4 cuộc đấu tranh của học sinh và dân nghèo thành thị.

Từ tháng 6 đến tháng 8-1930 đã nổ ra 121 cuộc đấu tranh trong đó có 22 cuộc của công nhân, 95 cuộc của nông dân. Nổi bật nhất là cuộc tổng bãi công của toàn thể công nhân khu công nghiệp Bến Thủy - Vinh (8-1930), đánh dấu "một thời kỳ mới, thời kỳ đấu tranh kịch liệt đã đến"¹.

ở nông thôn Nghệ An và Hà Tĩnh, nhiều cuộc đấu tranh quy mô lớn của nông dân dưới hình thức biểu tình có vũ trang tự vệ đã nổ ra, như cuộc biểu tình của 3.000 nông dân Nam Đàn (30-8-1930), kéo lên huyện lỵ đưa yêu sách, phá cửa nhà lao, giải thoát cho những người cách mạng bị địch bắt; cuộc biểu tình của 20.000 nông dân Thanh Chương (1-9-1930), bao vây và đốt huyện đường; cuộc biểu tình của 3.000 nông dân Can Lộc (7-9-1930) kéo lên huyện lỵ, đốt giấy tờ, sổ sách, phá nhà lao... Từ Nam Đàn, Thanh Chương, Can Lộc, phong trào cách mạng của quần chúng lan rộng ra nhiều

1. Báo *Người lao khổ*, cơ quan ngôn luận của Xứ ủy Trung kỳ, số 13 ngày 18-9-1930.

huyện khác thuộc hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh.

Tháng 9-1930 phong trào cách mạng phát triển đến đỉnh cao với những hình thức đấu tranh quyết liệt, quần chúng vũ trang tự vệ, biểu tình thị uy vũ trang, tiến công vào cơ quan chính quyền địch ở địa phương. Đế quốc Pháp và tay sai điên cuồng đàn áp. Cuộc biểu tình của 8.000 nông dân Hưng Nguyên ngày 12-9-1930 bị địch dùng máy bay ném bom giết chết 171 người. Riêng ở Nghệ An có 393 người bị giết trong 7 cuộc biểu tình. Như lửa đổ thêm dầu, phong trào cách mạng bùng lên dữ dội.

Trước sức mạnh của quần chúng, bộ máy chính quyền của đế quốc và tay sai ở nhiều huyện bị tê liệt, ở nhiều xã bị tan rã. Trước tình hình đó, các tổ chức đảng ở địa phương chủ động lãnh đạo các ban chấp hành nông hội ở thôn, xã (thôn bộ nông, xã bộ nông) đứng ra quản lý mọi mặt đời sống xã hội ở nông thôn. Những "khu đỏ" tự do hình thành ở nhiều vùng nông thôn thuộc các huyện Thanh Chương, Nam Đàn, Hưng Nguyên, Diễn Châu (Nghệ An), Can Lộc, Đức Thọ, Thạch Hà, Nghi Xuân, Hương Khê (Hà Tĩnh). Trên thực tế trong các "khu đỏ" tự do đó, một chính quyền cách mạng của nông dân theo hình thức các uỷ ban tự quản theo kiểu Xôviết đã ra đời. Đó là những "Xôviết nông dân" do giai cấp công nhân lãnh đạo, thực hiện chuyên chính với kẻ thù, dân chủ với quần chúng lao động. Trong các "khu đỏ", chính quyền cách mạng đã thực hiện các biện pháp cách mạng về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội.

- *Về chính trị*: ban bỏ các quyền tự do dân chủ cho nhân dân; quần chúng được tự do hội họp, tham gia giải quyết các vấn đề xã hội, xóa bỏ các luật lệ bất công và vô lý của đế quốc và tay sai, thực hiện chuyên chính với bọn tay sai phản động, giữ vững trật tự trị an, chống địch khủng bố, v.v..

- *Về kinh tế*: chia lại ruộng đất công một cách hợp lý, thực hiện giảm tô, xóa nợ, tịch thu quỹ công đem chia cho dân nghèo, bãi bỏ các thứ thuế vô lý như thuế thân, thuế chợ, thuế đò, thuế muối; tổ chức đắp đê phòng lụt, tu sửa cầu cống, giúp đỡ nhau trong sản xuất, v.v..

- *Về văn hóa, xã hội*: bài trừ mê tín dị đoan như bói toán, ma chay, xóa bỏ các tệ nạn cờ bạc, rượu chè, trộm cắp, tổ chức học chữ quốc ngữ, đọc sách báo cách mạng; phát huy tinh thần đoàn kết giúp đỡ nhau giải quyết khó khăn trong đời sống, trong đấu tranh cách mạng, v.v..

Tuy mới thành lập ở một số xã, thời gian tồn tại ngắn ngủi song chính quyền Xôviết đã tỏ rõ bản chất cách mạng và tính ưu việt của nó. Từ khi chính quyền Xôviết ra đời, cuộc đấu tranh giữa ta và địch diễn ra càng gay go và quyết liệt hơn. Quần chúng cách mạng kiên quyết đấu tranh để bảo vệ chính quyền Xôviết, còn địch thì ra sức khủng bố, quyết đim cách mạng trong bể máu.

Tháng 9-1930, khi Xôviết nông dân đã thành lập ở một số xã ở Nghệ An và cuộc đấu tranh của quần chúng đang bị kẻ địch khủng bố một cách tàn bạo, Ban Thường vụ Trung ương Đảng gửi thông tri cho Xứ uỷ Trung kỳ vạch rõ chủ trương bạo động riêng lẻ trong vài địa phương lúc bấy giờ là quá sớm vì chưa đủ điều kiện. Trách nhiệm của Đảng là phải tổ chức quần chúng chống khủng bố, giữ vững lực lượng cách mạng, "duy trì kiên cố ảnh hưởng của Đảng, của Xôviết trong quần chúng để đến khi thất bại thì ý

nghĩa Xôviết ăn sâu vào trong óc quần chúng và lực lượng của Đảng và Nông hội vẫn duy trì"¹.

Trung ương Đảng chỉ thị cho các cấp bộ Đảng phải dựa vào sức mạnh của quần chúng, đồng thời phải đẩy mạnh phát triển các đội tự vệ để bảo vệ quần chúng đấu tranh. Trong cao trào cách mạng của quần chúng, nhất là ở Nghệ-Tĩnh, đội tự vệ đỏ được thành lập nhiều nơi. Đây là mầm mống đầu tiên của lực lượng vũ trang nhân dân do Đảng Cộng sản tổ chức và lãnh đạo.

Khi phong trào lên tới đỉnh cao nhất, xuất hiện khuynh hướng "tả", nhấn mạnh đấu tranh giai cấp, "do đó thiếu một tổ chức thật quảng đại quần chúng, hấp thụ các tầng lớp trí thức dân tộc, tư sản dân tộc, họ là tầng lớp trên hay ở vào tầng lớp giữa cũng vậy, và cho tới cả những người địa chủ, có đầu óc oán ghét đế quốc Pháp, mong muốn độc lập quốc gia, để đưa tất cả những tầng lớp và cá nhân đó vào trong hàng ngũ chống đế quốc Pháp..."².

Ngày 18-11-1930, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị về vấn đề thành lập *Hội phản đế đồng minh*, nêu lên tư tưởng chiến lược cách mạng đúng đắn của Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, coi việc đoàn kết toàn dân thành một lực lượng thật rộng rãi, lấy công-nông làm hai động lực chính, là một nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng giải phóng dân tộc, "... giai cấp vô sản lãnh đạo cuộc cách mạng tư sản dân quyền ở Đông Dương mà không tổ chức được toàn dân lại thành một lực lượng thật đông, thật kín thì cuộc cách mạng cũng khó thành công"¹. Chỉ thị phê phán những nhận thức sai lầm trong Đảng là đã tách rời vấn đề dân tộc với vấn đề giai cấp, nhận thức không đúng về vấn đề đoàn kết dân tộc, về vai trò của hội phản đế đồng minh trong cách mạng ở thuộc địa.

Tuy nội dung bản chỉ thị này phù hợp với tư tưởng đại đoàn kết dân tộc được nêu trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng, song quan điểm và chủ trương đúng đắn về quan hệ giữa dân tộc và giai cấp, về đại đoàn kết dân tộc, "tổ chức toàn dân lại thành một lực lượng thật rộng, thật lớn" vẫn chưa trở thành tư tưởng chủ đạo của Ban Chấp hành Trung ương lúc đó. *Hội phản đế đồng minh Đông Dương* chưa được thành lập trong thực tế. Không đầy một tháng sau khi ra bản chỉ thị trên, ngày 9-12-1930 trong bức thư gửi cho các đảng bộ, Ban Thường vụ Trung ương Đảng lại tiếp tục nhấn mạnh chủ trương đấu tranh giai cấp, tiếp tục phê phán những "sai lầm của Hội nghị hiệp nhất là sai lầm rất lớn và rất nguy hiểm", có nhiều điều không đúng với chủ trương của Quốc tế Cộng sản và nêu trách nhiệm "nặng nề" của Ban Chấp hành Trung ương là phải "sửa đổi những sự sai lầm trong công việc của Hội nghị hiệp nhất", "là phải thực hành đổi với công việc như lúc bắt đầu mới tổ chức ra Đảng vậy"².

Hoảng sợ trước sức mạnh của quần chúng và uy tín của Đảng Cộng sản ngày một lên cao, đế quốc Pháp và tay sai tập trung lực lượng đàn áp. Từ tháng 5 đến tháng 12-

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, t.2, tr. 83, 228.

1. *Sđđ*, tr. 227.

2. *Sđđ*, tr. 233.

1930, có 649 nông dân bị giết, 83 nhà cách mạng bị tử hình, 237 người bị kết án lao động khổ sai chung thân, 306 người bị kết án đi đày suốt đời, 696 người bị kết án 3.390 năm tù với 790 năm quản thúc. Riêng nhà tù ở Vinh có 1.359 tù chính trị bị giam cầm, tra tấn.

Đi đôi với chính sách khủng bố trắng, chúng còn sử dụng những thủ đoạn lừa bịp về chính trị, tổ chức rước cờ vàng, nhận thẻ quy thuận, cưỡng bức quần chúng ra đầu thú. Tháng 1-1931, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra *Thông cáo về việc đế quốc Pháp buộc dân cày ra "đầu thú"*, vạch rõ thủ đoạn hiểm độc đó của kẻ thù và đề ra các biện pháp hướng dẫn quần chúng đấu tranh chống lại.

Nguyễn ái Quốc lúc đó đang hoạt động ở nước ngoài, nhưng luôn theo dõi sát phong trào cách mạng trong nước. Người góp ý kiến với Ban Chấp hành Trung ương Đảng trong việc lãnh đạo phong trào quần chúng, trong công tác đảng và tổ chức các hội quần chúng. Người đề nghị với Quốc tế Cộng sản, Quốc tế Nông dân... giúp đỡ phong trào đấu tranh của nhân dân ta.

Dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và sự chỉ dẫn của Nguyễn ái Quốc, nhân dân ta nêu cao ý chí đấu tranh chống khủng bố trắng và mọi thủ đoạn lừa bịp nham hiểm của kẻ thù, bảo vệ Nghệ - Tĩnh đỏ, duy trì lực lượng và phong trào quần chúng.

Thực tiễn đấu tranh cách mạng quyết liệt với kẻ thù là trường học rèn luyện và phát triển của Đảng. Nhiều quần chúng ưu tú trong giai cấp công nhân, nông dân, trí thức yêu nước đã gia nhập Đảng. Đến tháng 3-1931, Đảng đã có 2.400 đảng viên là những chiến sĩ tiên phong của giai cấp công nhân, tuyệt đối trung thành với Đảng, luôn nêu cao khí tiết cách mạng, gắn bó với quần chúng. Đảng thực sự là đội tiên phong cách mạng của giai cấp công nhân Việt Nam và giai cấp công nhân trên bán đảo Đông Dương.

Sự trưởng thành của Đảng còn gắn liền công tác lãnh đạo đấu tranh với công tác xây dựng Đảng về mặt tổ chức và tư tưởng. Trung ương Đảng đã có nhiều chỉ thị về việc chăm lo chấn chỉnh các ban xứ ủy, chú trọng tăng cường thành phần công nhân vào các cơ quan lãnh đạo của Đảng và đi sâu vào các xí nghiệp, đồn điền để xây dựng tổ chức cơ sở Đảng. Trung ương Đảng cũng phê phán và uốn nắn những lệch lạc hữu khuynh và "tả" khuynh của các đảng bộ địa phương như theo đuôi quần chúng trong đấu tranh, tách rời việc tổ chức xây dựng Đảng với việc lãnh đạo đấu tranh hàng ngày.....

Từ đầu năm 1931, sự khủng bố của kẻ thù ngày càng dữ dội. Thêm vào đó, nạn đói xảy ra rất nghiêm trọng. Phong trào đấu tranh của quần chúng gặp nhiều khó khăn và giảm sút dần. Tư tưởng hoang mang dao động xuất hiện trong quần chúng và cả một số đảng viên. Trong cuộc đấu tranh sinh tử giữa cách mạng và phản cách mạng, khi phong trào cách mạng gặp khó khăn sự dao động về lập trường tư tưởng xuất hiện trong Đảng là điều không sao tránh khỏi, nhưng chỉ là số ít, "còn thì giai tầng nào mặc dầu, nhưng đa số đồng chí hết sức trung thành, hiến thân cho Đảng đến giọt máu cuối

cùng"¹. Xứ ủy Trung kỳ đã không nhận rõ điều đó nên đã đề ra chủ trương "thanh trừ trí, phú, địa, hào, đào tận gốc tróc tận rễ" ra khỏi Đảng. Chủ trương thanh Đảng sai lầm và "tả" khuynh đó được đề ra giữa lúc địch đang khủng bố dữ dội làm cho Đảng và phong trào cách mạng thêm khó khăn. Tháng 5-1931, Thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị nghiêm khắc phê phán chủ trương sai lầm về thanh Đảng của Xứ ủy Trung kỳ và vạch ra phương hướng đúng đắn về xây dựng Đảng.

Sự khủng bố ác liệt của kẻ địch đã làm cho phần lớn các cơ sở tổ chức của Đảng và quần chúng bị tan vỡ. Nhiều cán bộ lãnh đạo và đảng viên ưu tú của Đảng từ Trung ương đến cơ sở bị địch bắt. Lực lượng của Đảng bị tổn thất nặng nề. Xôviết, phong trào quần chúng dần dần lắng xuống.

Cao trào cách mạng 1930-1931, mà đỉnh cao là Xôviết Nghệ-Tĩnh là trận thử thách đầu tiên và toàn diện của quần chúng công nông dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương, nhằm chống lại bọn đế quốc và phong kiến. Cao trào cách mạng đó đã tỏ rõ tinh thần chiến đấu hy sinh oanh liệt và năng lực cách mạng sáng tạo của nhân dân lao động Việt Nam. Tuy bị đế quốc và phong kiến tay sai dìm trong biển máu, nhưng nó có ý nghĩa và tác dụng hết sức to lớn trong lịch sử của Đảng và của dân tộc ta. "Không có những trận chiến đấu giai cấp rung trời chuyển đất những năm 1930-1931, trong đó công nông đã vung ra nghị lực cách mạng phi thường của mình, thì không thể có cao trào những năm 1936-1939"¹. Đó thực sự là cuộc tổng diễn tập đầu tiên, chuẩn bị cho thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám 1945.

Cao trào cách mạng 1930-1931 để lại cho Đảng ta những kinh nghiệm bước đầu "về kết hợp hai nhiệm vụ chiến lược phản đế và phản phong kiến, kết hợp phong trào đấu tranh của công nhân với phong trào đấu tranh của nông dân, thực hiện liên minh công nông dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân; kết hợp phong trào cách mạng ở nông thôn với phong trào cách mạng ở thành thị, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, v.v."².

Những năm 1931-1935 là một giai đoạn đấu tranh cực kỳ gian khổ nhằm chống khủng bố trắng, khôi phục hệ thống tổ chức của Đảng và phong trào cách mạng.

Đứng trước cao trào cách mạng của quần chúng, đế quốc Pháp và tay sai đã cấu kết với bọn phản động thẳng tay khủng bố hòng dập tắt phong trào cách mạng nước ta và tiêu diệt Đảng Cộng sản Đông Dương.

Hàng nghìn chiến sĩ cộng sản, hàng vạn người yêu nước bị bắt, bị giết hoặc bị tù đày. Các cơ quan lãnh đạo của Đảng ở Trung ương và địa phương lần lượt bị địch phá vỡ. Toàn bộ Ban Chấp hành Trung ương bị bắt, "không còn lại một ủy viên Trung ương

1. *Sđd*, 1999, t.3, tr. 157.

1. Lê Duẩn: *Dưới lá cờ vang của Đảng, vì độc lập, tự do, vì chủ nghĩa xã hội, tiến lên giành những thắng lợi mới*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1975, tr. 38 - 39.

2. Trường Chinh: *Đời đời nhớ ơn Các Mác và đi theo con đường Các Mác đã vạch ra*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1968, tr. 52.

nào"³. Tháng 4-1931 Tổng Bí thư Trần Phú bị địch bắt tại Sài Gòn. Tháng 6-1931, Nguyễn ái Quốc bị đế quốc Anh bắt giam ở Hương Cảng. Theo niên biểu thống kê Đông Dương, từ năm 1930 đến năm 1933, thực dân Pháp đã bắt giam 246.532 người. Tòa án các cấp của chính quyền thực dân liên tục tổ chức các phiên tòa để xét xử các đảng viên cộng sản. Năm 1930-1931, ở Bắc Kỳ, địch đã xét 1.094 án, trong đó có 164 án tử hình, 114 án khổ sai, 420 án đày biệt xứ. Tháng 5-1933, ở Sài Gòn, địch xử 8 án tử hình, 19 án tù chung thân, gần 100 án khổ sai, đày đi biệt xứ.

Thực dân Pháp còn thi hành nhiều thủ đoạn nham hiểm về chính trị và xã hội để lừa bịp quần chúng. Tháng 6-1931, chúng nặn ra cái gọi là "ủy ban điều tra" để nghiên cứu tình hình và đề ra dự kiến cải cách chế độ thuộc địa. Năm 1933, Pháp đưa Bảo Đại ở Pháp về nước với một chương trình mà bộ máy thực dân tuyên truyền rùm beng là một cuộc cải cách lớn của chính phủ Nam triều, lập nội các mới, cải tổ giáo dục sơ học, cải tổ ngành tư pháp bản xứ.

Trong cuộc đọ sức cực kỳ nguy hiểm đối với kẻ thù, Đảng đã kiên trì giữ vững đường lối cách mạng. Trong nhà tù đế quốc, cuộc chiến đấu vẫn còn tiếp diễn. Các đảng viên của Đảng nêu cao khí tiết của người cộng sản, kiên quyết chiến đấu đến hơi thở cuối cùng, bảo vệ Đảng, bảo vệ cách mạng. Bằng trí tuệ và kinh nghiệm hoạt động cách mạng của mình, lại được ủng hộ của các tổ chức cách mạng quốc tế, với sự giúp đỡ tận tình của luật sư Lôdobai cùng một số luật sư tiến bộ người Anh, Nguyễn ái Quốc thoát khỏi nhà tù thực dân. Tổng Bí thư Trần Phú bị địch tra tấn rất dã man, chết đi sống lại nhiều lần, song luôn luôn giữ vững khí tiết cách mạng. Trước khi hy sinh, đồng chí còn căn dặn các đồng chí của mình trong tù "hãy giữ vững chí khí chiến đấu!". Năm trong xà lim án chém, Nguyễn Đức Cảnh vẫn tập trung trí tuệ, tranh thủ viết bản tổng kết công tác vận động công nhân để truyền lại kinh nghiệm đấu tranh cho các đảng viên của Đảng. Người thanh niên cộng sản Lý Tự Trọng trước lúc hy sinh khẳng khái nói thẳng trước mặt quân thù: "con đường của thanh niên chỉ có thể là con đường cách mạng". Những đảng viên cộng sản trong các nhà tù Hỏa Lò (Hà Nội), Khám Lớn (Sài Gòn), Vinh, Hải Phòng, Côn Đảo, v.v., bí mật thành lập các chi bộ đảng trong nhà tù. Các tù chính trị đấu tranh chống khủng bố, chống chế độ nhà tù hà khắc, đòi cải thiện sinh hoạt... Cuộc đấu tranh phản đối án tử hình Lý Tự Trọng nổ ra ở Khám Lớn (11-1931) gây náo động cả thành phố Sài Gòn. Anh chị em tù ở Hỏa Lò tuyệt thực phản đối vụ án tử hình Nguyễn Đức Cảnh. Cuộc đấu tranh chống chế độ nhà tù hà khắc ở Kon Tum đã diễn ra đẫm máu... Trước tình thế đấu tranh kiên quyết của anh chị em tù chính trị, địch buộc phải thay đổi ít nhiều chế độ lao tù dã man. Chi bộ nhà tù còn tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng cho đảng viên về lý luận Mác-Lênin, về đường lối cách mạng, về kinh nghiệm vận động cách mạng, tổ chức học quân sự, văn hóa, ngoại ngữ, v.v.. Nhiều tài liệu huấn luyện đảng viên được biên soạn ngay trong nhà tù như: *Chủ nghĩa duy vật lịch sử*, *Gia đình và Tổ quốc*, *Lịch sử tóm tắt ba tổ chức quốc tế* (chủ yếu là Quốc tế Cộng sản), *Những vấn đề cơ bản của cách mạng Đông Dương*. Một số tác phẩm của Mác và của Lênin như *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, *Tư bản*, *Làm gì? Bệnh áu trĩ "tả*

³. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.6, tr. 332.

khuyh" trong phong trào cộng sản, Hai sách lược của Đảng dân chủ - xã hội, trong cách mạng dân chủ v.v., được dịch tóm tắt ra tiếng Việt.

Các chi bộ đảng trong nhà tù còn ra báo bí mật để phục vụ việc học tập và đấu tranh tư tưởng. ở nhà tù Hỏa Lò, có các tờ báo *Đuốc đưa đường* và *Con đường chính*. ở Côn Đảo, có báo *Người tù đỏ* và tạp chí *ý kiến chung*. Các đảng viên cộng sản ở nhà tù Hỏa Lò và Côn Đảo đã phê phán những quan điểm sai lầm về chính trị, tổ chức và phương pháp hoạt động của Việt Nam Quốc dân Đảng, làm cho hàng ngũ của Việt Nam Quốc dân Đảng bị phân hóa. Một số người đã chuyển sang hàng ngũ Đảng Cộng sản.

Nhà tù của đế quốc với những người cộng sản thật sự trở thành một trường học cách mạng, một trận tuyến đấu tranh với kẻ thù, một nơi rèn luyện thử thách cán bộ của Đảng. Nhận định về hoạt động của Đảng trong nhà tù, Hồ Chí Minh nói: "Biển cái rủi thành cái may, các đồng chí ta đã lợi dụng những ngày tháng ở tù để hội họp và học tập lý luận. Một lần nữa, việc đó lại chứng tỏ rằng chính sách khủng bố cực kỳ dã man của kẻ thù chẳng những không ngăn trở được bước tiến của cách mạng, mà trái lại nó đã trở nên một thứ lửa thử vàng, nó rèn luyện cho người cách mạng càng thêm cứng rắn. Mà kết quả là cách mạng đã thắng, đế quốc đã thua"¹.

Bảo vệ và khôi phục hệ thống tổ chức Đảng là một cuộc đấu tranh rất gian khổ và quyết liệt của Đảng trong những năm 1931-1935. Tuy địch khủng bố, đánh phá ác liệt nhưng nhiều tổ chức cơ sở của Đảng vẫn được duy trì ở Hà Nội, Sơn Tây, Nam Định, Thái Bình, Hải Phòng, Cao Bằng, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Trị, Quảng Nam, Quảng Ngãi, v.v..

Đầu năm 1932, trước tình hình các ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, hầu hết ủy viên các Xứ ủy Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ bị địch bắt và nhiều người anh dũng hy sinh, theo chỉ thị của Quốc tế Cộng sản, Lê Hồng Phong cùng một số đồng chí hoạt động ở trong và ngoài nước tổ chức ra Ban lãnh đạo Trung ương của Đảng, công bố *Chương trình hành động của Đảng Cộng sản Đông Dương*, và các chương trình hành động của Công hội, Nông hội, Thanh niên cộng sản đoàn.

Chương trình hành động của Đảng Cộng sản Đông Dương ngày 15-6-1932 khẳng định: "Kinh nghiệm hai năm tranh đấu dạy ta rằng con đường giải phóng độc nhất chỉ là con đường *võ trang tranh đấu* của quần chúng thôi"¹. Phương hướng chiến lược của cách mạng là: "*Công nông Đông Dương dưới quyền chỉ đạo của Đảng Cộng sản sẽ nổi lên võ trang bạo động thi hành cho được những nhiệm vụ sau này của cuộc cách mạng phản đế và điền địa, rồi sẽ cùng nhau giải bước tiến lên để đạt xã hội chủ nghĩa*"². Để chuẩn bị cho cuộc võ trang bạo động sau này, Đảng phải đề ra và lãnh đạo quần chúng đấu tranh giành những quyền lợi thiết thực hàng ngày, rồi dần đưa quần chúng tiến lên đấu tranh cho những yêu cầu chính trị cao hơn, thực hiện sự kết hợp giữa những yêu cầu khẩn cấp trước mắt với những nhiệm vụ căn bản của cuộc cách mạng phản đế và điền địa. Những yêu cầu chung trước mắt của đông đảo quần chúng được vạch ra trong

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.10, tr. 3- 4.

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1999, t.4, tr. 10, 12.

Chương trình hành động là:

1. Đòi các quyền tự do tổ chức, xuất bản, ngôn luận, đi lại trong nước và ra nước ngoài.
2. Bỏ những luật hình đặc biệt đối với người bản xứ, trả lại tự do cho tù chính trị, bỏ ngay chính sách đàn áp, giải tán hội đồng đề hình.
3. Bỏ thuế thân, thuế ngụ cư và các thứ thuế vô lý khác.
4. Bỏ các độc quyền về rượu, thuốc phiện và muối.

Chương trình hành động của Đảng còn đề ra những yêu cầu cụ thể riêng cho từng giai cấp và tầng lớp nhân dân như công nhân, nông dân, binh lính, tiểu thương, tiểu chủ, thợ thủ công, dân nghèo thành thị, thanh niên, phụ nữ, các dân tộc thiểu số... Chương trình hành động vạch rõ: phải ra sức tuyên truyền rộng rãi các khẩu hiệu đấu tranh của Đảng, phải mở rộng ảnh hưởng của Đảng trong quần chúng, ra sức củng cố và phát triển các đoàn thể cách mạng của quần chúng, nhất là Công hội và Nông hội... Đặc biệt cần phải "gây dựng một đoàn thể bí mật, có kỷ luật nghiêm ngặt, cứng như sắt, vững như đồng, tức Đảng Cộng sản để hướng đạo quần chúng trên con đường giai cấp chiến đấu"¹.

Chủ trương đấu tranh trước mắt do Đảng vạch ra trong Chương trình hành động năm 1932 phù hợp với điều kiện lịch sử lúc bấy giờ. Nhờ vậy, phong trào cách mạng của quần chúng và hệ thống tổ chức của Đảng từng bước được khôi phục.

Dựa theo chương trình hành động, các tổ chức cơ sở của Đảng đã lợi dụng các hình thức tổ chức hợp pháp như các hội cày, cấy, gặt hái, đá bóng, đọc sách báo, hiếu hi để tập hợp quần chúng. Phong trào đấu tranh của quần chúng lao động dần dần được nhen nhóm lại. Năm 1932, ở Đông Dương có 230 vụ xung đột giữa công nhân với bọn chủ, năm 1933 có 244 vụ. Riêng ở miền Bắc, từ năm 1931 đến năm 1935 có 551 vụ. Đáng chú ý là các cuộc bãi công của công nhân làm đường xe lửa, của công nhân nhà in ácđanh, Textolanh, Ôpiniông ở Sài Gòn, công nhân đồn điền cao su Dầu Tiếng. Một số cuộc bãi công khác cũng đã nổ ra ở Huế, ở Phnôm Pênh, ở Phôngchiu (Lào)... ở một số nơi đấu tranh của nông dân đã nổ ra như Hóc Môn (Gia Định), Khánh Hòa, Ninh Thuận, Cao Bằng, Lạng Sơn... ở Hà Nội, Hải Phòng, Hải Dương, Sài Gòn, Gia Định, Chợ Lớn, Viêng Chăn (Lào) còn có những cuộc bãi chợ... "Một điều đặc sắc là *đa số trong các cuộc tranh đấu của quần chúng do Đảng chỉ huy... đều được thắng lợi hoặc hoàn toàn, hoặc từng phần, khiến cho công nông thêm hăng hái tranh đấu*"¹.

Một số đảng viên cộng sản tranh thủ khả năng đấu tranh hợp pháp để tham gia cuộc tranh cử vào hội đồng thành phố Sài Gòn trong những năm 1933-1935, lợi dụng diễn đàn công khai để tuyên truyền cổ động quần chúng đấu tranh theo khẩu hiệu từng phần của Đảng. Trên báo chí hợp pháp, một số đảng viên của Đảng tiến hành cuộc đấu tranh về quan điểm triết học và quan điểm nghệ thuật.

1. *Sđd*, tr. 14.

1. *Sđd*, 2002, t.5, tr. 17.

Cuộc đấu tranh khôi phục hệ thống tổ chức của Đảng ta được Quốc tế Cộng sản, Đảng Cộng sản Pháp và các đảng cộng sản khác hết sức giúp đỡ. Quốc tế Cộng sản đã góp nhiều ý kiến và đã tiếp tục đưa những cán bộ ưu tú được bồi dưỡng đào tạo ở Liên Xô về nước để tăng cường sức lãnh đạo của Đảng. Một số đảng viên cũng lần lượt trở về gây cơ sở Đảng ở vùng biên giới nước ta và Lào. Dần dần, nhiều cơ sở của Đảng được phục hồi ở Bắc, Trung, Nam, nhiều tỉnh ủy đã được lập lại.

Đầu năm 1934, được sự chỉ đạo của Quốc tế Cộng sản, Ban chỉ huy ở ngoài của Đảng Cộng sản Đông Dương được thành lập do Lê Hồng Phong đứng đầu, hoạt động như một ban chấp hành trung ương lâm thời, tập hợp các cơ sở đảng mới xây dựng lại trong nước thành hệ thống, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, chuẩn bị triệu tập Đại hội Đảng.

Nhờ sự cố gắng phi thường của Đảng ta, được sự chỉ đạo của Quốc tế Cộng sản, đến cuối năm 1934 đầu năm 1935 hệ thống tổ chức của Đảng đã được khôi phục. Các xứ ủy Nam kỳ, Trung kỳ, Bắc kỳ lần lượt được lập lại, Xứ ủy Lào thành lập vào tháng 9-1934. Để tiện cho việc liên lạc và chỉ đạo phong trào, Ban chỉ huy ở ngoài của Đảng cho thành lập Ban chấp ủy Nam Đông Dương. Ban chỉ huy ở ngoài đã liên lạc chỉ đạo được các xứ ủy. Những chỉ thị của Ban chỉ huy ở ngoài về công tác xây dựng Đảng và lãnh đạo phong trào quần chúng được phổ biến xuống các cơ sở đảng. Tờ *Bôn-sê-vích*, cơ quan lý luận của Đảng được phát hành rộng trong toàn Đảng. Số lượng đảng viên tuy chưa bằng năm 1930, song cơ sở của Đảng đã lan rộng thêm nhiều nơi. Phong trào quần chúng lại tiếp tục vươn lên. Trong thời gian này, Nguyễn ái Quốc, sau khi thoát khỏi nhà tù của đế quốc Anh ở Hương Cảng đã sang Liên Xô để học tập và nghiên cứu... Sự phục hồi hệ thống tổ chức của Đảng và phong trào cách mạng quần chúng là cơ sở để tiến tới Đại hội lần thứ I của Đảng.

3. Đại hội đại biểu lần thứ I của Đảng tháng 3-1935

Đầu năm 1935, sau khi hệ thống tổ chức của Đảng được xây dựng và chấp nối lại từ cơ sở đến Trung ương, Ban chỉ huy ở ngoài của Đảng quyết định triệu tập Đại hội Đảng. Tháng 3-1935, Đại hội đại biểu lần thứ I của Đảng họp ở Ma Cao (Trung Quốc). Dự Đại hội đầu tiên này có 13 đại biểu đại diện cho các tổ chức Đảng trong nước và ngoài nước.

Đại hội nhận định tình hình trong nước và quốc tế, khẳng định thắng lợi của cuộc đấu tranh để khôi phục phong trào cách mạng và hệ thống tổ chức Đảng. Tuy vậy, lực lượng Đảng chưa phát triển mạnh ở các vùng tập trung công nghiệp, công nhân gia nhập Đảng còn ít, hệ thống tổ chức Đảng chưa thật thống nhất, sự liên hệ giữa các cấp bộ của Đảng chưa chặt chẽ, v.v..

Đại hội đề ra ba nhiệm vụ trước mắt:

1. Củng cố và phát triển Đảng, tăng cường phát triển lực lượng Đảng ở các xí nghiệp, nhà máy, đồn điền, hầm mỏ, đường giao thông quan trọng. Đồng thời, phải đưa nông dân lao động và trí thức cách mạng đã qua rèn luyện thử thách vào Đảng, Đảng phải chăm lo tăng cường các đảng viên ưu tú xuất thân từ công nhân vào các cơ quan

lãnh đạo của Đảng. Để bảo đảm cho Đảng luôn thống nhất về tư tưởng và hành động, các đảng bộ cần thường xuyên phê bình và tự phê bình, đấu tranh trên cả hai mặt, chống "tả" khuynh và hữu khuynh, giữ vững kỷ luật Đảng.

2. Đẩy mạnh cuộc vận động thu phục quần chúng, chú ý các dân tộc thiểu số, phụ nữ, binh lính... củng cố và phát triển các tổ chức quần chúng như Đoàn thanh niên cộng sản, Công hội đỏ, Nông hội đỏ, Cứu tế đỏ; lập Mặt trận thống nhất phản đế. Đại hội chỉ rõ: "Đảng mạnh là căn cứ vào ảnh hưởng và thế lực của Đảng trong quần chúng... muốn đưa cao trào cách mạng mới lên tới trình độ cao, tới toàn quốc vũ trang bạo động, đánh đổ đế quốc phong kiến, lập nên chính quyền Xôviết, thì *trước hết cần phải thu phục quảng đại quần chúng*. Thu phục quảng đại quần chúng là một nhiệm vụ trung tâm, căn bản, cần kíp của Đảng hiện thời..."¹.

3. Mở rộng tuyên truyền chống đế quốc, chống chiến tranh, ủng hộ Liên Xô, thành trì của cách mạng thế giới và ủng hộ cách mạng Trung Quốc....

Đại hội thông qua Nghị quyết chính trị, Điều lệ Đảng, các nghị quyết về vận động công nhân, nông dân, thanh niên, phụ nữ, binh lính, các dân tộc ít người, về công tác mặt trận phản đế, đội tự vệ, và cứu tế đỏ.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Trung ương mới của Đảng gồm 9 uỷ viên chính thức và 4 uỷ viên dự khuyết, trong đó có Lê Hồng Phong, Đinh Thanh, Võ Nguyên Hiến, Nguyễn ái Quốc, Ngô Tuân, Hoàng Đình Giông..., do Lê Hồng Phong làm Tổng Bí thư.

Đại hội đại biểu lần thứ I của Đảng đánh dấu sự phục hồi hệ thống tổ chức của Đảng và phong trào cách mạng quần chúng, đặt dưới sự chỉ đạo thống nhất của Ban Chấp hành Trung ương, chuẩn bị điều kiện để Đảng bước vào thời kỳ đấu tranh mới. Song "chính sách Đại hội Ma Cao vạch ra không sát với phong trào cách mạng thế giới và trong nước lúc bấy giờ"², chưa thấy được nguy cơ của chủ nghĩa phátxít trên thế giới và khả năng mới của cuộc đấu tranh chống phátxít và chống phản động thuộc địa, đòi tự do, dân chủ, cơm áo, hòa bình, nên đã không đề ra được một chủ trương chính sách phù hợp với tình hình mới. Thiểu sót này được nhanh chóng khắc phục tại các hội nghị về sau của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Qua bốn năm đối đầu quyết liệt với khủng bố đẫm máu của thực dân Pháp và bọn phong kiến tay sai, Đảng vẫn tồn tại và nhanh chóng được khôi phục. Bản lĩnh chính trị của Đảng, chủ nghĩa anh hùng cách mạng, phẩm chất và khí tiết cộng sản, ý chí chiến đấu của cán bộ, đảng viên và tinh thần cách mạng của quần chúng đã thể hiện sáng ngời trong trận thử thách quyết liệt này.

Cuộc khủng bố trắng của kẻ thù không thể phá nổi trận địa cách mạng của Đảng đã được xây dựng trong cao trào cách mạng năm 1930. Ngược lại, Đảng vẫn đứng vững, cơ sở Đảng và cơ sở chính trị quần chúng vẫn tồn tại cũng như mối liên hệ giữa Đảng và quần chúng luôn luôn được duy trì. Trải qua cuộc đấu tranh sống mái với kẻ

1. *Sđd*, 2002, t.5, tr. 26.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.6, tr. 155.

thù, Đảng nhanh chóng trưởng thành, tích lũy được nhiều kinh nghiệm đấu tranh quý báu. Đội ngũ cán bộ, đảng viên và quần chúng cách mạng được rèn luyện và sàng lọc. Với bản lĩnh chính trị vững vàng và ý chí chiến đấu kiên cường, không những Đảng đã khắc phục được những khó khăn trước mắt, hàn gắn nhanh những vết thương, chuẩn bị lực lượng tốt cho cuộc đấu tranh trong giai đoạn tiếp theo.

II. Đảng lãnh đạo Phong trào dân chủ (1936-1939)

1. Nguy cơ chiến tranh của chủ nghĩa phátxít. Đại hội lần thứ VII của Quốc tế Cộng sản

Hậu quả trầm trọng của cuộc khủng hoảng kinh tế trong những năm 1929-1933 và tình trạng tiêu điều tiếp theo trong các nước thuộc hệ thống tư bản chủ nghĩa đã làm cho mâu thuẫn nội tại của chủ nghĩa tư bản thêm gay gắt và phong trào cách mạng của quần chúng dâng cao.

ở một số nước, giai cấp tư sản lũng đoạn không muốn duy trì nền thống trị bằng chế độ dân chủ tư sản đại nghị như cũ, nên đã âm mưu dùng bạo lực để đàn áp phong trào đấu tranh trong nước và ráo riết chạy đua vũ trang, chuẩn bị phát động một cuộc chiến tranh thế giới mới. Chủ nghĩa phátxít xuất hiện và thắng thế ở một số nơi, như phátxít Hítler ở Đức, phátxít Phrăngcô ở Tây Ban Nha, phátxít Mútxôlini ở Italia và phái Sĩ quan trẻ ở Nhật Bản. Chế độ độc tài phátxít được thiết lập là một nền chuyên chính khủng bố công khai của những thế lực phản động nhất, sô vanh nhất, đế quốc chủ nghĩa nhất của tư bản tài chính. Chúng xóa bỏ mọi quyền tự do dân chủ tư sản cổ truyền, đàn áp tiêu diệt mọi lực lượng và tổ chức chính trị đối lập, thực hành chính sách xâm lược, bành trướng và nô dịch các nước khác. Tập đoàn phátxít cầm quyền ở Đức, ý và Nhật đã liên kết với nhau thành khối "Trục", ráo riết chuẩn bị chiến tranh để chia lại thế giới. Chúng nuôi mưu đồ tiêu diệt Liên Xô, thành trì cách mạng thế giới, hy vọng đẩy lùi phong trào cách mạng vô sản đang phát triển mạnh mẽ trong nước chúng. ở Pháp các thế lực phản động tập hợp trong tổ chức Thập tự lửa (Croix de feu) gồm khoảng 20.000 tên có vũ trang, âm mưu lật đổ chế độ đại nghị dân chủ, thiết lập nền độc tài phátxít. Nguy cơ chủ nghĩa phátxít và chiến tranh thế giới đe dọa nghiêm trọng nền hòa bình và an ninh quốc tế.

Trước tình hình đó, Đại hội VII của Quốc tế Cộng sản họp tại Mátxcova (tháng 7-1935) dưới sự chủ trì của G.Đimitorốp. Đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Đông Dương do Lê Hồng Phong dẫn đầu.

Đại hội xác định kẻ thù nguy hiểm trước mắt của nhân dân thế giới chưa phải là chủ nghĩa đế quốc nói chung mà là chủ nghĩa phátxít. "Ngày nay trong nhiều nước tư bản chủ nghĩa quần chúng lao động trước mắt phải lựa chọn một cách cụ thể không phải giữa nền chuyên chính vô sản với chế độ dân chủ tư bản mà là chế độ dân chủ tư sản với

chủ nghĩa phátxít"¹. Nhiệm vụ trước mắt của giai cấp công nhân và nhân dân lao động thế giới lúc này chưa phải là đấu tranh lật đổ chủ nghĩa tư bản, giành chủ nghĩa xã hội, mà là chống chủ nghĩa phátxít, chống chiến tranh, bảo vệ dân chủ và hòa bình.

Để thực hiện nhiệm vụ cấp bách đó, giai cấp công nhân các nước trên thế giới phải thống nhất hàng ngũ của mình, lập mặt trận nhân dân rộng rãi chống phátxít và chiến tranh phátxít.

Đại hội chỉ rõ đối với các nước thuộc địa và nửa thuộc địa, vấn đề lập mặt trận thống nhất chống đế quốc có tầm quan trọng đặc biệt.

Chủ trương mới do Đại hội lần thứ VII của Quốc tế Cộng sản vạch ra phù hợp với yêu cầu chống chủ nghĩa phátxít và chiến tranh, nguy cơ lớn nhất đối với vận mệnh của các dân tộc lúc bấy giờ. Nghị quyết của Đại hội giúp cho Đảng ta trong việc phân tích đúng đắn tình hình mới, từ đó đề ra chủ trương chiến lược và sách lược cách mạng phù hợp với tình hình mới.

Trong thời gian này, các đảng cộng sản đã ra sức phấn đấu lập mặt trận nhân dân rộng rãi chống chủ nghĩa phátxít. Mặt trận nhân dân Tây Ban Nha, Mặt trận thống nhất chống phátxít của nhân dân Trung Quốc lần lượt được thành lập. Đặc biệt, Mặt trận nhân dân Pháp chống phátxít thành lập từ tháng 5-1935 do Đảng Cộng sản Pháp làm nòng cốt, đã giành được thắng lợi vang dội trong cuộc tổng tuyển cử năm 1936, đưa đến sự ra đời một chính phủ tiến bộ, Chính phủ Mặt trận nhân dân Pháp. Thắng lợi đó đã tạo ra không khí chính trị thuận lợi cho cuộc đấu tranh đòi các quyền tự do, dân chủ, cải thiện đời sống của nhân dân các nước trong hệ thống thuộc địa của đế quốc Pháp trong đó có Đông Dương.

ở nước ta, hậu quả kéo dài của cuộc khủng hoảng kinh tế 1929-1933 đã tác động sâu sắc không những đến đời sống của những giai cấp và tầng lớp nhân dân lao động, mà còn đến cả những nhà tư sản, địa chủ hạng vừa và nhỏ. Trong khi đó, bọn cầm quyền phản động ở Đông Dương vẫn ra sức vơ vét bóc lột và khủng bố, phong trào đấu tranh của nhân dân ta, làm cho bầu không khí chính trị và kinh tế hết sức ngột ngạt. Mọi tầng lớp xã hội đều mong muốn có những cải cách dân chủ. Đảng Cộng sản Đông Dương đã phục hồi sau một thời kỳ đấu tranh cực kỳ gian khổ, kịp thời lãnh đạo nhân dân ta bước vào một thời kỳ mới.

2. Chủ trương mới của Đảng

Tháng 7-1936, Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Ban Chỉ huy ở ngoài họp Hội nghị tại Thượng Hải (Trung Quốc), dưới sự chủ trì của Lê Hồng Phong và Hà Huy Tập. Hội nghị quyết định cử đồng chí Hà Huy Tập về nước để khôi phục các tổ chức Đảng ở trong nước. Xuất phát từ đặc điểm tình hình Đông Dương và thế giới, vận dụng Nghị quyết Đại hội VII của Quốc tế Cộng sản, Hội nghị xác định cách mạng ở Đông Dương vẫn là "cách mạng tư sản dân quyền - phản đế và điền địa - lập chính quyền của công

1. G. Dimitoróp: *Tuyển tập*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1961, tr. 219.

nông bằng hình thức Xôviết, để dự bị điều kiện đi tới cách mạng xã hội chủ nghĩa"¹. Song xét rằng cuộc vận động quần chúng hiện thời cả về chính trị và tổ chức chưa tới trình độ trực tiếp đánh đổ đế quốc Pháp, lập chính quyền công nông, giải quyết vấn đề điền địa.

Yêu cầu cấp thiết trước mắt của nhân dân ta là tự do, dân chủ, cải thiện đời sống. Đảng phải nắm lấy những yêu cầu đó để phát động quần chúng đấu tranh, tạo tiền đề đưa cách mạng tiến lên bước cao hơn sau này. Hội nghị chỉ rõ kẻ thù trước mắt nguy hại nhất của nhân dân Đông Dương cần tập trung đánh đổ là bọn phản động thuộc địa và bè lũ tay sai của chúng. Từ đó Hội nghị xác định những nhiệm vụ trước mắt là chống phát xít, chống chiến tranh đế quốc, chống bọn phản động thuộc địa và tay sai, đòi tự do, dân chủ, cơm áo và hòa bình; "lập Mặt trận nhân dân phản đế rộng rãi chính để bao gồm các giai cấp, các đảng phái, các đoàn thể chính trị và tín ngưỡng tôn giáo khác nhau, các dân tộc ở xứ Đông Dương để cùng nhau tranh đấu để đòi những điều dân chủ đơn sơ"¹.

"Mặt trận nhân dân phản đế là cuộc liên hợp hết các giai cấp trong toàn dân tộc bị áp bức đang tranh đấu đòi những điều quyền lợi hàng ngày cho toàn dân, chống chế độ thuộc địa vô nhân đạo, để dự bị điều kiện cho cuộc vận động dân tộc giải phóng được phát triển"².

Để cô lập và chĩa mũi nhọn đấu tranh vào bọn phản động thuộc địa và tay sai của chúng, đòi các quyền dân chủ, dân sinh, không những phải đoàn kết chặt chẽ với giai cấp công nhân và Đảng Cộng sản Pháp, "ủng hộ Mặt trận nhân dân Pháp", mà còn đề ra khẩu hiệu "ủng hộ Chính phủ Mặt trận nhân dân Pháp" để cùng nhau chống lại kẻ thù chung là bọn phát xít ở Pháp và bọn phản động thuộc địa.

Hoàn cảnh mới, chủ trương mới đòi hỏi phải có một đường lối tổ chức mới. Vì vậy, Hội nghị chủ trương phải chuyển hình thức tổ chức bí mật không hợp pháp sang các hình thức tổ chức và đấu tranh công khai, nửa công khai, hợp pháp và nửa hợp pháp, nhằm làm cho Đảng mở rộng sự quan hệ với quần chúng, giáo dục, tổ chức và lãnh đạo quần chúng đấu tranh bằng các hình thức và khẩu hiệu thích hợp.

Trong khi tranh thủ mở rộng các hình thức tổ chức đấu tranh công khai và hợp pháp, tránh sa vào chủ nghĩa công khai, mà phải giữ vững nguyên tắc củng cố và tăng cường tổ chức và hoạt động bí mật của Đảng, giữ vững mối quan hệ giữa bí mật và công khai, hợp pháp với không hợp pháp và phải bảo đảm sự lãnh đạo của tổ chức Đảng bí mật đối với những tổ chức và hoạt động công khai hợp pháp.

Tháng 10-1936, Trung ương Đảng được tổ chức lại do đồng chí Hà Huy Tập làm Tổng Bí thư.

Cùng với việc đề ra chủ trương mới để lãnh đạo nhân dân thành lập Mặt trận nhân dân rộng rãi, đấu tranh đòi các quyền dân chủ, dân sinh, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã đặt vấn đề nhận thức lại mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ dân tộc và dân chủ,

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, 2000, t.6, tr. 139.

1, 2. Sđd, tr. 144, 151.

phản đế và điền địa trong cách mạng ở Đông Dương. Trong văn kiện *Chung quanh vấn đề chiến sách mới* công bố tháng 10-1936, Đảng nêu một quan điểm mới: "*Cuộc dân tộc giải phóng không nhất thiết phải kết chặt với cuộc cách mạng điền địa. Nghĩa là không thể nói rằng: muốn đánh đổ đế quốc cần phải phát triển cách mạng điền địa, muốn giải quyết vấn đề điền địa thì cần phải đánh đổ đế quốc. Lý thuyết ấy có chỗ không xác đáng*". Vì rằng, tùy hoàn cảnh hiện thực bắt buộc, nếu nhiệm vụ chống đế quốc là cần kíp cho lúc hiện thời, còn vấn đề điền địa tuy quan trọng nhưng chưa phải trực tiếp bắt buộc, thì có thể trước hết tập trung đánh đổ đế quốc, rồi sau mới giải quyết vấn đề điền địa. Nhưng cũng có khi vấn đề điền địa và phản đế phải liên tiếp giải quyết, vấn đề này giúp cho vấn đề kia làm xong mục đích của cuộc vận động. Nghĩa là cuộc phản đế phát triển tới trình độ võ trang tranh đấu kịch liệt, đồng thời vì muốn tăng thêm lực lượng tranh đấu chống đế quốc, cần phải phát triển cuộc cách mạng điền địa. "Nói tóm lại, nếu phát triển cuộc tranh đấu chia đất mà ngăn trở cuộc tranh đấu phản đế thì phải lựa chọn vấn đề nào quan trọng hơn mà giải quyết trước. Nghĩa là chọn địch nhân chính, nguy hiểm nhất, để tập trung lực lượng của một dân tộc mà đánh cho được toàn thắng"¹. Đó là nhận thức mới phù hợp với tinh thần trong Cương lĩnh cách mạng đầu tiên của Đảng, bước đầu khắc phục hạn chế của Luận cương chính trị tháng 10-1930.

Mặt trận nhân dân phản đế do Đảng đề ra là cuộc liên hiệp các giai cấp trong các dân tộc ở Đông Dương đấu tranh đòi quyền lợi hàng ngày, chống lại chế độ thuộc địa vô nhân đạo của thực dân Pháp, chuẩn bị điều kiện cho cuộc vận động dân tộc phát triển. Những người cộng sản Đông Dương chính là con cháu của các dân tộc ở Đông Dương - một xứ thuộc địa. Đảng Cộng sản Đông Dương là đảng duy nhất lãnh đạo toàn dân ta đấu tranh giành độc lập tự do, nên được nhân dân thừa nhận quyền lãnh đạo duy nhất. Vì vậy, Đảng cần phải phấn đấu là "đảng của dân chúng bị áp bức, đội tiền phong cho cuộc dân tộc giải phóng"².

Các Hội nghị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp trong năm 1937 và 1938 đã tiếp tục giải quyết mối quan hệ giữa mục tiêu chiến lược với mục tiêu cụ thể trước mắt của cách mạng, đã đặt ra nhiệm vụ chính trị cụ thể của cách mạng trong một hoàn cảnh cụ thể, biết tập hợp rộng rãi những lực lượng chính trị dù là bé nhỏ, bấp bênh, tạm thời, sử dụng các hình thức tổ chức và đấu tranh linh hoạt, phù hợp với mục tiêu cụ thể nhằm động viên hàng triệu quần chúng lên trận tuyến đấu tranh cách mạng, chuẩn bị tiến lên những trận chiến đấu cao hơn, thực hiện mục tiêu chiến lược của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ.

Sự phát triển mạnh mẽ của phong trào quần chúng từ giữa năm 1936 trở đi khẳng định sự chuyển hướng chỉ đạo cách mạng đúng đắn. Song thực tiễn cách mạng diễn ra phong phú hơn, sinh động hơn, đòi hỏi Đảng phải theo dõi, bổ sung và hoàn chỉnh từng bước các chủ trương và biện pháp đấu tranh. Trên tinh thần đó, các Hội nghị lần thứ ba (tháng 3-1937) và lần thứ tư (tháng 9-1937) đã đi sâu hơn về công tác tổ chức của Đảng, quyết định phải chuyển mạnh hơn nữa về phương pháp tổ chức và hoạt động để tập hợp được đông đảo quần chúng trong mặt trận chống phản động thuộc địa, chống phátxít,

1, 2. *Sđd*, tr. 152, 156.

đòi tự do, cơm áo, hòa bình.

Tháng 3-1938, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp hội nghị toàn thể nhấn mạnh vấn đề lập mặt trận thống nhất dân chủ, coi đây là nhiệm vụ trung tâm của Đảng trong giai đoạn hiện tại. Hội nghị chủ trương phải sử dụng mọi hình thức để liên hiệp thật rộng rãi các tầng lớp dân chủ, các đảng phái. Để thực hiện nhiệm vụ ấy, Đảng chủ trương phải đấu tranh khắc phục những tư tưởng "tả" khuynh, cô độc hẹp hòi và những tư tưởng hữu khuynh trong việc nhận thức và chấp hành đường lối, phương pháp tổ chức và đấu tranh không phù hợp với nhiệm vụ chính trị mới. Hội nghị nhắc nhở phải kiên quyết, triệt để chống bọn tởrôtkit ở Đông Dương.

Hội nghị còn quyết định củng cố những cơ sở Đảng đã có, lập thêm cơ sở mới, chú trọng phát triển Đảng ở thành phố, ở các vùng công nghiệp tập trung và các vùng đồn điền, phải chấn chỉnh, củng cố các cơ quan lãnh đạo của Đảng từ Trung ương đến cơ sở, phải giữ đúng nguyên tắc trong quan hệ giữa bộ phận hoạt động bí mật và bộ phận hoạt động công khai của Đảng: "Bí mật với công khai là làm cho công tác của Đảng được thống nhất và chóng phát triển, vô luận công khai hay bí mật đều phải phục tùng cơ quan chỉ huy của Đảng"¹. Hội nghị bầu đồng chí Nguyễn Văn Cừ làm Tổng Bí thư của Đảng thay đồng chí Hà Huy Tập.

Cuối năm 1938, từ Liên Xô, Nguyễn ái Quốc trở lại Trung Quốc. Người chú ý theo dõi và chỉ đạo phong trào cách mạng ở Đông Dương. Người nhắc nhở Trung ương Đảng cần nắm vững nhiệm vụ chủ yếu của cách mạng ở Đông Dương lúc này là đấu tranh đòi thực hiện các quyền tự do, dân chủ đơn sơ và cải thiện đời sống, đấu tranh để Đảng được hoạt động hợp pháp; không nên đưa ra những khẩu hiệu quá cao như độc lập dân tộc để đề phòng âm mưu của phátxít Nhật lợi dụng khẩu hiệu đó. Đảng phải tổ chức một mặt trận dân tộc dân chủ rộng rãi, mặt trận ấy không phải chỉ có nhân dân lao động tham gia mà còn phải lôi cuốn cả giai cấp tư sản dân tộc, không phải chỉ có người Đông Dương mà còn có cả những người Pháp tiến bộ ở Đông Dương nữa. Đảng không thể đòi hỏi Mặt trận thừa nhận quyền lãnh đạo của mình, mà phải tỏ ra là một bộ phận trung thành nhất, hoạt động nhất và chân thực nhất. "Chỉ trong đấu tranh và công tác hằng ngày, khi quần chúng rộng rãi thừa nhận chính sách đúng đắn và năng lực lãnh đạo của Đảng, thì Đảng mới giành được địa vị lãnh đạo"². Đảng phải đấu tranh không khoan nhượng chống tư tưởng bè phái, phải chú ý tổ chức học tập để nâng cao trình độ lý luận chính trị cho đảng viên.

Tháng 3-1939, Đảng ra bản *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản Đông Dương đối với thời cuộc*, nêu rõ họa phátxít đang đến gần, Chính phủ Pháp hiện đã nghiêng về phía hữu, đang ra sức bóp nghẹt tự do dân chủ, tăng cường bóc lột nhân dân và ráo riết chuẩn bị chiến tranh. *Tuyên ngôn* kêu gọi các tầng lớp nhân dân phải thống nhất hành động hơn nữa trong việc đòi các quyền tự do dân chủ, chống nguy cơ chiến tranh đế quốc. Mặc dù bọn cầm quyền thực dân đẩy mạnh đàn áp, khủng bố, những cuộc biểu dương

1. *Sđd*, tr. 359.

2. *Sđd*, tr. 508.

lực lượng của đông đảo quần chúng không tổ chức được như những năm trước, nhưng phong trào đấu tranh của quần chúng công nhân và nông dân vẫn tiếp tục nổ ra, nhất là các cuộc đấu tranh của nông dân, tiểu thương chống lại chính sách tăng thuế. Số lượng tuy giảm nhiều, nhưng trình độ tổ chức và lãnh đạo các cuộc đấu tranh lại cao hơn.

Tháng 7 năm 1939, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ cho xuất bản tác phẩm *Tự chỉ trích*, nhằm rút kinh nghiệm về những sai lầm, thiếu sót của các đảng viên hoạt động công khai trong hoạt động tranh cử ở Hội đồng quản hạt Nam Kỳ (4-1939). Tác phẩm đã vượt qua giới hạn của vấn đề tranh cử, đi vào phân tích những vấn đề cơ bản về xây dựng Đảng, tổng kết kinh nghiệm cuộc vận động dân chủ của Đảng, nhất là về đường lối xây dựng Mặt trận dân chủ Đông Dương, một vấn đề chính trị trung tâm của Đảng lúc đó. Tác phẩm *Tự chỉ trích* chẳng những có tác dụng lớn trong cuộc đấu tranh để khắc phục những lệch lạc, sai lầm trong phong trào vận động dân chủ, tăng cường đoàn kết nhất trí trong nội bộ Đảng, mà còn là một văn kiện lý luận quan trọng về xây dựng Đảng, về công tác vận động thành lập mặt trận thống nhất rộng rãi trong đấu tranh cách mạng ở Việt Nam.

3. Đảng lãnh đạo phong trào dân chủ, dân sinh (1936-1939)

Chủ trương mới của Đảng phù hợp với yêu cầu và nguyện vọng bức thiết của quần chúng, làm dấy lên trong cả nước một phong trào đấu tranh mạnh mẽ, sôi nổi hướng vào mục tiêu trước mắt là tự do, dân chủ, cơm áo và hòa bình.

Năm cơ hội Chính phủ Mặt trận nhân dân Pháp quyết định sẽ thả một số tù chính trị, thi hành một số cải cách xã hội cho lao động ở các thuộc địa Pháp và cử một ủy ban điều tra thuộc địa đến Đông Dương, Đảng phát động một phong trào đấu tranh công khai của quần chúng, mở đầu bằng một hình thức vận động lập "ủy ban trừ bị Đông Dương đại hội" nhằm thu thập nguyện vọng quần chúng, tiến tới triệu tập Đại hội đại biểu nhân dân Đông Dương. Hưởng ứng chủ trương của Đảng, quần chúng sôi nổi tổ chức các cuộc mítting, hội họp để đề ra các bản "dân nguyện" gửi cho phái bộ điều tra của Chính phủ Pháp sắp sang Đông Dương.

Trong một thời gian ngắn, ở khắp các nhà máy, hầm mỏ, đồn điền, nông thôn đã lập ra các "ủy ban hành động" để tập hợp quần chúng. Riêng ở Nam Kỳ đã có 600 ủy ban hành động. Phong trào Đông Dương Đại hội là một hình thức phô thai của Mặt trận thống nhất nhân dân Đông Dương. Trước đà phát triển mạnh mẽ của phong trào "Đông Dương đại hội" và do sức ép của phong trào quần chúng ở Pháp, chính phủ Mặt trận nhân dân Pháp đã phải trả lại tự do cho một số tù chính trị, ra nghị định ngày làm 8 giờ cho công nhân và hàng năm công nhân được nghỉ 10 ngày có lương. Nhưng liền đó, thực dân Pháp lại ra lệnh giải tán ngay các ủy ban hành động, cấm cuộc vận động "Đông Dương đại hội" hòng dập tắt phong trào đấu tranh của quần chúng.

Đầu năm 1937, nhân dịp phái viên của Chính phủ Pháp là Gôđa (Godard) đi kinh lý Đông Dương và tiếp đó là Borêviê (Brévié) sang nhận chức toàn quyền Đông Dương, Đảng vận động hai cuộc biểu dương lực lượng quần chúng rộng lớn dưới danh nghĩa "đón rước", mítting, biểu tình, đưa đơn "dân nguyện". Công nhân và nông dân là lực

lượng đông đảo và hăng hái nhất trong các cuộc biểu dương lực lượng này.

Mặc dù thực dân Pháp cố tìm cách ngăn chặn. Nhưng nhờ khéo lợi dụng các hình thức đấu tranh hợp pháp nên từ năm 1936 đến giữa năm 1939 phong trào quần chúng đấu tranh theo những khẩu hiệu đòi tự do dân chủ, cải thiện đời sống đã phát triển liên tục, rộng rãi khắp cả thành thị và nông thôn suốt ba năm.

Ngoài các yêu sách chung như: tự do hội họp, tự do đi lại, tự do báo chí, tự do tổ chức, bỏ thuế thân, thả hết tù chính trị, mỗi giai cấp, mỗi tầng lớp còn đưa ra những yêu sách riêng của mình. Công nhân đòi tự do lập nghiệp đoàn, đòi tăng lương, bớt giờ làm, đòi thi hành luật lao động, thực hiện bảo hiểm xã hội, chống đuổi thợ, chống đánh đập, cúp phạt... Nông dân đòi chia lại ruộng công cho hợp lý, chống sưu cao, thuế nặng, chống phù thu lạm bổ, đòi cải cách hương thôn, đòi giảm tô, giảm tức... Tiểu thương, tiểu chủ đòi giảm thuế môn bài, thuế chợ, thuế hàng hóa... công chức đòi tăng lương; học sinh đòi mở thêm trường học, phụ nữ đòi quyền lợi như đàn ông, làm việc ngang nhau, tiền lương ngang nhau.

Những cuộc bãi công, biểu tình, bãi chợ, bãi khóa đã nổ ra trong nhiều thành phố và vùng công nghiệp như: Sài Gòn, Hà Nội, Hải Phòng, Vinh, Bến Thủy, Hòn Gai, Cẩm Phả... Chỉ trong sáu tháng cuối năm 1936, đã có đến 242 cuộc đấu tranh của công nhân, lôi kéo hàng vạn người tham gia, lớn nhất là cuộc tổng bãi công thắng lợi của công nhân than Hồng Gai (tháng 11-1936). Năm 1937 là năm phong trào công nhân cao nhất, có gần 400 cuộc bãi công, vang dội nhất là cuộc bãi công của công nhân xe lửa Trường Thi (tháng 7-1937), được công nhân xe lửa miền Nam Đông Dương bãi công phối hợp. Năm 1938, có trên 130 cuộc bãi công và 6 tháng đầu năm 1939 có khoảng 50 cuộc bãi công. So với các năm trước, các cuộc bãi công năm 1938 và năm 1939 có tổ chức chặt chẽ hơn, khẩu hiệu đấu tranh chính xác và trình độ tổ chức, lãnh đạo của các tổ chức Đảng vững vàng hơn.

Phong trào đấu tranh của nông dân cũng phát triển khắp Bắc, Trung, Nam. Mỗi năm có hàng trăm cuộc đấu tranh, nhất là các cuộc đấu tranh đòi khất thuế, chống các hủ tục ở hương thôn, chống nạn cường hào áp bức những nhiều. Năm 1938, ở Nam Kỳ có những cuộc đấu tranh của nông dân đi "mượn" lúa của chủ ruộng để cứu đói. Nông dân Quảng Trị, Thừa Thiên, Quảng Nam, tổ chức nhiều cuộc biểu tình chống dự án thuế mới của Viện dân biểu Trung Kỳ. Hầu hết các cuộc đấu tranh của nông dân đều do Đảng tổ chức và lãnh đạo.

Cùng với phong trào đấu tranh sôi nổi của công nhân và nông dân, tiểu thương ở Hà Nội, Hải Phòng, Sài Gòn, và một số thành phố, thị xã khác đã bãi chợ đòi giảm thuế môn bài, thuế hàng hóa.

Dựa vào lực lượng quần chúng đông đảo, Đảng liên hiệp hoạt động với những người Pháp dân chủ trong chi nhánh Đảng Xã hội Pháp ở Hà Nội, tổ chức kỷ niệm ngày Quốc tế lao động (ngày 1-5-1938) tại khu Đấu xảo Hà Nội. Mặc dù bọn cầm quyền Pháp không cho phép tụ tập đông đảo và biểu tình ngoài đường phố, nhưng lần đầu tiên, một cuộc mítting công khai có đến 25.000 người tham dự, bao gồm các tầng lớp và giai

cấp: nông dân, công nhân, tiểu thương, thợ thủ công, trí thức, phụ nữ, v.v., đứng theo hàng ngũ chỉnh tề, có phù hiệu, có biểu ngữ riêng của từng giới. Trước khi kéo đến địa điểm mítting, các đoàn người đi qua các đường phố, biểu tình hô vang các khẩu hiệu cách mạng. Thay nhau lên diễn đàn có cả người Việt và người Pháp, trong đó có đại diện nhóm Tin Tức (nhóm hoạt động công khai của Đảng Cộng sản Đông Dương), đại diện chi nhánh Đảng Xã hội Pháp ở Đông Dương và đại diện các giới công nhân, nông dân, tiểu thương, trí thức, phụ nữ. Quần chúng dự mítting giương cao cờ đỏ, cùng hát bài Quốc tế ca (L' International) hô các khẩu hiệu đòi tự do lập hội ái hữu, nghiệp đoàn, đòi ban hành, thi hành triệt để luật lao động, đòi giảm thuế, chống phátxít, chống chiến tranh đế quốc, ủng hộ hòa bình, chống nạn sinh hoạt đắt đỏ. Cùng ngày hôm đó ở Sài Gòn, bộ phận công khai của Đảng cũng tổ chức được cuộc mítting lớn có hàng nghìn người tham dự với những khẩu hiệu tương tự ở Hà Nội.

Cuộc biểu dương lực lượng quần chúng trong ngày Quốc tế lao động năm 1938 là một thắng lợi nổi bật về hoạt động của Mặt trận Dân chủ Đông Dương. Đó là kết quả của một quá trình vận động chính trị sâu rộng trong quần chúng, đồng thời cũng là biểu hiện của sự trưởng thành của Đảng Cộng sản Đông Dương về nghệ thuật huy động, tổ chức quần chúng trong đấu tranh, kể cả tranh thủ những người Pháp dân chủ, phân hóa, cô lập bọn phản động đang cầm quyền ở Đông Dương và bè lũ tay sai của chúng.

Cùng với việc lãnh đạo các cuộc đấu tranh về kinh tế, chính trị. Đảng chú trọng đẩy mạnh công tác tuyên truyền cổ động, đặc biệt là trên lĩnh vực hoạt động báo chí công khai, để tăng cường ảnh hưởng của Đảng trong quần chúng. Lợi dụng khả năng xuất bản hợp pháp lúc đó, các báo chí tiếng Việt và tiếng Pháp của Đảng, của Mặt trận Dân chủ Đông Dương và các đoàn thể quần chúng ra đời: *Tin tức, Nhanh lúa, Thời thế, Thời báo, Bạn dân, Đời nay, Kinh tế, Tân văn, Dân mới, Phổ thông, Lao động (Le Travail), Tranh đấu (La Lutte), Tập hợp (Rassemblement), Tiên phong (Avant garde), Tiến lên (En Avant), Tiếng nói của chúng ta (Notre Voix)*... Tuy không có tờ nào tồn tại được lâu do sự kiểm duyệt gắt gao của thực dân cầm quyền, nhưng tờ này bị đóng cửa thì tờ kia lại nổi tiếp ra đời. Đặc biệt là tờ *Dân chúng*, cơ quan ngôn luận của Trung ương Đảng, lần đầu tiên công khai xuất bản ở Sài Gòn, mỗi ngày từ 5.000 đến 15.000 bản.

Báo chí của Đảng và Mặt trận Dân chủ đã tập trung phản ánh tình cảnh đau khổ, bị áp bức, bóc lột của các tầng lớp nhân dân do bọn phong kiến và tay sai; nêu lên những nguyện vọng của quần chúng trên các mặt kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội; phổ biến tin tức và kinh nghiệm đấu tranh của quần chúng; hướng dẫn quần chúng đấu tranh đòi các quyền lợi dân chủ, dân sinh; tuyên truyền đường lối chính sách của Đảng, chống mọi thủ đoạn của kẻ thù vu cáo, xuyên tạc Đảng Cộng sản; đấu tranh phê phán các luận điệu cực "tả" của "tờ rôt két" chống lại chủ trương, đường lối cách mạng của Đảng.

Trong thời kỳ này, Đảng còn xuất bản nhiều tập sách chính trị phổ thông để giới thiệu chủ nghĩa Mác-Lênin và chính sách mới của Đảng. Cuốn *Vấn đề dân cày* của Qua Ninh (Trường Chinh) và Vân Đình (Võ Nguyên Giáp) tố cáo tội ác của đế quốc và phong kiến đối với nông dân và nêu lên vai trò quan trọng của nông dân trong cách

mạng nước ta. Cuốn *Chủ nghĩa Các Mác* của Hải Triều in và phát hành năm 1938. Một số cuốn sách giới thiệu về Liên Xô, về cách mạng Trung Quốc, về Mặt trận nhân dân Pháp, Mặt trận nhân dân Tây Ban Nha được ra mắt bạn đọc.

Mạng lưới phát hành sách báo được tổ chức rộng khắp. Tòa soạn và cơ quan phát hành sách báo của Đảng còn là nơi quần chúng liên hệ với Đảng, là đầu mối liên lạc giữa bộ phận công khai và bộ phận bí mật, là nơi chấp nối của các đảng viên mới ra tù, là nơi liên lạc của Đảng với cán bộ hoạt động ở nước ngoài. Để mở rộng hoạt động trên mặt trận báo chí công khai, lôi cuốn những người làm báo tiến bộ trong phong trào vận động dân chủ, thực hiện chủ trương của Đảng, Hội nghị báo chí Trung Kỳ được tổ chức (tháng 5-1938), tiếp đó là Hội nghị báo chí Bắc Kỳ (tháng 6-1938). Trong điều kiện một nước thuộc địa, mọi quyền tự do, dân chủ bị bóp nghẹt, phát động và tổ chức được mặt trận đấu tranh công khai và rộng lớn trên lĩnh vực báo chí là một thắng lợi lớn của Đảng.

Hội truyền bá quốc ngữ ra đời. Từ cuối năm 1937, phong trào truyền bá quốc ngữ phát triển mạnh, lôi cuốn đông đảo quần chúng tham gia, giúp cho quần chúng lao động có thể đọc được sách báo. Các hình thức tổ chức cũng phát triển rộng rãi, bao gồm các hội tương tế, hội ái hữu. Bên cạnh các hội công nhân, nông dân, thanh niên, phụ nữ, cứu tế, còn có những tổ chức đơn sơ, không có điều lệ như hội thể thao, hội đọc sách báo, ban ca nhạc, ban học tối, hội buôn, hội hiếu, hội hỷ, hội cày, hội cấy, hội gặt, hội lợp nhà...

Trên cơ sở phong trào quần chúng, trong những năm 1937-1938, Đảng còn lợi dụng khả năng hợp pháp để tổ chức tham gia các cuộc tranh cử vào các Viện dân biểu Bắc Kỳ, Viện dân biểu Trung Kỳ, Hội đồng quản hạt Nam Kỳ, Hội đồng kinh tế lý tài Đông Dương. Đây là một cơ hội tốt để Đảng mở rộng công tác tuyên truyền giáo dục quần chúng, lợi dụng diễn đàn công khai của địch để vạch trần chính sách thuộc địa phản động của thực dân Pháp, bênh vực quyền lợi của quần chúng, tranh thủ lôi cuốn các nhân sĩ tiến bộ vào cuộc đấu tranh chống phản động thuộc địa, đòi các quyền tự do, dân chủ.

Trong cuộc tuyển cử Viện dân biểu Trung Kỳ năm 1937, Đảng liên hệ với những người tiến bộ trong hàng ngũ tri thức, trong số các nhà tư sản dân tộc, địa chủ cấp tiến, vận động họ ra ứng cử chung trong danh sách của Mặt trận dân chủ. Hầu hết những người ứng cử của Mặt trận dân chủ đã trúng cử và những người có cảm tình với Mặt trận dân chủ đã được bầu giữ các chức viện trưởng, viện phó của viện. Nhờ kết hợp khéo léo với đấu tranh của quần chúng bên ngoài nghị viện, các nghị viên Mặt trận dân chủ ở Viện dân biểu Trung Kỳ đã bác bỏ được dự án tăng thuế của đế quốc Pháp đưa ra trong phiên họp tháng 9 năm 1938. Đây cũng là một sự kiện hiếm có ở một nước thuộc địa.

Từ giữa năm 1939 trở đi, Chính phủ Pháp nghiêng hẳn về phía hữu, và phátxít hóa. ở Đông Dương, bọn thực dân Pháp quay ra đàn áp quyết liệt phong trào dân chủ. Đảng chỉ thị cho bộ phận hoạt động công khai nhanh chóng chuẩn bị để rút vào hoạt

động bí mật, tránh tổn thất do bắt bớ, khủng bố của thực dân Pháp. Khi Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ (tháng 9-1939), Đảng liền chuyển hướng chỉ đạo chiến lược và sách lược cho phù hợp với thời kỳ chiến tranh và cách mạng. Thời kỳ vận động dân chủ kết thúc.

Cuộc vận động dân chủ của Đảng Cộng sản Đông Dương trong những năm 1936-1939 thực sự là một cuộc đấu tranh cách mạng sôi nổi, có tính quần chúng rộng rãi nhằm thực hiện mục tiêu trước mắt là chống phản động thuộc địa và tay sai, đòi tự do, dân chủ, cơm áo và hòa bình. Về cơ bản, các khẩu hiệu cách mạng của Đảng trong thời kỳ này đều bao hàm cả hai nội dung dân tộc và dân chủ. Cao trào cách mạng đó đã diễn ra trên tất cả các mặt trận: chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng với các hình thức đấu tranh rất phong phú và linh hoạt: bãi công, bãi chợ, bãi khóa, biểu tình, mít tinh, báo chí và lợi dụng cả nghị trường của địch. Các hoạt động hợp pháp và nửa hợp pháp, công khai và bí mật... đều được sử dụng phối hợp chặt chẽ với các tổ chức, hỗ trợ cho nhau. Tuy vậy, Đảng vẫn luôn luôn có ý thức lấy các tổ chức bí mật làm nòng cốt, giữ vững sự lãnh đạo của Đảng đối với các tổ chức hoạt động công khai và chuẩn bị sẵn sàng để đối phó với mọi thủ đoạn đánh phá của kẻ thù, nhanh chóng chuyển bộ phận hoạt động công khai vào hoạt động bí mật khi điều kiện hoạt động công khai không còn nữa.

Qua cuộc vận động dân chủ rộng lớn, uy tín và ảnh hưởng của Đảng được mở rộng và nâng cao trong quần chúng. Chủ nghĩa Mác-Lênin và đường lối chủ trương cách mạng của Đảng được công khai tuyên truyền phổ cập trong tất cả các giai cấp và tầng lớp nhân dân ở nông thôn và đô thị, đồng bằng và miền núi. Tổ chức Đảng được củng cố và phát triển. Số đảng viên của Đảng ngày càng thêm đông. Đến tháng 4-1938, toàn Đảng có 1.597 đảng viên hoạt động bí mật và hơn 200 đảng viên hoạt động công khai. Số hội viên trong các tổ chức quần chúng công nhân, nông dân, phụ nữ, học sinh, cứu tế là 35.009 người¹. Đội quân chính trị quần chúng gồm hàng triệu người được Đảng tập hợp, giác ngộ và rèn luyện với nhiều hình thức khác nhau. Mặt trận dân chủ đã hình thành trong thực tiễn là *"sự liên hiệp các lớp nhân dân các đảng phái tán bộ để chống phátxít và chế độ thuộc địa phản động, là một hình thức đặc biệt của Mặt trận phản đế rộng rãi"*².

Cao trào dân chủ 1936-1939 là cuộc chuẩn bị lực lượng cho giai đoạn cách mạng 1939-1945. Qua cao trào đó, Đảng đã xây dựng được một đội ngũ cán bộ đông đảo, dày dạn trong đấu tranh, trưởng thành về tư tưởng chính trị và tổ chức và tích lũy thêm nhiều kinh nghiệm mới:

- Nắm vững hoàn cảnh cụ thể của cách mạng trong mỗi thời kỳ để xác định đúng kẻ thù và nhiệm vụ chính trị cụ thể trước mắt để huy động đến mức cao nhất lực lượng cách mạng và tiến bộ lên trận tuyến đấu tranh, triệt để khai thác những chỗ yếu của kẻ thù, tập trung ngọn lửa đấu tranh nhằm giành thắng lợi lớn mà so sánh lực lượng lúc đó cho phép, chuẩn bị điều kiện tiến lên giành những thắng lợi lớn hơn về sau.

1, 2. *Sđd*, tr. 374 và 627.

- Phân tích chính xác thái độ chính trị của các giai cấp, các tầng lớp nhân dân, các đảng phái chính trị, thực hiện một liên minh dân chủ rộng rãi, kết hợp đúng đắn sự liên minh bên dưới với liên minh bên trên, lấy liên minh bên dưới - liên minh công nông làm nền tảng, xây dựng một mặt trận thống nhất rộng rãi phù hợp với yêu cầu của nhiệm vụ chính trị, phân hóa và cô lập cao độ kẻ thù.

- Sử dụng khéo léo các hình thức tổ chức và đấu tranh, kết hợp công khai với bí mật, hợp pháp với không hợp pháp, kết hợp các mặt đấu tranh kinh tế, chính trị, văn hóa, kết hợp đấu tranh của quần chúng với đấu tranh nghị trường, kết hợp tuyên truyền với tổ chức đấu tranh... giành thắng lợi trong từng cuộc đấu tranh, trong từng mặt trận, tiến lên giành thắng lợi lớn nhất cho cách mạng.

III. Đảng lãnh đạo Phong trào giải phóng dân tộc, khởi nghĩa giành chính quyền (1939-1945)

1. Chính sách thống trị thời chiến của Pháp - Nhật ở Đông Dương

Ngày 1-9-1939, phátxít Đức tiến công Ba Lan, hai ngày sau Anh, Pháp tuyên chiến với Đức, Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ. Phátxít Đức lần lượt chiếm các nước châu Âu. Đế quốc Pháp vào vòng chiến. Chính phủ Đaladiê (Daladier) thi hành một loạt biện pháp đàn áp lực lượng dân chủ ở trong nước và phong trào cách mạng ở thuộc địa. Mặt trận nhân dân Pháp tan vỡ. Đảng Cộng sản Pháp bị đặt ra ngoài vòng pháp luật. Ngày 4-1-1940, Toàn quyền Đông Dương Catoru (George Catroux) tuyên bố: "Chúng ta đánh toàn diện và mau chóng vào các tổ chức cộng sản; trong cuộc đấu tranh này, phải tiêu diệt cộng sản thì Đông Dương mới được yên ổn và trung thành với nước Pháp. Chúng ta không có quyền không thắng". Bộ máy đàn áp được tăng cường, lệnh thiết quân luật được ban bố. Ngày 28-9-1939, Toàn quyền Đông Dương ra nghị định cấm tuyên truyền cộng sản, cấm lưu hành, tàng trữ tài liệu cộng sản, đặt Đảng Cộng sản Đông Dương ra ngoài vòng pháp luật, giải tán các hội ái hữu, nghiệp đoàn và tịch thu tài sản của các tổ chức đó, đóng cửa các tờ báo và nhà xuất bản, cấm hội họp và tụ tập đông người.

Tháng 6-1940, Đức tiến công Pháp. Chính phủ Pháp đầu hàng Đức. Tháng 6-1941, Đức tiến công Liên Xô. ở Đông Dương bọn thực dân Pháp thi hành một chính sách thời chiến rất phản động. Chúng phátxít hóa bộ máy thống trị, thẳng tay đàn áp phong trào cách mạng của nhân dân ta, tập trung lực lượng đánh vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Hàng nghìn cuộc khám xét bất ngờ đã diễn ra khắp nơi. Chúng ban bố lệnh tổng động viên, thực hiện chính sách "kinh tế chỉ huy" nhằm tăng cường vơ vét sức người, sức của để phục vụ cuộc chiến tranh đế quốc. Hơn 7 vạn thanh niên bị bắt sang Pháp để làm bia đỡ đạn. Chính sách phản động trên đây của thực dân Pháp đã đẩy nhân dân ta vào một cảnh sống ngột ngạt về chính trị, bần cùng về kinh tế. Mâu thuẫn giữa dân tộc ta với đế quốc Pháp và tay sai càng trở nên gay gắt hơn.

Tháng 9-1940, phátxít Nhật vào Đông Dương, thực dân Pháp đầu hàng và cầu kết với Nhật để thống trị và bóc lột nhân dân ta, làm cho nhân dân ta phải chịu cảnh "một

cổ hai tròng".

2. Chủ trương chiến lược mới của Đảng

Ngay khi Chiến tranh thế giới thứ hai mới bùng nổ, Đảng kịp thời rút vào hoạt động bí mật và chuyển trọng tâm công tác về nông thôn, đồng thời vẫn chú trọng các đô thị. Ngày 29-9-1939, Trung ương Đảng gửi toàn Đảng một thông báo quan trọng nêu rõ: "Hoàn cảnh Đông Dương sẽ tiến bước đến vấn đề dân tộc giải phóng"¹.

Tháng 11 năm 1939, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ sáu tại Bà Điểm (Hóc Môn, Gia Định) do Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ chủ trì. Dự Hội nghị có Lê Duẩn, Phan Đăng Lưu, Võ Văn Tần... Hội nghị nhận định: trong điều kiện lịch sử mới, giải phóng dân tộc là nhiệm vụ hàng đầu và cấp bách nhất của cách mạng Đông Dương. "Bước đường sinh tồn của các dân tộc Đông Dương không còn có con đường nào khác hơn là con đường đánh đổ đế quốc Pháp, chống tất cả ách ngoại xâm, vô luận da trắng hay da vàng để giành lấy giải phóng độc lập"². Vì vậy, tất cả mọi vấn đề cách mạng, kể cả vấn đề ruộng đất cũng phải nhằm mục đích ấy mà giải quyết. Khẩu hiệu "cách mạng ruộng đất" phải tạm gác lại và thay bằng các khẩu hiệu chống địa tô cao, chống cho vay lãi nặng, tịch thu ruộng đất của bọn thực dân đế quốc và bọn địa chủ phản bội quyền lợi dân tộc đem chia cho dân cày nghèo.

Để thực hiện nhiệm vụ trung tâm ấy, Hội nghị chủ trương tập hợp mọi lực lượng chống đế quốc và tay sai vào mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi lấy tên là Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương, thu hút tất cả các dân tộc, các giai cấp, đảng phái và cá nhân yêu nước ở Đông Dương nhằm chống chiến tranh đế quốc, chống bọn phátxít, đánh đổ đế quốc Pháp và bè lũ tay sai, giành lại độc lập hoàn toàn cho các dân tộc Đông Dương. Hội nghị chủ trương đem khẩu hiệu thành lập chính phủ Liên bang cộng hòa dân chủ Đông Dương thay cho khẩu hiệu thành lập chính quyền công nông.

Hội nghị nhấn mạnh Đảng phải kiên quyết tập trung mũi nhọn đấu tranh của quần chúng vào việc chống đế quốc và tay sai, chuẩn bị những điều kiện tiến tới làm cuộc bạo động cách mạng để giải phóng dân tộc. Hội nghị đặc biệt coi trọng công tác xây dựng Đảng về mọi mặt, tăng cường sự thống nhất ý chí và hành động, làm cho Đảng đủ sức gánh vác nhiệm vụ lịch sử nặng nề trước thời cuộc mới. Hội nghị lần thứ sáu của Ban Chấp hành Trung ương đánh dấu sự thay đổi cơ bản về chiến lược cách mạng và mở ra một thời kỳ đấu tranh mới, thời kỳ trực tiếp xúc tiến chuẩn bị lực lượng để khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân.

Sau Hội nghị, nhiều đồng chí lãnh đạo chủ chốt như Nguyễn Văn Cừ, Lê Duẩn, Võ Văn Tần đều lần lượt bị bắt, nhưng Nghị quyết của Trung ương Đảng được truyền xuống nhiều cấp ủy Đảng.

Tháng 6-1940, phátxít Đức đánh chiếm nước Pháp. Nhân cơ hội đó, phátxít Nhật đã nhanh chóng xâm lược Đông Dương. Thực dân Pháp quỳ gối đầu hàng, dâng Đông Dương cho Nhật. Vốn có truyền thống anh hùng bất khuất, nhân dân ta kiên cường và

1, 2. *Sđd*, tr. 756, 536.

liên tiếp đứng dậy chống Pháp-Nhật. ở một số địa phương, quần chúng cách mạng có khuynh hướng muốn khởi nghĩa vũ trang.

Ngày 27-9-1940, nhân khi quân Pháp ở Lạng Sơn bị Nhật đánh bại phải rút chạy qua đường Bắc Sơn-Thái Nguyên, nhân dân Bắc Sơn dưới sự lãnh đạo của đảng bộ địa phương nổi dậy khởi nghĩa, chiếm đồn Mỏ Nhài, làm chủ châu lỵ Bắc Sơn. Cuộc khởi nghĩa tuy không phát triển rộng rãi, nhưng có tiếng vang lớn. Nó thức tỉnh đồng bào cả nước và đẩy phong trào đấu tranh của nhân dân ta từ hình thức đấu tranh chính trị tiến lên kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, chuẩn bị cho tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Sau cuộc khởi nghĩa, Đội du kích Bắc Sơn được thành lập.

ở Nam Kỳ, phong trào cách mạng của quần chúng lan rộng ở nhiều nơi. Theo chủ trương của Xứ ủy Nam kỳ, một kế hoạch khởi nghĩa vũ trang được gấp rút chuẩn bị.

Tháng 11 năm 1940, Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp ở làng Đình Bảng (Từ Sơn, Bắc Ninh). Tham dự Hội nghị có Trường Chinh, Phan Đăng Lưu, Hoàng Văn Thụ, Hoàng Quốc Việt, Trần Đăng Ninh Hội nghị khẳng định nhiệm vụ trước mắt của Đảng là chuẩn bị lãnh đạo cuộc "vũ trang bạo động giành lấy quyền tự do độc lập"¹.

Hội nghị quyết định duy trì và củng cố đội du kích Bắc Sơn và đình chỉ chủ trương phát động khởi nghĩa ở Nam Kỳ. Để kiện toàn cơ quan lãnh đạo của Đảng, Hội nghị cử Ban Chấp hành Trung ương lâm thời. Trường Chinh được phân công làm Quyền Bí thư Trung ương Đảng.

Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về việc đình chỉ kế hoạch khởi nghĩa ở Nam Kỳ chưa được triển khai thì cuộc khởi nghĩa đã nổ ra đêm 23-11-1940. Quân khởi nghĩa đánh chiếm nhiều đồn bốt và tiến công nhiều quận lỵ. Chính quyền cách mạng được thành lập ở nhiều địa phương và ban bố các quyền tự do dân chủ cho nhân dân, mở các phiên tòa để trừng trị bọn phản cách mạng... cuộc khởi nghĩa bị đế quốc Pháp và tay sai đàn áp đẫm máu và thất bại.

Khói lửa của cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ chưa tan, ngày 13-1-1941, một cuộc binh biến đã nổ ra ở đồn Chợ Rạng thuộc huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An do Đội Cung chỉ huy. Nhưng cuộc nổi dậy này đã bị thực dân Pháp dập tắt nhanh chóng.

Ba cuộc nổi dậy trên đây là những đòn tiến công trực diện vào nền thống trị của thực dân Pháp. Đó là "những tiếng sấm báo hiệu cho cuộc khởi nghĩa toàn quốc, là bước đầu tranh đấu bằng vũ lực của các dân tộc ở một nước Đông Dương"¹.

Tình hình quốc tế và trong nước diễn ra ngày càng khắt khe. Nguyễn ái Quốc quyết định trở về nước để trực tiếp lãnh đạo phong trào đấu tranh cách mạng. Ngày 28-1-1941, sau 30 năm hoạt động ở nước ngoài, Người bí mật trở về Tổ quốc và ở lại Pác Bó thuộc huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng. Tại đây, Người bắt tay thí điểm chính sách đoàn kết dân tộc để cứu nước, mở lớp huấn luyện để đào tạo cán bộ, khẩn trương chuẩn

1. *Sđd*, 2000, t.7, tr. 58.

1. *Sđd*, tr. 109.

bị cho hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Tháng 5-1941, với tư cách đại diện cho Quốc tế Cộng sản, Nguyễn ái Quốc chủ trì Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Pác Bó (Cao Bằng). Dự Hội nghị có Trường Chinh, Hoàng Văn Thụ, Phùng Chí Kiên, Hoàng Quốc Việt, cùng một số đại biểu của Xứ ủy Bắc Kỳ, Trung Kỳ và đại biểu tổ chức đảng hoạt động ở ngoài nước.

Hội nghị nhận định rằng Chiến tranh thế giới đang lan rộng, phátxít Đức đang chuẩn bị đánh Liên Xô và chiến tranh ở khu vực Thái Bình Dương sẽ bùng nổ. Chiến tranh sẽ làm cho các nước đế quốc bị suy yếu; Liên Xô nhất định thắng và phong trào cách mạng thế giới sẽ phát triển nhanh chóng, cách mạng nhiều nước sẽ thành công và một loạt nước xã hội chủ nghĩa sẽ ra đời.

Trên cơ sở phân tích thái độ chính trị của các giai cấp, tầng lớp Hội nghị nêu rõ ở nước ta mâu thuẫn chủ yếu đòi hỏi phải được giải quyết cấp bách là mâu thuẫn giữa dân tộc ta với bọn đế quốc phátxít Pháp-Nhật. "Cần phải thay đổi chiến lược. Sự thay đổi về kinh tế, chính trị Đông Dương, sự thay đổi thái độ, lực lượng các giai cấp Đông Dương, buộc Đảng ta phải thay đổi chính sách cách mạng ở Đông Dương cho hợp với nguyện vọng chung của toàn thể nhân dân Đông Dương...". Nhiệm vụ đánh Pháp đuổi Nhật "không phải riêng của giai cấp vô sản và dân cày, mà là nhiệm vụ chung của toàn thể nhân dân Đông Dương", "cuộc cách mạng Đông Dương hiện tại không phải là cuộc cách mạng tư sản dân quyền, cuộc cách mạng phải giải quyết hai vấn đề: phản đế và điền địa nữa, mà là cuộc cách mạng chỉ phải giải quyết một vấn đề cần kíp "dân tộc giải phóng", vậy thì cuộc cách mạng Đông Dương trong giai đoạn hiện tại là một cuộc cách mạng dân tộc giải phóng"². Hội nghị chủ trương: "Trong lúc này khẩu hiệu của Đảng ta là trước hết phải làm sao giải phóng cho được các dân tộc Đông Dương ra khỏi ách của giặc Pháp - Nhật... nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được"¹. Vì vậy, Hội nghị tiếp tục đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu, tạm gác khẩu hiệu "đánh đổ địa chủ, chia ruộng đất cho dân cày" thay bằng các khẩu hiệu tịch thu ruộng đất của bọn đế quốc và Việt gian chia cho dân cày nghèo, chia lại ruộng đất công cho công bằng, giảm tô, giảm tức.

Căn cứ vào hoàn cảnh mới của thế giới và Đông Dương, Hội nghị chủ trương giải quyết vấn đề dân tộc trong khuôn khổ từng nước ở Đông Dương, cốt làm sao để thức tỉnh tinh thần dân tộc ở các nước Đông Dương. Trên tinh thần đó, Hội nghị quyết định thành lập ở mỗi nước một mặt trận riêng: Việt Nam độc lập đồng minh, Ai Lao độc lập đồng minh và Cao Miên độc lập đồng minh. Trên cơ sở sự ra đời mặt trận ở mỗi nước, sẽ tiến tới thành lập mặt trận chung của ba nước là Đông Dương độc lập đồng minh. Hội nghị nhấn mạnh rằng các dân tộc trên bán đảo Đông Dương đều cùng chịu ách thống trị của đế quốc Pháp-Nhật, cho nên các dân tộc ở Đông Dương phải đoàn kết thống nhất

². *Sđd*, tr. 118, 119.

¹. *Sđd*, tr. 112, 113.

lực lượng đánh đuổi kẻ thù chung. Song, nói đến vấn đề dân tộc lúc này là nói đến sự tự do, độc lập của mỗi dân tộc. Vì thế, Đảng phải hết sức tôn trọng và thi hành đúng chính sách "dân tộc tự quyết" đối với các dân tộc ở Đông Dương. Sau khi đánh đuổi Pháp - Nhật thì "Các dân tộc sống trên cõi Đông Dương sẽ tùy ý theo ý muốn, tổ chức thành liên bang cộng hòa dân chủ hay đứng riêng thành một dân tộc quốc gia tùy ý". "Sự tự do độc lập của các dân tộc sẽ được thừa nhận và coi trọng"¹. Riêng đối với Việt Nam, Hội nghị chủ trương sẽ thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa theo tinh thần dân chủ.

Hội nghị quyết định phải xúc tiến ngay công tác chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang, coi đây là nhiệm vụ trung tâm của Đảng và của nhân dân ta trong giai đoạn hiện tại. Để đưa cuộc khởi nghĩa vũ trang đến thắng lợi, cần phải ra sức phát triển lực lượng cách mạng và hình thức tổ chức thích hợp, tiến hành xây dựng căn cứ địa. Nghị quyết Hội nghị ghi rõ: "Phải luôn luôn chuẩn bị một lực lượng sẵn sàng, nhằm vào cơ hội thuận tiện hơn cả mà đánh lại quân thù..." . Trong những hoàn cảnh nhất định "với lực lượng sẵn có, ta có thể lãnh đạo một cuộc khởi nghĩa từng phần trong từng địa phương cũng có thể giành sự thắng lợi mà mở đường cho một cuộc tổng khởi nghĩa to lớn"².

Hội nghị đặc biệt coi trọng công tác đào tạo cán bộ, nâng cao năng lực tổ chức và lãnh đạo của Đảng, đẩy mạnh công tác vận động quần chúng. Hội nghị cử ra Ban Chấp hành Trung ương chính thức do Trường Chinh làm Tổng Bí thư.

Sau Hội nghị, Nguyễn ái Quốc gửi thư kêu gọi đồng bào cả nước đoàn kết thống nhất đánh đuổi Pháp-Nhật. Người viết: "Trong lúc này *quyền lợi dân tộc giải phóng cao hơn hết thảy*. Chúng ta phải đoàn kết lại đánh đổ bọn đế quốc và bọn Việt gian đặng cứu giống nòi ra khỏi nước sôi lửa nóng"¹.

Hội nghị lần thứ tám của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã hoàn chỉnh sự thay đổi chiến lược cách mạng được vạch ra từ Hội nghị lần thứ sáu (tháng 11-1939). Đường lối giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc, đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu, tập hợp rộng rãi mọi người Việt Nam yêu nước trong Mặt trận Việt Minh, xây dựng lực lượng chính trị của quần chúng ở cả nông thôn và thành thị, xây dựng căn cứ địa cách mạng và lực lượng vũ trang, là ngọn cờ dẫn đường cho nhân dân ta tiến lên giành thắng lợi trong sự nghiệp đánh Pháp, đuổi Nhật, giành độc lập cho dân tộc và tự do cho nhân dân.

3. Đảng lãnh đạo phong trào chống Pháp - Nhật, chuẩn bị lực lượng cho cuộc khởi nghĩa vũ trang (1940-1945)

Từ giữa năm 1941 trở đi, tình hình trong nước và thế giới tiếp tục diễn ra rất căng thẳng. Tháng 6-1941, phát xít Đức bội ước, tiến công Liên Xô. Tháng 12-1941, chiến tranh Thái Bình Dương bùng nổ. ở Đông Dương, Pháp-Nhật tiếp tục đẩy mạnh khủng bố phong trào cách mạng quần chúng và đàn áp Đảng Cộng sản Đông Dương. Ngày 26-

1, 2. *Sđđ*, tr. 113, 131-132.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.3, tr. 198.

8-1941, thực dân Pháp xử bắn Nguyễn Văn Cừ, Phan Đăng Lưu, Hà Huy Tập, Võ Văn Tần, Nguyễn Thị Minh Khai tại Hóc Môn, Gia Định. Lê Hồng Phong hy sinh trong nhà tù Côn Đảo. Nhiều cán bộ lãnh đạo cách mạng của Đảng và Mặt trận Việt Minh bị Pháp-Nhật bắt giam hoặc giết hại trong thời gian đó. Tháng 8-1942, Nguyễn ái Quốc trên đường đi công tác ở Trung Quốc cũng bị bọn Tưởng Giới Thạch bắt giữ hơn một năm (từ tháng 8-1942 đến tháng 9-1943). Trước quân thù tàn bạo, các chiến sĩ cộng sản đã nêu cao ý chí kiên cường bất khuất và tin tưởng vững chắc vào thắng lợi tất yếu của cách mạng.

Tháng 12-1941, Trung ương Đảng ra chỉ thị về công tác tổ chức, tăng cường kiện toàn các tổ chức đảng và phát triển tổ chức quần chúng bằng nhiều hình thức thích hợp. "Tổ chức của Đảng cần phải chặt chẽ và nghiêm ngặt. Còn những tổ chức quần chúng cần phải rộng rãi, nhẹ nhàng"¹. Chỉ thị nhắc nhở đảng viên phải "tinh táo nhận xét tình thế, một khi thời cuộc biến đổi, những điều kiện mới xuất hiện, vấn đề giành chính quyền đã đặt ra trước mắt, thì phải lập tức thay đổi những hình thức tổ chức cho thích hợp với phong trào tranh đấu giải phóng đảng kịp thời triệu tập quần chúng chung quanh Đảng đánh đuổi quân cướp nước Pháp, Nhật"².

Cũng trong tháng 12-1941, Trung ương ra thông cáo *Cuộc chiến tranh Thái Bình Dương và trách nhiệm cần kíp của Đảng*. Thông cáo chỉ rõ các đảng bộ địa phương cần phải vận động nhân dân đấu tranh chống địch bắt lính, bắt phu, chống cướp đoạt tài sản của nhân dân, đòi tăng lương, bớt giờ làm cho công nhân, củng cố và mở rộng các đội tự vệ cứu quốc, thành lập các tiểu tổ du kích để tiến lên thành lập đội du kích chính thức, mở rộng cơ sở quần chúng và lực lượng vũ trang ở các khu du kích tiến lên phát động khởi nghĩa giành chính quyền khi có thời cơ.

Dưới ánh sáng Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám của Trung ương Đảng và các chỉ thị tiếp theo, các cấp bộ đảng và Mặt trận Việt Minh đã tích cực xây dựng tổ chức đảng và các tổ chức cứu quốc của quần chúng, phát triển lực lượng chính trị và phong trào đấu tranh của quần chúng ở cả nông thôn và đô thị, xây dựng các căn cứ địa cách mạng, tiến hành vũ trang cho quần chúng cách mạng, củng cố và phát triển lực lượng du kích.

Ngày 25-10-1941 Việt Minh công bố Tuyên ngôn với đồng bào cả nước: "Việt Nam độc lập đồng minh (Việt Minh) ra đời". Bản Chương trình cứu nước của Việt Minh gồm có 44 điều cụ thể để thực hiện hai điều cơ bản mà toàn thể đồng bào mong ước là làm cho nước Việt Nam được hoàn toàn độc lập, dân Việt Nam được sung sướng tự do. Chương trình Việt Minh vừa ích nước vừa lợi dân, nên được nhân dân nhiệt liệt hưởng ứng. Cơ sở Việt Minh lần lượt được xây dựng ở nhiều địa phương. Tại Cao Bằng, có nhiều xã và tổng hầu như toàn dân đã tham gia vào hội cứu quốc. Năm 1941, Nguyễn ái Quốc quyết định thành lập đội vũ trang ở Cao Bằng để thúc đẩy việc phát triển cơ sở chính trị và chuẩn bị cho việc xây dựng lực lượng vũ trang, nhất là ở các huyện Hà Quảng, Hòa An, Nguyên Bình, phong trào vũ trang toàn dân phát triển mạnh mẽ. Cao Bằng đã trở thành một căn cứ địa cách mạng, một địa bàn điển hình về xây

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.7, tr. 218 và 229.

dựng và phát triển lực lượng, chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa vũ trang toàn dân.

Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Thường vụ Trung ương Đảng, Đội du kích Bắc Sơn được duy trì và đổi tên là Cứu quốc quân. Để chống lại âm mưu càn quét của thực dân Pháp, Thường vụ Trung ương Đảng chỉ đạo Cứu quốc quân bám sát quần chúng, kiên trì cuộc chiến đấu chống địch khủng bố, giữ gìn lực lượng, cổ vũ phong trào quần chúng trong cả nước. Sau 8 tháng hoạt động gian khổ, một bộ phận Cứu quốc quân vượt ra khỏi vòng vây của địch, rút lên biên giới phía Bắc, nhưng giữa đường đi bị địch phục kích, Cứu quốc quân bị tổn thất nặng. Bộ phận Cứu quốc quân còn lại đã phân tán lực lượng hoạt động tại chỗ, tích cực mở rộng địa bàn, vận động quần chúng, phát triển cơ sở chính trị.

Đồng thời với việc xây dựng lực lượng chính trị và từng bước xây dựng lực lượng vũ trang, thành lập căn cứ địa cách mạng, Đảng tích cực chăm lo xây dựng Đảng và củng cố tổ chức đảng, khắc phục bè phái, làm cho hàng ngũ Đảng được thống nhất và trong sạch. Để cung cấp cán bộ cho phong trào yêu nước đang phát triển, Đảng mở nhiều lớp huấn luyện ngắn ngày nhằm đào tạo cán bộ về chính trị, quân sự, binh vận. Thực hiện chỉ thị của Đảng, nhiều cán bộ đảng viên bị địch bắt giam trong các nhà tù Sơn La, Chợ Chu, Buôn Ma Thuật đã vượt ngục về địa phương tham gia lãnh đạo phong trào.

Từ sau Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng, phong trào cách mạng nước ta đang trên đà phát triển. Trên thế giới, quân đội Xô viết đang chuyển sang phản công quân Đức trên nhiều mặt trận và giành thắng lợi lớn trong trận Xtalingrát (2-1943). Phong trào chống phátxít của nhân dân các nước Pháp, Italia, Nam Tư, Bungari, Tiệp Khắc*, Anbani, Trung Quốc, Triều Tiên, Miến Điện**, Philíppin đang trên đà phát triển. Điều kiện khách quan thuận lợi cho các dân tộc nổi dậy giành độc lập ngày càng đến gần.

Tháng 2-1943, Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp ở Võng La (Đông Anh, Phúc Yên) bàn việc mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất và xúc tiến việc chuẩn bị khởi nghĩa. Hội nghị nhận xét rằng phong trào Việt Minh đã phát triển, song phong trào ở đô thị còn yếu. Phong trào công nhân không được mạnh và rộng rãi tương xứng với vị trí của giai cấp đó, đồng thời còn thiếu một "phong trào cách mạng quốc gia tư sản và phong trào thanh niên học sinh"¹.

Hội nghị đề ra những biện pháp cụ thể nhằm phát triển phong trào quần chúng rộng rãi và đều khắp, đặc biệt chú trọng đến công tác công vận, xây dựng cơ sở cách mạng trong công nhân, nhất là ở các thành phố lớn, nhằm chuẩn bị điều kiện cho cuộc khởi nghĩa trong tương lai có thể nổ ra ở những trung tâm đầu não của quân thù, làm cho chúng bị tê liệt, bảo đảm cho cuộc khởi nghĩa lan rộng trong cả nước. Đồng thời phải chú trọng mở rộng phong trào cách mạng trong thanh niên, học sinh, trí thức, nhằm

* Nay tách thành hai nước: Séc và Xlôvakiá.

** Nay là Mianma.

1. *Sđđ*, tr. 290.

làm cho cuộc khởi nghĩa mang tính chất toàn dân.

Hội nghị chủ trương xúc tiến cuộc vận động thành lập Mặt trận dân chủ chống Nhật ở Đông Dương để khoét sâu thêm mâu thuẫn trong nội bộ kẻ thù bằng cách tranh thủ bắt tay có điều kiện với những ngoại kiều ở Đông Dương có tinh thần chống phátxít Pháp-Nhật, chủ yếu là những người Pháp thuộc phái Đờ Gôn và Hoa kiều chống Nhật.

Nhận định về chiều hướng phát triển của phong trào cách mạng dưới ách thống trị của Pháp-Nhật, Hội nghị cho rằng "phong trào cách mạng Đông Dương có thể *bổng chốc tiến lên bằng những bước nhảy cao*". Hội nghị quyết định phải khẩn trương hơn nữa trong việc chuẩn bị khởi nghĩa theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám (tháng 5-1941) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, phải "đặt mình vào tình thế khẩn cấp", coi việc "chuẩn bị khởi nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của Đảng ta và dân ta trong giai đoạn hiện tại"¹. Hội nghị vạch ra một kế hoạch thúc đẩy việc chuẩn bị đầy đủ về mọi mặt cho cuộc khởi nghĩa sắp đến.

Về công tác xây dựng Đảng, Hội nghị nhấn mạnh rằng chính sách lập mặt trận của Đảng càng rộng thì vai trò lãnh đạo của Đảng càng phải vững chắc. Cho nên cần phải kịp thời củng cố Đảng về mọi phương diện, làm cho Đảng được mạnh mẽ và trong sạch, phải đề phòng bọn khiêu khích chui vào Đảng, nêu cao ý thức tổ chức kỷ luật của đảng viên.

Từ năm 1943 đến 1945, phong trào cách mạng phát triển ngày càng mạnh và đều khắp. ở Bắc Kỳ, hầu hết các đảng bộ địa phương đã lãnh đạo xây dựng được các tổ chức cứu quốc ở hầu khắp các vùng ở nông thôn và đô thị. Tại Hà Nội, tổ chức Việt Minh được thành lập trong nhiều nhà máy, trường học, đường phố. Nhiều cuộc bãi công đòi tăng lương của công nhân đã nổ ra ở Hà Nội, Hải Phòng, Uông Bí, Nam Định... Phong trào đấu tranh chống nhổ lúa trồng đay, nhổ ngô trồng thầu dầu, chống bắt phu, bắt lính, chống thu thóc tạ... lôi cuốn nông dân tham gia ngày càng đông đảo. Phong trào Việt Minh ở các tỉnh miền Trung cũng trên đà phát triển mạnh trong nông dân, công nhân, dân nghèo thành thị...

ở Nam Kỳ, phong trào cách mạng phục hồi, hệ thống tổ chức đảng được xây dựng lại ở nhiều địa phương. Tổ chức Việt Minh đã có cơ sở ở Sài Gòn, Gia Định, Tây Ninh. Hàng chục cuộc đấu tranh của công nhân đã nổ ra tại Sài Gòn.

Phong trào thanh niên, học sinh, trí thức ở thành phố bắt đầu phát triển khiến cho bọn đế quốc phátxít Pháp-Nhật lo sợ. Bên cạnh thủ đoạn bạo lực đàn áp, chúng tích cực dùng nhiều thủ đoạn chính trị, văn hóa rất xảo quyệt để ngăn chặn phong trào thanh niên, trí thức. Phátxít Nhật ra sức tuyên truyền thuyết "Đại Đông á", thuyết "Khu vực thịnh vượng chung". Chúng mở trường dạy tiếng Nhật, tổ chức triển lãm, chiếu phim, phát hành báo chí gây tâm lý sợ Nhật và phục Nhật.

Đảng đã đẩy mạnh hoạt động chống lại những nọc độc văn hóa tư tưởng phản động của Pháp-Nhật và tay sai, tuyên truyền đường lối cứu nước của Đảng, cổ vũ quần

1. *Sđd*, tr. 298.

chúng lên trận tuyến cách mạng. Báo chí cách mạng là một vũ khí sắc bén trong công tác này. Đảng và Việt Minh cho xuất bản các báo: *Giải phóng, Cờ giải phóng, Chặt xiềng, Cứu quốc, Việt Nam độc lập, Bãi Sậy, Đuổi giặc nước, Tiền phong, Kèn gọi lính, Quân giải phóng, Kháng địch, Độc lập*, v.v.. Trong các nhà tù các chiến sĩ cách mạng cũng cho ra báo *Suối reo* (Sơn La), *Bình Minh* (Hòa Bình), *Thông reo* (Chợ Chu), *Dòng sông Công* (Bá Vân)...

Trên văn đàn công khai lúc đó xuất hiện xu hướng cải lương, bi quan, yếm thế. Một số tác phẩm tiến bộ, thể hiện tinh thần yêu nước, nhưng chưa có phương hướng đấu tranh rõ rệt. Đảng chủ trương phái cán bộ hoạt động trong lĩnh vực văn hóa để gây một phong trào văn hóa tiến bộ, sử dụng các hình thức công khai hoặc nửa công khai để tập hợp các nhà hoạt động văn hóa, văn nghệ...

Năm 1943, Đảng đưa ra bản *Đề cương văn hóa Việt Nam*. Bản đề cương khẳng định văn hóa là một trong ba mặt trận cách mạng do Đảng lãnh đạo. Nhiệm vụ của các nhà văn hóa yêu nước và cách mạng là phải chống lại văn hóa nô dịch, ngu dân của bọn phátxít và tay sai, tiến tới xây dựng trong tương lai một nền văn hóa mới theo ba nguyên tắc: dân tộc, khoa học và đại chúng.

Cuối năm 1944, Hội Văn hóa cứu quốc Việt Nam ra đời, thu hút trí thức và các nhà hoạt động văn hóa vào trận tuyến đấu tranh vì một nền văn hóa mới, vì sự nghiệp chống Pháp-Nhật, giành độc lập, tự do.

Đảng vận động và giúp đỡ một số sinh viên, trí thức yêu nước và tiến bộ thành lập Đảng Dân chủ Việt Nam (tháng 6-1944), một chính đảng của tư sản dân tộc và trí thức yêu nước, tiến bộ. Đảng này tham gia Mặt trận Việt Minh và tích cực hoạt động, góp phần mở rộng thêm khối đại đoàn kết dân tộc, làm thất bại âm mưu chia rẽ và lôi kéo tư sản dân tộc và trí thức của phátxít Nhật và tay sai.

Đảng cũng tăng cường công tác vận động binh lính người Việt, lính Pháp và lê dương. Từ Trung ương đến các địa phương đều có tổ chức ban binh vận. Đảng đã cử người liên lạc với những người thuộc phái tả của Đảng Xã hội Pháp trong quân đội lê dương, trong công chức Pháp ở Việt Nam và cả những người Pháp thuộc phái Đờ Gôn ở Đông Dương để thực hiện một liên minh chống phátxít. Song do bản chất thực dân ngoan cố và sợ Nhật của những người theo phái Đờ Gôn nên chủ trương liên minh đó của Đảng không có kết quả.

Cùng với việc đẩy mạnh xây dựng lực lượng chính trị, Đảng rất chú trọng xây dựng và phát triển các căn cứ địa cách mạng và lực lượng vũ trang. ở trung tâm Bắc Sơn-Vũ Nhai, Cứu quốc quân tích cực tiến hành công tác tuyên truyền vũ trang, gây cơ sở chính trị, mở rộng khu căn cứ ra nhiều huyện thuộc các tỉnh Thái Nguyên, Tuyên Quang, Vĩnh Yên... lực lượng cứu quốc quân phát triển thêm một trung đội.

Về phía trung tâm Cao Bằng, phong trào Việt Minh phát triển mạnh mẽ. Khu căn cứ được mở rộng sang các tỉnh Hà Giang, Bắc Cạn, Lạng Sơn. Các đoàn xung phong Nam tiến hoạt động mạnh, phát triển cơ sở chính trị quần chúng trong các dân tộc thiểu số, đánh thông đường liên lạc bằng một hành lang chính trị nối liền hai khu căn cứ Cao

Bằng và Bắc Sơn-Võ Nhai (cuối năm 1943), chuẩn bị cho sự ra đời khu giải phóng Việt Bắc về sau.

Từ giữa năm 1944, tình hình trong nước và trên thế giới phát triển mau lẹ. Cuộc chiến tranh chống phátxít sắp bước vào giai đoạn kết thúc, Quân đội Xôviết đang phản công quân Đức trên nhiều mặt trận. Căn cứ vào chủ trương của Đảng, Tổng bộ Việt Minh ra chỉ thị *Sửa soạn khởi nghĩa* và ra lời kêu gọi nhân dân "sắm vũ khí! đuổi kẻ thù chung!". Không khí chuẩn bị cho khởi nghĩa sôi nổi trong khu căn cứ.

Tháng 10-1944, đế quốc Pháp mở cuộc càn quét lớn vào Vũ Nhai (Thái Nguyên), cấp ủy đảng địa phương phát động quần chúng khởi nghĩa ngoài kế hoạch của Trung ương, làm cho lực lượng cách mạng ở đây gặp nhiều khó khăn, có nguy cơ bị tổn thất lớn. Ban Thường vụ Trung ương Đảng kịp thời phê phán hoạt động thiếu cân nhắc, làm bộc lộ lực lượng quá sớm, tự hãm mình vào thế bị cô lập. Trung ương Đảng quyết định phải chuyển hướng hoạt động ngay để bảo toàn lực lượng.

ở Cao - Bắc - Lạng, trong không khí cách mạng sục sôi, cấp ủy địa phương gấp rút chuẩn bị phát động chiến tranh du kích trong phạm vi ba tỉnh. Lúc đó, Hồ Chí Minh từ Trung Quốc trở lại Cao Bằng. Người kịp thời quyết định đình chỉ việc phát động chiến tranh du kích trên quy mô rộng lớn đó vì điều kiện trong cả nước chưa chín muồi, giúp cho Cao - Bắc - Lạng tránh khỏi những tổn thất lớn. Người chỉ rõ: "Bây giờ thời kỳ cách mạng hòa bình phát triển đã qua, nhưng thời kỳ toàn dân khởi nghĩa chưa tới. Nếu bây giờ chúng ta vẫn chỉ hoạt động bằng hình thức chính trị thì không đủ để đẩy mạnh phong trào đi tới. Nhưng phát động vũ trang khởi nghĩa ngay thì quân địch sẽ tập trung đối phó. Cuộc đấu tranh bây giờ phải từ hình thức chính trị tiến lên hình thức quân sự. Phải tìm một phương thức thích hợp thì mới có thể đẩy phong trào tiến lên"¹.

Tiếp đó, Người ra chỉ thị thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân, xác định nguyên tắc tổ chức, phương thức hoạt động và phương châm tác chiến của lực lượng vũ trang, hoạt động theo phương châm chính trị trọng hơn quân sự, tuyên truyền trọng hơn tác chiến. Người nhấn mạnh: "Cuộc kháng chiến của ta là cuộc kháng chiến của toàn dân, phải động viên toàn dân, vũ trang toàn dân". Đội có nhiệm vụ vũ trang tuyên truyền, vận động nhân dân nổi dậy, gây dựng cơ sở chính trị và quân sự cho cuộc khởi nghĩa sắp đến. Với vai trò là đội quân đàn anh, đội còn có nhiệm vụ dìu dắt các đội vũ trang của địa phương, giúp đỡ việc huấn luyện và trang bị vũ khí làm cho các đội này cùng trưởng thành và cùng phối hợp hành động trong hoạt động quân sự. Đội phải vận dụng lối đánh du kích mau lẹ, linh hoạt, bí mật, bất ngờ. Chỉ thị thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân của Hồ Chí Minh có giá trị như một cương lĩnh quân sự tóm tắt của Đảng.

Ngày 22-12-1944, *Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân* do Võ Nguyên Giáp tổ chức ra đời ở huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng. Mấy ngày sau, đội đánh thắng liên tiếp hai trận ở Phai Khắt (ngày 25-12-1944) và Nà Ngần (ngày 26-12-1944) thuộc tỉnh Cao Bằng. Phát huy thắng lợi đầu tiên, đội đẩy mạnh vũ trang tuyên truyền,

1. Dẫn theo Võ Nguyên Giáp: *Từ nhân dân mà ra*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1969, tr. 132.

kết hợp chính trị và quân sự, xây dựng cơ sở cách mạng, góp phần củng cố và mở rộng khu căn cứ Cao - Bắc - Lạng, cổ vũ và thúc đẩy mạnh mẽ phong trào cách mạng quần chúng trong cả nước.

Phong trào cách mạng mở rộng đòi hỏi tăng cường đội ngũ cán bộ lãnh đạo và phát triển đảng viên. Đảng bí mật tổ chức cho một số cán bộ, đảng viên của Đảng đang bị giam trong các nhà tù vượt ngục, trở về địa phương hoạt động. Ngày 24-5-1944, Hoàng Văn Thụ, một cán bộ lãnh đạo xuất sắc của Đảng bị địch xử bắn. Đảng quyết định kết nạp lớp đảng viên Hoàng Văn Thụ. Nhiều người ưu tú trong phong trào Việt Minh được kết nạp vào Đảng.

Tình hình thời cuộc lúc này rất khẩn trương. Tháng 10-1944, Hồ Chí Minh gửi thư cho đồng bào toàn quốc, thông báo chủ trương của Đảng về việc triệu tập Đại hội đại biểu quốc dân. Bức thư nêu rõ: "Phe xâm lược gần đến ngày bị tiêu diệt. Các Đồng minh quốc sắp tranh được sự thắng lợi cuối cùng. Cơ hội cho dân tộc ta giải phóng chỉ ở trong một năm hoặc năm rưỡi nữa. Thời gian rất gấp. Ta phải làm nhanh!"¹.

4. Đảng lãnh đạo cao trào kháng Nhật cứu nước và tổng khởi nghĩa giành chính quyền (tháng 3-1945 - tháng 8-1945)

Đầu năm 1945, Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc. Hồng quân Liên Xô đang truy kích phátxít Đức trên chiến trường châu Âu, giải phóng nhiều nước ở Đông Âu và tiến như vũ bão về phía Béclin. Số phận của phátxít Đức sắp kết liễu. ở Tây Âu, Anh - Mỹ đã mở mặt trận thứ hai, đổ quân lên đất Pháp và tiến về phía Tây nước Đức quốc xã. Công nhân Pari nổi dậy, nước Pháp được giải phóng, Chính phủ Đờ Gôn về Pari.

ở mặt trận Thái Bình Dương, phátxít Nhật cũng rất nguy khốn. Quân Anh đánh lùi quân Nhật ở Miến Điện. Quân Mỹ đổ bộ lên Philíppin. Đường biển đến các căn cứ ở Đông Nam á của Nhật bị quân Đồng minh khống chế. Súng chét Nhật cũng phải giữ lấy con đường bộ duy nhất nối liền từ Mãn Châu xuyên qua Đông Dương xuống Đông Nam á. Nhật rất lo sợ về việc quân Đồng minh sẽ đổ bộ vào Đông Dương, cắt quân Nhật trên lục địa Viễn Đông thành hai khúc.

Lực lượng thực dân Pháp theo phái Đờ Gôn ở Đông Dương ngóc đầu dậy, hoạt động ráo riết, chuẩn bị đón thời cơ khi quân Đồng minh đổ bộ lên Đông Dương sẽ đánh Nhật nhằm khôi phục lại quyền thống trị của chúng trên bán đảo này. Mâu thuẫn đối kháng giữa Nhật và Pháp ở Đông Dương càng trở nên gay gắt. "*Cả hai quân thù Nhật-Pháp đều đang sửa soạn tiến tới chỗ tao sống mà chết, quyết liệt cùng nhau*"¹.

Tình thế thất bại của phátxít Nhật ở Thái Bình Dương buộc chúng phải làm cuộc đảo chính lật đổ Pháp để độc chiếm Đông Dương và trừ mối họa bị quân Pháp đánh vào sau lưng khi quân Đồng minh đổ bộ lên Đông Dương, đồng thời giữ cầu nối liền các thuộc địa của chúng. Ngày 9-3-1945, Nhật nổ súng, lật đổ Pháp trên toàn cõi Đông Dương.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.3, tr. 505, 506.

1. Lê Duẩn: *Ngọn cờ giải phóng*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1955, tr. 46.

Quân Pháp chống cự rất yếu ớt và nhanh chóng đầu hàng.

Dự đoán trước tình hình Nhật sắp sửa lật Pháp ở Đông Dương, Tổng Bí thư Trường Chinh triệu tập Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp mở rộng tại làng Đình Bảng (Từ Sơn, Bắc Ninh), ngay trước lúc Nhật nổ súng. Ngày 12-3-1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra Chỉ thị "*Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*". Toàn bộ những nhận định cơ bản về tình hình và chủ trương mới của Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng được thể hiện tập trung trong bản Chỉ thị lịch sử đó.

Bản chỉ thị nhận định rằng cuộc đảo chính của Nhật lật đổ Pháp để độc chiếm Đông Dương đã tạo ra một cuộc khủng hoảng chính trị sâu sắc, nhưng điều kiện khởi nghĩa chưa thực sự chín muồi. Tuy vậy, hiện đang có những cơ hội tốt làm cho những điều kiện tổng khởi nghĩa nhanh chóng chín muồi (chính trị khủng hoảng do cuộc đảo chính gây ra, nạn đói ghê gớm và chiến tranh đến giai đoạn quyết liệt).

Chỉ thị xác định kẻ thù cụ thể, trước mắt và duy nhất của nhân dân Đông Dương sau cuộc đảo chính là phátxít Nhật, vì vậy phải thay khẩu hiệu "*đánh đuổi phátxít Nhật-Pháp*" bằng khẩu hiệu "*đánh đuổi phátxít Nhật*" và đưa ra khẩu hiệu "*thành lập chính quyền cách mạng của nhân dân Đông Dương*" để chống lại chính phủ bù nhìn Việt gian thân Nhật.

Chỉ thị chủ trương *phát động một cao trào kháng Nhật cứu nước mạnh mẽ làm tiền đề cho cuộc tổng khởi nghĩa*. Mọi hình thức tuyên truyền, cổ động, tổ chức và đấu tranh phải thay đổi cho thích hợp với thời kỳ tiền khởi nghĩa nhằm động viên mau chóng quần chúng lên trận địa cách mạng, tập dượt quần chúng tiến lên tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Muốn vậy, phải thực hiện những hình thức tuyên truyền và đấu tranh cao hơn và mạnh bạo hơn như tuyên truyền xung phong có vũ trang, biểu tình tuần hành thị uy, bãi công chính trị, tổ chức quần chúng đánh phá các kho thóc để giải quyết nạn đói, đẩy mạnh xây dựng các đội tự vệ cứu quốc, tổ chức bộ đội, du kích, thành lập căn cứ địa cách mạng, phát động du kích chiến tranh ở những nơi có điều kiện.

Phương châm đấu tranh lúc này là phát động chiến tranh du kích, giải phóng từng vùng, mở rộng căn cứ địa. Đó là phương pháp duy nhất của dân tộc để đóng vai trò chủ động trong việc đánh đuổi quân Nhật và sẵn sàng chuyển qua hình thức tổng khởi nghĩa một khi có đủ điều kiện.

Chỉ thị cũng dự kiến những hoàn cảnh thuận lợi để thực hiện tổng khởi nghĩa như khi quân Đồng minh kéo vào Đông Dương đánh Nhật đã bám chắc, tiến sâu trên đất ta và quân Nhật đã kéo ra mặt trận ngăn cản quân Đồng minh để phía sau sơ hở. Cũng có thể là cách mạng Nhật bùng nổ và chính quyền cách mạng của nhân dân Nhật được thành lập, hoặc Nhật bị mất nước như Pháp năm 1940 và quân đội viễn chinh Nhật mất tinh thần. Chỉ thị còn nêu rõ rằng, dù sao ta vẫn không được ỷ lại vào người và tự bó tay mình trong khi tình thế biến chuyển thuận lợi, mà phải nêu cao tinh thần dựa vào sức mình là chính.

Bản chỉ thị ngày 12 -3-1945 thể hiện sự lãnh đạo sáng suốt, kiên quyết, kịp thời của Đảng. Đó là kim chỉ nam cho mọi hành động của Đảng và Việt Minh với khẩu hiệu

"Đánh đuổi phátxít Nhật" thay cho khẩu hiệu "Đánh đuổi Nhật, Pháp" trong cao trào kháng Nhật, cứu nước, trực tiếp dẫn đến thắng lợi của cuộc tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.

Từ giữa tháng 3-1945 trở đi, cao trào kháng Nhật cứu nước đã diễn ra rất sôi nổi, mạnh mẽ và phong phú về nội dung và hình thức.

Phong trào đấu tranh vũ trang, khởi nghĩa từng phần đã diễn ra trong nhiều nơi ở vùng thượng du và trung du Bắc Kỳ. Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân và Cứu quốc quân phối hợp với lực lượng chính trị của quần chúng giải phóng hàng loạt xã, châu, huyện thuộc các tỉnh Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Tuyên Quang.

ở Bắc Giang, quần chúng nổi dậy thành lập ủy ban dân tộc giải phóng ở nhiều làng. Chính quyền cách mạng tịch thu ruộng đất thuộc đồn điền Táctaranh (Tartarin), chia cho nông dân nghèo và những gia đình có công với cách mạng. Đội du kích Bắc Giang được thành lập. ở Hưng Yên, đội tự vệ chiến đấu đánh chiếm đồn Bần, thu toàn bộ vũ khí của địch. ở Quảng Ngãi, cuộc khởi nghĩa nổ ra ở Ba Tơ. Đội du kích Ba Tơ được thành lập. Đây là đội vũ trang thoát ly đầu tiên do Đảng tổ chức và lãnh đạo ở miền Trung.

Hàng ngàn chiến sĩ cách mạng bị địch giam giữ trong các nhà tù Nghĩa Lộ, Sơn La, Hoà Lò, Buôn Ma Thuột, Hội An... nhân cơ hội Nhật-Pháp bắn nhau đã vượt ngục ra ngoài hoạt động.

Ngày 16 tháng 4 năm 1945, Tổng bộ Việt Minh ra chỉ thị về việc tổ chức *Ủy ban giải phóng Việt Nam*.

Giữa lúc cao trào kháng Nhật cứu nước đang cuộn cuộn dâng lên, ngày 15-5-1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng triệu tập Hội nghị quân sự cách mạng Bắc Kỳ tại Hiệp Hoà (Bắc Giang), do Trường Chinh chủ trì. Hội nghị nhận định: tình thế đã đặt nhiệm vụ quân sự lên trên tất cả các nhiệm vụ quan trọng và cần kíp trong lúc này. Chúng ta phải tích cực phát triển chiến tranh du kích, gây dựng căn cứ địa kháng Nhật để chuẩn bị cuộc tổng khởi nghĩa cho kịp thời cơ. Hội nghị chủ trương thống nhất các lực lượng vũ trang sẵn có thành *Việt Nam giải phóng quân*, xây dựng các chiến khu trong cả nước, phát triển hơn nữa lực lượng vũ trang và nửa vũ trang, mở trường đào tạo cán bộ quân sự và chính trị.

Tháng 5-1945, Hồ Chí Minh về Tân Trào (Tuyên Quang). Người chỉ thị phải gấp rút chuẩn bị Đại hội quốc dân. Người cũng chỉ thị thành lập "khu giải phóng". Ngày 4-6-1945, khu giải phóng chính thức được thành lập gồm hầu hết các tỉnh Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Hà Giang và một số vùng lân cận thuộc Bắc Giang, Phú Thọ, Yên Bái, Vĩnh Yên. ủy ban lâm thời khu giải phóng được thành lập. Khu giải phóng trở thành căn cứ địa chính của cách mạng cả nước và là hình ảnh thu nhỏ của nước Việt Nam mới.

Các cuộc nổi dậy của quần chúng và các cuộc tiến công của các lực lượng vũ trang diễn ra liên tiếp. Chính quyền cách mạng ở nhiều địa phương lần lượt ra đời. Nhiều chiến khu mới được xây dựng như chiến khu Văn - Hiến Lương ở vùng giáp giới

hai tỉnh Phú Thọ và Yên Bái, chiến khu Đông Triều (Quảng Yên), chiến khu Hoà - Ninh - Thanh, chiến khu Vĩnh Tuy và Đầu Rái (Quảng Ngãi)... Các căn cứ địa cách mạng là bàn đạp để phát triển lực lượng cách mạng, là hậu phương của các lực lượng vũ trang, là ngọn cờ hiệu triệu và cổ vũ phong trào cách mạng cả nước.

Thực hiện khởi nghĩa từng phần, giành chính quyền bộ phận, mở rộng căn cứ địa cách mạng để thúc đẩy mạnh mẽ việc chuẩn bị lực lượng tiến lên tổng khởi nghĩa, là điểm độc đáo và sáng tạo của Đảng ta trong tiến trình lãnh đạo chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang ở một nước vốn là thuộc địa.

Cùng với khởi nghĩa từng phần, giành chính quyền bộ phận, thực hiện chiến tranh du kích ở những nơi có điều kiện, phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng phát triển nhanh chóng, mạnh mẽ. Trong toàn quốc đã nổ ra nhiều cuộc mítting, biểu tình, diễn thuyết xung phong ở các chợ, bến đò, xí nghiệp, trường học, rạp chiếu bóng. ở nhiều địa phương, quần chúng cách mạng đã cảnh cáo bọn quan lại, tổng lý cường hào có ý chống lại cách mạng, trừng trị bọn Việt gian. ở nhiều thị xã, thành phố và ngay cả Hà Nội, các đội danh dự Việt Minh ra sức hoạt động vũ trang tuyên truyền, diệt ác trừ gian, tảo bạo trừ khử một số tên tay sai đắc lực của địch, kích thích tinh thần cách mạng của quần chúng.

Giữa lúc phong trào quần chúng trong cả nước đang phát triển mạnh ở cả nông thôn và thành thị, nạn đói đã diễn ra nghiêm trọng ở các tỉnh Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ. Hơn 2 triệu đồng bào chết đói. Hàng triệu người khác sống ngắc ngoải. Đó là hậu quả của chính sách bóc lột, vơ vét tàn bạo của bọn phátxít Nhật - Pháp.

Xuất phát từ lợi ích sống còn trước mắt của quần chúng, Đảng kịp thời đề ra khẩu hiệu "*phá kho thóc, giải quyết nạn đói*". Chủ trương đó đáp ứng đúng nguyện vọng cấp bách của quần chúng. Trong một thời gian ngắn, Đảng đã động viên được hàng triệu quần chúng tiến lên trận tuyến cách mạng, "*thổi bùng ngọn lửa căm thù trong đông đảo nhân dân và phát động quần chúng vùng dậy với khí thế cách mạng hùng hực tiến tới tổng khởi nghĩa giành chính quyền*"¹.

Cao trào chống Nhật, cứu nước không những động viên được đông đảo quần chúng công nhân, nông dân, tiểu thương, tiểu chủ, học sinh, viên chức mà còn lôi kéo cả tư sản dân tộc và một số địa chủ nhỏ. Binh lính, cảnh sát của chính quyền Trần Trọng Kim cũng dao động, một số ngả theo cách mạng hoặc ủng hộ cách mạng. Một số lý trưởng, chánh tổng, chánh phó tổng, tri phủ, tri huyện và cả một số tỉnh trưởng cũng tìm cách liên lạc với Việt Minh... Bộ máy chính quyền thống trị nhiều nơi tê liệt.

Các tổ chức cứu quốc, các đội tự vệ cứu quốc được thành lập ở nhiều thôn xóm và phố phường. Khắp nơi quần chúng nô nức tự vũ trang. Không khí sửa soạn tiến nhanh tới khởi nghĩa sục sôi trong cả nước.

Trong thời kỳ gấp rút chuẩn bị tổng khởi nghĩa, Đảng rất coi trọng cuộc đấu tranh để thống nhất đường lối, tăng cường sự nhất trí về tư tưởng và hành động trong Đảng.

1. *Sđd*, tr. 47.

Trung ương Đảng đã phát hiện kịp thời và phê phán nghiêm khắc quan điểm mơ hồ, lệch lạc chớm nở trong một số cán bộ, đảng viên ở miền Trung khi nêu chủ trương là lợi dụng và cải tổ chính phủ bù nhìn Trần Trọng Kim, nuôi hy vọng giành độc lập bằng con đường thương lượng với Nhật. Chủ trương đó không nhằm đúng vào kẻ thù chính trước mắt cần tập trung đánh đổ là phátxít Nhật và bè lũ tay sai, đi chệch mục tiêu khởi nghĩa giành chính quyền do Đảng vạch ra. Trung ương Đảng cũng phê phán tư tưởng "tả" khuynh và hữu khuynh của một số cán bộ đảng viên hoạt động ở Nam Kỳ, trong các nhóm Tiên phong và Giải phóng; kêu gọi các đồng chí đó hãy kíp gạt bỏ thành kiến, đi vào đường lối của Đảng.

Đồng thời Trung ương Đảng kiên quyết vạch trần những thủ đoạn lừa bịp của phátxít Nhật và các đảng phái chính trị tay sai Nhật, những luận điệu khiêu khích phá hoại của bọn torótkít, làm cho cán bộ và nhân dân thấy rõ đối với Nhật chỉ có một cách là toàn dân đoàn kết, cầm vũ khí chiến đấu, mới tự quyết định được số phận của mình trong những ngày khởi nghĩa sắp đến.

Chiến tranh thế giới thứ hai đi đến hồi kết thúc. ở châu Âu, tháng 5-1945, Quân đội Liên Xô đã tiêu diệt hoàn toàn bọn phátxít Đức tại sào huyệt của chúng và buộc chúng đầu hàng vô điều kiện. Tại châu Á, tháng 8-1945, Quân đội Liên Xô tiến công như vũ bão, đánh bại hơn 1 triệu quân Quan Đông tinh nhuệ của Nhật tại Mãn Châu. Chính phủ Nhật đầu hàng Liên Xô và các nước Đồng minh không điều kiện. Chính phủ Trần Trọng Kim do hoang mang cực độ. Kẻ thù của dân tộc Việt Nam gục ngã. Tình thế cách mạng trực tiếp xuất hiện. Tuy nhiên quân đội các nước đế quốc với danh nghĩa Đồng minh chuẩn bị vào Đông Dương tước vũ khí phátxít Nhật. Vì thế vấn đề giành chính quyền được đặt ra như một cuộc chạy đua nước rút với quân Đồng minh. Phải gấp rút hành động, không được do dự, lừng chừ. Trước tình thế vô cùng khẩn cấp và thuận lợi đó, Đảng kịp thời quyết định tổng khởi nghĩa.

Ngày 12-8-1945 Ủy ban lâm thời khu giải phóng hạ lệnh khởi nghĩa trong khu. Ngày 13-8-1945 Hội nghị toàn quốc của Đảng Cộng sản Đông Dương họp ở Tân Trào, gồm đại biểu các đảng bộ trong nước và một số đại biểu hoạt động ở nước ngoài. Hội nghị quyết định phát động tổng khởi nghĩa trong cả nước, giành lấy chính quyền từ tay phátxít Nhật trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương. Khẩu hiệu đấu tranh lúc này là: Phản đối xâm lược! Hoàn toàn độc lập! Chính quyền nhân dân! Những nguyên tắc để chỉ đạo khởi nghĩa là tập trung, thống nhất và kịp thời, phải đánh chiếm ngay những nơi chắc thắng, không kể thành phố hay nông thôn; quân sự và chính trị phải phối hợp; phải làm tan rã tinh thần quân địch và dụ chúng hàng trước khi đánh. Phải chớp lấy những căn cứ chính (cả ở các đô thị) trước khi quân Đồng minh vào, thành lập ủy ban nhân dân ở những nơi đã giành được quyền làm chủ...

Hội nghị cũng quyết định những vấn đề quan trọng về chính sách đối nội và đối ngoại cần thi hành sau khi giành được chính quyền. Về đối nội, sẽ lấy 10 chính sách lớn của Việt Minh làm chính sách cơ bản của chính quyền cách mạng. Về đối ngoại, thực hiện nguyên tắc bình đẳng, hợp tác, thêm bạn bớt thù, triệt để lợi dụng mâu thuẫn giữa Pháp - Anh và Mỹ - Tưởng, hết sức tránh trường hợp một mình phải đối phó với nhiều

kẻ thù trong một lúc; phải tranh thủ sự ủng hộ của Liên Xô, của nhân dân các nước trên thế giới, nhất là nhân dân Pháp và nhân dân Trung Quốc.

Hội nghị còn quyết định các vấn đề về công tác vận động quần chúng, đào tạo, sử dụng và phân phối cán bộ và các vấn đề về công tác Đảng. Tại Hội nghị này, Ban Chấp hành Trung ương Đảng được bổ sung thêm một số uỷ viên.

Tiếp sau Hội nghị toàn quốc của Đảng, ngày 16-8-1945 Đại hội quốc dân cũng họp tại Tân Trào. Về dự Đại hội có khoảng 60 đại biểu của các giới, các đảng phái chính trị, các đoàn thể quần chúng cứu quốc, các dân tộc, các tôn giáo trong nước và đại biểu kiều bào ở nước ngoài. Đại hội nhất trí tán thành quyết định tổng khởi nghĩa của Đảng Cộng sản Đông Dương, thông qua 10 chính sách lớn của Việt Minh, lập Ủy ban giải phóng dân tộc Việt Nam do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch.

Sự có mặt của Hồ Chí Minh đem lại cho các đại biểu dự Hội nghị toàn quốc của Đảng và Đại hội quốc dân một niềm tin tưởng vững chắc vào thắng lợi của cuộc tổng khởi nghĩa và tiền đồ tươi sáng của cách mạng nước ta. Ngay sau Đại hội quốc dân, Hồ Chí Minh gửi thư kêu gọi đồng bào cả nước:

"Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta... Chúng ta không thể chậm trễ. Tiến lên! Tiến lên! Dưới lá cờ Việt Minh, đồng bào hãy dũng cảm tiến lên!"¹.

Hưởng ứng chủ trương tổng khởi nghĩa của Đảng và lời hiệu triệu của Hồ Chí Minh, nhân dân cả nước, triệu người như một nhất tề nổi dậy, với tinh thần cách mạng tiến công liên tục và dũng cảm, với ý chí dù có hy sinh đến đâu, dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng kiên quyết giành cho được độc lập.

Từ ngày 14-8-1945 trở đi, các đơn vị Giải phóng quân lần lượt tiến công các đồn Nhật ở các tỉnh Cao Bằng, Bắc Cạn, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Yên Bái, v.v., hỗ trợ quần chúng tiến lên giành chính quyền ở tỉnh lỵ. Ngày 16-8-1945, một đơn vị Giải phóng quân do Võ Nguyên Giáp chỉ huy kéo về bao vây, tiến công quân Nhật ở thị xã Thái Nguyên. Cũng từ ngày 14 đến ngày 18-8 ở hầu hết các tỉnh miền Bắc, một số tỉnh miền Trung và miền Nam, quần chúng cách mạng đã nổi dậy giành chính quyền ở cấp xã và huyện. Ngày 18 tháng 8 nhân dân Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam đã giành được chính quyền ở tỉnh lỵ.

Tại Hà Nội, ngày 17-8 Đảng bộ Hà Nội bí mật huy động quần chúng trong các tổ chức cứu quốc ở nội và ngoại thành, chủ yếu là công nhân, thanh niên và tự vệ cứu quốc để biến cuộc mít tinh của Tổng hội viên chức thành cuộc mít tinh kêu gọi nhân dân ủng hộ Việt Minh, hăng hái tham gia khởi nghĩa. Cuộc mít tinh liền biến thành một cuộc biểu tình tuần hành, rầm rộ đi qua các phố đông người, tiến đến trước phủ toàn quyền cũ, nơi viên tư lệnh quân Nhật đóng, rồi chia thành từng toán nhỏ, đi cổ động chương trình Việt Minh khắp các phố.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.3, tr. 554.

Sau cuộc biểu dương lực lượng, thành uỷ Hà Nội nhận định chúng ta đã có đủ điều kiện để có thể quyết định phát động tổng khởi nghĩa.

Sáng ngày 19-8, quần chúng rầm rộ kéo đến quảng trường Nhà hát thành phố để dự cuộc mít tinh lớn do Mặt trận Việt Minh tổ chức. Ủy ban quân sự cách mạng đọc lời hiệu triệu khởi nghĩa của Việt Minh. Quần chúng cách mạng chia thành nhiều đoàn đi chiếm phủ khâm sai, tòa thị chính, trại bảo an binh, sở cảnh sát và các công sở của chính quyền bù nhìn. Binh lính đứng về phía cách mạng. Trước khí thế áp đảo của quần chúng khởi nghĩa, hơn một vạn quân Nhật ở Hà Nội tê liệt, không dám chống cự. Chính quyền về tay nhân dân.

Thắng lợi của cuộc khởi nghĩa ở Hà Nội ngày 19-8 tạo điều kiện thuận lợi lớn cho quá trình tổng khởi nghĩa đang tiếp diễn trong cả nước.

Ngày 23-8, ủy ban khởi nghĩa Thừa Thiên-Huế huy động quần chúng nông dân từ các huyện đã giành được chính quyền ở ngoại thành, kết hợp với công nhân, nhân dân lao động, thanh niên và các tầng lớp khác trong nội thành xuống đường biểu dương lực lượng. Quần chúng lần lượt chiếm các công sở không gặp phải sức kháng cự nào.

ở Nam Kỳ, được tin Hà Nội và Tân An (tỉnh khởi nghĩa thí điểm của Xứ ủy) đã về tay Việt Minh, Xứ ủy Nam Kỳ quyết định khởi nghĩa chiếm Sài Gòn và các tỉnh. Trong đêm 24-8 các lực lượng khởi nghĩa của công nhân, nông dân, thanh niên với gậy tầm vông vót nhọn và giáo mác, từ các tỉnh xung quanh rầm rập kéo về Sài Gòn. Sáng 25-8, hơn 1 triệu người biểu tình tuần hành thị uy. Quân khởi nghĩa chiếm các công sở quan trọng. Quân Nhật hoàn toàn tê liệt, không dám kháng cự. Bọn phản cách mạng ở sở mật thám Catina chống cự yếu ớt, nhưng bị đè bẹp. Cuộc khởi nghĩa thành công nhanh chóng. Mọi sinh hoạt trong thành phố đều giữ được bình thường.

Thắng lợi của khởi nghĩa ở Hà Nội, Huế, Sài Gòn và các đô thị khác đập tan các cơ quan đầu não của kẻ thù có ý nghĩa quyết định thắng lợi của cách mạng trong phạm vi cả nước.

Nhờ có sự chuẩn bị lực lượng chu đáo, lại nổ ra đúng thời cơ nên Cách mạng Tháng Tám đã giành được thắng lợi nhanh, gọn, ít đổ máu. Chỉ trong vòng 15 ngày (từ 14 đến 28-8) cuộc tổng khởi nghĩa đã thành công. Lần đầu tiên trong lịch sử, chính quyền cả nước về tay nhân dân.

Ngày 25-8-1945, Hồ Chí Minh cùng với Trung ương Đảng và ủy ban dân tộc giải phóng về đến Hà Nội. Ngày 28-8-1945, ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam tuyên bố tự cải tổ thành Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, một chính phủ thể hiện chính sách đoàn kết rộng rãi của Đảng đối với các tầng lớp nhân dân, các đảng phái yêu nước, các nhân sĩ tiến bộ. Nhiều ủy viên Việt Minh trong Chính phủ đã tự nguyện rút khỏi Chính phủ, tạo điều kiện để mời thêm nhiều nhân sĩ ngoài Việt Minh tham gia "Đó là một cử chỉ vô tư, tốt đẹp, không ham chuộng địa vị, đặt lợi ích của dân tộc, của đoàn kết toàn dân lên trên lợi ích cá nhân"¹.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, 2002, t.6, tr. 160.

Ngày 30-8-1945, một cuộc mít tinh gồm hàng vạn người tham gia ở Ngõ Môn, thành phố Huế, chứng kiến Bảo Đại đọc lời thoái vị và giao nộp ấn, kiếm cho đại diện Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Ngày 2-9-1945, Lễ độc lập được tổ chức trọng thể tại Quảng trường Ba Đình. Chính phủ lâm thời ra mắt quốc dân. Trước cuộc mít tinh của hàng chục vạn đồng bào thủ đô, thay mặt Chính phủ lâm thời, Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn Độc lập, trình trọng tuyên bố trước quốc dân và thế giới: Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời. Bản tuyên ngôn nêu rõ:

"Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do"¹.

"Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do, độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy"².

Tuyên ngôn độc lập là một văn kiện lịch sử có giá trị tư tưởng lớn và ý nghĩa thực tiễn sâu sắc. Đó là thiên anh hùng ca chiến đấu và chiến thắng, chứa chan sức mạnh và niềm tin, tràn đầy lòng tự hào và ý chí đấu tranh của nhân dân ta trong sự nghiệp giành và giữ nền độc lập, tự do và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc Việt Nam.

IV. Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa và kinh nghiệm lịch sử

Cách mạng Tháng Tám nổ ra trong hoàn cảnh khách quan rất thuận lợi: kẻ thù trực tiếp của nhân dân ta là phát xít Nhật đã bị Liên Xô và Đồng minh đánh bại, quân đội Nhật ở Đông Dương mất hết tinh thần chiến đấu, chính phủ Trần Trọng Kim rệu rã. Đảng Cộng sản Đông Dương đã chớp thời cơ đó phát động toàn dân nổi dậy nên đã giành được thắng lợi nhanh chóng và ít đổ máu.

Cách mạng Tháng Tám là kết quả và đỉnh cao của 15 năm đấu tranh của toàn dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng, mà trực tiếp là phong trào giải phóng dân tộc 1939-1945. Trong quá trình đó, Đảng đã xây dựng được một lực lượng chính trị hùng hậu; từng bước xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, được nhân dân nuôi dưỡng và đùm bọc, có chỗ đứng chân ngày càng vững chắc trong căn cứ địa cách mạng, giữ vai trò nòng cốt, xung kích, hỗ trợ cho quần chúng nổi dậy tổng khởi nghĩa giành chính quyền.

Đảng Cộng sản Đông Dương là người tổ chức và lãnh đạo cuộc Cách mạng Tháng Tám. Đảng có đường lối cách mạng đúng đắn, dày dặn kinh nghiệm đấu tranh, bắt rễ sâu trong quần chúng, đoàn kết và thống nhất, quyết tâm lãnh đạo quần chúng khởi nghĩa giành chính quyền. Sự lãnh đạo của Đảng là điều kiện cơ bản nhất, quyết định thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám.

Trong 15 năm đấu tranh cực kỳ gian khổ và anh dũng, biết bao đảng viên cộng

¹, ². Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđđ*, 2002, t.3, tr. 555, 557.

sản và quần chúng cách mạng đã hy sinh oanh liệt. Hồ Chí Minh nói: "Các đồng chí ta như đồng chí Trần Phú, đồng chí Ngô Gia Tự, đồng chí Lê Hồng Phong, đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai, đồng chí Hà Huy Tập, đồng chí Nguyễn Văn Cừ, đồng chí Hoàng Văn Thụ, và trăm nghìn đồng chí khác đã đặt lợi ích của Đảng, của cách mạng, của giai cấp, của dân tộc lên trên hết, lên trước hết. Các đồng chí đó đã tin tưởng sâu sắc, chắc chắn vào lực lượng vĩ đại và tương lai vẻ vang của giai cấp và của dân tộc. Các đồng chí ấy đã vui vẻ hy sinh hết thảy, hy sinh cả tính mệnh mình cho Đảng, cho giai cấp, cho dân tộc. Các đồng chí ấy đã đem xương máu mình vun tưới cho cây cách mạng, cho nên cây cách mạng đã khai hoa, kết quả tốt đẹp như ngày nay.

Tất cả chúng ta phải noi theo các gương anh dũng, gương chí công vô tư ấy, mới xứng đáng là người cách mạng"¹.

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc điển hình do Đảng Cộng sản lãnh đạo, lần đầu tiên giành thắng lợi ở một nước thuộc địa. Với thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám, nhân dân Việt Nam đã đập tan xiềng xích nô lệ của chủ nghĩa đế quốc trong gần một thế kỷ trên đất nước ta, chấm dứt sự tồn tại của chế độ quân chủ chuyên chế ngót nghìn năm, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nhà nước do nhân dân lao động làm chủ. Nhân dân Việt Nam từ thân phận nô lệ trở thành người dân độc lập, tự do, người làm chủ vận mệnh của mình. Nước ta từ một nước thuộc địa trở thành một nước độc lập và tự do. Đảng Cộng sản Việt Nam từ chỗ phải hoạt động bí mật, không hợp pháp trở thành một đảng cầm quyền và hoạt động công khai. Với thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám, "Chẳng những giai cấp lao động mà nhân dân Việt Nam ta có thể tự hào, mà giai cấp lao động và những dân tộc bị áp bức nơi khác cũng có thể tự hào rằng: lần này là lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng của các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa, một Đảng mới 15 tuổi đã lãnh đạo cách mạng thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc"².

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám đánh dấu bước phát triển nhảy vọt trong lịch sử tiến hóa của dân tộc Việt Nam, mở ra kỷ nguyên mới của lịch sử dân tộc, kỷ nguyên độc lập tự do.

Về mặt quốc tế, Cách mạng Tháng Tám thắng lợi đã chọc thủng một khâu quan trọng trong hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc, mở đầu thời kỳ suy sụp và tan rã không gì cứu vãn nổi của chủ nghĩa thực dân cũ, góp phần cống hiến lớn lao vào sự nghiệp giải trừ chủ nghĩa thực dân và giải phóng dân tộc trên thế giới.

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám đã cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc.

Cách mạng Tháng Tám là thắng lợi của tư tưởng độc lập tự do của Hồ Chí Minh và đường lối giải phóng dân tộc đúng đắn, sáng tạo của Đảng. Nó chứng tỏ rằng: ở thời đại chúng ta, một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc do giai cấp công nhân lãnh đạo hoàn toàn có khả năng thắng lợi ở một nước thuộc địa. Cuộc cách mạng đó quan hệ mật

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, 2002, t.6, tr. 159 - 160.

2. *Sđd*, tr. 159.

thiết với cách mạng vô sản ở "chính quốc", nhưng không lệ thuộc vào cách mạng ở "chính quốc". Trái lại, nó có thể giành được thắng lợi trước khi giai cấp công nhân "chính quốc" lên nắm chính quyền.

Cách mạng Tháng Tám thành công để lại cho Đảng và nhân dân Việt Nam nhiều kinh nghiệm quý báu, góp phần làm phong phú thêm kho tàng lý luận về cách mạng giải phóng dân tộc và khởi nghĩa dân tộc. Những kinh nghiệm chính là:

Một là: Giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc, kết hợp đúng đắn hai nhiệm vụ chống đế quốc và chống phong kiến.

Con đường cứu nước của Nguyễn ái Quốc và Cương lĩnh của Đảng đã xác định cách mạng nước ta trải qua hai giai đoạn, trước hết là cách mạng dân tộc dân chủ, sau đó chuyển lên cách mạng xã hội chủ nghĩa. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám là thắng lợi của đường lối gắn liền độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội.

Trong cách mạng dân tộc dân chủ, Đảng ta đã xác định nhiệm vụ chống đế quốc và nhiệm vụ chống phong kiến không thể tách rời nhau. Trải qua ba cao trào cách mạng, Đảng ta nhận thức sâu sắc hơn về mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ đó và xác định: tuy hai nhiệm vụ không tách rời nhau nhưng nhiệm vụ chống đế quốc là chủ yếu nhất, nhiệm vụ chống phong kiến phải phục tùng nhiệm vụ chống đế quốc và phải thực hiện từng bước với những khẩu hiệu cụ thể như: giảm tô, giảm tức, chia ruộng đất công, chia ruộng đất của bọn phản động cho nông dân nghèo, tiến tới cải cách ruộng đất. Phân tích mâu thuẫn chủ yếu của xã hội Việt Nam khi Chiến tranh thế giới thứ hai nổ ra, Đảng chủ trương chĩa mũi nhọn của cách mạng vào đế quốc phátxít Nhật - Pháp và bè lũ tay sai nhằm tập trung giải quyết yêu cầu chủ yếu cấp bách của cách mạng là giải phóng dân tộc. Thắng lợi Cách mạng Tháng Tám là thắng lợi của sự kết hợp đúng đắn hai nhiệm vụ chống đế quốc và chống phong kiến.

Hai là: Toàn dân nổi dậy trên nền tảng khối liên minh công - nông

Cách mạng Tháng Tám thắng lợi là nhờ cuộc đấu tranh yêu nước anh hùng của hơn 20 triệu người Việt Nam. Nhưng cuộc nổi dậy của toàn dân chỉ có thể thực hiện được khi có đạo quân chủ lực là giai cấp công nhân và giai cấp nông dân dưới sự lãnh đạo của Đảng. Đạo quân chủ lực này được xây dựng, củng cố qua ba cao trào cách mạng và lớn mạnh vượt bậc trong tổng khởi nghĩa. Dựa trên đạo quân chủ lực làm nền tảng, Đảng xây dựng được khối đại đoàn kết dân tộc, động viên toàn dân tổng khởi nghĩa thắng lợi.

Ba là: Lợi dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ thù

Đảng ta đã lợi dụng được mâu thuẫn giữa chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa đế quốc phátxít, mâu thuẫn giữa chủ nghĩa đế quốc và một bộ phận thế lực địa chủ phong kiến, mâu thuẫn trong hàng ngũ nguy quyền tay sai của Pháp và của Nhật, cô lập cao độ kẻ thù chính là bọn đế quốc phátxít và bọn tay sai phản động; tranh thủ hoặc trung lập những phần tử lừng chừng. Như vậy, Cách mạng Tháng Tám giành được thắng lợi nhanh gọn, ít đổ máu.

Bốn là: Kiên quyết dùng bạo lực cách mạng và biết sử dụng bạo lực cách mạng

một cách thích hợp để đập tan bộ máy nhà nước cũ, lập ra bộ máy nhà nước của nhân dân

Trong Cách mạng Tháng Tám, bạo lực của cách mạng là sự kết hợp chặt chẽ giữa lực lượng chính trị với lực lượng vũ trang; kết hợp nổi dậy của quần chúng với tiến công của lực lượng vũ trang cách mạng ở cả nông thôn và thành thị, trong đó vai trò quyết định là các cuộc tổng khởi nghĩa ở Hà Nội, Huế, Sài Gòn. Cách mạng Tháng Tám là kết quả của sự kết hợp tất cả các hình thức đấu tranh kinh tế và chính trị, hợp pháp và không hợp pháp của quần chúng, từ thấp đến cao, từ ở vài địa phương lan ra cả nước, từ khởi nghĩa từng phần tiến lên tổng khởi nghĩa, đập tan bộ máy nhà nước của giai cấp thống trị, lập ra bộ máy nhà nước của nhân dân.

Năm là: Năm vững nghệ thuật khởi nghĩa, nghệ thuật chọn đúng thời cơ

Đảng ta coi khởi nghĩa là một nghệ thuật, vừa vận dụng nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin và kinh nghiệm của cách mạng thế giới, vừa tổng kết những kinh nghiệm các cuộc khởi nghĩa ở nước ta. Trong rất nhiều văn kiện của Đảng từ năm 1939 đến nửa đầu năm 1945, Đảng đã vạch ra những điều kiện làm thời cơ cho tổng khởi nghĩa thắng lợi.

Cách mạng Tháng Tám thắng lợi chứng tỏ Đảng đã chọn đúng thời cơ. Đó là lúc bọn cầm quyền phátxít ở Đông Dương hoang mang đến cực độ sau khi Nhật đầu hàng; nhân dân ta không thể sống nghèo khổ như trước được nữa (khi hơn hai triệu người đã bị chết đói...). Đảng đã chuẩn bị sẵn sàng các mặt chủ trương, lực lượng và cao trào chống Nhật, cứu nước làm điều kiện chủ quan cho tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước.

Sáu là: Xây dựng một Đảng Mác - Lênin đủ sức lãnh đạo tổng khởi nghĩa giành chính quyền

Đảng ta ngay từ đầu đã xác định đúng đường lối chiến lược và sách lược cách mạng, không ngừng bổ sung và phát triển đường lối chiến lược và sách lược đó. Điều đó đòi hỏi Đảng phải biết vận dụng sáng tạo nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin vào hoàn cảnh cụ thể của nước ta, kịp thời tổng kết kinh nghiệm thực tiễn cách mạng.

Đảng ta rất coi trọng việc quán triệt đường lối chiến lược và sách lược, chủ trương của Đảng trong đảng viên và quần chúng cách mạng, không ngừng đấu tranh khắc phục những khuynh hướng lệch lạc. Đảng chăm lo công tác tổ chức, cán bộ, giáo dục rèn luyện cán bộ, đảng viên về ý chí bất khuất, phẩm chất chính trị và đạo đức cách mạng, xây dựng Đảng vững mạnh và trong sạch. Đảng biết phát huy triệt để vai trò của Mặt trận Việt Minh với hàng triệu hội viên và thông qua Mặt trận để lãnh đạo nhân dân đấu tranh.

Với những yếu tố như trên và được tôi luyện qua 15 năm đấu tranh mặc dù chỉ có 5.000 đảng viên, Đảng đã lãnh đạo Cách mạng Tháng Tám thành công.

Chương III

Đảng lãnh đạo cuộc kháng chiến chống thực dân pháp và can thiệp mỹ (1945 - 1954)

I. Lãnh đạo xây dựng và bảo vệ chính quyền, chuẩn bị kháng chiến trong cả nước (1945 - 1946)

1. Hoàn cảnh lịch sử nước ta sau Cách mạng Tháng Tám và chủ trương kháng chiến, kiến quốc của Đảng

Sau Cách mạng Tháng Tám, chính quyền nhân dân vừa mới được thành lập đã phải đương đầu với những khó khăn, thử thách rất nghiêm trọng. Đất nước bị các thế lực đế quốc, phản động bao vây và chống phá quyết liệt.

Cuối tháng 8 - 1945, theo thoả thuận của Đồng minh ở Hội nghị Potsdam (Posdam), gần 20 vạn quân của chính phủ Tưởng Giới Thạch ồ ạt kéo vào nước ta từ vĩ tuyến 16 trở ra làm nhiệm vụ giải giáp quân đội Nhật. Theo chúng là lực lượng tay sai phản động trong hai tổ chức "Việt quốc" (Việt Nam quốc dân Đảng) và "Việt cách" (Việt Nam cách mạng đồng minh hội). Vào Việt Nam, quân Tưởng Giới Thạch còn ráo riết thực hiện âm mưu tiêu diệt Đảng ta, phá tan Việt Minh, đánh đổ chính quyền cách mạng, lập chính quyền phản động tay sai của chúng. Đảng sau quân Tưởng là đế quốc Mỹ đang nuôi dã tâm đặt Đông Dương dưới chế độ "ủy trị", một trá hình của chế độ thuộc địa kiểu mới của Mỹ.

Phía Nam vĩ tuyến 16, quân đội Anh với danh nghĩa quân Đồng minh giải giáp quân đội Nhật đã đồng loã và tiếp tay cho thực dân Pháp quay lại Đông Dương. Ngày 23-9-1945, được quân Anh giúp sức, thực dân Pháp nổ súng đánh chiếm Sài Gòn, mở đầu cuộc xâm lược nước ta lần thứ hai.

Trên đất nước ta lúc đó còn có khoảng 6 vạn quân Nhật đang chờ giải giáp. Một số quân Nhật đã thực hiện lệnh của quân Anh, cầm súng cùng với quân Anh dọn đường cho quân Pháp mở rộng vùng chiếm đóng ở miền Nam.

Lúc này, các tổ chức phản động "Việt quốc", "Việt cách", Đại Việt ráo riết hoạt động. Chúng dựa vào thế lực bên ngoài để chống lại cách mạng. Chúng quấy nhiễu, phá rối, cướp của, giết người, tuyên truyền, kích động một số người đi theo chúng chống lại chính quyền cách mạng và đòi cải tổ Chính phủ lâm thời và các bộ trưởng là đảng viên cộng sản phải từ chức. Chúng lập chính quyền phản động ở Móng Cái, Yên Bái, Vĩnh Yên. Chưa bao giờ trên đất nước ta có mặt nhiều thù trong, giặc ngoài như lúc này.

Trong lúc đó, ta còn phải đối mặt với những thách thức nghiêm trọng về kinh tế, xã hội. Nạn đói ở miền Bắc do Nhật, Pháp gây ra chưa được khắc phục. Ruộng đất bị bỏ hoang. Công nghiệp đình đốn. Hàng hóa khan hiếm, giá cả tăng vọt, ngoại thương đình trệ. Tình hình tài chính rất khó khăn, kho bạc chỉ có 1,2 triệu đồng, trong đó quá nửa là tiền rách. Ngân hàng Đông Dương còn nằm trong tay tư bản Pháp. Quân Tưởng tung tiền quốc tệ và quan kim gây rối loạn thị trường. 95% số dân không biết chữ, các tệ nạn xã hội do chế độ cũ để lại hết sức nặng nề.

Trong những năm đầu sau Cách mạng Tháng Tám, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà chưa có nước nào công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với Chính phủ ta. Đất nước bị bao vây bốn phía, vận mệnh dân tộc như "ngàn cân treo sợi tóc". Tổ quốc lâm nguy!

Trước tình hình đó, Đảng ta do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu đã tỉnh táo và sáng suốt phân tích tình thế, chiều hướng phát triển của các trào lưu cách mạng trên thế giới và sức mạnh mới của dân tộc làm cơ sở để vạch ra chủ trương và giải pháp đấu tranh giữ vững chính quyền, bảo vệ nền độc lập tự do.

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, uy tín và địa vị của Liên Xô được nâng cao trên trường quốc tế. Phong trào cách mạng giải phóng dân tộc có điều kiện phát triển, trở thành một dòng thác cách mạng. Phong trào dân chủ và hòa bình cũng đang vươn lên mạnh mẽ. ở trong nước, chính quyền nhân dân của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã được kiến lập có hệ thống từ Trung ương đến cơ sở. Nhân dân lao động đã làm chủ vận mệnh của dân tộc. Lực lượng vũ trang nhân dân đang phát triển. Toàn dân tin tưởng và ủng hộ Việt Minh, ủng hộ Chủ tịch Hồ Chí Minh. Dưới sự lãnh đạo khéo léo của Đảng, của Hồ Chí Minh - vị lãnh tụ tối cao của dân tộc, toàn dân, toàn quân đoàn kết một lòng trong mặt trận dân tộc thống nhất, quyết tâm giữ vững nền độc lập tự do của dân tộc.

Sau ngày tuyên bố độc lập, Chính phủ lâm thời đã nêu ra những việc cấp bách nhằm thực hiện ba nhiệm vụ lớn: diệt giặc đói, diệt giặc dốt, diệt giặc ngoại xâm. Ngày 25-11-1945, Ban Chấp hành Trung ương ra Chỉ thị *Kháng chiến kiến quốc*. Chỉ thị nhận định tình hình thế giới và trong nước, chỉ rõ những thuận lợi cơ bản và những thử thách lớn lao của cách mạng nước ta. Trung ương Đảng xác định: Tính chất của "cuộc cách mạng Đông Dương lúc này vẫn là cuộc cách mạng *dân tộc giải phóng*"¹. Cuộc cách mạng ấy chưa hoàn thành vì nước ta chưa hoàn toàn độc lập. Khẩu hiệu của ta lúc này vẫn là "*Dân tộc trên hết, Tổ quốc trên hết*". Phân tích âm mưu của các đế quốc đối với Đông Dương, Trung ương nêu rõ "*kẻ thù chính của ta lúc này là thực dân Pháp xâm lược, phải tập trung ngọn lửa đấu tranh vào chúng*"². Vì vậy phải "*lập Mặt trận dân tộc thống nhất chống thực dân Pháp xâm lược*"³; mở rộng Mặt trận Việt Minh nhằm thu hút mọi tầng lớp nhân dân; thống nhất Mặt trận Việt - Miên - Lào; kiên quyết giành độc lập - tự do - hạnh phúc cho dân tộc.

1, 2, 3, 4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.8, tr. 26-27.

Chi thị *Kháng chiến kiến quốc* nêu ra nhiệm vụ chủ yếu của nhân dân cả nước ta lúc nay là "củng cố chính quyền, chống thực dân Pháp xâm lược, bài trừ nội phản, cải thiện đời sống cho nhân dân"⁴. Để thực hiện các nhiệm vụ đó Trung ương đề ra các công tác cụ thể:

Về nội chính: xúc tiến việc bầu cử Quốc hội, thành lập chính phủ chính thức, lập Hiến pháp, củng cố chính quyền nhân dân.

Về quân sự: động viên lực lượng toàn dân, kiên trì kháng chiến, tổ chức và lãnh đạo cuộc kháng chiến lâu dài.

Về ngoại giao: kiên trì nguyên tắc "bình đẳng tương trợ", thêm bạn bớt thù, thực hiện khẩu hiệu "Hoa - Việt thân thiện" đối với quân đội Tưởng Giới Thạch và chủ trương "độc lập về chính trị, nhân nhượng về kinh tế" đối với Pháp.

Chi thị *Kháng chiến kiến quốc* đã giải quyết kịp thời những vấn đề quan trọng về chỉ đạo chiến lược và sách lược cách mạng khôn khéo trong tình thế vô cùng hiểm nghèo của nước nhà.

2. Xây dựng chế độ dân chủ cộng hoà và tổ chức kháng chiến ở miền Nam

Để sự nghiệp kháng chiến kiến quốc giành được thắng lợi, nhiệm vụ trung tâm là củng cố chính quyền nhân dân. Ngay từ những ngày đầu, Đảng đã chú trọng lãnh đạo, xây dựng nền móng của chế độ dân chủ mới, xóa bỏ toàn bộ tổ chức bộ máy chính quyền thuộc địa, giải tán các đảng phái phản động...

Trong hoàn cảnh vô cùng phức tạp, bọn đế quốc phản động ra sức ngăn trở, quấy phá, Đảng kiên quyết lãnh đạo, tổ chức cuộc tổng tuyển cử ngày 6-1-1946 để nhân dân tự mình chọn lựa bầu những đại biểu chân chính của mình vào Quốc hội, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Ngày 2-3-1946, Quốc hội họp kỳ thứ nhất đã bầu Hồ Chí Minh giữ chức Chủ tịch Chính phủ và trao quyền cho Người lập chính phủ chính thức – Chính phủ liên hiệp kháng chiến. Tại kỳ họp thứ hai (tháng 11-1946), Quốc hội đã thông qua Hiến pháp của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Quyền làm chủ nước nhà, quyền và nghĩa vụ của mọi công dân được ghi nhận trong Hiến pháp. Nhân dân cũng đã khải trượng bầu Hội đồng nhân dân và Hội đồng nhân dân đã bầu Ủy ban hành chính các cấp.

Đảng chỉ đạo tích cực phát triển các đoàn thể yêu nước. Mặt trận dân tộc thống nhất được mở rộng, đưa đến sự ra đời của Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam (tháng 5-1946) gọi tắt là Liên Việt. Các tổ chức quần chúng được củng cố, mở rộng thêm: Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam... lần lượt ra đời. Đảng Xã hội Việt Nam được thành lập nhằm đoàn kết những trí thức yêu nước Việt Nam.

Đảng ta coi trọng việc xây dựng và phát triển công cụ bảo vệ chính quyền cách mạng như quân đội, công an. Lực lượng vũ trang tập trung được phát triển về mọi mặt. Cuối

năm 1946, lực lượng quân đội thường trực mang tên Quân đội quốc gia Việt Nam có 8 vạn người. Việc vũ trang quần chúng cách mạng, quân sự hoá toàn dân được thực hiện rộng khắp.

Cùng với việc xây dựng chính quyền nhân dân, Đảng và Chính phủ phát động thi đua sản xuất; động viên nhân dân tiết kiệm giúp nhau chống giặc đói; thực hiện bãi bỏ thuế thân và các thứ thuế vô lý khác của chế độ thực dân; tiến hành tịch thu ruộng đất của đế quốc, Việt gian chia cho nông dân nghèo, chia lại ruộng đất công một cách công bằng, hợp lý; giảm tô 25%, giảm thuế, miễn thuế cho nông dân vùng bị thiên tai; chủ trương cho mở lại các nhà máy do Nhật để lại, tiến hành khai thác mỏ, khuyến khích kinh doanh... Đảng đã động viên nhân dân tự nguyện đóng góp cho công quỹ hàng chục triệu đồng và hàng trăm kilôgam vàng, nền tài chính độc lập từng bước được xây dựng.

Đảng đã vận động toàn dân xây dựng nền văn hóa mới, xóa bỏ mọi tệ nạn văn hóa nô dịch của thực dân, xóa bỏ các hủ tục lạc hậu, phát triển phong trào bình dân học vụ để chống nạn mù chữ, diệt "giặc đói". Một năm sau Cách mạng Tháng Tám đã có 2,5 triệu người biết đọc, biết viết.

Các trường học từ cấp tiểu học trở lên lần lượt được khai giảng. Đảng và Chính phủ rất coi trọng khai giảng các trường đại học đã có mở thêm trường đại học mới. "Ngày 10-10-1945 Hồ Chủ tịch ký Sắc lệnh số 45/SL thành lập một ban Đại học Văn khoa tại Hà Nội"¹ nhằm đào tạo giáo viên văn khoa trung học, và để nâng cao nền văn học Việt Nam cho xứng đáng một nước độc lập và theo kịp các nước tiên tiến trên thế giới.

Thắng lợi bước đầu trong cuộc đấu tranh xây dựng nền móng chế độ mới, ổn định và cải thiện đời sống nhân dân có ý nghĩa chính trị hết sức to lớn. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu rõ rằng, nếu "*nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì*"². Nhân dân được hưởng quyền tự do dân chủ, dân sinh càng thêm tin tưởng, gắn bó và quyết tâm bảo vệ chế độ mới. Đó là sức mạnh để bảo vệ chính quyền cách mạng, giữ vững quyền lãnh đạo của Đảng, là sức mạnh để chiến đấu và chiến thắng thù trong giặc ngoài.

Ngay từ khi thực dân Pháp nổ súng đánh chiếm Sài Gòn và mở rộng tiến công ra các tỉnh Nam Bộ, Thường vụ Trung ương Đảng đã nhất trí với quyết tâm kháng chiến của Xứ uỷ Nam Bộ và kịp thời lãnh đạo nhân dân đứng lên kháng chiến. Trung ương Đảng đã cử một phái đoàn do Hoàng Quốc Việt, Ủy viên Thường vụ Trung ương Đảng và nhiều cán bộ tăng cường cho Nam Bộ để cùng Đảng bộ Nam Bộ chỉ đạo kháng chiến. Ngày 25-10-1945, Hội nghị Cán bộ Đảng bộ Nam Bộ họp ở Thiên Hộ - Cái Bè - Mỹ Tho (Tiền Giang). Hội nghị chủ trương phát động chiến tranh du kích rộng khắp để tiêu hao sinh lực và chặn bước tiến của giặc; xây dựng, củng cố cơ sở cách mạng trong thành phố và các vùng địch chiếm; xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh, trong đó bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng và hệ thống tổ chức, chỉ huy thống nhất. Như vậy, Đảng

1, 2. Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.4, tr. 502, 56.

bộ Nam Bộ đã có những quyết định quan trọng để phát triển chiến tranh nhân dân.

Đảng đã phát động phong trào cả nước hướng về Nam Bộ. Hàng vạn thanh niên nô nức lên đường Nam tiến. Nhân dân miền Nam "thành đồng Tổ quốc" chiến đấu với sức mạnh của chiến tranh nhân dân, sức mạnh của cả dân tộc đã làm thất bại âm mưu đánh nhanh thắng nhanh của thực dân Pháp. Trong thư *Gửi đồng bào Nam Bộ* ngày 26-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: "Chúng ta nhất định thắng lợi vì chúng ta có lực lượng đoàn kết của cả quốc dân. Chúng ta nhất định thắng lợi vì cuộc tranh đấu của chúng ta là chính đáng"³.

3. Thực hiện sách lược hoà hoãn, tranh thủ thời gian chuẩn bị toàn quốc kháng chiến

Cùng với việc tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, xây dựng chế độ mới và tổ chức kháng chiến ở miền Nam, Đảng ta đã thực hiện sách lược lợi dụng mâu thuẫn trong nội bộ kẻ thù để phân hoá chúng, tránh tình thế đương đầu cùng một lúc với nhiều kẻ thù.

Trên cơ sở phân tích âm mưu thủ đoạn của các kẻ thù đối với cách mạng Việt Nam, Đảng ta xác định: quân Tưởng tìm mọi cách để tiêu diệt Đảng ta, phá tan Việt Minh, lật đổ chính quyền cách mạng, song kẻ thù chính của nhân dân ta lúc này là thực dân Pháp xâm lược, phải tập trung ngọn lửa đấu tranh vào chúng. Vì vậy, Đảng và Chính phủ ta đã thực hiện sách lược hoà hoãn, nhân nhượng với quân đội Tưởng và tay sai của chúng ở miền Bắc để tập trung chống Pháp ở miền Nam.

Để gạt mũi nhọn tiến công của kẻ thù vào Đảng, ngày 11-11-1945, Đảng ta tuyên bố tự giải tán, nhưng sự thật là rút vào hoạt động bí mật, giữ vững vai trò lãnh đạo chính quyền và nhân dân. Để phối hợp hoạt động bí mật với công khai, Đảng để một bộ phận công khai dưới danh hiệu *Hội Nghiên cứu chủ nghĩa Mác ở Đông Dương*.

Chúng ta đã hết sức kiềm chế trước những hành động khiêu khích của quân đội Tưởng và tay sai, tránh để xảy ra xung đột về quân sự, đã ép cung cấp lương thực, thực phẩm cho 20 vạn quân Tưởng trong khi nhân dân ta đang bị đói, mở rộng Quốc hội thêm 70 ghế cho Việt quốc, Việt cách không qua bầu cử, đưa một số đại diện của các đảng đối lập này làm thành viên của Chính phủ liên hiệp do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu.

Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã mềm dẻo về thực hiện sách lược nhân nhượng trên nguyên tắc: nắm chắc vai trò lãnh đạo của Đảng, giữ vững chính quyền cách mạng, giữ vững mục tiêu độc lập thống nhất, dựa chắc vào khối đại đoàn kết dân tộc, vạch trần những hành động phản dân hại nước của bọn tay sai của Tưởng và nghiêm trị theo pháp luật những tên tay sai gây tội ác khi có đủ bằng chứng.

Những chủ trương sách lược và biện pháp trên đây đã vô hiệu hoá các hoạt động phá hoại, đẩy lùi từng bước và làm thất bại âm mưu lật đổ chính quyền cách mạng của

³. *Sđd*, tr. 27.

chúng, bảo đảm cho nhân dân ta tập trung lực lượng kháng chiến chống thực dân Pháp ở miền Nam. Chính quyền nhân dân không những được giữ vững mà còn được củng cố về mọi mặt.

Đầu năm 1946, các nước đế quốc dàn xếp, mua bán quyền lợi với nhau để cho thực dân Pháp đưa quân ra miền Bắc Việt Nam thay quân đội của Tưởng. Ngày 28-2-1946, Hiệp ước Hoa - Pháp được ký kết ở Trùng Khánh. Theo đó, Pháp nhân nhượng một số quyền lợi kinh tế cho chính quyền Tưởng trên đất Trung Hoa để Pháp được đưa quân ra miền Bắc Việt Nam. Tưởng nhân nhượng với Pháp để rút quân về nước đối phó với Quân giải phóng nhân dân Trung Quốc. Việc dàn xếp giữa hai kẻ thù Pháp và Tưởng được Đảng dự đoán sớm. Chỉ thị "Kháng chiến kiến quốc" (ngày 25-11-1945) vạch rõ: "trước sau, Trùng Khánh sẽ bằng lòng cho Đông Dương trở về tay Pháp, miễn là Pháp nhượng cho Tàu nhiều quyền lợi quan trọng"¹.

Tình hình đó đặt Đảng ta trước một sự lựa chọn giải pháp đánh hay hoà. Phân tích tình thế, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã quyết định chọn giải pháp hoà hoãn, dàn xếp với Pháp, vì "vấn đề lúc này, không phải là muốn hay không muốn đánh. Vấn đề là biết mình biết người, nhận định một cách khách quan những điều kiện lời lãi trong nước và ngoài nước mà chủ trương cho đúng".

Chọn giải pháp thương lượng với Pháp, Đảng ta nhằm mục đích: buộc quân Tưởng rút ngay về nước, tránh tình trạng một lúc phải đối đầu với nhiều kẻ thù, bảo toàn thực lực, tranh thủ thời gian hoà hoãn để chuẩn bị cho một cuộc chiến đấu mới, tiến lên giành thắng lợi. Lập trường của ta trong cuộc đàm phán với Pháp được Ban Thường vụ Trung ương xác định là: độc lập nhưng liên minh với Pháp. Pháp phải thừa nhận quyền dân tộc tự quyết của ta: chính phủ, quân đội, nghị viện, tài chính, ngoại giao và sự thống nhất quốc gia của ta. Đảng ta đã nhấn mạnh, trong khi mở cuộc đàm phán ta phải "*không những không ngừng một phút công việc sửa soạn, sẵn sàng kháng chiến bất cứ lúc nào và ở đâu*, mà còn phải hết sức xúc tiến việc sửa soạn ấy và nhất định không để cho việc đàm phán với Pháp làm nhụt tinh thần quyết chiến của dân tộc ta".

Thực hiện chủ trương đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ ta ký với đại diện Chính phủ Pháp bản Hiệp định sơ bộ 6-3-1946. Hiệp định quy định: Chính phủ Pháp công nhận Việt Nam là một quốc gia tự do có nghị viện, chính phủ, quân đội và tài chính riêng nằm trong Liên bang Đông Dương và trong Khối liên hiệp Pháp. Việc thống nhất ba kỳ của nước ta do nhân dân ta quyết định.. Việt Nam đồng ý cho 15.000 quân Pháp vào miền Bắc thay thế quân Tưởng, sau 5 năm phải rút hết về nước; hai bên đình chỉ xung đột ở miền Nam và mở cuộc đàm phán để đi đến ký hiệp định chính thức.

Sau khi ký Hiệp định sơ bộ, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra Chỉ thị *Hoà để tiến* (ngày 9-3-1946), nêu rõ ý nghĩa quan trọng của việc ký hiệp định với Pháp nhằm thống nhất tư tưởng trong toàn Đảng, ngăn ngừa các khuynh hướng sai lầm "tả" và hữu có thể xảy ra trong đảng viên, cán bộ và nhân dân làm ảnh hưởng đến việc chấp hành chủ trương của Đảng, đồng thời nhấn mạnh đến việc phải cảnh giác đề phòng, tỉnh táo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.8, tr. 25.

chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu nếu Pháp bội ước.

Sự thật sau khi đã ký Hiệp định sơ bộ, thực dân Pháp cố tìm cách trì hoãn cuộc đàm phán giữa Việt Nam và Pháp để đi đến ký Hiệp định chính thức và sớm vi phạm Hiệp định. Đảng đã lãnh đạo Chính phủ đấu tranh buộc Pháp phải mở cuộc đàm phán chính thức với ta ở Pháp.

Để chuẩn bị cho cuộc đàm phán đó, ngày 19-4-1946, một cuộc hội nghị tru bị ở Đà Lạt, song do Pháp thiếu thiện chí nên hội nghị không đạt được sự thoả thuận nào.

Với thiện chí và sự kiên trì đấu tranh của Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, cuộc hội nghị chính thức giữa ta và Pháp đã họp ở Phôngtennoblô từ ngày 6-7-1946 đến ngày 10-9-1946. Chủ tịch Hồ Chí Minh với tư cách là thượng khách theo lời mời của Chính phủ Pháp cũng đã đến Pari thăm Pháp trong thời gian này. Cuộc đàm phán chính thức ở Phôngtennoblô cũng không thành do phía Pháp cố bám giữ lập trường thực dân và trong khi đang đàm phán đã ráo riết thực hiện âm mưu mở rộng lấn chiếm trên đất nước ta.

Trong thời gian ở Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tiếp xúc với các đảng phái chính trị, các tổ chức quần chúng ở Pháp và đại diện nhiều tổ chức quốc tế. Người đã nói rõ lập trường hòa bình hữu nghị và nguyện vọng thiết tha độc lập tự do của nhân dân và Chính phủ Việt Nam. Để tỏ rõ thiện chí và giành thêm thời gian hòa bình, trước khi rời nước Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký với Chính phủ Pháp bản Tạm ước (ngày 14-9-1946), thoả thuận một số điều về quan hệ kinh tế, văn hóa giữa hai nước, đình chỉ xung đột ở miền Nam và sẽ tiếp tục đàm phán vào tháng 1-1947.

Thiện chí và những hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh và phái đoàn đàm phán của Chính phủ ta tuy không đạt mục đích ký hiệp định chính thức, nhưng đã làm cho nhân dân Pháp hiểu và ủng hộ ta, làm cho dư luận quốc tế chú ý đến Việt Nam và hiểu nguyện vọng tha thiết hòa bình của dân tộc Việt Nam. Cũng nhờ đó, chúng ta đã duy trì một khoảng thời gian hòa bình hiếm có để tiếp tục xây dựng và phát triển lực lượng về mọi mặt.

Theo quy định của Hiệp ước Hoa - Pháp, quân đội Tưởng Giới Thạch phải rút khỏi miền Bắc Đông Dương ngày 31-3-1946. Trên thực tế, ta phải đấu tranh kiên quyết; đến cuối tháng 9-1946 chúng mới rút hết. Bọn Việt quốc, Việt cách hoặc tan rã hoặc bỏ chạy ra nước ngoài. Việc đưa ra ánh sáng vụ Ôn Như Hầu và làm thất bại âm mưu đảo chính của bọn phản cách mạng tay sai của Pháp tháng 7-1946 đánh dấu sự phá sản của chúng.

Sau khi ký Tạm ước 14-9, quân Pháp vẫn ráo riết tiến công quân ta và khủng bố nhân dân ta ở Nam Bộ và Trung Bộ, tăng cường khiêu khích và lấn chiếm ở miền Bắc nước ta. Đảng nhận định: "Tạm ước 14-9 là nhân nhượng cuối cùng của Đảng và Chính phủ ta, nhân nhượng nữa là phạm đến chủ quyền đất nước, là hại đến quyền lợi cao trọng của dân tộc". Mặc dù thực dân Pháp bội ước, nhưng thực tế lịch sử đã chứng minh tính đúng đắn và cần thiết của các hiệp định này. Chúng ta hoà để từng bước củng cố nền độc lập vừa mới giành được.

Tranh thủ thời gian hoà hoãn, Đảng lãnh đạo nhân dân ta tích cực đẩy mạnh sản xuất, ổn định đời sống, tích trữ lương thực, phát triển lực lượng vũ trang, xây dựng các chiến khu, mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, chính quyền nhân dân được củng cố vững chắc hơn, Hiến pháp của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà được Quốc hội thông qua; tích cực tuyên truyền trong nước và quốc tế về cuộc đấu tranh chính nghĩa của dân tộc ta. Qua lãnh đạo đấu tranh và xây dựng, Đảng đã lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng. Từ 5.000 đảng viên khi Đảng lãnh đạo Cách mạng Tháng Tám, đến tháng 12-1946, Đảng ta có trên 20.000 đảng viên. Nội bộ của Đảng được củng cố, thống nhất, đội ngũ cán bộ của Đảng được đào tạo và phát triển. Cuộc kháng chiến của quân và dân ta ở miền Nam có điều kiện phát triển thuận lợi hơn.

Đánh giá về chủ trương đàm phán, nhân nhượng của Đảng và Nhà nước ta lúc bấy giờ, trong Báo cáo chính trị tại Đại hội lần thứ hai của Đảng tháng 2-1951, Hồ Chí Minh viết: "Việc này cũng làm cho nhiều người thắc mắc và cho đó là chính sách *quá hữu*. Nhưng các đồng chí và đồng bào Nam thì lại cho là đúng. Mà đúng thật. Vì đồng bào và đồng chí ở Nam đã khéo lợi dụng dịp đó để xây dựng và phát triển lực lượng của mình..."

Chúng ta cần hòa bình để xây dựng nước nhà, cho nên chúng ta đã ép lòng mà nhân nhượng để giữ hòa bình. Dù thực dân Pháp đã bội ước, đã gây chiến tranh, nhưng gần một năm tạm hòa bình đã cho chúng ta thời giờ để xây dựng lực lượng căn bản.

Khi Pháp đã cố ý gây chiến tranh, chúng ta không thể nhịn nữa thì cuộc kháng chiến toàn quốc bắt đầu"¹.

Đối với việc củng cố và phát triển lực lượng, quân và dân ta đã tích cực sẵn sàng về quân sự và chính trị để đối phó với những bất trắc có thể xảy ra, vì bản chất của thực dân Pháp không thể thay đổi. Phân tích âm mưu và hành động vi phạm các Hiệp định đã được ký kết của thực dân Pháp, Đảng đã thấy rõ: "Nhất định không sớm thì muộn Pháp sẽ đánh mình và mình cũng nhất định phải đánh Pháp". Đầu tháng 11-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu ra những công việc khẩn cấp bấy giờ để chỉ đạo toàn Đảng, toàn dân ta gấp rút thực hiện, nhằm đối phó với cuộc chiến tranh "chớp nhoáng" của thực dân Pháp.

Lãnh đạo sự nghiệp đấu tranh bảo vệ chính quyền nhân dân, vừa kháng chiến, vừa kiến quốc (từ tháng 9-1945 đến tháng 12-1946), Đảng ta đã đưa đất nước vượt qua những thử thách hiểm nghèo, củng cố và phát huy thành quả Cách mạng Tháng Tám, chuẩn bị thực lực cho cuộc kháng chiến chống Pháp.

Thực tiễn lịch sử của thời kỳ này đã đem lại cho Đảng ta nhiều kinh nghiệm quý báu: *Thứ nhất*, giữ vững sự lãnh đạo của Đảng. Mặc dù Đảng rút vào hoạt động bí mật, nhưng vẫn không ngừng củng cố và phát triển. Trong điều kiện có nhiều đảng phái tham gia chính quyền, Đảng vẫn giữ vai trò lãnh đạo nhà nước một cách khéo léo. Vai trò lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định bảo đảm việc giữ vững bản chất cách mạng của chính quyền nhân dân. *Thứ hai*, xây dựng khối đoàn kết toàn dân, dựa vào dân. Phát huy

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.6, tr. 162.

cao độ sức mạnh của nhân dân ta trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ chính quyền. Chính quyền được xây dựng sau Cách mạng Tháng Tám thực sự của dân, do dân và vì dân. Chính phủ đã thực hiện những chính sách thiết thực như: bầu cử dân chủ, chính sách ruộng đất, xoá nạn mù chữ... để nhân dân có thể hưởng những quyền lợi do chế độ mới đem lại, từ đó ủng hộ, tin tưởng tuyệt đối vào chính quyền, vào Đảng. *Thứ ba*, lợi dụng triệt để mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ thù, tập trung mũi nhọn vào kẻ thù chính, nguy hiểm nhất. Giai đoạn này, chúng ta đã lợi dụng mâu thuẫn (Anh - Pháp, Mỹ - Tưởng, mâu thuẫn giữa các nhóm trong chính quyền và quân đội Tưởng, mâu thuẫn trong nội bộ thực dân Pháp) để phân hoá, làm suy yếu các kẻ thù, tranh thủ xây dựng lực lượng và bảo vệ được chính quyền nhân dân.

II. lãnh đạo toàn quốc kháng chiến (1946 - 1950)

1. Phát động toàn quốc kháng chiến và đường lối kháng chiến của Đảng

Đảng và Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã tỏ rõ thiện chí, cố gắng làm những việc có thể nhằm đẩy lùi chiến tranh, nhưng với dã tâm cướp nước ta một lần nữa, thực dân Pháp thi hành chính sách việc đã rồi, tăng cường khiêu khích và lấn chiếm. Ngày 20-11-1946, quân Pháp mở cuộc tấn công chiếm đóng thành phố Hải Phòng, thị xã Lạng Sơn và đổ bộ lên Đà Nẵng. Ngày 16-12-1946, những tên trùm thực dân Pháp ở Đông Dương đã họp tại Hải Phòng bàn triển khai kế hoạch đánh chiếm Hà Nội và khu vực Bắc vĩ tuyến 16. Ngày 17 và 18-12-1946 tại Hà Nội, quân Pháp tàn sát thảm khốc đồng bào ta ở các phố Yên Ninh, Hàng Bún. Chúng ngang ngược đòi tước vũ khí của tự vệ Hà Nội, đòi kiểm soát an ninh trật tự ở Thủ đô. Hành động của thực dân Pháp đã đặt Đảng và Chính phủ ta trước một tình thế không thể nhân nhượng thêm với chúng được nữa, vì tiếp tục nhân nhượng sẽ dẫn đến họa mất nước, nhân dân sẽ trở lại cuộc đời nô lệ.

Lịch sử đã đặt dân tộc ta trước một sự lựa chọn mới. Thực tế cho thấy khả năng hoà hoãn không còn. Địch đã công khai tuyên bố chúng sẽ hành động sáng ngày 20 - 12 nếu Chính phủ ta khước từ những điểm nêu trong tối hậu thư của chúng. Trong thời điểm lịch sử đó, Trung ương Đảng đã kịp thời hạ quyết tâm phát động toàn dân kháng chiến và chủ động mở cuộc tổng giao chiến lịch sử trước khi thực dân Pháp thực hiện màn kịch đảo chính quân sự ở Hà Nội vào ngày 20-12-1946 như chúng đã nêu lên trong tối hậu thư gửi cho Chính phủ ta trong những ngày 18, 19. Mệnh lệnh đã được phát đi. Vào lúc 20 giờ ngày 19-12-1946, tất cả các chiến trường trong cả nước đồng loạt nổ súng.

Cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ.

Nhân dân cả nước đã đứng lên theo lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch:

"Hỡi đồng bào toàn quốc!

Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa!

Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ. ...

Chúng ta phải đứng lên!

Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc. Ai có súng dùng súng. Ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước. ...

Giờ cứu nước đã đến. Ta phải hy sinh đến giọt máu cuối cùng, để giữ gìn đất nước.

Dù phải gian lao kháng chiến, nhưng với một lòng kiên quyết hy sinh, thắng lợi nhất định về dân tộc ta"¹.

Lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh là tiếng gọi của non sông đất nước, là lời hịch cứu quốc, khơi dậy mạnh mẽ lòng tự hào dân tộc, truyền thống anh hùng bất khuất, kiên cường của nhân dân ta; làm cho cả nước sục sôi đứng lên chiến đấu với ý chí "quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh", vì độc lập tự do thiêng liêng của Tổ quốc.

Ngay trong những ngày đầu của cuộc kháng chiến, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra bản Chỉ thị Toàn dân kháng chiến. Bản Chỉ thị đã nêu rõ: Mục đích của kháng chiến là "đánh phản động thực dân Pháp xâm lược; giành thống nhất và độc lập"; "tính chất: Trường kỳ kháng chiến, toàn diện kháng chiến"; các chính sách của cuộc kháng chiến là đoàn kết toàn dân, xây dựng thực lực về mọi mặt, đoàn kết quốc tế (cả với nhân dân Pháp) để chống bọn thực dân Pháp phản động. Bản Chỉ thị còn dự đoán về các giai đoạn phát triển của cuộc kháng chiến, về chương trình kháng chiến, về cơ quan lãnh đạo kháng chiến, về tuyên truyền trong kháng chiến ...

Từ tháng 3 - 1947, qua thực tiễn những ngày đầu của cuộc chiến đấu, Trường Chinh, Tổng Bí thư của Đảng đã viết một loạt bài đăng trên báo *Sự thật* để làm sáng tỏ thêm đường lối kháng chiến của Đảng. Những bài viết này được xuất bản thành tác phẩm *Kháng chiến nhất định thắng lợi*.

Tác phẩm của Trường Chinh đã xác định rõ:

Mục tiêu của cuộc kháng chiến: Dân tộc ta kháng chiến đánh bọn thực dân phản động Pháp xâm lược nhằm giành độc lập và thống nhất.

Tính chất của cuộc kháng chiến: Kế tục sự nghiệp Cách mạng Tháng Tám, cuộc kháng chiến này hoàn thành nhiệm vụ giải phóng dân tộc, mở rộng và củng cố chế độ cộng hoà dân chủ Việt Nam phát triển trên nền tảng dân chủ mới. Cho nên cuộc kháng chiến của ta có *tính chất dân tộc giải phóng và dân chủ mới*.

Về mối quan hệ giữa nhiệm vụ dân tộc và dân chủ, Trường Chinh khẳng định "... Cuộc kháng chiến này chỉ hoàn thành nhiệm vụ giải phóng đất nước, củng cố và mở rộng chế độ cộng hoà dân chủ. Nó không tịch thu ruộng đất của địa chủ phong kiến chia

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.4, tr. 480.

cho dân cày, chỉ tịch thu ruộng đất và các hạng tài sản khác của Việt gian phản quốc để bổ sung ngân quỹ kháng chiến hay ủng hộ gia đình các chiến sĩ hy sinh"¹.

Cuộc kháng chiến của chúng ta là một cuộc chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính.

Chiến tranh nhân dân, toàn dân đánh giặc là nội dung cơ bản của đường lối quân sự của Đảng. Đoàn kết toàn dân, thực hiện quân, chính, dân nhất trí, động viên nhân lực, vật lực, tài lực của cả nước cho chiến đấu và để chiến thắng.

Chiến tranh là một cuộc đọ sức *toàn diện* giữa hai bên tham chiến, đồng thời để phát huy mặt mạnh của cuộc chiến đấu chính nghĩa của dân tộc ta, nên chúng ta phải đánh địch trên tất cả các mặt: quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa, trong đó quân sự là mặt trận hàng đầu, nhằm tiêu diệt lực lượng của địch trên đất nước ta, đè bẹp ý chí xâm lược của chúng, lấy lại toàn bộ đất nước.

Do tương quan lực lượng giữa ta và địch chi phối, phương châm chiến lược của ta là *đánh lâu dài*. Đó là một quá trình vừa đánh vừa xây dựng và phát triển lực lượng của ta, từng bước làm thay đổi so sánh lực lượng có lợi cho ta, đánh bại từng âm mưu và kế hoạch quân sự của địch, tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn. Đồng chí Trường Chinh dự đoán về đại thể cuộc kháng chiến sẽ phát triển qua ba giai đoạn: phòng ngự, cầm cự và tổng phản công; ba giai đoạn đó có quan hệ chặt chẽ, kế tiếp và đan xen với nhau trong kháng chiến.

Để đánh lâu dài, ta phải tự lực cánh sinh, không ngừng phát huy sức mạnh của cả dân tộc đấu tranh vì độc lập tự do, đồng thời hết sức tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ quốc tế để chiến đấu và chiến thắng kẻ thù. Đánh lâu dài, dựa vào sức mình là chính là "thầy chiến lược", là "bí quyết của sự thắng lợi" của ta.

Tác phẩm *Kháng chiến nhất định thắng lợi* đã vạch ra một phương châm "*tử chiến*" (quyết chiến) với thực dân phản động Pháp để giành độc lập, thống nhất thực sự cho đất nước.

Kháng chiến nhất định thắng lợi là niềm tin, là động lực và sức mạnh kháng chiến của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta.

Lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Chỉ thị của Ban Thường vụ Trung ương Đảng và tác phẩm của Trường Chinh là *đường lối kháng chiến của Đảng ta*, dẫn dắt và tổ chức nhân dân ta đấu tranh giành thắng lợi trong cuộc kháng chiến lâu dài, gian khổ anh dũng và nhất định thắng lợi.

2. Tiến hành kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính

Từ những ngày đầu của cuộc kháng chiến, với tinh thần chiến đấu dũng cảm, mưu trí, quân và dân ta ở Nam Bộ và Nam Trung Bộ với sự chi viện của cả nước đã chiến đấu ngoan cường chống lại âm mưu *đánh nhanh thắng nhanh* của thực dân Pháp.

1. Trường Chinh: *Kháng chiến nhất định thắng lợi*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1947, tr. 30 - 31.

Mở đầu cuộc tổng giao chiến lịch sử đêm 19-12-1946 là cuộc chiến đấu của quân và dân Thủ đô Hà Nội. Với 60 ngày đêm chiến đấu dũng cảm, quân và dân ta đã tiêu diệt 2.000 tên địch; giam chân địch trong thành phố vượt xa dự kiến của lãnh đạo; tổ chức cho hàng vạn đồng bào tản cư; di chuyển nhiều máy móc, nguyên liệu ra vùng tự do. Trong khói lửa chiến đấu, Trung đoàn Thủ đô được thành lập (ngày 7-1-1947). Cùng với quân dân Thủ đô, quân dân các thành phố, thị xã khác trong cả nước chiến đấu ngoan cường, giam chân địch từ 1 - 3 tháng. Khi địch tiến công mở rộng vùng chiếm đóng, quân và dân ta chặn đánh địch khắp nơi tiêu hao binh lực địch, ngăn chặn bước tiến của chúng, gìn giữ và phát triển lực lượng của ta.

Đất nước kip thời chuyển sang thời chiến và bước đầu triển khai thế trận chiến tranh nhân dân. Các cơ quan Đảng, Chính phủ, Mặt trận... chuyển lên căn cứ địa Việt Bắc. Các cơ quan dân, chính, đảng địa phương cũng về đóng nơi tạm thời an toàn. Hàng vạn đồng bào tản cư, vượt qua mọi khó khăn, hoà nhập với nhân dân các địa phương.

Lực lượng vũ trang được chăm lo xây dựng. Bộ đội chủ lực phát triển nhanh, đưa quân số lên tới 120.000 chiến sĩ (vào mùa hè năm 1947). Công tác đào tạo cán bộ quân sự được đẩy mạnh, bước đầu đáp ứng với yêu cầu thực tế của chiến trường. Lực lượng dân quân tự vệ lên tới 1 triệu người. Công tác Đảng trong quân đội được tăng cường một bước.

Để tăng cường lực lượng lãnh đạo của Đảng, Ban Chấp hành Trung ương chủ trương mở đợt phát triển đảng viên "*Lớp Tháng Tám*". Hàng nghìn công nhân, nông dân, trí thức cách mạng và chiến sĩ lực lượng vũ trang ưu tú đã gia nhập Đảng. Cuối năm 1947, tổng số đảng viên có trên 70.000 người.

Đảng quan tâm lãnh đạo công tác đối ngoại, tranh thủ sự đồng tình của nhân dân thế giới đối với cuộc kháng chiến; đặt cơ quan đại diện ở Thái Lan, Miến Điện và cử đoàn đại biểu đi dự các hội nghị quốc tế.

Sau khi mở rộng chiếm đóng một số thành phố, thị xã và một số vùng nông thôn, thực dân Pháp thực hiện kế hoạch củng cố chiếm đóng, lập chính phủ bù nhìn và chuẩn bị kế hoạch mở rộng tiến công đại quy mô vào vùng hậu phương, căn cứ địa chính của chúng ta, hòng nhanh chóng kết thúc chiến tranh.

Ngày 10-9-1947, Bôlaéc (Bollaert), Cao uỷ Pháp tuyên bố không công nhận Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà do Hồ Chí Minh đứng đầu.

Ngày 15-9-1947, Trung ương Đảng ra chỉ thị nêu rõ nhiệm vụ của nhân dân ta phải chống âm mưu dùng người Việt trị người Việt của thực dân Pháp và chuẩn bị chống lại cuộc tấn công lớn của địch.

Ngày 7-10-1947, thực dân Pháp huy động 12.000 quân tinh nhuệ chia làm nhiều mũi tiến công lên Việt Bắc hòng tiêu diệt cơ quan đầu não của cuộc kháng chiến, tiêu diệt quân chủ lực, phá hoại kho tàng, xưởng máy, bao vây, khoá chặt biên giới, cố giành một thắng lợi quân sự để tập hợp lực lượng phản động thành lập chính phủ bù nhìn tay sai, hy vọng kết thúc chiến tranh.

Ngày 15-10-1947, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra Chỉ thị phải "Phá tan cuộc tấn công mùa Đông của giặc Pháp", trong đó nêu rõ nhiệm vụ trước mắt của quân và dân ta phải làm cho địch thiệt hại nặng nề, giữ vững chính quyền dân chủ, phá vỡ bất cứ chính quyền bù nhìn nào do địch lập nên, về quân sự phải đánh mạnh trên khắp các chiến trường... Trong tái chiến phải biết giữ gìn chủ lực của ta và phải nhằm vào chỗ yếu của địch mà đánh...

Thực hiện chỉ thị của Đảng và căn cứ vào thực tế chiến trường, với lối đánh mưu trí linh hoạt, chúng ta đã căng địch ra trên một không gian rộng, chia cắt các mũi tiến công của chúng, lợi dụng địa hình hiểm trở phục kích, đánh chặn tiêu hao, tiêu diệt quân địch. Phối hợp với cuộc chiến đấu của quân và dân Việt Bắc, chiến tranh du kích, phá tề, trừ gian được đẩy mạnh ở vùng sau lưng địch trên phạm vi cả nước.

Trải qua 75 ngày đêm chiến đấu (ngày 7-10 đến ngày 21-12-1947), quân và dân ta ở Việt Bắc đã loại khỏi vòng chiến đấu 7.000 tên địch, phá huỷ hàng trăm xe ô tô thiết giáp, đánh chìm 16 ca nô, tàu chiến và thu được nhiều vũ khí và phương tiện chiến tranh của chúng. Cơ quan lãnh đạo kháng chiến được bảo vệ an toàn. Căn cứ địa Việt Bắc trải qua thử thách đã đứng vững. Bộ đội chủ lực, dân quân, du kích được tôi luyện và trưởng thành. Đảng ta có thêm kinh nghiệm chỉ đạo chiến tranh. Nhân dân ta càng thêm tin tưởng ở thắng lợi của cuộc kháng chiến.

Thắng lợi của cuộc phản công lớn ở Việt Bắc là thắng lợi có ý nghĩa chiến lược quan trọng trong những năm đầu toàn quốc kháng chiến, làm phá sản chiến lược "*đánh nhanh, thắng nhanh*" của thực dân Pháp, mở ra giai đoạn mới của cuộc kháng chiến chống Pháp.

Sau chiến thắng Việt Bắc Thu - Đông 1947, tình hình quốc tế có những chuyển biến lớn ảnh hưởng đến cuộc kháng chiến của nhân dân ta. Liên Xô và các nước dân chủ nhân dân ở Á - Âu giành nhiều thắng lợi trong việc xây dựng đất nước. Phong trào giải phóng dân tộc phát triển mạnh ở châu Á, châu Phi và Trung Cận Đông. Đế quốc Mỹ thực hiện kế hoạch Mác-san với âm mưu vừa vực dậy, vừa khống chế các nước Tây Âu. Tại Pháp, cuộc khủng hoảng chính trị kéo dài; thất bại bước đầu trong chiến tranh ở Đông Dương làm cho Pháp thêm khó khăn. Phong trào phản chiến của nhân dân Pháp phát triển.

Bị thất bại trong chiến lược "*đánh nhanh, thắng nhanh*" thực dân Pháp buộc phải chuyển hướng sang "*đánh lâu dài*" với âm mưu "*lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt trị người Việt*". Chúng ráo riết bình định vùng tạm chiếm, đẩy mạnh xây dựng chính phủ bù nhìn, mở rộng nguy quân (năm 1948 có 8 vạn nguy binh, chiếm gần 50% tổng số quân địch).

Nhận định đúng đắn tình hình sau chiến thắng Việt Bắc, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương mở rộng (tháng 1-1948) đã đề ra nhiệm vụ và các biện pháp về quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa nhằm thúc đẩy kháng chiến tiến lên giai đoạn mới. Đảng chú trọng đẩy mạnh chiến tranh du kích, coi "*Du kích chiến là chính, vận động chiến là phụ trợ*"; củng cố khối đoàn kết toàn dân, chống âm mưu "*dùng người Việt trị người Việt*";

phát triển sản xuất, cải thiện đời sống nhân dân, tịch thu ruộng đất của bọn phản quốc cấp cho dân nghèo, thực hiện giảm tô, chia lại công điền; phát triển văn hóa, giáo dục; tăng cường công tác xây dựng Đảng. Tháng 1-1949, Hội nghị cán bộ Trung ương chủ trương *tích cực cầm cự, chuẩn bị chuyển sang tổng phản công*.

Để thúc đẩy việc hoàn thành thắng lợi những nhiệm vụ trên, theo sáng kiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngày 27-3-1948, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị phát động phong trào *thi đua ái quốc*. Hướng thi đua chủ yếu là tăng gia sản xuất và luyện quân lập công.

Thực hiện chủ trương của Đảng, hàng nghìn cán bộ, hàng trăm đại đội độc lập và đội xung phong công tác, đội vũ trang tuyên truyền đã được tăng cường vào vùng tạm bị chiếm. Phong trào chống thuế, chống bắt phu, bắt lính, trừ gian... nổi dậy đồng loạt ở nhiều nơi vùng sau lưng địch phát triển thành phong trào *tổng phá tề rầm rộ*. Chính quyền bù nhìn bị tan vỡ từng mảng. Chính quyền cách mạng được lập lại ở nhiều nơi với những hình thức thích hợp.

Phong trào nổi dậy của quần chúng kết hợp chặt chẽ với các cuộc tiến công quân sự của dân quân, du kích và bộ đội chủ lực. Nhiều làng chiến đấu được thành lập và đương đầu có hiệu quả với các cuộc càn phá ác liệt của địch (Cự Nẫm, Cảnh Dương, Xuân Bò, Vật Lại, Chi Lăng, Điện Tiến...). Các tiểu đoàn tập trung tập dượt đánh chính quy, giành chiến thắng ở một số nơi (như Bắc Cạn, Lạng Sơn, Trà Vinh, sông Lô...).

Để tăng cường xây dựng bộ đội chủ lực, tháng 11-1949, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra sắc lệnh về nghĩa vụ quân sự. Hàng vạn thanh niên náo nức tòng quân, đưa quân số lên 23 vạn. Đầu năm 1950, hai đại đoàn chủ lực và nhiều trung đoàn chủ lực của Bộ Tổng Tư lệnh và của các quân khu ra đời. Dân quân tự vệ phát triển lên tới ba triệu người.

Đảng và Chính phủ quan tâm chăm lo bồi dưỡng sức dân. Một nhiệm vụ quan trọng là thực hiện một bước chính sách ruộng đất, từng bước đem lại quyền lợi ruộng đất cho nông dân. Tư tưởng chỉ đạo của Đảng ta là "dùng phương pháp cải cách mà dần dần thu hẹp phạm vi bóc lột của địa chủ phong kiến bản xứ lại (ví dụ giảm tô) đồng thời sửa đổi chế độ ruộng đất (*trong phạm vi không có hại cho Mặt trận thống nhất chống thực dân Pháp xâm lược*)... Đó cũng là một cách ta thực hiện cách mạng thổ địa bằng một đường lối riêng biệt. Có cải cách ruộng đất, lần lần thủ tiêu những tàn tích bóc lột phong kiến mới mong cải thiện đời sống cho quần chúng nhân dân đông đảo, làm cho số rất đông nhân dân càng ngày càng thiết tha ủng hộ chế độ cộng hoà dân chủ và tích cực tham gia kháng chiến, chống thực dân Pháp và bọn Việt gian"¹. Trên cơ sở đó, Đảng chỉ đạo các địa phương tổ chức thực hiện các sắc lệnh, thông tư về tạm cấp ruộng đất. Tính đến cuối năm 1949, chỉ tính từ Liên khu IV trở ra, hơn 113.000 ha ruộng đất của đế quốc, Việt gian, ruộng đất vắng chủ được tạm cấp cho nông dân. Các địa phương thực hiện giảm tô với mức ít nhất là 25%. Nhiều mặt hàng thiết yếu được *tự sản, tự tiêu* và trao đổi với nhau giữa các vùng dân cư.

Từ năm 1949, nhiều địa phương đã xúc tiến việc thống nhất Việt Minh và Liên

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, t.9, tr. 199.

Việt, chuẩn bị điều kiện để thống nhất Việt Minh – Liên Việt trên phạm vi toàn quốc. Các đoàn thể quần chúng phát triển mạnh. Đảng chú trọng nêu cao tinh thần lương giáo đoàn kết, giác ngộ giáo dân; vận động đồng bào miền núi, bà con người Hoa; vận động binh sĩ ngụy; tranh thủ tầng lớp trên và kiên quyết trừng trị bọn phản động đội lốt tôn giáo. Hướng về Tổ quốc, hướng về cuộc kháng chiến, các tổ chức kiều bào ở nước ngoài cũng hoạt động rất sôi nổi nhằm tuyên truyền vận động ủng hộ kháng chiến.

Trên mặt trận văn hóa: Hội nghị Văn hóa toàn quốc tháng 7-1948 đã xác định đường lối, nhiệm vụ công tác văn hóa trong kháng chiến. Trường Chinh, Tổng Bí thư của Đảng đã trình bày bản báo cáo "Chủ nghĩa Mác và văn hóa Việt Nam", vạch rõ đường lối, phương châm xây dựng nền văn hóa dân chủ mới Việt Nam có tính chất dân tộc, khoa học và đại chúng. Nền văn hóa thực dân, nô dịch từng bước được xóa bỏ; các tệ nạn xã hội giảm đi nhiều. Phong trào xoá nạn mù chữ phát triển mạnh. Chương trình giáo dục phổ thông được cải tiến một bước.

Công tác xây dựng Đảng được chú trọng. Hàng chục vạn cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang, công nhân, nông dân, trí thức ưu tú qua thử thách được kết nạp vào Đảng. Qua cuộc vận động xây dựng "chi bộ tự động công tác", tổ chức cơ sở đảng được tôi luyện, trưởng thành và thực sự là hạt nhân lãnh đạo kháng chiến ở các địa phương.

Về đối ngoại, đầu năm 1950 Chủ tịch Hồ Chí Minh đi thăm Trung Quốc, Liên Xô. Ngày 18-1-1950, Chính phủ Cộng hoà nhân dân Trung Hoa, sau đó Chính phủ Liên Xô và các nước dân chủ nhân dân Đông Âu, Triều Tiên công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với Chính phủ ta. Cuộc kháng chiến của nhân dân ta bắt đầu nhận được viện trợ và vật chất của Trung Quốc và Liên Xô. Một số cố vấn của Trung Quốc đã đến giúp đỡ Việt Nam. Nhân dân nhiều nước châu á, châu Phi đã dành cho nhân dân ta cảm tình đặc biệt và sự ủng hộ tích cực. Phong trào phản chiến của nhân dân Pháp phát triển rầm rộ. Mối quan hệ truyền thống, liên minh chiến đấu của ba nước Đông Dương được tăng cường. Với sự giúp đỡ, phối hợp của quân và dân ta, các khu căn cứ kháng chiến ở Trung Lào, Hạ Lào được thành lập; Ủy ban Dân tộc giải phóng Khome ra đời. Thế liên minh chiến đấu ba nước Đông Dương càng thêm vững chắc.

Những thắng lợi về mọi mặt của quân và dân ta đưa cuộc kháng chiến phát triển với thế và lực mới. Tháng 1-1950, Hội nghị toàn quốc lần thứ ba của Đảng họp, đề ra chủ trương "*gấp rút hoàn thành nhiệm vụ chuyển mạnh sang tổng phản công trong năm 1950*" và quyết định tổng động viên theo khẩu hiệu "Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng". Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ đó, chúng ta đã phạm phải những khuyết điểm lệch lạc trong công tác xây dựng lực lượng quân sự, trong tác chiến, trong công tác tổng động viên. Sai lầm đó là do sự chi phối của khuynh hướng chủ quan duy ý chí, "tả" khuynh nóng vội của Hội nghị toàn quốc của Đảng về chủ trương hạ quyết tâm chiến lược chuyển mạnh sang tổng phản công trong điều kiện chưa cho phép. Trung ương Đảng đã sớm phát hiện sai lầm đó và đã kịp thời uốn nắn, sửa chữa.

Tháng 6-1950, Ban Thường vụ Trung ương Đảng chủ trương mở Chiến dịch Biên giới. Lần đầu tiên, ta chủ động mở một chiến dịch tiến công quy mô lớn. Một lực lượng

lớn bộ đội chủ lực được huy động. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra mặt trận để cùng Bộ Chỉ huy trực tiếp chỉ đạo chiến dịch. Ngày 16-9-1950, chiến dịch bắt đầu mở màn bằng trận Đông Khê. Qua 29 ngày đêm chiến đấu ác liệt (từ ngày 16-9-1950 đến ngày 15-10-1950), ta đã diệt và bắt hơn 8.000 tên địch, đa số là lính Âu – Phi, thu trên 3.000 tấn vũ khí và phương tiện chiến tranh, giải phóng hoàn toàn biên giới từ Cao Bằng đến Đình Lập. Phối hợp với Chiến dịch Biên giới, quân dân cả nước tăng cường chiến đấu trên khắp các mặt trận. Tính chung trong cả nước, ta đã tiêu diệt khoảng 12.000 tên địch, giải phóng một số thị xã, thị trấn và nhiều vùng đất đai rộng lớn.

Thắng lợi của Chiến dịch Biên giới đã giáng một đòn nặng nề vào ý chí xâm lược của địch. Ta đã đập tan tuyến phòng thủ mạnh của địch, giải phóng hoàn toàn khu vực biên giới từ Cao Bằng đến Đình Lập, nối liền Việt Nam với các nước xã hội chủ nghĩa. Thắng lợi của Chiến dịch Biên giới đánh dấu sự trưởng thành vượt bậc về trình độ tác chiến và nghệ thuật chỉ đạo chiến dịch của quân đội ta. Quân ta đã giành được quyền chủ động chiến lược trên chiến trường chính. Thắng lợi đó đã tạo ra một bước chuyển biến lớn đưa cuộc kháng chiến bước vào giai đoạn mới. Quân đội ta đã nắm quyền chủ động chiến lược trên chiến trường Bắc Bộ, chủ động tiến công và phản công ngày càng lớn.

III. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của đảng, Đảng lãnh đạo đẩy mạnh cuộc kháng chiến đến thắng lợi (1951-1954)

1. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng (tháng 2 - 1951)

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng được tiến hành trong điều kiện Liên Xô lớn mạnh vượt bậc về mọi mặt, các nước xã hội chủ nghĩa ở châu Âu bước vào công cuộc xây dựng cơ sở vật chất cho chủ nghĩa xã hội. Nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa ra đời làm thay đổi so sánh lực lượng có lợi cho hoà bình và phong trào cách mạng. Mỹ trở thành tên sen đầm quốc tế, tăng cường giúp đỡ Pháp và can thiệp trực tiếp vào cuộc chiến tranh Đông Dương. ở trong nước, nhân dân ta đã giành được nhiều thắng lợi trong cuộc kháng chiến. Điều kiện lịch sử đã đặt ra cho Đảng ta các yêu cầu bổ sung và hoàn chỉnh đường lối cách mạng Việt Nam, đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi; đặc biệt là yêu cầu Đảng phải ra công khai lãnh đạo cách mạng.

Đại hội họp từ ngày 11 đến ngày 19-2-1951 tại xã Vinh Quang, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang. Về dự Đại hội có 158 đại biểu chính thức, thay mặt cho hơn 73 vạn đảng viên¹. Đây là Đại hội Đảng được tổ chức lần đầu tiên ở trong nước trong điều kiện mới: Sự hình thành và lớn mạnh của các nước xã hội chủ nghĩa, nhất là sự ra đời của nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa, đã làm thay đổi căn bản tương quan lực lượng trên trường quốc tế có lợi cho hòa bình và cách mạng. Cuộc kháng chiến của nhân dân ba nước Đông Dương đã giành được những thắng lợi quan trọng. Lợi dụng tình thế khó

¹. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, t.12, tr. 481.

khăn của thực dân Pháp, đế quốc Mỹ can thiệp trực tiếp vào Đông Dương, vừa giúp đỡ Pháp, vừa tìm cơ hội để hất cẳng Pháp. Thực tiễn của cuộc kháng chiến đang đòi hỏi Đảng phải ra công khai để lãnh đạo kháng chiến.

Theo sáng kiến của những người cộng sản Việt Nam được những người cộng sản Lào và Campuchia nhất trí tán thành, Đại hội quyết định: do nhu cầu kháng chiến, giai cấp công nhân và nhân dân mỗi nước Việt Nam, Lào, Campuchia cần có một đảng riêng. ở Việt Nam, Đảng ra hoạt động công khai, lấy tên là Đảng Lao động Việt Nam.

Sau diễn văn khai mạc của Tôn Đức Thắng, Đại hội đã nghiên cứu và thảo luận *Báo cáo chính trị* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Báo cáo *Hoàn thành giải phóng dân tộc, phát triển dân chủ nhân dân, tiến tới chủ nghĩa xã hội*² của Trường Chinh; *Báo cáo về tổ chức và Điều lệ Đảng* của Lê Văn Lương...

Báo cáo chính trị tổng kết phong trào cách mạng thế giới và cách mạng Việt Nam trong nửa đầu thế kỷ XX, dự báo những triển vọng tốt đẹp của nửa thế kỷ sau; rút ra bài học trong 21 năm hoạt động của Đảng. Báo cáo vạch rõ nhiệm vụ chủ yếu trước mắt là *tiêu diệt thực dân Pháp và đánh bại bọn can thiệp Mỹ, giành thống nhất độc lập hoàn toàn, bảo vệ hòa bình thế giới*. Để hoàn thành nhiệm vụ đó, Đảng phải đề ra những chính sách và biện pháp tích cực: tăng cường lực lượng vũ trang, củng cố các đoàn thể quần chúng, đẩy mạnh thi đua ái quốc, mở rộng khối đại đoàn kết dân tộc, tăng cường đoàn kết quốc tế; đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng Lao động Việt Nam thành "*một Đảng to lớn, mạnh mẽ, chắc chắn, trong sạch, cách mạng triệt để*" để lãnh đạo đưa kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn.

Báo cáo của đồng chí Trường Chinh trình bày toàn bộ đường lối cách mạng Việt Nam. Đó là đường lối cách mạng dân tộc - dân chủ nhân dân tiến lên chủ nghĩa xã hội. Nội dung cơ bản của bản báo cáo được phản ánh trong Chính cương của Đảng Lao động Việt Nam được Đại hội thông qua.

Nội dung cơ bản của Chính cương Đảng Lao động Việt Nam:

"Xã hội Việt Nam hiện nay gồm có ba tính chất: dân chủ nhân dân, một phần thuộc địa và nửa phong kiến"¹. Các tính chất đó đang đấu tranh lẫn nhau. "Nhưng mâu thuẫn chủ yếu lúc này là mâu thuẫn giữa tính chất dân chủ nhân dân và tính chất thuộc địa"².

Cuộc kháng chiến của nhân dân ta nhằm giải quyết mâu thuẫn giữa chế độ dân chủ nhân dân với các thế lực phản động. Thế lực phản động chính là chủ nghĩa đế quốc xâm lược. Những di tích phong kiến cũng làm cho xã hội Việt Nam đình trệ. "Do đó cách mạng Việt Nam có hai đối tượng. Đối tượng chính hiện nay là chủ nghĩa đế quốc xâm lược, cụ thể lúc này là đế quốc Pháp và bọn can thiệp Mỹ. Đối tượng phụ hiện nay là phong kiến, cụ thể lúc này là phong kiến phản động"³.

². Đây là bản Luận cương về Cách mạng Việt Nam, đã xuất bản thành sách lấy tên là *Bản về Cách mạng Việt Nam*.

1, 2, 3, 4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, t.12, tr. 433 - 434.

"Nhiệm vụ cơ bản hiện nay của cách mạng Việt Nam là đánh đuổi bọn đế quốc xâm lược, giành độc lập và thống nhất thật sự cho dân tộc, xóa bỏ những di tích phong kiến và nửa phong kiến, làm cho người cày có ruộng, phát triển chế độ dân chủ nhân dân, gây cơ sở cho chủ nghĩa xã hội"⁴... Ba nhiệm vụ đó khăng khít với nhau. Nhiệm vụ chính lúc này là hoàn thành giải phóng dân tộc. Lúc này phải tập trung lực lượng vào cuộc kháng chiến để quyết thắng quân xâm lược...

Lực lượng của cách mạng Việt Nam gồm có giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, giai cấp tiểu tư sản và tư sản dân tộc. Ngoài ra, còn có những thân sĩ (địa chủ) yêu nước và tiến bộ. Những giai cấp, tầng lớp và phần tử đó hợp lại thành nhân dân mà nền tảng là công, nông và lao động trí thức. Giai cấp công nhân là giai cấp lãnh đạo cách mạng.

Cách mạng Việt Nam là *cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân*. Cách mạng Việt Nam do Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo, nhất định sẽ tiến lên chủ nghĩa xã hội. Đây là một quá trình lâu dài, và đại thể trải qua ba giai đoạn:

- Giai đoạn thứ nhất, nhiệm vụ chủ yếu là hoàn thành giải phóng dân tộc.
- Giai đoạn thứ hai, nhiệm vụ chủ yếu là xóa bỏ những di tích phong kiến và nửa phong kiến, thực hiện triệt để người cày có ruộng, phát triển kỹ nghệ, hoàn chỉnh chế độ dân chủ nhân dân.
- Giai đoạn thứ ba, nhiệm vụ chủ yếu là xây dựng cơ sở cho chủ nghĩa xã hội, tiến lên thực hiện chủ nghĩa xã hội.

Ba giai đoạn ấy không tách rời nhau mà mật thiết liên hệ xen lẫn với nhau. Nhưng mỗi giai đoạn có nhiệm vụ trung tâm.

Chính cương cũng nêu rõ 15 chính sách lớn của Đảng để đẩy mạnh kháng chiến đến thắng lợi và đặt cơ sở kiến thiết quốc gia.

Đại hội đã thông qua Điều lệ mới của Đảng. Điều lệ xác định rõ mục đích, tôn chỉ của Đảng và nhấn mạnh *Đảng Lao động Việt Nam là đảng của giai cấp công nhân và của nhân dân lao động Việt Nam*. Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam và xây dựng Đảng theo nguyên tắc một đảng vô sản kiểu mới... Đây là một bước tiến mới trong công tác xây dựng Đảng.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Trung ương gồm 19 ủy viên chính thức và 10 ủy viên dự khuyết, Ban Chấp hành Trung ương đã bầu Bộ Chính trị gồm 7 ủy viên chính thức, 1 ủy viên dự khuyết và Ban Bí thư. Hồ Chí Minh được bầu làm Chủ tịch Đảng, Trường Chinh được bầu lại làm Tổng Bí thư.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ hai đánh dấu sự trưởng thành của Đảng ta về mọi mặt, đáp ứng yêu cầu cấp bách của thực tiễn để đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn¹.

1. Sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng, ngày 28-6-1951, Đảng bộ Campuchia họp Đại hội, quyết định thành lập Đảng Nhân dân Cách mạng Campuchia và bầu ra Ban Lãnh đạo của Đảng do Sơn Ngọc Minh đứng đầu. Đảng bộ Lào đã tích cực chuẩn bị và đến ngày 22-3-1953 mới họp Đại hội và quyết định lập Đảng Nhân dân Lào (sau đổi

2. Đẩy mạnh kháng chiến đến thắng lợi

Sau Đại hội, Đảng ta đã tập trung lãnh đạo đẩy mạnh cuộc kháng chiến đến thắng lợi. Ban Chấp hành Trung ương (khoá II) đã tiếp tục giải quyết nhiều vấn đề do yêu cầu thực tiễn đặt ra trên tất cả các mặt.

Hội nghị Trung ương lần thứ nhất (tháng 3-1951) tập trung giải quyết các nhiệm vụ kinh tế, tài chính để bồi dưỡng sức dân và bảo đảm cung cấp cho quân đội; thực hiện phương châm tác chiến là tiêu diệt địch, phát triển lực lượng ba thứ quân; tăng cường công tác địch vận.

Hội nghị Trung ương lần thứ hai (tháng 9-1951) đã ra Nghị quyết về *Tình hình và nhiệm vụ chung, về công tác củng cố nội bộ, về nhiệm vụ kinh tế tài chính trước mắt*. Hội nghị còn bàn về công tác vùng địch chiếm đóng.

Hội nghị Trung ương lần thứ ba (tháng 4-1952) đã quyết định *chính Đảng, chính quân* coi đó là nhiệm vụ trung tâm của công tác xây dựng Đảng, xây dựng quân đội.

Hội nghị Trung ương lần thứ tư (tháng 1-1953) đã kiểm điểm tình hình thực hiện chính sách ruộng đất, chủ trương thực hiện triệt để giảm tô, chuẩn bị tiến tới cải cách ruộng đất.

Hội nghị Trung ương lần thứ năm (tháng 11-1953) quyết định phát động quần chúng triệt để giảm tô và tiến hành cải cách ruộng đất trong kháng chiến.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ hai và các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, Đảng đã lãnh đạo toàn quân, toàn dân tăng cường đoàn kết, ra sức phát triển lực lượng về mọi mặt, củng cố hậu phương, phát triển cuộc đấu tranh trong vùng địch chiếm đóng và mở nhiều cuộc tiến công quân sự trên khắp các chiến trường.

Đầu tháng 3-1951, Đại hội toàn quốc thống nhất Việt Minh và Liên Việt đã họp quyết định thống nhất hai tổ chức thành Mặt trận Liên hiệp quốc dân Việt Nam (Liên Việt). Khối đại đoàn kết toàn dân phát triển lên một bước mới.

Lực lượng vũ trang đã trưởng thành về cả chính trị và tổ chức, đặc biệt là bộ đội chủ lực. Đảng chủ trương vũ trang toàn bộ và xây dựng lực lượng vũ trang ba thứ quân làm nòng cốt (quân dân du kích, bộ đội địa phương, bộ đội chủ lực), chú trọng chất lượng, đồng thời chú ý nâng cao giác ngộ giai cấp trong lực lượng; nâng cao sự hiểu biết về đường lối kháng chiến, trình độ kỹ thuật, chiến thuật. Quân đội được tăng cường vũ khí, đạn dược, thuốc men. Năm 1949, thành lập Đại đoàn 308, đến cuối năm 1952 đã xây dựng được 6 đại đoàn bộ binh, 1 đại đoàn công pháo, nhiều trung đoàn bộ binh độc lập và các Liên khu vũ trang tập trung có khoảng 33 vạn người. Cuộc vận động chính quân về chính trị và quân sự vào mùa hè năm 1953 đã nâng cao nhận thức chính trị và trình độ kỹ thuật, chiến thuật của cán bộ, chiến sĩ. Công tác hậu cần được tăng cường, lương thực, vũ khí, thuốc men được bổ sung, đường sá được xây dựng thêm...

Phong trào đấu tranh ở vùng sau lưng địch tiếp tục phát triển với nhiều hình thức

phong phú; đấu tranh kinh tế và đấu tranh chính trị được kết hợp chặt chẽ với đấu tranh vũ trang, vừa tiến công địch vừa chống địch càn quét. Các chiến dịch lớn của các đơn vị chủ lực đã động viên, cổ vũ mạnh mẽ tinh thần đấu tranh của nhân dân ta vùng sau lưng địch.

Để bồi dưỡng sức dân, *củng cố hậu phương kháng chiến*, năm 1952, Đảng phát động cuộc vận động tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm đạt kết quả tốt. Chỉ tính riêng từ Liên khu V trở ra, sản lượng lương thực năm 1953 đạt 2,7 triệu tấn. Nhà nước đã ban hành một số sắc lệnh về thuế nông nghiệp, thuế công thương, xuất khẩu, nhập khẩu... Tháng 6-1951, Ngân hàng quốc gia được thành lập và sau đó mậu dịch quốc doanh ra đời. Thực hiện chính sách ruộng đất, từ năm 1949 đến năm 1953, nông dân đã được tạm cấp gần 180.000 ha ruộng đất của thực dân, địa chủ Việt gian, ruộng công, ruộng bỏ hoang, ruộng vắng chủ... Ngay từ giai đoạn đầu của cuộc kháng chiến, Đảng đã chủ trương không tịch thu ruộng đất của địa chủ, mà chỉ tịch thu ruộng đất và tài sản của đế quốc, Việt gian phản quốc chia cho dân cày. Từ năm 1947 đến năm 1953, đã thực hiện giảm tô 25%, chia ruộng đất cho nông dân; ban hành chính sách thuế nông nghiệp, hoãn nợ, xoá nợ, nhằm hạn chế sự bóc lột của bọn địa chủ. Tháng 1-1953, Hội nghị Trung ương lần thứ tư của Đảng đã kiểm điểm tình hình thực hiện chính sách ruộng đất, đề ra chủ trương thực hiện triệt để giảm tô, chuẩn bị tiến tới cải cách ruộng đất. Tháng 11-1953, Hội nghị Trung ương lần thứ 5 của Đảng quyết định phát động quần chúng triệt để giảm tô và phải thực hiện cải cách ruộng đất ngay trong kháng chiến. Sau đó, tháng 12-1953, Quốc hội thông qua Luật cải cách ruộng đất, tiến hành cải cách ruộng đất ở vùng tự do, nhằm đẩy mạnh kháng chiến, đưa kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn.

Trong gần một năm (1953-1954), chúng ta đã thực hiện 5 đợt giảm tô và đợt 1 cải cách ruộng đất ở một số xã ở vùng tự do. Cải cách ruộng đất mới chỉ được làm thí điểm, nhưng đã bộc lộ những khuyết điểm mang tính giáo điều, do chỉ đạo xử lý không đúng một số trường hợp cụ thể trong thực hiện chính sách ruộng đất. Tuy vậy, chính sách triệt để giảm tô và chia ruộng đất cho dân cày đã động viên tinh thần của nhân dân hậu phương, khơi dậy một luồng sinh khí mới trong nhân dân lao động, đông đảo nhân dân hăng hái sản xuất, đóng góp vượt mức sức người, sức của cho kháng chiến, góp phần quan trọng vào thắng lợi của chiến cuộc Đông-Xuân 1953-1954 với đỉnh cao là chiến thắng Điện Biên Phủ.

Về *xây dựng Đảng*, cuộc vận động chỉnh Đảng trong hai năm 1952, 1953 giúp cho cán bộ, đảng viên quán triệt thêm đường lối cách mạng và quan điểm kháng chiến lâu dài, dựa vào sức mình là chính; khắc phục một bước những lệch lạc "tả" khuynh, hữu khuynh. Ngoài ra, Đảng tiến hành phát triển cơ sở Đảng trong lực lượng vũ trang, trong các làng xã, xí nghiệp. Trong hai năm 1948-1949, kết nạp hơn 50 vạn đảng viên. Đến đầu năm 1951, số lượng đảng viên phát triển tới 76 vạn. Tuy nhiên, kết quả chỉnh Đảng phần nào có bị hạn chế do có những thiếu sót trong quá trình tổ chức chỉ đạo thực hiện.

Để cứu vãn tình thế sau thất bại ở Chiến dịch Biên giới, bọn hiếu chiến Pháp phải dựa vào sự giúp đỡ của đế quốc Mỹ. Lợi dụng tình thế đó, đế quốc Mỹ can thiệp ngày càng sâu vào Đông Dương, vừa giúp Pháp, vừa tìm cơ hội để hất cẳng Pháp. Chỉ riêng về ngân sách chiến tranh, viện trợ của Mỹ tăng dần từ 20% (năm 1950) lên 50% (1952)

và 80% (1954). Có thêm sự trợ giúp của Mỹ, bọn hiếu chiến Pháp tìm mọi cách tăng thêm quân số, xây dựng thêm nhiều binh đoàn cơ động mạnh, liên tục thay tổng tư lệnh quân đội viễn chinh ở Đông Dương, thực hiện nhiều kế hoạch phiêu lưu quân sự.

Với thế chủ động trên chiến trường, quân ta liên tiếp mở các chiến dịch: chiến dịch Trung du (tháng 12-1950), chiến dịch đường 18 (tháng 3-1951), chiến dịch Hà - Nam - Ninh (tháng 5-1951)... Tháng 10-1951, quân Pháp mở cuộc hành binh đánh chiếm thị xã Hòa Bình, hòng giành lại quyền chủ động trên chiến trường chính. Tận dụng cơ hội này, quân ta đã bao vây, tiến công chia cắt đồng thời đưa một bộ phận bộ đội chủ lực tiến vào sau lưng địch ở đồng bằng và trung du Bắc Bộ để tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, đẩy mạnh chiến tranh du kích, phá hoại quyền, củng cố chính quyền nhân dân. Những đòn tiến công của bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và chiến tranh du kích đã phát triển lên một bước mới. Cuối tháng 2-1952, địch buộc phải rút chạy khỏi Hòa Bình. Chiến dịch Hòa Bình kết thúc thắng lợi. Ta đã tiêu diệt nhiều sinh lực địch, mở rộng vùng giải phóng, mở rộng khu căn cứ du kích liên hoàn từ Bắc Giang, Quảng Yên, Kiến An, Thái Bình đến Ninh Bình, Hà Nam, Hà Đông. Âm mưu giành lại thế chủ động của Pháp trên chiến trường chính bị thất bại hoàn toàn.

Tháng 10-1952, thực hiện Nghị quyết Bộ Chính trị, quân ta mở Chiến dịch Tây Bắc. Sau ba tháng chiến đấu (từ ngày 4-10 đến ngày 30-12-1952) quân ta đã tiêu diệt được 6.000 tên địch, giải phóng đại bộ phận Tây Bắc, phá tan âm mưu lập "Xứ Thái tự trị" của giặc Pháp.

Tháng 4-1953, quân tình nguyện Việt Nam phối hợp với quân đội giải phóng Lào mở Chiến dịch Thượng Lào, giải phóng Xiêng Khoảng, một phần tỉnh Sầm Nưa. Căn cứ kháng chiến Thượng Lào nối liền với vùng Tây Bắc Việt Nam, tạo thế uy hiếp mạnh đối với quân Pháp.

Những thắng lợi to lớn và toàn diện của quân và dân ta từ sau Đại hội lần thứ II của Đảng (tháng 2-1951) đã làm thay đổi lớn về lực và thế của ta, tạo điều kiện để quân và dân ta bước vào giai đoạn mới của cuộc kháng chiến.

Để giành một thắng lợi quân sự làm cơ sở cho một giải pháp chính trị có "danh dự" cho Pháp, tướng Nava được bổ nhiệm làm Tổng chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương. Nava vạch ra một kế hoạch quân sự dựa trên sự nỗ lực cao nhất của Chính phủ Pháp và sự viện trợ lớn nhất của Mỹ, với một đội quân cơ động mạnh nhất và phương tiện chiến tranh nhiều nhất.

Căn cứ vào sự phân tích tình hình và âm mưu của địch, chủ trương quân sự của Trung ương đề ra trong Đông Xuân 1953-1954 là:

- Ra sức tăng cường chiến tranh du kích trên toàn bộ chiến trường vùng sau lưng địch để phá âm mưu bình định, phá kế hoạch khuếch trương nguy quân của địch, phân tán chủ lực của chúng và phá âm mưu chúng tập trung lực lượng ra Bắc Bộ.

- Bộ đội chủ lực nắm vững phương châm "tích cực, chủ động, cơ động linh hoạt" tập trung tích cực nhằm tiêu diệt sinh lực địch và tranh thủ giải phóng đất đai ở những vùng chiến lược quan trọng mà địch tương đối yếu, đồng thời tranh thủ tiêu diệt địch trong vận động chiến ở những hướng địch đánh ra mà ta có điều kiện thuận lợi để diệt

địch.

Chủ trương quân sự của Trung ương Đảng được toàn Đảng, toàn quân và dân ta tích cực chuẩn bị và khẩn trương thực hiện kế hoạch tác chiến, quân đội nhân dân Việt Nam đã liên tiếp mở các cuộc tấn công trên các hướng chiến lược trên chiến trường Đông Dương; tiến công địch ở Tây Bắc, giải phóng Lai Châu, uy hiếp Điện Biên Phủ, tiến công địch ở Trung Lào, giải phóng Thà Khẹt và nhiều vùng quan trọng ở Trung Lào, tiến công địch ở Hạ Lào về đông Campuchia, mở rộng xuống tây - bắc Campuchia, tiến công địch ở Tây Nguyên, giải phóng thị xã Kon Tum, uy hiếp Plâycu. Đến tháng 1-1954, để tiếp tục chuẩn bị, bố trí thế trận đánh Điện Biên Phủ theo phương châm "đánh chắc, tiến chắc", quân đội ta còn phối hợp với quân giải phóng Lào tiến công địch ở phòng tuyến sông Nậm Hu, Thượng Lào, giải phóng Nậm Hu và toàn bộ tỉnh Phôngxalỳ. Phối hợp với các đơn vị tiến công của chủ lực ở trên, quân và dân ta ở các chiến trường đã đẩy mạnh tác chiến, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, mở rộng các căn cứ du kích. Kế hoạch quân sự Nava bước đầu bị phá sản, tạo điều kiện thuận lợi cho mặt trận Điện Biên Phủ.

Giữa lúc quân đội ta bắt đầu tiến quân lên Tây Bắc, ngày 20-11-1953 Nava vội vàng cho thực hiện cuộc hành binh Hải Ly (Castor) cho quân nhảy dù xuống Điện Biên Phủ rồi tiếp tục tăng quân, vũ khí để xây dựng ở Điện Biên Phủ một tập đoàn cứ điểm quy mô lớn.

Hạ tuần tháng 12-1953, Bộ Chính trị quyết định chọn Điện Biên Phủ làm điểm quyết chiến chiến lược trong Đông Xuân 1953-1954. Chiến dịch Điện Biên Phủ có ý nghĩa quân sự và chính trị quan trọng. Chiến dịch diễn ra từ ngày 13-3-1954 và kết thúc vào ngày 7-5-1954.

Với chiến thắng Điện Biên Phủ, quân ta đã tiêu diệt và bắt sống 16.000 tên địch, trong đó có tướng Đờ Caxtori (De Castries) và toàn bộ tham mưu của tập đoàn cứ điểm bị diệt và bắt sống.

Chiến thắng Điện Biên Phủ là thắng lợi lớn nhất của cuộc đọ sức toàn diện và quyết liệt của quân dân Việt Nam với quân đội xâm lược Pháp. *Chiến công đó được ghi vào lịch sử dân tộc như một Bạch Đằng, một Chi Lăng hay một Đống Đa trong thế kỷ XX và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công hiển hách, báo hiệu sự thắng lợi của nhân dân các dân tộc bị áp bức, sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân.*

Cùng với chủ trương mở cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953-1954, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh quyết định mở cuộc đấu tranh trên mặt trận ngoại giao.

Ngày 26-11-1953, trả lời phỏng vấn của phóng viên báo *Expresses* Thụy Điển về việc chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói:

"Nếu Chính phủ Pháp đã rút được bài học trong cuộc chiến tranh mấy năm nay, muốn đi đến đình chiến ở Việt Nam bằng cách thương lượng và giải quyết vấn đề Việt Nam theo lối hòa bình thì nhân dân và Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sẵn sàng tiếp ý muốn đó..."

Cơ sở của việc đình chiến ở Việt Nam là Chính phủ Pháp thật thà tôn trọng nền

độc lập thật sự của nước Việt Nam"¹.

Chủ trương mở mặt trận ngoại giao của ta đưa ra giữa lúc thực dân Pháp đang thực hiện Kế hoạch Nava đã thúc đẩy nhân dân Pháp đấu tranh đòi Chính phủ Pháp phải thương lượng với Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và gây tiếng vang trên thế giới. Song, chúng ta không ảo tưởng.

Ngày 27-12-1953, Ban Bí thư ra thông tư nói rõ: Hồ Chủ tịch đã tuyên bố rõ "lập trường của nhân dân Việt Nam là *kiên quyết kháng chiến đến thắng lợi cuối cùng*. Song nhân dân và Chính phủ ta cũng tán thành thương lượng nhằm mục đích giải quyết hòa bình vấn đề Việt Nam"¹. "Chúng ta *tuyệt đối không nên có ảo tưởng rằng hòa bình sẽ đến một cách mau chóng và dễ dàng*. Hòa bình cũng như độc lập phải *đấu tranh gian khổ mới giành được*"².

Cuối năm 1953, Hội nghị cấp Bộ trưởng ngoại giao giữa Liên Xô, Anh, Pháp, Mỹ, Trung Quốc (Hội nghị Beclin) đã ra thông báo sẽ triệu tập Hội nghị Gionevơ, để bàn giải pháp cho vấn đề Triều Tiên và lập lại hòa bình ở Đông Dương. Việt Nam không bỏ lỡ cơ hội, tiếp tục đẩy mạnh đấu tranh vũ trang, tạo cơ sở cho phái đoàn Việt Nam tới Hội nghị với tư thế một dân tộc chiến thắng. Ngày 8-5-1954, một ngày sau chiến thắng Điện Biên Phủ, Hội nghị quốc tế về chấm dứt chiến tranh Đông Dương khai mạc ở Gionevơ (Thụy Sĩ). Cuộc đấu tranh này không kém phần quyết liệt và phức tạp. Đối với Việt Nam, đây là lần đầu tiên Việt Nam tham dự một hội nghị quốc tế lớn, mặc dù chưa được Anh, Mỹ, Pháp công nhận về mặt ngoại giao. Đoàn đại biểu của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã đấu tranh hết sức kiên quyết và khôn khéo. Ngày 21-7-1954, các văn bản của Hiệp định Gionevơ về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương được ký kết. Hiệp định Gionevơ quy định: Các nước tham dự Hội nghị cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản là độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của nhân dân Việt Nam, nhân dân Lào, nhân dân Campuchia; Pháp rút quân khỏi ba nước Đông Dương; vĩ tuyến 17 là giới tuyến quân sự tạm thời ở Việt Nam và đến tháng 7-1956, tổng tuyến cử tự do để thống nhất đất nước.

Giải pháp ký kết Hiệp định Gionevơ, lập lại hòa bình ở Đông Dương lúc bấy giờ, biểu hiện cụ thể Việt Nam là một nước nhỏ, lại phải đương đầu với các đế quốc xâm lược lớn trong bối cảnh các quan hệ quốc tế vô cùng phức tạp nên cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc và tự do của nhân dân ta là lâu dài, gian khổ, quanh co để giành lấy thắng lợi từng bước là một vấn đề có tính quy luật.

Như vậy, cùng với chiến thắng Điện Biên Phủ, Hiệp định đã chấm dứt chiến tranh xâm lược của Pháp ở Đông Dương. Mỹ thất bại trong âm mưu kéo dài, mở rộng chiến tranh ở Đông Dương. Miền Bắc được giải phóng, chúng ta có điều kiện xây dựng trong hoà bình.

Ngày 22-7-1954, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư cho đồng bào cả nước đã nêu rõ: "Đấu tranh để củng cố hòa bình, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập, dân chủ cũng

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.7, tr. 168.

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, t.14, tr. 553, 556.

là một cuộc đấu tranh lâu dài và gian khổ"¹.

IV. Ý nghĩa, nguyên nhân thắng lợi và kinh nghiệm lịch sử

Thắng lợi vẻ vang của sự nghiệp kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta là do *các nhân tố cơ bản* sau đây:

- Có sự lãnh đạo vững vàng của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh với đường lối chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện, lâu dài và dựa vào sức mình là chính, có sức mạnh động viên và tổ chức toàn dân đánh giặc.

- Có sự đoàn kết chiến đấu của toàn dân tập hợp trong mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi - Mặt trận Liên Việt - được xây dựng trên nền tảng khối liên minh công nông và trí thức vững chắc.

- Có lực lượng vũ trang gồm ba thứ quân do Đảng ta trực tiếp lãnh đạo ngày càng vững mạnh, chiến đấu dũng cảm, mưu lược, tài trí là lực lượng quyết định tiêu diệt địch trên chiến trường, đè bẹp ý chí xâm lược của địch, giải phóng đất đai của Tổ quốc.

- Có chính quyền dân chủ nhân dân, của dân, do dân và vì dân được giữ vững, củng cố và lớn mạnh, làm công cụ sắc bén tổ chức toàn dân kháng chiến và xây dựng chế độ mới.

- Có sự liên minh chiến đấu keo sơn giữa ba dân tộc Việt Nam, Lào, Campuchia cùng chống một kẻ thù chung; có sự đồng tình, giúp đỡ của Trung Quốc, Liên Xô, các nước xã hội chủ nghĩa, của các dân tộc yêu chuộng hòa bình trên thế giới, kể cả nhân dân tiến bộ Pháp.

Với ý chí "thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ", nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng đã chiến đấu kiên cường và chiến thắng ngày càng to lớn, tiêu biểu là chiến thắng lừng lẫy Điện Biên Phủ. Chúng ta đã bảo vệ được chính quyền cách mạng, đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Pháp được đế quốc Mỹ giúp sức ở mức độ cao, giải phóng hoàn toàn miền Bắc, tạo điều kiện tiến lên hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ trên phạm vi cả nước.

Nhân dân ta cùng với nhân dân Lào và Campuchia đã đập tan ách thống trị của chủ nghĩa thực dân ở ba nước Đông Dương. Thắng lợi của nhân dân Việt Nam đã mở đầu sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân cũ, trước hết là hệ thống thuộc địa của Pháp, cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

Đánh giá về ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: "*Lần đầu tiên trong lịch sử, một nước thuộc địa nhỏ yếu đã đánh thắng một nước thực dân hùng mạnh. Đó là, một thắng lợi vẻ vang của nhân dân Việt Nam, đồng thời cũng là một thắng lợi vẻ vang của các lực lượng hòa bình, dân chủ*

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.7, tr. 322.

và xã hội chủ nghĩa trên thế giới"¹.

Trải qua quá trình lãnh đạo kháng chiến, Đảng ta đã tích lũy được *nhiều kinh nghiệm quý báu* về lãnh đạo cách mạng và chiến tranh có giá trị lý luận và thực tiễn sâu sắc:

1. Xác định đúng và quán triệt đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân.

2. Kết hợp chặt chẽ và đúng đắn nhiệm vụ chống đế quốc với nhiệm vụ chống phong kiến, trong đó chủ yếu là nhiệm vụ chống đế quốc.

3. Vừa kháng chiến vừa xây dựng chế độ mới, xây dựng hậu phương ngày càng vững mạnh đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của cuộc kháng chiến.

4. Quán triệt tư tưởng chiến lược kháng chiến gian khổ và lâu dài chủ động đề ra và thực hiện phương thức tiến hành chiến tranh và nghệ thuật quân sự sáng tạo.

5. Tăng cường công tác xây dựng Đảng, nâng cao sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của Đảng trong chiến tranh.

1. *Sđd*, 2002, tr. 322.

Chương IV

Đảng Lãnh Đạo Cách Mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc Và kháng chiến chống Mỹ, cứu Nước(1954-1975)

I. Đường lối cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới

1. Đặc điểm nước ta sau tháng 7 - 1954

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và can thiệp Mỹ do Đảng lãnh đạo đã giành được thắng lợi, song sự nghiệp cách mạng dân tộc dân chủ trên phạm vi cả nước vẫn chưa hoàn thành. Miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, song miền Nam vẫn còn dưới ách thống trị của thực dân và tay sai. Đất nước tạm thời bị chia làm hai miền.

ở miền Bắc, mặc dù thực dân Pháp rất ngoan cố, nhưng do tinh thần đấu tranh kiên quyết của nhân dân ta, nên đến ngày 10-10-1954 tên lính Pháp cuối cùng đã rút khỏi Hà Nội và ngày 16-5-1955, toàn bộ quân đội viễn chinh Pháp đã phải rút khỏi miền Bắc. Ngay sau khi hòa bình lập lại, nhân dân miền Bắc khẩn trương khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh và tiến hành thực hiện các nhiệm vụ còn lại của cách mạng dân tộc dân chủ nhằm tạo tiền đề đưa miền Bắc từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

ở miền Nam, lợi dụng sự thất bại và khó khăn của thực dân Pháp, đế quốc Mỹ đã nhảy vào để thay chân Pháp nhằm biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Mỹ.

Để thực hiện âm mưu nói trên, trước khi Hiệp định Giơnevơ được ký kết, ngày 7-7-1954, Mỹ đã đưa Ngô Đình Diệm về Sài Gòn làm Thủ tướng Chính phủ bù nhìn thay Bửu Lộc. Ngày 17-7-1955, theo chỉ đạo của Mỹ, Diệm tuyên bố không hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất đất nước và ngày 23-10-1955 đã tổ chức cái gọi là "trung cầu dân ý" để phế truất Bảo Đại, đưa Ngô Đình Diệm lên làm Tổng thống.

Sau khi dựng lên chính quyền Ngô Đình Diệm, Mỹ - Diệm đã liên tiếp mở các cuộc hành quân càn quét để bình định miền Nam, áp đặt chế độ thực dân kiểu mới, chia cắt lâu dài đất nước ta. Thực chất, đây là một cuộc chiến tranh đơn phương đẫm máu chống lại nhân dân miền Nam trong tay không có vũ khí. Với chính sách "tổ cộng", "diệt cộng", loại cộng sản ra ngoài vòng pháp luật để trừng trị, và với khẩu hiệu "thà giết nhầm hơn bỏ sót", chúng thẳng tay đàn áp tất cả các lực lượng chống đối. Chỉ tính đến cuối năm 1955, hàng chục vạn cán bộ, đảng viên và quần chúng cách mạng đã bị bắt và bị giết hại.

Đứng trước những biến đổi phức tạp nêu trên, lịch sử lại đặt cho Đảng ta một yêu cầu bức thiết là phải vạch ra đường lối chiến lược đúng đắn để đưa cách mạng Việt Nam

tiến lên phù hợp với tình hình mới của đất nước và phù hợp với xu thế phát triển chung của thời đại.

Xuất phát từ việc nhận thức sâu sắc tình hình thế giới và đặc điểm cơ bản của tình hình đất nước sau tháng 7-1954, trải nhiều hội nghị của Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị, chủ trương chiến lược cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới của Đảng đã từng bước hình thành.

2. Chủ trương đưa miền Bắc quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiếp tục thực hiện cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9-1960)

a) Chủ trương đưa miền Bắc quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Sau khi hòa bình được lập lại, miền Bắc hoàn toàn được giải phóng. Tuy nhiên, miền Bắc bước vào khôi phục kinh tế trong điều kiện có nhiều khó khăn. 143.000 ha ruộng đất bị bỏ hoang, hàng trăm ngàn gia đình không có nhà ở, hàng chục vạn người không có việc làm, nhiều tệ nạn do xã hội cũ để lại còn hoành hành, phần lớn xí nghiệp ngừng hoạt động, hàng hoá khan hiếm. Nhiệm vụ trước mắt là tiếp quản những vùng giải phóng theo quy định của Hiệp định Giơnevơ. Việc tiếp quản đó bước đầu thuận lợi, nhân dân ta đã làm chủ hoàn toàn Thủ đô từ ngày 10-10-1954. Hướng đấu tranh chủ yếu của nhân dân miền Bắc thời kỳ này là chống âm mưu của địch dụ dỗ, cưỡng ép đồng bào ta di cư vào Nam. Trong hoạt động này, do chậm phát hiện và chưa thấy hết âm mưu thâm độc của Mỹ - Pháp, nên gần một triệu người miền Bắc đã bị cưỡng ép di cư vào Nam.

Xuất phát từ tình hình trên, Đảng chủ trương đưa miền Bắc quá độ lên chủ nghĩa xã hội và đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa của Đảng từng bước được hình thành và phát triển.

Tháng 9-1954, Bộ Chính trị đã đề ra nhiệm vụ chủ yếu trước mắt của miền Bắc là hàn gắn vết thương chiến tranh, phục hồi kinh tế quốc dân, trước hết là phục hồi và phát triển sản xuất nông nghiệp, ổn định xã hội, ổn định đời sống nhân dân, tăng cường và mở rộng hoạt động quan hệ quốc tế... để sớm đưa miền Bắc trở lại bình thường sau chín năm chiến tranh.

Hội nghị lần thứ bảy tháng 3-1955 và lần thứ tám tháng 8-1955 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa II) đã nhận định: Mỹ và tay sai đã hất cẳng Pháp ở miền Nam, công khai lập nhà nước riêng chống phá Hiệp định Giơnevơ, đàn áp phong trào cách mạng. Muốn chống đế quốc Mỹ và tay sai, củng cố hòa bình, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập và dân chủ, *điều cốt lõi là phải ra sức củng cố miền Bắc*, đồng thời giữ vững và đẩy mạnh cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam.

Để củng cố miền Bắc, Ban Chấp hành Trung ương Đảng chỉ rõ, *trước hết cần hoàn thành cải cách ruộng đất, chia ruộng đất cho nông dân, xóa bỏ chế độ sở hữu ruộng đất của giai cấp địa chủ; đưa miền Bắc tiến dần từng bước lên chủ nghĩa xã hội; kiện toàn lãnh đạo các cấp và củng cố Mặt trận Dân tộc thống nhất.*

Hội nghị đề ra kế hoạch 3 năm (1955-1957) với những mục tiêu cụ thể:

- Khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh, trên cơ sở đó phát triển sản xuất, nhằm giảm bớt khó khăn cho nhân dân. Phần đầu phục hồi mức sản xuất năm 1939 - năm có mức sản xuất cao nhất ở Việt Nam thời Pháp thuộc.

- Chủ trương khôi phục nông nghiệp là trọng tâm. Ban hành nhiều chính sách khuyến nông.

- Đề ra chính sách khôi phục tiểu thủ công nghiệp và công thương nghiệp. Ban hành nhiều chính sách bảo hộ cho các xí nghiệp công, tư thương nghiệp được phát triển sản xuất để phục vụ dân sinh; không vội vàng thủ tiêu những công thương nghiệp tư nhân, nếu thấy có lợi cho nền kinh tế. Coi trọng thành phần kinh tế quốc doanh, tạo điều kiện cho thành phần này dần dần giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân.

Tháng 12-1957, Hội nghị lần thứ mười ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã đánh giá thắng lợi về khôi phục kinh tế và *đề ra nhiệm vụ soạn thảo đường lối cách mạng trong giai đoạn mới*. Đến tháng 11-1958, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ mười bốn *đề ra kế hoạch ba năm phát triển kinh tế - văn hóa và cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với kinh tế cá thể và kinh tế tư bản tư doanh (1958-1960)*.

Hội nghị xác định cải tạo kinh tế cá thể của nông dân, thợ thủ công và buôn bán nhỏ, tư bản tư doanh, chuyển sở hữu cá thể về tư liệu sản xuất thành sở hữu tập thể xã hội chủ nghĩa dưới hai hình thức toàn dân và tập thể. Lấy cải tạo làm trọng tâm nhằm phát triển kinh tế, văn hóa, cải thiện đời sống nhân dân, củng cố chế độ dân chủ nhân dân. Xây dựng, củng cố miền Bắc thành cơ sở vững mạnh cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà.

Tháng 4-1959, Hội nghị lần thứ mười sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa II) thông qua hai nghị quyết quan trọng: Nghị quyết về vấn đề hợp tác hóa nông nghiệp và Nghị quyết về vấn đề cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh.

Về hợp tác hóa nông nghiệp, Hội nghị xác định hình thức và bước đi của hợp tác xã là: hợp tác hóa đi trước cơ giới hóa, do vậy hợp tác hóa phải đi đôi với thủy lợi hóa và tổ chức lại lao động, để phát huy tính ưu việt và sức mạnh của tập thể. Hội nghị chỉ rõ ba nguyên tắc cần được quán triệt trong suốt quá trình xây dựng hợp tác xã là: tự nguyện, cùng có lợi và quản lý dân chủ.

Về cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh, Hội nghị chủ trương cải tạo hòa bình đối với giai cấp tư sản. Về chính trị, vẫn coi giai cấp tư sản là thành viên của Mặt trận Tổ quốc, về kinh tế không tịch thu tư liệu sản xuất của họ, mà dùng chính sách chuộc lại, thông qua hình thức công tư hợp doanh, sắp xếp công việc cho người tư sản trong xí nghiệp, dần dần cải tạo họ thành người lao động.

Chủ trương đưa miền Bắc lên chủ nghĩa xã hội đã tạo nên những chuyển biến cách mạng trong nền kinh tế và xã hội ở miền Bắc nước ta. Miền Bắc được củng cố, từng bước đi lên chủ nghĩa xã hội, trở thành hậu phương ổn định, vững mạnh đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp cách mạng Việt Nam.

b) Chủ trương tiếp tục thực hiện cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam

Nắm vững âm mưu, thủ đoạn của đế quốc Mỹ ở Việt Nam và Đông Dương, nên ngay trước ngày ký Hiệp định Giơnevơ, Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa II) từ ngày 15 đến ngày 17-7-1954, đã chỉ rõ: "Hiện nay đế quốc Mỹ là kẻ thù chính của nhân dân thế giới và nó đang trở thành kẻ thù chính và trực tiếp của nhân dân Đông Dương, cho nên mọi việc của ta đều nhằm chống đế quốc Mỹ"¹.

Ngày 22-7-1954, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi đồng bào và cán bộ chiến sĩ cả nước: "Trung Nam Bắc đều là bờ cõi của ta, nước ta nhất định sẽ thống nhất, đồng bào cả nước nhất định được giải phóng"².

Về cách mạng miền Nam, Nghị quyết Bộ Chính trị tháng 9-1954 nêu rõ: *Đế quốc Mỹ và tay sai đang mưu tính, phá hoại Hiệp định Giơnevơ nhằm chia cắt lâu dài Việt Nam. Cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam phải chuyển từ đấu tranh vũ trang sang đấu tranh chính trị. Nhiệm vụ của Đảng ở miền Nam trong giai đoạn mới là: "lãnh đạo nhân dân miền Nam đấu tranh thực hiện Hiệp định đình chiến, củng cố hòa bình, thực hiện tự do dân chủ,... cải thiện dân sinh, thực hiện thống nhất và tranh thủ độc lập. Đồng thời phải lãnh đạo nhân dân đấu tranh chống những hành động khủng bố, đàn áp, phá cơ sở của ta, bắt bớ cán bộ ta và quân chúng cách mạng, chống những hành động tiến công của địch, ngụy, giữ lấy quyền lợi quân chúng đã giành được trong thời kỳ kháng chiến, nhất là ở những vùng căn cứ địa và vùng du kích cũ của ta"*³.

Thực hiện Chỉ thị của Bộ Chính trị về tình hình và công tác của các đảng bộ miền Nam, tháng 10-1954, Xứ ủy Nam Bộ được thành lập, do Lê Duẩn, ủy viên Bộ Chính trị làm Bí thư.

Từ thực tiễn cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân miền Nam, tháng 8-1956, Lê Duẩn đã dự thảo *Đường lối cách mạng miền Nam*. Bản Đường lối cách mạng miền Nam được đưa ra thảo luận tại Hội nghị Xứ ủy Nam Bộ họp tháng 12-1956.

Bản Đường lối vạch rõ ngày 20-7-1956 đã không có tổng tuyển cử như Hiệp định Giơnevơ quy định. Chế độ thống trị của Mỹ, Diệm ở miền Nam lúc bấy giờ là một chế độ độc tài, phátxít, hiếu chiến. Để chống Mỹ-Diệm, nhân dân miền Nam chỉ có con đường cứu nước và tự cứu mình là con đường cách mạng. Ngoài con đường cách mạng không có một con đường khác¹.

Mục đích của cách mạng miền Nam là phải đánh đổ chính quyền độc tài phátxít Mỹ - Diệm, thực hiện một chính quyền liên hiệp dân chủ có tính chất dân tộc, độc lập, để giải phóng nhân dân miền Nam ra khỏi ách đế quốc phong kiến độc tài phátxít Mỹ - Diệm để cùng với toàn quốc thực hiện hòa bình, thống nhất, độc lập dân tộc².

Đường lối cách mạng miền Nam là một trong những văn kiện quan trọng, góp

1, 2. *Sđd*, tr. 319, 322.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, t.15, tr. 308.

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.17, tr. 785, 787.

phần vào sự hình thành đường lối cách mạng Việt Nam ở miền Nam của Đảng.

Tháng 12-1957, tại Hội nghị lần thứ mười ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ, nước ta tiến hành đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược cách mạng: *cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa*. Hai nhiệm vụ cách mạng nói trên đều quan trọng, coi nhẹ một nhiệm vụ nào cũng đều sai lầm.

Tháng 1-1959, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ mười lăm. Trên cơ sở phân tích tình hình thế giới và trong nước, Nghị quyết Hội nghị chỉ rõ: *Nhiệm vụ cơ bản của cách mạng miền Nam là giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc và phong kiến, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam; Con đường phát triển cơ bản của cách mạng Việt Nam ở miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân. Đó là con đường lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp đấu tranh chính trị và vũ trang để đánh đổ chính quyền thống trị độc tài Ngô Đình Diệm, tay sai của đế quốc Mỹ, thành lập một chính quyền liên hiệp dân tộc, dân chủ ở miền Nam.*

Ban Chấp hành Trung ương cũng nêu rõ, đế quốc Mỹ là đế quốc hiếu chiến cho nên cuộc khởi nghĩa của nhân dân miền Nam cũng có khả năng chuyển thành cuộc đấu tranh vũ trang lâu dài và thắng lợi cuối cùng nhất định về ta.

Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương cũng nêu rõ *cần tăng cường công tác Mặt trận để mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân; củng cố, xây dựng Đảng bộ miền Nam thật vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức để đủ sức lãnh đạo trực tiếp cách mạng miền Nam.*

Nghị quyết Hội nghị lần thứ mười lăm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá II) có ý nghĩa lịch sử to lớn, chẳng những đã đáp ứng đúng nhu cầu của lịch sử, mở đường cho cách mạng miền Nam tiến lên, mà còn thể hiện rõ bản lĩnh cách mạng độc lập tự chủ, sáng tạo của Đảng ta trong những năm tháng khó khăn của cách mạng.

c) Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9-1960)

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng họp tại Thủ đô Hà Nội từ ngày 5 đến ngày 10-9-1960. Tới dự có 525 đại biểu chính thức và 51 đại biểu dự khuyết, thay mặt hơn 50 vạn đảng viên trong cả nước. Gần 20 đoàn đại biểu quốc tế đến dự Đại hội.

Trong diễn văn khai mạc Đại hội, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ: *"Đại hội lần này là Đại hội xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh hòa bình thống nhất nước nhà"*¹.

Đại hội đã thảo luận và thông qua *Báo cáo chính trị* của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và thông qua Nghị quyết về *Nhiệm vụ và đường lối của Đảng trong giai đoạn mới*, gồm những vấn đề lớn sau đây:

Về đường lối chiến lược cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới:

Trên cơ sở phân tích tình hình và đặc điểm nước ta, Đại hội xác định nhiệm vụ

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.10, tr. 198.

của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới:

Một là, đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc.

Hai là, tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, thực hiện thống nhất nước nhà, hoàn thành độc lập và dân chủ trong cả nước.

Cách mạng ở miền Bắc và cách mạng ở miền Nam thuộc hai chiến lược khác nhau, song trước mắt đều hướng vào mục tiêu chung là giải phóng miền Nam, hòa bình, thống nhất đất nước.

Đại hội còn xác định vị trí, vai trò, nhiệm vụ cụ thể của từng chiến lược cách mạng ở mỗi miền. Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc giữ vai trò quyết định nhất đối với sự phát triển của toàn bộ cách mạng Việt Nam và đối với sự nghiệp thống nhất nước nhà. Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam giữ vai trò quyết định trực tiếp đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước.

Cuộc đấu tranh nhằm thực hiện thống nhất nước nhà là nhiệm vụ thiêng liêng của nhân dân cả nước ta. Đó là một quá trình đấu tranh cách mạng gay go, gian khổ, phức tạp và lâu dài chống đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai của chúng ở miền Nam. Đại hội chủ trương kiên quyết giữ vững đường lối hòa bình để thống nhất nước nhà, vì chủ trương phù hợp với nguyện vọng và lợi ích của nhân dân cả nước ta cũng như của nhân dân yêu chuộng hòa bình thế giới. Song ta phải luôn luôn đề cao cảnh giác, chuẩn bị sẵn sàng đối phó với mọi tình thế. Nếu đế quốc Mỹ và bọn tay sai liều lĩnh gây ra chiến tranh hòng xâm lược miền Bắc, thì nhân dân cả nước ta sẽ kiên quyết đứng lên đánh bại chúng, hoàn thành độc lập và thống nhất Tổ quốc. Lịch sử đã chứng minh rằng, đường lối trên phản ánh đúng quy luật vận động của cách mạng ở từng miền và chung của cả nước trong giai đoạn 1954-1975. Nó thể hiện tinh thần độc lập, tự chủ của Đảng ta trong việc tìm ra một đường lối phù hợp với hoàn cảnh mới. Như vậy, một Đảng thống nhất lãnh đạo một đất nước tạm thời bị chia cắt, tiến hành đồng thời hai chiến lược cách mạng khác nhau ở hai miền là nét độc đáo và đặc điểm lớn nhất của cách mạng nước ta.

Về đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc

Xuất phát từ đặc điểm của miền Bắc, trong đó, đặc điểm lớn nhất là từ một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội không trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, Đại hội xác định rằng, cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc là một quá trình cải biến cách mạng về mọi mặt. Đó là quá trình đấu tranh gay go giữa hai con đường, con đường xã hội chủ nghĩa và con đường tư bản chủ nghĩa trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, tư tưởng, văn hóa và kỹ thuật nhằm đưa miền Bắc từ một nền kinh tế chủ yếu dựa trên sở hữu cá thể về tư liệu sản xuất tiến lên nền kinh tế xã hội chủ nghĩa dựa trên sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể, từ nền sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội về kinh tế được xem là hai mặt của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa về quan hệ sản xuất, hai mặt này có quan hệ mật thiết, tác động qua lại và thúc đẩy lẫn nhau cùng phát triển.

Công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa được xem là nhiệm vụ trung tâm trong suốt thời kỳ quá độ ở nước ta nhằm xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội.

Cùng với cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa về kinh tế, phải tiến hành cuộc cách mạng tư tưởng và văn hóa, nhằm thay đổi cơ bản đời sống tư tưởng, tinh thần và văn hóa của toàn xã hội phù hợp với chế độ xã hội mới xã hội chủ nghĩa.

Từ những luận điểm trên đây, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng đã đề ra đường lối chung trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc nước ta là: *Đoàn kết toàn dân, phát huy truyền thống của nhân dân ta và đoàn kết với các nước xã hội chủ nghĩa đưa miền Bắc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng đời sống ấm no, hạnh phúc ở miền Bắc và củng cố miền Bắc trở thành cơ sở vững mạnh cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà.*

Để thực hiện mục tiêu nói trên, phải sử dụng chính quyền dân chủ nhân dân làm nhiệm vụ lịch sử của chuyên chính vô sản để thực hiện cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp nhỏ và công thương nghiệp tư bản tư doanh; phát triển thành phần kinh tế quốc doanh; thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa bằng cách ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý, đồng thời ra sức phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ; đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa về tư tưởng, văn hóa và kỹ thuật, biến nước ta thành một nước xã hội chủ nghĩa có công nghiệp hiện đại, nông nghiệp hiện đại, văn hóa và khoa học tiên tiến.

Đại hội đã thảo luận và thông qua Điều lệ (sửa đổi) của Đảng, Lời kêu gọi của Đại hội; đã bầu ra Ban Chấp hành Trung ương mới gồm 47 ủy viên chính thức và 31 ủy viên dự khuyết. Ban Chấp hành Trung ương đã cử ra Bộ Chính trị gồm 11 ủy viên chính thức. Chủ tịch Hồ Chí Minh được bầu lại làm Chủ tịch Đảng và Lê Duẩn được bầu làm Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Thành công của Đại hội là cơ sở cho toàn Đảng, toàn dân đoàn kết chặt chẽ thành một khối, là nguồn sức mạnh cho chúng ta sáng tạo, chúng ta xây dựng thắng lợi chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà.

II. Thực hiện các kế hoạch nhà nước ở miền Bắc và đấu tranh chống Mỹ và tay sai ở miền Nam (1954-1965)

1. Thực hiện các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước

Ngay sau khi hòa bình được lập lại, Đảng đã lãnh đạo nhân dân miền Bắc khôi phục kinh tế và hoàn thành cải cách ruộng đất. Ngay từ những ngày đầu được giải phóng, cùng với quá trình khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh, ổn định đời sống nhân dân, nhiệm vụ cấp bách của miền Bắc là tiếp quản những vùng địch tạm chiếm theo quy định của Hiệp định Giơnevơ. Việc tiếp quản diễn ra hết sức khó khăn, phức tạp bởi Pháp và tay sai đã dùng mọi âm mưu, thủ đoạn để chống phá, làm rối loạn xã hội và mất trật tự an ninh trước khi chúng rút quân.

ở nhiều địa phương, Pháp và tay sai đã tung tin bịa đặt để gây hoang mang, kích động dân chúng, thúc ép đồng bào theo đạo Thiên Chúa rời bỏ nhà cửa, ruộng vườn di cư vào Nam. Có nơi chúng đã cung cấp tiền của, phương tiện cho bọn phản động gây rối trật tự an ninh như ở Bùi Chu (Nam Định), Phát Diệm (Ninh Bình), gây bạo loạn ở Ba Làng (Thanh Hóa), Quỳnh Lưu (Nghệ An). Đây là cuộc đấu tranh chính trị sâu sắc, nhưng lãnh đạo Đảng và chính quyền nhiều địa phương chưa thấy hết được tính chất phức tạp và cấp bách của nó, do đó đã không có những chủ trương, biện pháp đối phó kịp thời, thậm chí có nơi đã không dám trấn áp bọn phản động cầm đầu, sợ vi phạm Hiệp định Giơnevơ. Đảng ta đã phê phán những sai lầm đó và thành lập các ban chỉ đạo chống cưỡng ép dân di cư. Đồng thời, để ổn định tình hình, nhiều chính sách của Đảng và Nhà nước được ban hành kịp thời trong thời gian này như: chính sách đối với tôn giáo; chính sách đối với công chức, trí thức trước đây làm việc cho địch; chính sách đối với ngũ quân. Ngoài ra, Đảng và Nhà nước còn huy động hàng vạn cán bộ, bộ đội đến giúp đỡ các địa phương, tuyên truyền, vận động quần chúng đấu tranh chống địch cưỡng ép di cư nhằm ổn định tình hình.

Sau chiến tranh, nền kinh tế miền Bắc gặp nhiều khó khăn gay gắt, việc khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh đã được khẩn trương thực hiện. Cụ thể là:

Trong khôi phục kinh tế, Đảng đặt trọng tâm là sản xuất nông nghiệp. Việc khôi phục sản xuất nông nghiệp được kết hợp với cải cách ruộng đất và vận động đổi công, giúp nhau sản xuất, đồng thời, chăm lo xây dựng cơ sở vật chất cho nông nghiệp.

Sản xuất nông nghiệp được khôi phục và phát triển, nạn đói bị đẩy lùi, tạo điều kiện giải quyết những vấn đề cơ bản trong nền kinh tế quốc dân, kết quả này góp phần ổn định chính trị, trật tự an ninh xã hội.

Cùng với khôi phục sản xuất nông nghiệp, việc khôi phục công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và giao thông vận tải cũng hoàn thành. Hầu hết các xí nghiệp quan trọng đã được phục hồi sản xuất và tăng thêm thiết bị, một số nhà máy mới được xây dựng.

Trong quá trình khôi phục kinh tế, Đảng hết sức coi trọng thành phần kinh tế quốc doanh, tạo điều kiện cho thành phần này dần dần giữ được vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân. Giao thông vận tải nhanh chóng được phục hồi, mọi hoạt động kinh tế ở miền Bắc đã ổn định. Các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, y tế được phát triển nhanh.

Hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở được xây dựng và củng cố, đã phát huy được hiệu lực trong việc hoàn thành nhiệm vụ khôi phục kinh tế và trong việc đập tan mọi âm mưu và thủ đoạn của bọn phản động chống đối chế độ mới.

Công cuộc giảm tô, giảm tức và cải cách ruộng đất được tiếp tục đẩy mạnh. Để đảm bảo thực hiện thắng lợi nhiệm vụ cải cách ruộng đất, Đảng chủ trương dựa hẳn vào bản cổ nông, đoàn kết với trung nông, đánh đổ giai cấp địa chủ, tịch thu ruộng đất của họ để chia đều cho dân cày nghèo.

Đến tháng 7-1956, cải cách ruộng đất đã căn bản hoàn thành ở đồng bằng, trung du và 280 xã ở miền núi. Chế độ chiếm hữu ruộng đất phong kiến ở miền Bắc nước ta đến đây bị xóa bỏ hoàn toàn. 9 triệu người trong hơn 2 triệu hộ dân lao động được chia hơn 810.000 ha ruộng đất.

Trong quá trình cải cách ruộng đất, bên cạnh những kết quả đạt được, Đảng ta đã

phạm phải một số sai lầm nghiêm trọng, phổ biến và kéo dài trong chỉ đạo thực hiện. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sai lầm là chủ quan, giáo điều, không xuất phát từ tình hình thực tiễn, nhất là những thay đổi quan trọng về quan hệ giai cấp, xã hội ở nông thôn miền Bắc sau ngày được hoàn toàn giải phóng. Do đó, trong chỉ đạo, thực hiện cải cách ruộng đất, đã cường điệu hóa đấu tranh giai cấp ở nông thôn, dẫn đến mở rộng quá mức đối tượng đấu tranh; sử dụng hình thức, phương pháp không phù hợp với đối tượng là địa chủ ở nông thôn Việt Nam; trong chính đốn tổ chức, đã nhận định sai về tình hình tổ chức cơ sở đảng ở nông thôn, cho rằng về cơ bản đã bị địch lũng đoạn, từ đó dẫn đến xử lý oan những cán bộ, đảng viên tốt. Sai lầm này đã gây ra một số tổn thất đối với Đảng và quan hệ giữa Đảng với nhân dân.

Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa II) tháng 9 - 1956 đã nghiêm khắc kiểm điểm những sai lầm, công khai tự phê bình trước nhân dân thi hành kỷ luật đối với một số ủy viên Bộ Chính trị và ủy viên Trung ương Đảng và thành khẩn tiến hành sửa sai một cách kiên quyết, khẩn trương, thận trọng và có kế hoạch lãnh đạo chặt chẽ, nên từng bước đã khắc phục được những sai lầm trong cải cách ruộng đất.

Cuối năm 1957, công cuộc khôi phục kinh tế đã vượt chỉ tiêu đặt ra:

Các xí nghiệp quan trọng được phục hồi và tăng thêm thiết bị, một số xí nghiệp mới được xây dựng; mọi hoạt động kinh tế ở miền Bắc ổn định. Các lĩnh vực văn hoá, giáo dục, y tế phát triển nhanh; nông nghiệp đã vượt mức năm 1939 (cuối năm 1957, sản lượng lương thực đạt 4 triệu tấn / năm so với mức 2,4 triệu / năm 1939); hệ thống đoàn thể từ Trung ương đến địa phương được củng cố và xây dựng (9-1955, Mặt trận dân tộc thống nhất được đổi tên thành Mặt trận Tổ quốc Việt Nam).

Trên cơ sở thắng lợi của kế hoạch khôi phục kinh tế, Đảng đã tổ chức thực hiện kế hoạch cải tạo xã hội chủ nghĩa, bước đầu phát triển kinh tế - văn hóa (1958-1960).

Đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh: Đến tháng 11-1969, đã cải tạo 2.097 cơ sở thương nghiệp tư bản với tổng số vốn 25 triệu đồng, có 1.732 tư sản và 500 người trong gia đình họ được sắp xếp việc làm. Các xí nghiệp được sắp xếp lại, hợp nhất các xí nghiệp nhỏ thành các xí nghiệp quy mô vừa. Đồng thời, Đảng chủ trương phát triển mạnh thành phần kinh tế nhà nước, nhất là công nghiệp quốc doanh. Từ năm 1958-1960, Nhà nước đã đầu tư xây dựng cơ bản 1.481 triệu đồng, tăng 2,3 lần thời kỳ 1955-1957. Giá trị sản lượng công nghiệp năm 1960 tăng 4,8 lần so với năm 1955, đạt 850 triệu đồng.

Trong cải tạo nông nghiệp: Đã tiến hành hợp tác hoá nông nghiệp và Đảng coi đây là khâu chính của công tác cải tạo các thành phần kinh tế. Phương châm hợp tác hoá: "Tự nguyện, cùng có lợi, quản lý dân chủ và bước đi phải từ thấp đến cao" và "... từ hình thức thấp như tổ đổi công tiếp lên hợp tác xã bậc cao. Quy mô cũng phải từ nhỏ tiến lên lớn". Thực hiện chủ trương trên, trong năm 1958, phong trào hợp tác hoá phát triển mạnh và nhanh chóng trở thành cao trào. Sau hơn 2 năm (1958-1959), hợp tác hoá nông nghiệp được coi như hoàn thành cơ bản. Trong 3 năm (1958-1960), sản xuất nông nghiệp đạt nhiều kết quả, tăng trưởng trung bình mỗi năm 5,6%.

Song, bên cạnh đó, nhiều hợp tác xã còn gặp khó khăn, sản xuất sút kém, một số cán bộ hợp tác xã tham ô, lạm dụng của công... Các nguyên tắc và phương châm cải tạo tiến hành hợp tác hoá nông nghiệp của Đảng không được tuân thủ đúng đắn, có những

sai phạm và còn gò ép, áp đặt, chạy theo thành tích... làm cho nông dân thiếu tin tưởng, một số xã viên xin ra khỏi hợp tác xã. Nguyên nhân là ở chỗ phong trào hợp tác hoá còn nóng vội, vi phạm nguyên tắc tự nguyện và cùng có lợi, không nắm vững phương châm: tốt, vững, gọn, chưa tìm ra hình thức quản lý hợp tác xã thích hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.

Trong cải tạo tiểu thủ công nghiệp và những người buôn bán nhỏ. Đảng và Nhà nước chỉ đạo tiến hành theo các hình thức tổ chức hợp tác khác nhau. Sau hai năm, ngành thủ công nghiệp đã xây dựng được 45.000 hợp tác xã, thu hút 75% thợ thủ công ở thành thị và nông thôn, bước đầu tăng thêm đầu tư thiết bị, cải tiến kỹ thuật. Tuy nhiên, ở đây cũng có thể nhận thấy những hạn chế tương tự như trong phong trào hợp tác hoá.

Ngoài ra, việc phát triển văn hoá, giáo dục, y tế, chăm lo cải thiện đời sống nhân dân đã rất được coi trọng. Năm 1960, cứ 100 người dân có 18 người đi học (năm 1939 chỉ có 3 người), số giường bệnh tăng lên 2 lần.

Sau khi miền Bắc hoàn thành kế hoạch ba năm (1958-1960), Đảng lãnh đạo Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965) nhằm xây dựng bước đầu cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, thực hiện một bước công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa và hoàn thành công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, tiếp tục đưa miền Bắc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội.

Để thực hiện phương hướng, nhiệm vụ và các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội lần thứ III đề ra, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã mở nhiều hội nghị chuyên đề nhằm cụ thể hóa đường lối, đưa nghị quyết của Đảng vào cuộc sống, như: Hội nghị lần thứ tư tháng 4-1961 bàn về xây dựng Đảng để bảo đảm vai trò lãnh đạo thực hiện đường lối chủ trương của Đảng trong giai đoạn mới; Hội nghị lần thứ năm tháng 7-1961 bàn về phát triển nông nghiệp; Hội nghị lần thứ bảy tháng 3-1962 bàn về phát triển công nghiệp; Hội nghị lần thứ tám tháng 4-1963 bàn về kế hoạch nhà nước; Hội nghị lần thứ mười tháng 12-1964 bàn về lưu thông phân phối, giá cả...

Trong quá trình thực hiện kế hoạch năm năm lần thứ nhất, nhiều cuộc vận động và phong trào thi đua được triển khai sôi nổi ở các ngành và các địa phương. Trong nông nghiệp có phong trào thi đua theo gương của Hợp tác xã Đại Phong (Quảng Bình), trong công nghiệp có phong trào thi đua với Nhà máy cơ khí Duyên Hải (Hải Phòng), trong tiểu thủ công nghiệp có phong trào thi đua với Hợp tác xã thủ công nghiệp Thành Công (Thanh Hóa), trong ngành giáo dục có phong trào thi đua học tập Trường cấp II Bắc Lý (Hà Nam), trong quân đội có phong trào thi đua "Ba nhất", v.v..

Đặc biệt, phong trào "Mỗi người làm việc bằng hai để đền đáp lại cho đồng bào miền Nam ruột thịt" theo Lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Hội nghị chính trị đặc biệt tháng 3-1964 khi đế quốc Mỹ leo thang mở rộng chiến tranh ở miền Nam đã làm tăng thêm không khí phấn khởi, hăng hái vươn lên hoàn thành Kế hoạch năm năm lần thứ nhất.

Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất đã đạt được những thành tựu to lớn. Trong nông nghiệp, năm 1961 sản lượng lương thực miền Bắc đạt 5,8 triệu tấn, tăng 8,8% so với năm 1960. Đến năm 1965, 88,8% số hộ nông dân đã vào hợp tác xã nông nghiệp. Nông nghiệp miền Bắc đã phát triển tương đối toàn diện, bảo đảm cho miền Bắc ổn định về kinh tế - xã hội, phát huy vai trò hậu phương lớn với tiền tuyến lớn.

Tuy vậy, bên cạnh những thành tích nêu trên vẫn còn tồn tại những hạn chế nhất định. Việc hợp nhất và đưa ô ạt các hợp tác xã lên bậc cao là chủ quan, nóng vội. Tổ chức sản xuất trong nông nghiệp và trình độ quản lý của cán bộ chưa đáp ứng được yêu cầu, cơ sở vật chất nghèo nàn. Tỷ lệ xã viên xin ra khỏi hợp tác xã cao.

Trong công nghiệp, công nghiệp quốc doanh phát triển với nhịp độ cao. Các ngành công nghiệp nặng như dầu khí, luyện kim, hoá chất... được xây dựng và đi vào sản xuất. Đến năm 1965 có 1.132 xí nghiệp công nghiệp quốc doanh đã được xây dựng. Công nghiệp nhẹ và mạng lưới công nghiệp địa phương phát triển khá. Mặc dù vậy, công nghiệp vẫn còn chưa hướng vào mục tiêu trung tâm phục vụ sản xuất nông nghiệp và hàng tiêu dùng. Quan niệm về công nghiệp hoá còn giản đơn, đồng nhất công nghiệp hoá với việc xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội, quá nhấn mạnh đến việc phát triển công nghiệp nặng, đầu tư quá nhiều vào xây dựng cơ bản trong điều kiện có chiến tranh phá hoại.

Trong lĩnh vực văn hoá - xã hội, trình độ văn hoá, kỹ thuật của cán bộ và nhân dân được tăng lên rõ rệt. Bảo vệ sức khoẻ và chăm sóc y tế được đảm bảo. Các tệ nạn xã hội giảm mạnh. Số lượng học sinh, sinh viên tăng lên đáng kể. Năm 1965, miền Bắc có 4,5 triệu người đi học (trong 16 triệu dân), có 10.290 trường phổ thông các cấp (năm 1969 có 7.066 trường), có 18 trường đại học và cao đẳng với 34.000 sinh viên (năm 1960 có 9 trường và 8.000 sinh viên)...

Trong lĩnh vực quốc phòng và an ninh, lực lượng ba thứ quân đã nâng cao một bước sức mạnh chiến đấu, 30% ngân sách quốc phòng được đầu tư xây dựng các công trình quân sự, hoàn thành tốt việc chi viện cho chiến trường miền Nam. Tuy nhiên, chúng ta vẫn còn chưa nhận thức được mối quan hệ giữa xây dựng kinh tế và phát triển quốc phòng.

Trong hoạt động đối ngoại của Đảng và Nhà nước, thành tựu lớn nhất là đã nâng cao địa vị quốc tế của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, tranh thủ sự đồng tình và giúp đỡ của các nước anh em và nhân dân thế giới đối với cuộc đấu tranh giải phóng.

Kế hoạch này mới thực hiện được bốn năm thì phải chuyển hướng do phải đối phó với chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất do đế quốc Mỹ gây ra, kể từ ngày 5-8-1964. Mặc dù vậy, những mục tiêu chủ yếu của kế hoạch đã cơ bản hoàn thành.

Trải qua 10 năm khôi phục, cải tạo và xây dựng chế độ mới, "miền Bắc nước ta đã tiến những bước dài chưa từng thấy trong lịch sử dân tộc. Đất nước, xã hội và con người đều đổi mới"¹ với chế độ chính trị ưu việt, với lực lượng kinh tế và quốc phòng lớn mạnh, miền Bắc đã trở thành căn cứ địa vững chắc cho cách mạng cả nước.

2. Nhân dân miền Nam đấu tranh chống đế quốc Mỹ và tay sai

Sau khi hất cẳng Pháp, trực tiếp can thiệp vào miền Nam Việt Nam, đế quốc Mỹ đã biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới, lập phòng tuyến để ngăn chặn ảnh hưởng của chủ nghĩa xã hội xuống Đông Nam á, thiết lập căn cứ quân sự để tiến công miền Bắc xã hội chủ nghĩa.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.11, tr. 224.

Để thực hiện những âm mưu đó, đế quốc Mỹ đã nhanh chóng thiết lập bộ máy chính quyền đứng đầu là Ngô Đình Diệm, xây dựng lực lượng quân sự gần nửa triệu người cùng hàng vạn cảnh sát, mật vụ được trang bị, vũ khí phương tiện chiến tranh hiện đại của Mỹ.

Bộ máy chính quyền, quân đội Sài Gòn đã trở thành công cụ tay sai đắc lực nhằm thi hành chính sách thực dân mới của Mỹ ở miền Nam Việt Nam. Chúng vừa dụ dỗ, lừa bịp, vừa đàn áp, khủng bố với nhiều thủ đoạn thâm độc, dã man. Chúng ráo riết thi hành quốc sách "tố cộng", "diệt cộng", lập "khu trù mật", "khu dinh điền" nhằm mục đích bắt bớ, trả thù tất cả những người yêu nước kháng chiến cũ; thẳng tay đàn áp phong trào đấu tranh đòi thi hành Hiệp định Giơnevơ của các tầng lớp nhân dân; gây ra nhiều vụ thảm sát đẫm máu ở Mỏ Cày, Bình Đại (Bến Tre) ngày 19-8-1954; Chợ Đước (Quảng Nam) ngày 4-9-1954; Ngăn Sơn, Chí Thạnh (Phú Yên) ngày 8-9-1954.

Về phía lực lượng cách mạng, sau khi chuyển quân tập kết ra miền Bắc theo Hiệp định Giơnevơ, tương quan lực lượng giữa ta và địch ở miền Nam có sự thay đổi lớn: ta tuy có ưu thế về chính trị và lực lượng quần chúng nhân dân đông đảo nhưng không còn lực lượng vũ trang, không còn chính quyền. Trong khi đó, kẻ thù có đủ sức mạnh về kinh tế và quân sự, nắm trong tay cả bộ máy nguy quân, nguy quyền đồ sộ. Chúng thẳng tay đàn áp, tiêu diệt phong trào cách mạng, gây cho ta nhiều tổn thất nặng nề.

Xuất phát từ tương quan lực lượng giữa ta và địch cụ thể lúc này, Đảng đã quyết định thay đổi phương thức đấu tranh quân sự sang đấu tranh chính trị, lãnh đạo quần chúng đấu tranh đòi Mỹ - Diệm phải thi hành hiệp định, phải tổ chức hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất đất nước và đòi thực hiện các quyền dân sinh, dân chủ, chống mọi hành động khủng bố, đàn áp.

Thực hiện chủ trương chuyển hướng của Đảng, hàng trăm tổ chức quần chúng công khai, trong đó có các ủy ban đấu tranh đòi hòa bình được thành lập ở miền Nam. Phong trào đấu tranh đòi hiệp thương tổng tuyển cử, chống bầu cử lừa bịp, chống cướp đất, đuổi nhà, dồn dân, đòi công ăn việc làm, chống khủng bố, chống sa thải, chống bắt lính, v.v., được phát triển mạnh mẽ ở cả nông thôn và thành thị với gồm hàng triệu lượt người tham gia.

Để giữ gìn lực lượng và duy trì hoạt động trong điều kiện quân thù khủng bố dã man, các đảng bộ ở miền Nam đã sắp xếp lại tổ chức và rút vào hoạt động bí mật. Nhiều địa phương đã chủ trương "điều" và "lắng"¹ cán bộ để bám dân, bám đất lãnh đạo phong trào.

Trước hành động khủng bố ngày càng tàn bạo của địch, yêu cầu vũ trang chống khủng bố ngày càng trở nên bức bách. Nhiều nơi quần chúng lấy vũ khí chôn giấu từ năm 1954, cướp súng địch, dùng vũ khí tự tạo để tự vệ, chống lại khủng bố, tiêu diệt những tên phản động, chỉ điểm, ác ôn.

Tháng 10 - 1957, tại Chiến khu Đ, Đại đội 250 - đơn vị vũ trang đầu tiên được thành lập. Đến cuối năm 1957, ở Nam Bộ có 37 đại đội vũ trang, ở Liên khu V nhiều đội vũ trang cũng được thành lập. Một số trận đánh tiêu diệt quân nguy đã diễn ra ở Thủ

1. Điều cán bộ đi hoạt động ở địa phương khác khi đã bị lộ, lắng là tạm thời rút vào hoạt động bí mật để bảo toàn lực lượng.

Dầu Mọt và Biên Hòa.

Trong những năm 1954 - 1957, do chính sách tàn bạo của Mỹ - Diệm, lực lượng cách mạng miền Nam bị tổn thất lớn. Song, nhờ chủ trương chuyển hướng kịp thời của Đảng và với tinh thần kiên định, dũng cảm của cán bộ, đảng viên và nhân dân miền Nam, cách mạng không bị tiêu diệt, trái lại đã trụ vững, từng bước khôi phục và phát triển.

Từ năm 1958, Mỹ - Diệm càng đẩy mạnh khủng bố dã man, liên tiếp mở tiếp các cuộc hành quân càn quét, dồn dân quy mô lớn vào các trại tập trung. Ngày 1-12-1958, chúng đã giết hại hàng ngàn cán bộ cách mạng và đồng bào yêu nước ở trại giam Phú Lợi (Thủ Dầu Mọt). Tháng 3-1959, Diệm tuyên bố "đặt miền Nam trong tình trạng chiến tranh". Ngày 6-5-1959, Mỹ - Diệm ra luật 10/59 lê máy chém đi khắp miền Nam. Tòa án quân sự đặc biệt của chúng đưa thẳng người bị bắt ra xét xử và bắn tại chỗ.

Thực hiện chính sách khủng bố tàn bạo, tổ chức càn quét, dồn dân lập ấp của Mỹ - Diệm chứng tỏ chúng không mạnh, trái lại thể hiện sự thất bại của "Chiến lược Aixenhao" thực thi ở miền Nam. Chính sách khủng bố và chiến tranh đó đã làm cho mâu thuẫn giữa Mỹ - Diệm với nhân dân miền Nam Việt Nam thêm gay gắt, làm cho tình thế cách mạng chín muồi, dẫn đến bùng nổ các cuộc khởi nghĩa của quần chúng.

Vào đầu năm 1959, một số cuộc nổi dậy của đồng bào các tộc ít người ở Tà Lóc, Tà Léc (Bình Định), ở Bác ái (Ninh Thuận) phá Khu tập trung trở về buôn làng cũ. Ngày 28-8-1959, nhân dân các tộc người ở Trà Bồng đã vũ trang khởi nghĩa giành chính quyền và khởi nghĩa đã nhanh chóng nổ ra ở các huyện Sơn Hà, Minh Long, Ba Tơ. Khởi nghĩa Trà Bồng và các huyện miền Tây Quảng Ngãi đã mở đầu cuộc khởi nghĩa từng phần nổ ra trên quy mô tương đối lớn, đúng thời cơ và sáng tạo trong việc sử dụng các hình thức bạo lực đã góp phần làm phong phú thêm về phương thức và nghệ thuật khởi nghĩa từng phần giành chính quyền cơ sở chống lại ách thống trị của chủ nghĩa thực dân mới của đế quốc Mỹ ở miền Nam Việt Nam.

Giữa lúc đó, Nghị quyết của Hội nghị lần thứ mười lăm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa II) về cách mạng Việt Nam ở miền Nam đã truyền đến các đảng bộ ở miền Nam. Nghị quyết mười lăm của Ban Chấp hành Trung ương đã vạch rõ phương hướng đánh đổ chính quyền của đế quốc và phong kiến, giành chính quyền về tay nhân dân đã tạo đà cho cuộc khởi nghĩa từng phần nổ ra ngày càng rộng lớn.

Ngày 17-1-1960, ở Bến Tre, cuộc khởi nghĩa bắt đầu bùng nổ ở huyện Mỏ Cày, sau đó lan ra các huyện Minh Tân, Giồng Trôm, Châu Thành, Ba Tri, Thạnh Phú, rồi nhanh chóng mở rộng ra khắp các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, Tây Nguyên và một số nơi thuộc các tỉnh Trung Bộ. Hệ thống kim kẹp của địch ở xã, ấp bị tê liệt và tan vỡ từng mảng lớn.

Đến cuối năm 1960, phong trào Đồng khởi đã làm tan rã cơ cấu chính quyền cơ sở địch ở nhiều vùng nông thôn, có 1.383 xã/ 2.627 xã nhân dân lập chính quyền tự quản. Vùng giải phóng ra đời trên phạm vi rộng lớn, nối liền từ Tây Nguyên đến miền Tây Nam Bộ và đồng bằng Liên khu V. Thắng lợi của phong trào Đồng khởi ở nông thôn đã thúc đẩy mạnh mẽ phong trào đấu tranh ở đô thị và các đồn điền, nhà máy. Từ thắng lợi của phong trào Đồng khởi, ngày 20-12-1960, tại xã Tân Lập (Tây Ninh), Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam được thành lập. Cách mạng miền Nam đã có một tổ

chức chính trị để tập hợp rộng rãi quần chúng, nhân dân đoàn kết đấu tranh thực hiện chương trình hành động 10 điểm mà nội dung cơ bản là đánh đổ thuộc địa trá hình của đế quốc Mỹ và chính quyền độc tài Ngô Đình Diệm, xây dựng một miền Nam độc lập, dân chủ, hòa bình, trung lập, tiến tới hòa bình thống nhất nước nhà.

Thắng lợi của phong trào Đồng khởi là bước nhảy vọt lịch sử của cách mạng miền Nam.

Do thất bại trong chiến tranh "đơn phương" nên ngay sau khi lên làm Tổng thống Hoa Kỳ, Kennơđi đã chuyển sang chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" ở miền Nam. Chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" là một trong ba loại chiến tranh của chiến lược toàn cầu "phản ứng linh hoạt" của đế quốc Mỹ. Trong chiến lược chiến tranh này, Mỹ đã dùng hai thủ đoạn chủ yếu: *một là*, tăng cường lực lượng quân đội nguy quyền Sài Gòn và khả năng cơ động của chúng với vũ khí, phương tiện chiến tranh hiện đại của Mỹ, do cố vấn quân sự Mỹ trực tiếp chỉ huy; *hai là*, đẩy mạnh quốc sách "áp chiến lược" nhằm dồn dân, tách lực lượng cách mạng ra khỏi nhân dân theo hình thức "tát nước, bắt cá" để bình định miền Nam. Với hai thủ đoạn đó, Mỹ - Diệm hy vọng sẽ nhanh chóng làm thay đổi tương quan lực lượng để dễ bề tiêu diệt cách mạng miền Nam.

Trên cơ sở phân tích, đánh giá tình hình giữa ta và địch ở miền Nam kể từ sau ngày Đồng khởi, trong cuộc họp tháng 1 năm 1961 và tháng 2 năm 1962, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã đề ra chủ trương chỉ đạo chính xác là *tiếp tục giữ vững tư tưởng chiến lược tiến công, đưa đấu tranh vũ trang phát triển lên song song với đấu tranh chính trị, tiến công địch trên cả ba vùng chiến lược: đô thị, nông thôn đồng bằng và nông thôn rừng núi, bằng ba mũi giáp công: quân sự, chính trị và binh vận*. Đảng chỉ rõ, do đặc điểm phát triển không đều của cách mạng miền Nam, tương quan lực lượng ở mỗi vùng khác nhau, nên phương châm đấu tranh phải linh hoạt, thích hợp với từng vùng cụ thể.

Vùng rừng núi: Lấy đấu tranh vũ trang là chủ yếu.

Vùng nông thôn đồng bằng: Kết hợp hai hình thức đấu tranh vũ trang và chính trị.

Vùng đô thị: Lấy đấu tranh chính trị là chủ yếu.

Để tăng cường sự chỉ đạo của Trung ương Đảng đối với cách mạng miền Nam, tháng 10-1961, Trung ương Cục miền Nam được thành lập, Nguyễn Văn Linh được cử làm Bí thư Trung ương Cục. Đảng bộ miền Nam được kiện toàn với hệ thống tổ chức thống nhất, tập trung từ Trung ương Cục đến các chi bộ. Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam làm thêm chức năng của chính quyền cách mạng. Ngày 15-2-1961, các lực lượng vũ trang ở miền Nam được thống nhất với tên gọi Quân giải phóng miền Nam Việt Nam.

Cách mạng miền Nam đã có bước phát triển mới. Trên mặt trận quân sự ta đã thu được nhiều thắng lợi quan trọng. Trong ba năm 1961 - 1963, ta đã đánh hơn 50 trận lớn nhỏ với những chiến thắng vang dội như trận ấp Bắc (Mỹ Tho), Cái Nước - Đầm Dơi (Cà Mau). Phong trào đấu tranh phá "áp chiến lược" phát triển mạnh mẽ, với phương

châm "bám đất, bám làng", "một tấc không đi, một ly không rời". Tính từ năm 1961 đến năm 1963, chúng ta đã phá hoàn toàn 2.895 ấp/6.161 ấp; giành quyền làm chủ 12.000/17.000 thôn; giải phóng 5/14 triệu dân.

Do tác động của phong trào đấu tranh quân sự và phong trào phá "áp chiến lược", phong trào đấu tranh chính trị ở các đô thị cũng phát triển sôi động, mạnh mẽ, nhất là từ năm 1963 trở đi, lôi cuốn đông đảo các tầng lớp nhân dân lao động, trí thức, học sinh, sinh viên và các giáo phái tham gia, đặc biệt là phong trào đấu tranh của đồng bào Phật giáo.

Với những chiến thắng dồn dập trên các mặt trận quân sự và chính trị của nhân dân miền Nam, đến cuối năm 1964 đã làm cho nửa triệu quân nguy dưới sự chỉ huy của 2,5 vạn cố vấn Mỹ đã tỏ ra bất lực, không đủ sức làm công cụ chủ yếu của "Chiến tranh đặc biệt". Phong trào phá "áp chiến lược" trong những năm 1964-1965 phát triển rộng lớn. Hệ thống áp chiến lược của Mỹ bị phá trên 85%. Cuộc khủng hoảng của chính quyền Sài Gòn ngày càng trầm trọng. Ngày 1-11-1963, dưới sự chỉ đạo của Mỹ, lực lượng quân đảo chính đã giết chết anh em Diệm - Nhu. Từ tháng 11-1963 đến tháng 6-1965 đã diễn ra 10 cuộc đảo chính quân sự nhằm lật đổ lẫn nhau trong nội bộ chính quyền Sài Gòn.

Tháng 9-1964, Bộ Chính trị họp và chủ trương giành thắng lợi quyết định ở miền Nam trong một vài năm tới. Bộ Chính trị cử Đại tướng Nguyễn Chí Thanh - Ủy viên Bộ Chính trị vào miền Nam trực tiếp phụ trách, chỉ đạo cuộc kháng chiến.

Được sự chi viện tích cực của miền Bắc thông qua tuyến đường Trường Sơn trên đất liền và trên biển, quân và dân miền Nam đã mở nhiều chiến dịch với hàng trăm trận đánh lớn nhỏ trên khắp các chiến trường, như ở An Lão, Đèo Nhông - Dương Liễu, Việt An, Ba Gia. (Khu V và khu vực Tây Nguyên, Trị Thiên), Bình Giả, Đồng Xoài (Nam Bộ).

Phong trào đấu tranh chính trị ở các đô thị cũng phát triển sôi động, mạnh mẽ từ giữa năm 1963 trở đi. Trước phong trào đấu tranh dồn dập và có hiệu quả của nhân dân miền Nam, đến cuối năm 1964, đầu năm 1965, ba chỗ dựa chủ yếu của Mỹ là nguy quân nguy quyền, hệ thống "áp chiến lược" và các đô thị bị lung lay tận gốc.

Chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mỹ được triển khai đến mức cao nhất đã hoàn toàn bị phá sản. Oétmolen phải thừa nhận: "Tình hình ở Việt Nam xấu đi hiện ra rõ rệt hơn bao giờ hết. Nếu chiều hướng này cứ tiếp diễn thì tiến tới sự tiếp quản của Việt Cộng ở đất nước này có lẽ nội trong một năm"¹.

Đánh bại chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mỹ là một thắng lợi to lớn nữa có ý nghĩa chiến lược của quân và dân ta ở miền Nam. Thắng lợi này tạo cơ sở vững chắc để đưa cách mạng miền Nam tiếp tục tiến lên.

1. Oétmolen: *Tường trình của một quân nhân*, Nxb. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh, 1998, tr. 47.

III. Nhân dân cả nước kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1965-1975)

1. Đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Đảng

Chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mỹ ở miền Nam phát triển đến mức cao nhất đã căn bản bị thất bại. Với bản chất xâm lược ngoan cố của Mỹ, chúng đã chuyển sang thực thi chiến lược "Chiến tranh cục bộ", ồ ạt đưa quân viễn chinh của Mỹ và các nước đồng minh vào miền Nam, đồng thời mở rộng cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân đối với miền Bắc nước ta.

Tính chất và mục đích của cuộc chiến tranh đó của Mỹ vẫn là chiến tranh xâm lược nhằm thực hiện chủ nghĩa thực dân kiểu mới, song cuộc chiến tranh từ chỗ dựa vào lực lượng quân đội chính quyền Sài Gòn là chủ yếu đã chuyển thành cuộc chiến tranh dựa vào hai lực lượng chiến lược là quân đội viễn chinh Mỹ và quân đội chính quyền Sài Gòn, vừa tập trung lực lượng chủ yếu trên chiến trường miền Nam, vừa mở rộng chiến tranh phá hoại đối với miền Bắc, tạo ra tình hình cả nước có chiến tranh với Mỹ, với mức độ khác nhau.

Để chống lại cuộc "Chiến tranh cục bộ" của Mỹ, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã họp các Hội nghị lần thứ mười một (3-1965) và lần thứ mười hai (12-1965) để đánh giá tình hình mới và đề ra nhiệm vụ mới để lãnh đạo toàn Đảng, toàn quân và toàn dân Việt Nam đoàn kết chặt chẽ, quyết tâm đánh thắng quân xâm lược Mỹ, giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, thống nhất nước nhà.

Trên cơ sở phân tích tình hình quốc tế và trong nước, tương quan so sánh lực lượng giữa ta và địch không chỉ về lực mà cả về thế (bao gồm thế chiến lược và thế trận), Trung ương Đảng nhận định rằng: Mặc dù đế quốc Mỹ đưa vào miền Nam hàng chục vạn quân viễn chinh, nhưng so sánh lực lượng giữa ta và địch vẫn không thay đổi lớn, cuộc chiến tranh trở nên gay go, ác liệt, nhưng nhân dân ta đã có cơ sở chắc chắn để giữ vững thế chủ động trên chiến trường; cuộc "Chiến tranh cục bộ" mà Mỹ đang tiến hành ở miền Nam vẫn là một cuộc chiến tranh xâm lược thực dân mới. Cuộc chiến tranh đó được đề ra trong thế thua, thế thất bại và bị động, cho nên nó chứa đựng đầy mâu thuẫn về chiến lược; Mỹ không thể nào cứu vãn được tình thế nguy khốn, bế tắc của chúng ở miền Nam.

Từ sự phân tích và nhận định trên, Trung ương khẳng định chúng ta có đủ điều kiện và sức mạnh để đánh Mỹ và thắng Mỹ, và nêu rõ quyết tâm: *Chống Mỹ, cứu nước là nhiệm vụ thiêng liêng của cả dân tộc từ Nam chí Bắc. Kiên quyết đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ trong bất kỳ tình huống nào, nhằm bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, tiến tới thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà.*

Phương châm chiến lược chung trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là: *Đánh lâu dài, dựa vào sức mình là chính, càng đánh càng mạnh, cần phải cố gắng đến mức độ cao, tập trung lực lượng của cả hai miền để mở những cuộc tiến công lớn, tranh*

thủ thời cơ giành thắng lợi quyết định trong thời gian tương đối ngắn trên chiến trường miền Nam.

Về phương châm đấu tranh, Trung ương Đảng xác định: *Cần phải tiếp tục kiên trì phương châm kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị, triệt để thực hiện ba mũi giáp công.* Trong giai đoạn hiện nay, đấu tranh quân sự có tác dụng quyết định trực tiếp và giữ một vị trí ngày càng quan trọng.

Tư tưởng chỉ đạo chiến lược là *giữ vững và phát triển thế tiến công, kiên quyết tiến công và liên tục tiến công.*

Về mối quan hệ và nhiệm vụ cách mạng của hai miền Nam-Bắc, Trung ương Đảng chỉ rõ: *Trong cuộc chiến tranh chống Mỹ của nhân dân cả nước, miền Nam là tiền tuyến lớn, miền Bắc là hậu phương lớn. Phải nắm vững mối quan hệ giữa nhiệm vụ bảo vệ miền Bắc và giải phóng miền Nam.*

Bảo vệ miền Bắc là nhiệm vụ của cả nước, vì miền Bắc xã hội chủ nghĩa là thành quả chung rất to lớn của nhân dân cả nước ta, là hậu phương vững chắc trong cuộc chiến tranh chống Mỹ. Phải đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ ở miền Bắc và ra sức tăng cường lực lượng miền Bắc về mọi mặt, nhất là về kinh tế và quốc phòng, nhằm bảo đảm chi viện đắc lực cho miền Nam, đồng thời, vừa tiếp tục xây dựng chủ nghĩa xã hội nhằm phát huy vai trò đắc lực của hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn.

Hai nhiệm vụ trên đây không tách rời nhau, mà mật thiết gắn bó nhau. Đế quốc Mỹ xâm lược Việt Nam, thì bất kỳ chúng đặt chân ở đâu trên đất nước Việt Nam, mọi người Việt Nam đều có nghĩa vụ tiêu diệt chúng. Khẩu hiệu chung của nhân dân cả nước lúc này là "Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược", "Hễ còn một tên giặc Mỹ trên đất nước ta thì ta phải chiến đấu quét sạch nó đi".

Đối với miền Bắc, Trung ương Đảng chủ trương *chuyển hướng kinh tế, bảo đảm tiếp tục xây dựng miền Bắc vững mạnh về kinh tế và quốc phòng trong điều kiện có chiến tranh, kiên quyết đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ để bảo vệ vững chắc miền Bắc xã hội chủ nghĩa, động viên sức người sức của ở mức cao nhất để chi viện cho cuộc chiến tranh giải phóng miền Nam, đồng thời, tích cực chuẩn bị đề phòng để đánh bại địch trong trường hợp chúng liều lĩnh mở rộng chiến tranh cục bộ ra cả nước.*

2. Chuyển hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và chi viện cho tiền tuyến lớn miền Nam

Chủ trương chuyển hướng và những nhiệm vụ cụ thể của miền Bắc. Từ ngày 5-8-1964, sau khi dựng lên "Sự kiện vịnh Bắc Bộ" nhằm lấy cớ, đế quốc Mỹ đã dùng không quân và hải quân đánh phá miền Bắc nước ta. Cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ diễn ra rất ác liệt kể từ đầu tháng 2-1965, với ý đồ đưa miền Bắc trở về thời kỳ đồ đá; phá hoại công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc; ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc đối với miền Nam; đề bẹp ý chí quyết tâm chống Mỹ, cứu nước của cả

dân tộc Việt Nam, buộc chúng ta phải kết thúc chiến tranh theo điều kiện do Mỹ đặt ra.

Trước tình hình đó, Nghị quyết Hội nghị lần thứ mười một và lần thứ mười hai của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa III) đã đề ra nhiệm vụ đối với miền Bắc là: *Tiếp tục xây dựng miền Bắc vững mạnh về kinh tế và quốc phòng trong điều kiện có chiến tranh, kiên quyết đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ để bảo vệ vững chắc miền Bắc xã hội chủ nghĩa, động viên sức người, sức của ở mức cao nhất để chi viện cho cuộc chiến tranh giải phóng miền Nam, đồng thời tích cực chuẩn bị đề phòng để đánh bại địch trong trường hợp chúng liều lĩnh mở rộng "Chiến tranh cục bộ" ra cả nước.*

Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã kịp thời xác định chủ trương chuyển hướng và nhiệm vụ cụ thể của miền Bắc cho phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ mới trong hoàn cảnh cả nước có chiến tranh.

Một là, phải kịp thời chuyển hướng xây dựng kinh tế cho phù hợp với tình hình có chiến tranh phá hoại, bảo đảm yêu cầu chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu, tích cực chi viện cho miền Nam, đồng thời vẫn phù hợp với phương hướng lâu dài của công cuộc công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa và chú ý đúng mức đến các yêu cầu về đời sống của nhân dân. Nội dung chuyển hướng kinh tế bao gồm: đẩy mạnh việc phát triển nông nghiệp, chú trọng phát triển công nghiệp địa phương và thủ công nghiệp, xây dựng những xí nghiệp công nghiệp nhỏ và vừa, tích cực xây dựng và phát triển kinh tế theo từng vùng chiến lược quan trọng, làm cho mỗi vùng có khả năng tự giải quyết phần lớn nhu cầu ăn, mặc, ở, học tập, bảo vệ sức khỏe, bảo đảm đời sống nhân dân, phục vụ sản xuất, xây dựng và chiến đấu. Điều chỉnh lại các chỉ tiêu xây dựng cơ bản trong công nghiệp và danh mục các công trình đang hoặc dự định xây dựng cho phù hợp với tình hình mới.

Hai là, phải tăng cường lực lượng quốc phòng cho kịp với sự phát triển tình hình cả nước có chiến tranh; ra sức tăng cường công tác phòng thủ, đánh trả để bảo vệ miền Bắc; đẩy mạnh công tác phòng không nhân dân, kiên quyết đánh bại kế hoạch ném bom bắn phá, phong tỏa miền Bắc bằng không quân và hải quân của địch, tăng cường công tác chống gián điệp, bảo vệ trật tự, trị an, cố gắng hạn chế tới mức thấp nhất thiệt hại của ta do địch gây ra và gây thiệt hại cho địch tới mức cao nhất. Nắm vững phương châm dựa vào sức mình là chính, đồng thời ra sức tranh thủ sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa.

Ba là, ra sức chi viện cho miền Nam với mức cao nhất để đánh bại địch ở chiến trường chính miền Nam.

Bốn là, phải kịp thời chuyển hướng tư tưởng và tổ chức đi đôi với việc chuyển hướng kinh tế và tăng cường quốc phòng cho phù hợp với tình hình mới.

Chủ trương chuyển hướng và những nhiệm vụ cụ thể nói trên của miền Bắc phản ánh quyết tâm của Đảng và nhân dân ta trong việc kiên trì con đường xã hội chủ nghĩa, tiếp tục tăng cường sức mạnh của miền Bắc làm chỗ dựa vững chắc cho sự nghiệp đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Quyết tâm đó đã

được thể hiện trong Lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh ngày 17-7-1966: "Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ! Không có gì quý hơn độc lập, tự do"¹.

Trong suốt quá trình tiến hành chiến tranh phá hoại ở miền Bắc từ đầu năm 1965 đến cuối năm 1968, đế quốc Mỹ đã huy động lực lượng lớn không quân và hải quân, trút hàng triệu tấn bom đạn, tàn phá, hủy hoại nhiều thành phố, thị xã, thị trấn, xóm làng, nhiều công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi, nhiều bệnh viện, trường học, nhà ở, giết hại nhiều dân thường, gây nên những tội ác tày trời với nhân dân ta. Mặc dù trong điều kiện chiến tranh ác liệt, dưới ánh sáng của những nghị quyết của Đảng, quân và dân miền Bắc đã đẩy lên cao trào chống Mỹ, cứu nước, vừa sản xuất, vừa chiến đấu, với niềm tin tưởng và quyết tâm cao độ.

Sau bốn năm thực hiện chuyển hướng kinh tế, miền Bắc đã đạt được những thành tích đáng tự hào trên các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, chi viện đắc lực cho tiền tuyến lớn miền Nam.

Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội vẫn tiếp tục, làm cho miền Bắc ngày càng thêm vững mạnh. Chế độ xã hội chủ nghĩa đang được xây dựng ở miền Bắc lúc đó đã vượt qua được nhiều thử thách nghiêm trọng và ngày càng phát huy tính ưu việt trong thời kỳ có chiến tranh.

Chuyển hướng kinh tế, tiếp tục sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trong hoàn cảnh có chiến tranh là nét đặc biệt, chưa có tiền lệ. Sản xuất nông nghiệp không những không giảm sút mà vẫn có bước phát triển tiến bộ. Cơ sở vật chất - kỹ thuật trong nông nghiệp được tăng cường hơn so với trước chiến tranh: có 4.655 hợp tác xã được trang bị cơ khí nhỏ. Phong trào thâm canh tăng vụ được đẩy mạnh ở nhiều địa phương. Nhu cầu thiết yếu về lương thực, thực phẩm cho toàn xã hội vẫn bảo đảm.

Sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp vẫn được duy trì mặc dù gặp nhiều khó khăn gay gắt. Nhiều nhà máy và xí nghiệp lớn phải sơ tán hoặc phân nhỏ để tiếp tục sản xuất trong điều kiện có chiến tranh. Công nghiệp địa phương phát triển mạnh.

Đời sống nhân dân căn bản được ổn định. Sự nghiệp văn hóa, giáo dục, y tế, đào tạo cán bộ chẳng những không ngừng trệ mà còn phát triển mạnh mẽ trong thời chiến và đạt nhiều kết quả tốt. Công tác nghiên cứu khoa học, điều tra cơ bản, thăm dò tài nguyên được đẩy mạnh, vừa phục vụ sự nghiệp xây dựng kinh tế trước mắt, vừa chuẩn bị cho nhiệm vụ lâu dài xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Do bị thất bại nặng nề ở cả hai miền Nam - Bắc, tháng 3-1968, đế quốc Mỹ tuyên bố hạn chế ném bom miền Bắc và ngày 1-11-1968, chúng buộc phải chấm dứt không điều kiện đánh phá miền Bắc bằng không quân và hải quân.

Tranh thủ những thuận lợi mới do Mỹ chấm dứt chiến tranh phá hoại miền Bắc, Đảng đã ra chủ trương và lãnh đạo nhân dân ta thực hiện các kế hoạch ngắn hạn nhằm

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.12, tr. 108.

khắc phục hậu quả chiến tranh, tiếp tục cuộc xây dựng miền Bắc và tăng cường lực lượng cho miền Nam. Công cuộc khôi phục kinh tế miền Bắc từ năm 1969 đến năm 1975 đã bị ngắt quãng từ giữa năm 1972 đến đầu năm 1973 do Mỹ đã liều lĩnh ném bom đánh phá miền Bắc lần thứ hai, trong đó địch đánh phá ác liệt nhất vào cuối tháng 12-1972.

Giữa lúc nhân dân ta đang nỗ lực khôi phục kinh tế ở miền Bắc và đẩy mạnh kháng chiến chống Mỹ, cứu nước ở miền Nam thì ngày 2-9-1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời, thọ 79 tuổi. Tổn thất này vô cùng lớn lao. Vĩnh biệt chúng ta, Người đã để lại cho Đảng ta, toàn thể đồng bào và chiến sĩ hai miền Nam Bắc một bản *Di chúc* lịch sử - những lời căn dặn cuối cùng, những tình cảm và niềm tin của Người đối với chúng ta ngày nay và các thế hệ mai sau.

Với lòng tưởng nhớ và biết ơn sâu sắc vị lãnh tụ tối cao của Đảng và dân tộc, trong buổi lễ truy điệu trọng thể tại Quảng trường Ba Đình, trước anh linh của Người, Lê Duẩn, Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã đọc Điều văn khái quát toàn bộ sự nghiệp vĩ đại của Chủ tịch Hồ Chí Minh và đọc lời thề son sắt, bày tỏ quyết tâm thực hiện đầy đủ những điều căn dặn trong *Di chúc* của Người.

Nhân dân miền Bắc đã khẩn trương bắt tay khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh và đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Chấp hành các nghị quyết của Đảng, sau ba năm phấn đấu gian khổ, từ năm 1969 đến năm 1972, tình hình khôi phục kinh tế và tiếp tục xây dựng chủ nghĩa xã hội có nhiều chuyển biến tốt đẹp trên các mặt. Trong nông nghiệp: năm 1969, diện tích các loại cây trồng đều vượt năm 1968, riêng diện tích và sản lượng lúa tăng khá nhanh, lúa xuân tăng hai lần so với năm 1968, chăn nuôi cũng phát triển mạnh. Trong công nghiệp: hầu hết các xí nghiệp bị địch đánh phá được khôi phục, sửa chữa. Hệ thống đường giao thông, cầu phà, bến bãi được khẩn trương khôi phục và xây dựng thêm. Trong lĩnh vực giáo dục, y tế: phát triển tốt trong những năm có chiến tranh phá hoại. Hệ thống giáo dục đại học gồm 36 trường và phân hiệu với tổng số 8 vạn sinh viên.

Những kết quả đạt được cho phép miền Bắc chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến được thực hiện ở mức cao, góp phần quyết định tạo nên chiến thắng vang dội trên chiến trường miền Nam, trong cuộc tập kích chiến lược năm 1972, buộc đế quốc Mỹ phải thỏa thuận một thời gian biểu cho việc ký Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam do Chính phủ ta dự thảo.

Cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai do đế quốc Mỹ ngoan cố và lật lọng gây ra nhằm thực hiện mưu đồ đen tối sau khi đã có sự thỏa thuận về việc sẽ ký Hiệp định Pari đã diễn ra hết sức ác liệt. Đặc biệt, là cuộc rải thảm bom 12 ngày đêm bằng pháo đài bay B.52 tại Hà Nội, Hải Phòng và một số địa phương khác, đã gây cho ta nhiều thiệt hại và nhiều khó khăn trong quá trình khôi phục kinh tế lần thứ hai. Mặc dù vậy, quá trình khắc phục kinh tế đã đạt được kết quả quan trọng. Trong nông nghiệp, năm 1972 sản lượng lương thực tăng đồng đều ở các địa phương, số huyện và hợp tác xã đạt 5 tấn/ha nhiều hơn trước. Mạng lưới giao thông vận tải vẫn bảo đảm thông suốt. Địch đánh phá, ta thực hiện phòng không sơ tán tốt, bình tĩnh đối phó có hiệu quả với bom

đạn địch. Các lực lượng vũ trang sẵn sàng chiến đấu trừng trị thích đáng hành động dã man của đế quốc Mỹ. Riêng 12 ngày đêm (từ 18 đến 30-12-1972) đánh trả cuộc tập kích chiến lược bằng máy bay B.52 của Mỹ vào Hà Nội, Hải Phòng, quân và dân miền Bắc đã bắn rơi 84 máy bay, trong đó có 34 máy bay B.52 và 5 máy bay F.111A.

Ngày 15-1-1973, Chính phủ Mỹ phải tuyên bố ngừng mọi hoạt động phá hoại miền Bắc nước ta.

Sau Hiệp định Pari (27-1-1973), nhân dân miền Bắc nhanh chóng khôi phục và phát triển kinh tế, đẩy mạnh công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và dồn sức chi viện nhiều nhất cho cách mạng miền Nam đi tới thắng lợi hoàn toàn.

Ngày 22-1-1974, Hội nghị lần thứ 22 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá III) họp, ra nghị quyết về phương hướng, nhiệm vụ khôi phục và phát triển kinh tế miền Bắc trong hai năm 1974-1975, nhanh chóng hàn gắn vết thương chiến tranh, ra sức khôi phục và phát triển kinh tế, phát triển văn hoá, tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, ổn định đời sống nhân dân, củng cố quốc phòng, chi viện cho miền Nam tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn.

Thực hiện nghị quyết của Đảng, nhân dân miền Bắc đã lao động hăng hái, khẩn trương, thực hiện có hiệu quả kế hoạch hai năm khôi phục và phát triển kinh tế. Đến năm 1975, hầu hết các cơ sở kinh tế đã trở lại hoạt động bình thường. Năng lực sản xuất nhiều ngành kinh tế như công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng cơ bản, giao thông vận tải... được tăng cường thêm một bước. Nhìn chung, sản xuất nông nghiệp và công nghiệp trên một số mặt quan trọng đã đạt và vượt mức năm 1965. Đời sống nhân dân được ổn định và cải thiện. Sự nghiệp giáo dục, văn hóa, y tế tiếp tục phát triển với tốc độ cao.

Trong không khí tung bừng, phấn khởi trước sự chuyển biến mạnh mẽ của cách mạng cả nước, theo tiếng gọi của Tổ quốc, hàng chục vạn thanh niên ở các bản làng, khu phố, trường học, xí nghiệp, cơ quan... đã nô nức tòng quân, lên đường ra mặt trận. Hàng vạn thanh niên xung phong, cán bộ và nhân viên chuyên môn kỹ thuật cũng hăng hái vào Nam làm nhiệm vụ chống Mỹ.

Sự lớn mạnh về mọi mặt của miền Bắc đang tiến lên chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ này là nhân tố quyết định nhất bảo đảm giành thắng lợi cuối cùng trong sự nghiệp giải phóng miền Nam và thống nhất đất nước.

Quá trình miền Bắc bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội trong 21 năm (1954-1975) nói chung và 10 năm (1965-1975) nói riêng là một quá trình đặc biệt, chưa có tiền lệ trong lịch sử. Tuy là 21 năm, nhưng thực tế chỉ có 8 năm xây dựng trong điều kiện hòa bình, phần lớn thời gian còn lại phải đương đầu với chiến tranh phá hoại và phải ba lần khôi phục kinh tế, khắc phục hậu quả chiến tranh. Miền Bắc bước vào thời kỳ quá độ từ một nền kinh tế nông nghiệp nghèo nàn, lạc hậu, lại bị chiến tranh tàn phá nặng nề. Hơn nữa, vừa xây dựng vừa phải chiến đấu chống lại hai cuộc chiến tranh phá hoại hết sức ác liệt của đế quốc Mỹ, miền Bắc còn phải làm nghĩa vụ của hậu phương

lớn, chi viện đặc lực sức người, sức của cho tiền tuyến lớn miền Nam.

Trong hoàn cảnh khó khăn chồng chất như vậy, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân miền Bắc đã kiên trì phấn đấu không mệt mỏi, và đã đạt được nhiều thành tựu rất đáng tự hào về quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục, xã hội, đời sống, v.v..

Những thành tựu đạt được tuy còn rất thấp, còn xa với những mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, nhưng đặt vào hoàn cảnh lịch sử lúc bấy giờ, thì những thành tựu đó có giá trị thật lớn lao. Nó vừa thể hiện tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội trong điều kiện đất nước có chiến tranh, vừa là nhân tố tạo nên sức mạnh của hậu phương miền Bắc trong thời kỳ chống Mỹ, cứu nước.

Với tiềm lực kinh tế và quốc phòng được xây dựng, cùng với việc tiếp thu và sử dụng có hiệu quả sự giúp đỡ của quốc tế, miền Bắc chẳng những đứng vững trong chiến tranh, mà còn đánh thắng oanh liệt hai cuộc chiến tranh phá hoại bằng kỹ thuật và phương tiện hiện đại nhất của đế quốc Mỹ.

Miền Bắc đã làm tròn nhiệm vụ hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn miền Nam và hoàn thành tốt nghĩa vụ quốc tế. Đánh giá về thành tựu này của miền Bắc đúng như Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã nêu: "Miền Bắc đã dốc vào chiến tranh cứu nước và giữ nước toàn bộ sức mạnh của chế độ xã hội chủ nghĩa, và đã làm tròn một cách xuất sắc nghĩa vụ căn cứ địa cách mạng của cả nước, xứng đáng là pháo đài vô địch của chủ nghĩa xã hội"¹.

Tuy nhiên, sau hơn 20 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội, nền kinh tế miền Bắc còn bộc lộ những hạn chế, đó là nền sản xuất mang nặng tính chất sản xuất nhỏ; cơ sở vật chất - kỹ thuật còn thấp kém, 80% lực lượng lao động xã hội vẫn là lao động thủ công, năng suất lao động thấp...; nhịp độ tăng dân số nhanh; tổng sản phẩm và thu nhập quốc dân còn chưa bảo đảm được nhu cầu cơ bản của đời sống nhân dân và nhu cầu tích lũy cho xây dựng xã hội chủ nghĩa.

Những hạn chế trên bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân, về khách quan, miền Bắc đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội trong điều kiện xuất phát điểm còn thấp, bị chính sách khai thác hàng trăm năm của thực dân Pháp làm kiệt quệ. Mặt khác, chúng ta tiến hành xây dựng kinh tế trong điều kiện đất nước có chiến tranh, phải tập trung sức người, sức của cho chiến tranh giải phóng miền Nam và chống chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của giặc Mỹ. Về chủ quan, Đảng và Nhà nước đã mắc một số sai lầm, bắt nguồn từ những nhận thức còn giản đơn, duy ý chí, chưa nắm đúng quy luật vận động đi lên chủ nghĩa xã hội từ một nước thuộc địa, nửa phong kiến, nền sản xuất nhỏ mang tính tự cấp tự túc...

3. Lãnh đạo nhân dân kháng chiến chống Mỹ ở miền Nam

Từ năm 1965 đến năm 1968 quân và dân ta đã đánh thắng chiến tranh cục bộ ở miền Nam và chiến tranh phá hoại lần thứ nhất ở miền Bắc. "Chiến tranh cục bộ" mà

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, t. 37, tr. 490.

Mỹ tiến hành ở miền Nam là một hình thức chiến tranh trong chiến lược toàn cầu mang tên "phản ứng linh hoạt". Mỹ đã huy động một lực lượng quân đội và một khối lượng vũ khí, phương tiện chiến tranh khổng lồ tại chiến trường miền Nam, với quy mô lớn nhất, mạnh nhất, kể từ sau chiến tranh thế giới lần thứ hai. Trong chiến lược "chiến tranh cục bộ" và chiến tranh phá hoại, mục tiêu của Mỹ là: tiêu diệt cách mạng miền Nam, huỷ diệt miền Bắc; buộc phía Việt Nam phải ngồi vào đàm phán theo điều kiện của Mỹ. Mỹ muốn giành thắng lợi trong một khoảng thời gian ngắn. Chiến tranh cục bộ của Mỹ với kế hoạch:

1. Phá kế hoạch mùa mưa của ta, triển khai lực lượng.
2. Mở các cuộc phản công chiến lược "tìm diệt" quân chủ lực của ta và kiểm soát vùng nông thôn.

Vào đầu mùa khô 1965 - 1966, Bộ Chỉ huy quân sự Mỹ đã huy động 70 vạn quân, trong đó có gần 20 vạn quân Mỹ, mở cuộc phản công chiến lược lần thứ nhất vào ba hướng chính: Tây Nguyên, đồng bằng khu V và miền Đông Nam Bộ bao gồm cả vùng ngoại thành Sài Gòn. Mục tiêu của cuộc phản công này là "tìm - diệt" quân giải phóng, giành lại quyền chủ động chiến trường, "bình định" các vùng nông thôn đồng bằng quan trọng ở những địa bàn nói trên.

Những trận đọ sức quyết liệt đầu tiên giữa quân và dân ta với quân viễn chinh Mỹ ở Núi Thành (Quảng Nam) tháng 5-1965, Vạn Tường (Quảng Ngãi) tháng 8-1965 đã giành được thắng lợi vang dội.

Sau chiến thắng Vạn Tường, một cao trào đánh Mỹ, diệt ngụy được đẩy lên mạnh mẽ khắp chiến trường miền Nam. Với thế trận chiến tranh nhân dân được xây dựng và phát triển trên ba vùng chiến lược, quân và dân miền Nam đã giữ vững quyền chủ động trên khắp chiến trường, vừa phản công tiêu diệt địch trong các cuộc hành quân của Mỹ, vừa chủ động tiến công, thọc sâu vào các vùng quân địch kiểm soát, các căn cứ đóng quân, các kho hậu cần và ngay ở cả sào huyệt chính của chúng tại Sài Gòn. Cùng với thắng lợi về quân sự, quân và dân ta còn giành được nhiều thắng lợi trên mặt trận chống phá "bình định" của Mỹ - ngụy. Toàn bộ kế hoạch lập 900 ấp chiến lược mới và củng cố hàng chục ngàn ấp chiến lược cũ của địch trong năm 1966 bị thất bại.

Mọi cố gắng điên cuồng của Mỹ trong cuộc phản công mùa khô lần thứ nhất đều bị thất bại.

Đến mùa khô 1966 - 1967, với lực lượng hùng hậu, gồm 39 vạn quân Mỹ, hơn 5 vạn quân các nước đồng minh và 54 vạn quân đội Sài Gòn cùng với 4.000 máy bay, 2.500 xe tăng và xe bọc thép, Mỹ đã mở cuộc phản công chiến lược lần thứ hai nhằm vào hướng từ Tây Nguyên đến Sài Gòn. Trong vòng 6 tháng, địch liên tiếp mở ba cuộc hành quân quy mô lớn, hòng "tìm - diệt" chủ lực của ta và đánh phá các cơ quan chỉ đạo cách mạng miền Nam. Trong đó, có cuộc hành quân Gianxơn - Xity, với 4,5 vạn quân đánh vào Thủ Dầu Một và Tây Ninh, một địa bàn mà chúng tình nghi có cơ quan đầu não kháng chiến của ta. Thế nhưng, tất cả các cuộc hành quân quy mô lớn của chúng đều bị

bê gãy và bị tổn thất nặng nề¹. Chẳng những thế, chúng còn bị quân ta mở đòn tấn công bất ngờ trên chiến trường Trị - Thiên, buộc phải bị động căng quân ra để chống đỡ. Kế hoạch bố trí binh lực có tính chất chiến lược của Mỹ ở miền Nam bị đảo lộn. Từ chiến lược phản công, Mỹ phải chuyển sang chiến lược phòng ngự, co cụm quân cố thủ trong suốt mùa mưa năm 1967 để đề phòng các trận đánh lớn của quân ta.

Trên mặt trận chống phá "bình định", quân và dân các vùng nông thôn kiên trì phương châm "ba bám" và đẩy mạnh "ba mũi giáp công", đã chặn đánh quyết liệt các cuộc hành quân càn quét và bình định của quân Mỹ và quân đội Sài Gòn. Kế hoạch lấn chiếm lại 50% nông thôn trong năm 1967 của chúng không thực hiện được, trái lại, 80% đất đai miền Nam nằm dưới quyền kiểm soát của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.

Phong trào đấu tranh chính trị vẫn tiếp tục phát triển, mức độ ngày càng quyết liệt ở hầu khắp các thành thị miền Nam, nhất là ở Huế và Đà Nẵng, với khẩu hiệu đòi Mỹ rút về nước.

ở miền Bắc, chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ bằng không quân và hải quân diễn ra khốc liệt, chúng đánh phá suốt ngày đêm. Đến năm 1967, khối lượng bom đạn Mỹ dội xuống miền Bắc tăng gấp 7 lần so với năm 1965. Hầu hết các mục tiêu quân sự và dân sự quan trọng đều bị đánh phá, gây nên nhiều tổn thất nặng nề cho nhân dân ta. Mặc dù trong điều kiện chiến tranh ác liệt, quân và dân ta vẫn không hề nao núng, đã anh dũng chiến đấu để bảo vệ vững chắc miền Bắc, hàng nghìn máy bay và tàu chiến của Mỹ bị tiêu diệt, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội vẫn được tiến hành, nhiệm vụ chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến lớn miền Nam vẫn được tăng cường, với mức độ cao.

Tháng 1-1967, Hội nghị lần thứ mười ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa III) quyết định mở mặt trận đấu tranh ngoại giao nhằm tranh thủ hơn nữa sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ của nhân dân thế giới và nhân dân tiến bộ Mỹ, khoét sâu mâu thuẫn trong nội bộ địch, cô lập cao độ phái hiếu chiến trong giới cầm quyền Mỹ, hỗ trợ cho đấu tranh chính trị và quân sự của quân và dân ta.

Đến cuối năm 1967, cuộc "Chiến tranh cục bộ" của Mỹ đã được đẩy đến đỉnh cao, số quân viễn chinh đổ vào miền Nam đã lên 48 vạn, mọi thủ đoạn và biện pháp chiến tranh đã được sử dụng, thế nhưng, đế quốc Mỹ vẫn không sao thực hiện được các mục tiêu chính trị và quân sự đã đề ra. Mặt khác, thất bại ở Việt Nam làm cho tình hình nước Mỹ ngày càng bất ổn, phong trào phản đối chiến tranh, đòi rút quân Mỹ về nước ngày càng lan rộng trong các tầng lớp nhân dân.

Về phía ta, qua hơn hai năm đương đầu với chiến tranh cục bộ, quân và dân miền Nam đã phát huy mạnh mẽ chiến lược tiến công, từng bước bẻ gãy hai gọng kìm "tìm - diệt" và "bình định", làm thất bại các mục tiêu quân sự, chính trị của quân Mỹ và quân đội Sài Gòn.

1. Có 175.000 quân Mỹ - nguy và chur hầu bị loại khỏi vòng chiến đấu, 49 tiểu đoàn (28 tiểu đoàn Mỹ) bị tiêu diệt, 1.800 máy bay, 1.786 xe tăng và 100 tàu xuồng bị phá hủy, bắn cháy, bắn chìm.

Những thất bại và khó khăn của địch cùng với những thắng lợi to lớn của ta vừa giành được cả về quân sự lẫn chính trị, về chiến thuật lẫn chiến lược và sự phát triển vững mạnh cả về thế và lực của ta đã mở ra cho cuộc chiến tranh cách mạng miền Nam những triển vọng to lớn. Tháng 12-1967, Bộ Chính trị đã ra một nghị quyết lịch sử, chuyển cuộc chiến tranh cách mạng miền Nam sang thời kỳ mới, thời kỳ tiến lên giành thắng lợi quyết định bằng phương pháp tổng công kích - tổng khởi nghĩa vào tất cả các đô thị - dinh lũy của Mỹ và chính quyền Sài Gòn trên toàn miền Nam.

Chủ trương tổng công kích - tổng khởi nghĩa của Bộ Chính trị Trung ương Đảng ta là đưa chiến tranh về đô thị - nơi được coi là căn cứ và là hậu phương quan trọng nhất còn lại của đối phương để mở những đòn tiến công quân sự dồn dập, kết hợp với nổi dậy đồng loạt của quần chúng ngay tại địa bàn chiến lược này của chúng. Yêu cầu trước mắt của tổng công kích - tổng khởi nghĩa là giáng cho địch những đòn tiến công quyết định, làm thay đổi cục diện chiến tranh, làm lung lay hơn nữa ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ, buộc chúng phải thay đổi chiến lược, phải xuống thang chiến tranh. Nghị quyết này của Bộ Chính trị đã được Hội nghị lần thứ mười bốn Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa III) họp tháng 1-1968 thông qua.

Thực hiện quyết tâm chiến lược trên đây của Đảng, đêm 30 rạng ngày 31-1-1968, đúng dịp giao thừa Tết Mậu thân, thừa lúc địch sơ hở và hoàn toàn bất ngờ, cuộc tổng tiến công và nổi dậy đợt một đã được phát động trên toàn miền Nam từ vĩ tuyến 17 cho đến mũi Cà Mau. Quân và dân ta đồng loạt tiến công địch ở 4/6 thành phố, 37/42 thị xã và hàng trăm thị trấn, quận lỵ, chi khu quân sự, kho tàng. Hàng triệu quần chúng đã nổi dậy diệt ác, phá kìm, giành quyền làm chủ ở những mức độ khác nhau. Hầu hết các cơ quan đầu não của địch từ trung ương đến địa phương đều bị quân ta tiến công. Cùng với các đợt tiến công tiếp theo trong tháng 5 và tháng 8-1968, quân và dân ta đã tiêu diệt và loại khỏi vòng chiến đấu hàng chục vạn tên địch, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh, giải phóng thêm hàng triệu đồng bào.

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân là một đòn tiến công chiến lược bất ngờ đánh vào tận hang ổ của kẻ thù. Đây là thất bại rất nặng nề về chiến lược của đế quốc Mỹ trong cuộc chiến tranh xâm lược miền Nam nước ta. Thất bại này đã làm phá sản chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của đế quốc Mỹ ngay giữa lúc chúng có trong tay 50 vạn quân viễn chinh và hơn 70 vạn quân Sài Gòn và quân một số nước đồng minh của Mỹ ở chiến trường miền Nam. Với thất bại này đã làm đảo lộn thế chiến lược của Mỹ, làm lung lay ý chí xâm lược của chúng, buộc Mỹ phải xuống thang chiến tranh và ngồi vào bàn đàm phán với ta tại Hội nghị Pari (ngày 13-5-1968). Đến tháng 1-1969, đế quốc Mỹ phải chấp nhận cuộc đàm phán với Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại Pari, có sự tham gia của đoàn đại biểu Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam (sau đổi là đoàn đại biểu Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam).

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân (1968) đã giành thêm một thắng lợi có ý nghĩa chiến lược nữa trong tiến trình phát triển của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam. Đây là cuộc tấn công có nhiều nét đặc sắc và

sáng tạo. Sáng tạo trong việc xác định hướng tấn công chủ yếu và tìm cách đánh mới. Lần đầu tiên chúng ta đồng loạt tiến công vào hầu hết các đô thị: 4/6 thành phố; 37 thị xã và hàng trăm thị trấn. Sáng tạo trong nghệ thuật chọn thời cơ chiến lược nhằm tạo ra bước ngoặt chiến lược cho cuộc chiến tranh. Năm 1968 là thời điểm rất nhạy cảm về chính trị đối với nước Mỹ - năm bầu cử Tổng thống. Sáng tạo trong chọn thời cơ tấn công, tấn công vào dịp Tết Nguyên đán - đúng giao thừa và cũng là thời điểm địch dễ chủ quan, sơ hở. Thực tế, khi ta tấn công, địch hoàn toàn bị bất ngờ. Tuy nhiên, trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo chúng ta đã phạm sai lầm chủ quan trong việc đánh giá tình hình, đã đề ra yêu cầu chưa sát với thực tế. Đặc biệt là sau đợt tấn công trong Tết Mậu Thân, ta đã không kiểm điểm, rút kinh nghiệm kịp thời, không đánh giá đúng tương quan lực lượng giữa ta và địch cũng như âm mưu đối phó của chúng, chủ trương tiếp tục mở các đợt tiến công vào đô thị khi không còn điều kiện và yếu tố bất ngờ "là sai lầm về chỉ đạo chiến lược, để địch gây cho ta nhiều khó khăn, tổn thất"¹.

Sau thất bại của chiến lược "Chiến tranh cục bộ" ở miền Nam Việt Nam, vào đầu năm 1969, Tổng thống Mỹ Níchxon đã đề ra chiến lược toàn cầu mới mang tên "Học thuyết Níchxon" với ba nguyên tắc "trụ cột" là: "cùng chia sẻ"; "sức mạnh của Mỹ" và "sẵn sàng thương lượng".

Tổng thống Níchxon tiếp tục cuộc chiến tranh ở miền Nam bằng chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh". Đây là một chính sách rất thâm độc của Mỹ nhằm "dùng người Việt Nam đánh người Việt Nam" để tiếp tục cuộc chiến tranh xâm lược thực dân mới ở miền Nam. Việt Nam hoá chiến tranh được thực hiện theo ba giai đoạn:

1. 1968 - 1970: kiểm soát vùng đông dân, tăng thêm lực lượng ngụy quân, rút một phần lính Mỹ về nước.
2. Tháng 6/1970 - 1971: kiểm soát phần lớn vùng đông dân, quân ngụy đảm nhận chủ yếu trên bộ, rút đại bộ phận quân Mỹ về nước.
3. Tháng 6/1971 - tháng 6/1972: cơ bản hoàn thành Việt Nam hóa chiến tranh.

Quá trình triển khai chiến lược mới, Mỹ đã áp dụng một loạt biện pháp như: ra sức củng cố ngụy quyền, xây dựng ngụy quân đông và hiện đại; ráo riết thực hiện chương trình bình định; tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc nhằm cắt nguồn chi viện cho miền Nam; tìm mọi cách thỏa hiệp với Trung Quốc, hòa hoãn với Liên Xô hòng cắt giảm nguồn viện trợ chủ yếu của Việt Nam.

Trong hai năm 1969 - 1970, sự phản kích ác liệt của Mỹ - ngụy trong các chiến dịch bình định cấp tốc, xây dựng lại cơ sở hạ tầng của chủ nghĩa thực dân mới ở nông thôn đã gây cho ta nhiều khó khăn, tổn thất.

Để củng cố tinh thần quyết tâm chống Mỹ, cứu nước của quân và dân ta, ngày 1-1-1969, trong Thư chúc mừng năm mới, Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi: "*Vì độc lập, vì*

1. Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam: *Kết luận về Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước* (ngày 25-5-1994).

tự do, đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào"¹.

Thực hiện chủ trương của Đảng, được sự tăng cường lực lượng từ miền Bắc, quân và dân miền Nam anh dũng đồng loạt mở hai cuộc tiến công mùa Xuân và mùa Hè năm 1969, diệt hàng vạn tên địch, hỗ trợ nhân dân nhiều nơi nổi dậy giành quyền làm chủ. Tuy nhiên, sau các cuộc tiến công Xuân - Hè 1969, lợi dụng mùa mưa, địch tổ chức phản công gây cho ta nhiều khó khăn.

Tháng 1-1970, Hội nghị lần thứ mười tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa III) đã đề ra chủ trương mới nhằm chống lại chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" của đế quốc Mỹ.

Hội nghị lần thứ 18 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (1-1970) và Hội nghị Bộ Chính trị (6-1970) chủ trương chuyển hướng tiến công, lấy nông thôn làm hướng chính, tập trung ngăn chặn và đẩy lùi chương trình "bình định" của địch. Về mặt tác chiến, lưu ý trong khi đẩy mạnh tác chiến chính quy của bộ đội chủ lực, phải kiên quyết thực hiện cho kỳ được một chuyển biến mạnh mẽ trong phong trào chiến tranh nhân dân địa phương, phát triển mạnh mẽ ba thứ quân, tăng cường các lực lượng vũ trang tại chỗ.

Thực hiện chủ trương chỉ đạo của Trung ương Đảng, trong những năm 1970 - 1971, cách mạng miền Nam đã vượt qua khó khăn gian khổ, kiên trì xây dựng và phát triển lực lượng, tiến công địch trên cả ba vùng chiến lược, đánh bại từng bước chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" và "Đông Dương hóa chiến tranh" của đế quốc Mỹ.

Tại chiến trường Lào, đầu năm 1970, Mỹ và quân của Vàng Pao mở cuộc hành quân lấn chiếm khu vực chiến lược Cánh Đòng Chum (Xiêng Khoảng). Thực hiện chủ trương của lãnh đạo Đảng hai nước, liên quân Lào - Việt Nam đã phối hợp mở chiến dịch phản công quy mô lớn, đánh bại cuộc hành quân của địch, bảo vệ căn cứ địa chủ yếu của Lào, phá thế uy hiếp sườn phía tây miền Bắc nước ta và tuyến vận tải tây Trường Sơn.

Tháng 3-1970, Mỹ tiến hành cuộc đảo chính ở Campuchia, lật đổ Chính phủ Vương quốc trung lập do Hoàng thân Nôrôđôm Xihanúc đứng đầu, dựng lên chính quyền tay sai Lon Non. Đây là một nấc thang chiến tranh nguy hiểm của Mỹ nhằm biến Campuchia thành thuộc địa kiểu mới, xóa bỏ căn cứ và bàn đạp chiến lược của ta, cắt đứt tuyến đường tiếp tế từ miền Bắc vào miền Nam, qua đất Campuchia. Cuộc hành quân xâm lược của Mỹ - ngụy đã thúc đẩy phong trào cách mạng của nhân dân Campuchia. Trong thời gian ngắn, các lực lượng vũ trang của ta đã phối hợp với quân và dân bạn kịp thời phản công địch, đánh bại cuộc hành quân của chúng, giải phóng được vùng đông - bắc Campuchia và kiểm soát được nhiều vùng nông thôn rộng lớn khác buộc đế quốc Mỹ phải tuyên bố rút quân ra khỏi Campuchia (6-1970).

ở miền Nam Việt Nam, chấp hành chỉ thị của Bộ Chính trị, nhân cơ hội Mỹ đưa quân sang Campuchia, các hoạt động tác chiến của ta nhằm tiêu diệt địch và đánh phá kế hoạch "bình định" của chúng có nhiều thuận lợi, thu được kết quả quan trọng.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.12, tr. 426.

Năm 1971, quân và dân ta phối hợp với quân và dân Lào chủ động đánh bại cuộc hành quân quy mô lớn "Lam Sơn 719" của quân Mỹ và quân đội Sài Gòn đánh vào Đường 9 - Nam Lào nhằm cắt đứt đường mòn Hồ Chí Minh, chặn đứng con đường tiếp tế quan trọng của miền Bắc đối với miền Nam và phong trào kháng chiến Campuchia. Cũng vào thời gian này, quân và dân ta cùng với quân dân Campuchia đập tan cuộc hành quân "Toàn thắng 1-1971" của Mỹ đánh vào các hậu cứ kháng chiến tại đông - bắc Campuchia.

Những thắng lợi quân sự nói trên, cùng với những thắng lợi của nhân dân miền Nam trong việc đánh phá kế hoạch "bình định" của địch đã mở ra khả năng thực tế đánh bại chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" của đế quốc Mỹ. Quân đội Sài Gòn, cái "xương sống" của chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" đã bị suy yếu nghiêm trọng.

Vào mùa xuân năm 1972, nhằm giành thắng lợi quyết định trong năm bầu cử tổng thống Mỹ, buộc đế quốc Mỹ phải chấm dứt chiến tranh bằng thương lượng ở thể thua, quân ta đã mở cuộc tiến công chiến lược với quy mô lớn, cường độ mạnh được bắt đầu vào hướng chủ yếu là Trị - Thiên, đánh thẳng vào tuyến phòng ngự của địch ở Đường 9, tiếp theo là các hướng Tây Nguyên, miền Đông Nam Bộ rồi đến đồng bằng khu V và đồng bằng sông Cửu Long. Chỉ trong thời gian ngắn, quân và dân ta đã phá vỡ ba tuyến phòng ngự mạnh nhất của địch tại các địa bàn xung yếu Quảng Trị, Tây Nguyên và Đông Nam Bộ, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, hỗ trợ đắc lực cho nhân dân các địa phương nổi dậy giành quyền làm chủ. Đế quốc Mỹ điên cuồng đối phó bằng cách vội vã "Mỹ hóa" trở lại cuộc chiến tranh ở miền Nam, đánh phá trở lại miền Bắc lần thứ hai từ đầu tháng 4-1972 bằng những thủ đoạn chiến tranh hủy diệt tàn bạo. Thế nhưng, chúng lại bị thất bại, không sao cứu vãn nổi tình thế.

Thắng lợi của cuộc tiến công chiến lược năm 1972 đã làm thay đổi hẳn cục diện chiến tranh ở miền Nam. Chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" của Mỹ đứng trước nguy cơ bị phá sản hoàn toàn.

Cùng với thắng lợi ở miền Nam, quân và dân miền Bắc đã lập chiến công oanh liệt, đập tan cuộc tập kích chiến lược bằng máy bay B.52 của Mỹ trong 12 ngày đêm (ngày 18 đến ngày 30-12-1972) trên bầu trời Hà Nội, Hải Phòng và một số địa phương khác¹, buộc Mỹ phải trở lại bàn đàm phán để ký kết Hiệp định Pari.

Cuộc đấu tranh ngoại giao trên bàn Hội nghị Pari đã kéo dài 4 năm 9 tháng với 202 phiên họp công khai, 45 cuộc gặp riêng cấp cao, 500 cuộc họp báo, 1.000 cuộc phỏng vấn đã kết thúc vào ngày 27-1-1973 với "Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam" được ký kết.

Theo Hiệp định Pari về Việt Nam, Hoa Kỳ và các nước khác tôn trọng độc lập chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của nước Việt Nam; Hoa Kỳ cam kết chấm dứt mọi hoạt động quân sự trên lãnh thổ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa; Hoa Kỳ cam kết rút hết quân đội, các loại nhân viên, cố vấn, vũ khí đạn dược của Hoa Kỳ và các nước đồng minh của Hoa Kỳ ra khỏi miền Nam Việt Nam. Hiệp định còn xác định nghĩa vụ

1. Có 81 máy bay hiện đại, trong đó có 34 B.52 bị bắn rơi; 43 giặc lái bị bắt sống.

của Hoa Kỳ phải đóng góp vào việc hàn gắn vết thương chiến tranh và công cuộc xây dựng sau chiến tranh ở Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và toàn Đông Dương.

Với việc ký kết Hiệp định Pari, cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam đã giành thêm thắng lợi hết sức to lớn và có tính chất quyết định. Nhân dân ta đã đạt được mục tiêu quan trọng hàng đầu là đẽ bẹp ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ, buộc Mỹ phải chấm dứt chiến tranh, rút hết quân viễn chinh và quân chư hầu ra khỏi miền Nam Việt Nam. Đây là cơ hội lớn cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn.

Mặc dù bị thất bại nặng nề, phải ký Hiệp định Pari, chấp nhận rút quân về nước, nhưng đế quốc Mỹ vẫn ngoan cố, không chịu từ bỏ dã tâm xâm lược Việt Nam, tiếp tục tiến hành chiến tranh để áp đặt chủ nghĩa thực dân mới và chia cắt lâu dài đất nước ta.

Một trong những mục tiêu chiến tranh mà Mỹ và chính quyền Sài Gòn đề ra trong kế hoạch 3 năm (1973 - 1976) là chiếm lại toàn bộ vùng giải phóng của ta, xóa bỏ hình thái “da báo” ở miền Nam, nhằm biến miền Nam thành một quốc gia riêng biệt, lệ thuộc vào Mỹ.

Ngay sau khi Hiệp định Pari được ký kết, dưới chỉ đạo của Mỹ, chính quyền Nguyễn Văn Thiệu đã ngang ngược phá hoại hiệp định, liên tiếp mở các cuộc hành quân lấn chiếm vùng giải phóng của ta. Riêng năm 1973, chúng đã tiến hành hàng ngàn cuộc hành quân quy mô lớn và đã chiếm lại hầu hết các vùng giải phóng mới của ta, trong đó có cảng Cửa Việt (Quảng Trị) bị chiếm ngay đêm 27-1-1973.

Trong vùng chúng kiểm soát, cũng đã diễn ra liên tiếp các cuộc hành quân càn quét và “bình định” nhằm khủng bố, đàn áp, bóp nghẹt mọi quyền tự do dân chủ, chống lại nguyện vọng hòa bình, hòa hợp dân tộc của nhân dân miền Nam, gây thêm nhiều tội ác đối với đồng bào ta.

Trước tình hình nghiêm trọng nói trên, tháng 7-1973, Hội nghị lần thứ hai mươi mốt Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa III) đã nêu rõ con đường cách mạng của nhân dân miền Nam là *con đường bạo lực cách mạng* và nhấn mạnh: *bất kể trong tình huống nào cũng phải nắm vững thời cơ, giữ vững đường lối chiến lược tiến công*. Nhiệm vụ giành dân, giành quyền làm chủ, phát triển thực lực của cách mạng là yêu cầu vừa bức thiết vừa cơ bản trong giai đoạn mới. Tư tưởng chỉ đạo của Trung ương Đảng là *tích cực phản công, chuẩn bị tiến lên hoàn toàn giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc*.

Thực hiện Nghị quyết của Đảng, từ cuối năm 1973 và cả năm 1974, quân và dân ta ở miền Nam đã liên tiếp giành được thắng lợi to lớn trên khắp các chiến trường, từ Trị - Thiên đến tây Nam Bộ và vùng ven Sài Gòn, phá vỡ từng mảng lớn kế hoạch “bình định” của địch, mở rộng thêm nhiều vùng giải phóng, tiêu diệt nhiều cụm cứ điểm, chi khu, quận lỵ, bức rút nhiều đồn bốt, dồn địch vào thế đối phó lúng túng, bị động. Đặc biệt, cuối năm 1974 đầu năm 1975, quân ta đánh chiếm thị xã Phước Long (ngày 6-1-1975), giải phóng hoàn toàn tỉnh Phước Long, địch không còn khả năng đánh chiếm trở lại Phước Long. Tình thế này chứng tỏ quân chủ lực cơ động của ta đã mạnh hơn hẳn

quân chủ lực cơ động của địch, khả năng giải phóng hoàn toàn miền Nam đã chín muồi.

Trước yêu cầu phát triển của cuộc chiến tranh cách mạng vào giai đoạn cuối, từ tháng 10-1973 trở đi, trong quân đội ta đã xúc tiến thành lập các quân đoàn chủ lực có đủ các thành phần binh chủng kỹ thuật, hợp thành những quả đấm mạnh, có khả năng cơ động cao, hoạt động trên những hướng chủ yếu, nhằm tiêu diệt quân chủ lực của địch.

Tuyến đường chiến lược phía Đông Trường Sơn nối liền từ Đường 9 (Quảng Trị) vào đến miền Đông Nam Bộ đã được thông suốt. Một khối lượng lớn vũ khí, phương tiện chiến tranh như xe tăng, xe bọc thép, tên lửa, pháo tầm xa, pháo cao xạ cùng hàng chục vạn tấn vật chất các loại đã được chuyển tới các chiến trường. Hệ thống đường ống dẫn xăng dầu được nối liền từ miền Bắc vào đến chiến trường miền Đông Nam Bộ đã sẵn sàng phục vụ.

Từ ngày 30-9 đến 8-10-1974, Hội nghị Bộ Chính trị đọt một bàn về chủ trương giải phóng hoàn toàn miền Nam. Đọt hai của Hội nghị Bộ Chính trị họp từ ngày 8-12-1974 đến ngày 7-1-1975 đã nhận định: Chưa bao giờ ta có điều kiện đầy đủ về quân sự, chính trị, có thời cơ chiến lược to lớn như hiện nay để hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, tiến tới hòa bình thống nhất Tổ quốc. Từ nhận định đó, Bộ Chính trị đề ra *quyết tâm chiến lược giải phóng miền Nam với kế hoạch hai năm 1975 - 1976* mà tinh thần là: năm 1975 tranh thủ bất ngờ tấn công lớn và rộng khắp, tạo điều kiện để năm 1976 tiến hành tổng công kích - tổng khởi nghĩa, giải phóng hoàn toàn miền Nam. Ngoài kế hoạch nói trên, Bộ Chính trị còn dự kiến một phương hướng hành động linh hoạt là *nếu thời cơ đến, vào đầu hoặc cuối năm 1975 thì lập tức giải phóng miền Nam ngay trong năm 1975*.

Chấp hành quyết định chiến lược nói trên, cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1975 diễn ra trên toàn miền Nam, trong đó quyết định là ba đòn tiến công chiến lược. Đó là Chiến dịch Tây Nguyên, chiến dịch Huế, Đà Nẵng, chiến dịch Hồ Chí Minh. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy đã diễn ra từ ngày 10-3 đến ngày 30-4-1975. Vào 11 giờ 30 phút ngày 30-4-1975, lá cờ cách mạng pháp phới bay trên nóc Dinh Độc lập, cuộc tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 đã toàn thắng.

IV. Nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa, kinh nghiệm của cuộc kháng chiến chống mỹ, cứu nước

1. Nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử

Thắng lợi của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước bắt nguồn từ sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam, người đại biểu trung thành cho những lợi ích sống còn của cả dân tộc Việt Nam, một Đảng có đường lối chính trị, đường lối quân sự độc lập, tự chủ, đúng đắn, sáng tạo.

Thắng lợi đó là kết quả của cuộc chiến đấu đầy gian khổ hy sinh của nhân dân và quân đội cả nước, đặc biệt là của cán bộ, chiến sĩ và hàng chục triệu đồng bào yêu nước ở miền Nam ngày đêm đối mặt với quân thù, xứng đáng với danh hiệu "*Thành đồng Tổ*

quốc".

Thắng lợi đó cũng là kết quả của sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, của đồng bào và chiến sĩ miền Bắc vừa chiến đấu vừa xây dựng, hoàn thành xuất sắc nghĩa vụ của hậu phương lớn, hết lòng hết sức chi viện cho tiền tuyến lớn miền Nam đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.

Thắng lợi đó còn là kết quả của tình đoàn kết chiến đấu của nhân dân Việt Nam, Lào, Campuchia và kết quả của sự ủng hộ hết lòng và sự giúp đỡ to lớn của các nước xã hội chủ nghĩa anh em. Sự ủng hộ nhiệt tình của phong trào công nhân và nhân dân tiến bộ trên toàn thế giới cũng như nhân dân tiến bộ Mỹ.

Đánh giá thắng lợi lịch sử của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước, *Báo cáo chính trị* tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã ghi rõ: “Năm tháng sẽ trôi qua, nhưng thắng lợi của nhân dân ta trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc ta như một trong những trang chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người, và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỷ XX, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc”¹.

Với thắng lợi này, nhân dân ta đã quét sạch bọn đế quốc xâm lược, chấm dứt ách thống trị tàn bạo hơn một thế kỷ của chủ nghĩa thực dân cũ và mới trên đất nước ta. Cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đã hoàn thành trên phạm vi cả nước, mở ra kỷ nguyên mới cho dân tộc Việt Nam: kỷ nguyên cả nước hòa bình, độc lập, thống nhất và đi lên chủ nghĩa xã hội.

Bằng thắng lợi vĩ đại của mình, nhân dân ta đã đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược quy mô lớn nhất, dài ngày nhất của chủ nghĩa đế quốc kể từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, làm suy yếu trận địa của chủ nghĩa đế quốc, phá vỡ một phòng tuyến quan trọng của chúng ở khu vực Đông Nam á, mở đầu sự sụp đổ không thể tránh khỏi của chủ nghĩa thực dân mới, góp phần tăng cường lực lượng của các nước xã hội chủ nghĩa, phong trào độc lập dân tộc, dân chủ và hòa bình thế giới.

2. Những kinh nghiệm lịch sử

Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước kéo dài 21 năm đã để lại nhiều kinh nghiệm có giá trị lịch sử và thực tiễn sâu sắc.

Một là, *giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội nhằm huy động sức mạnh toàn dân đánh Mỹ, cả nước đánh Mỹ*.

Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội vừa là mục tiêu vừa là động lực của cách mạng Việt Nam, được Đảng xác định ngay từ ngày mới ra đời. Bước vào giai đoạn chống Mỹ, cứu nước, đứng trước âm mưu xâm lược miền Nam và chia cắt đất nước ta của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, Đảng ta đã đề ra đường lối tiến hành đồng thời hai chiến lược cách mạng: cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam và cách mạng

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, t.37, tr. 471.

xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, hướng vào mục tiêu chung chủ yếu trước mắt của cách mạng cả nước là đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, hòa bình thống nhất nước nhà để đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Đường lối đó của Đảng thể hiện ý chí và nguyện vọng thiết tha của cả dân tộc Việt Nam, đã động viên đến mức cao nhất lực lượng hùng hậu của nhân dân cả nước, kết hợp tiền tuyến lớn với hậu phương lớn, kết hợp sức mạnh của nhân dân ta với sức mạnh của thời đại tạo nên sức mạnh tổng hợp để chiến đấu và chiến thắng giặc Mỹ xâm lược.

Hai là, *Đảng đã tìm ra được phương pháp đấu tranh cách mạng đúng đắn, sáng tạo.*

Đó là phương pháp sử dụng bạo lực cách mạng tổng hợp bao gồm: lực lượng chính trị quần chúng kết hợp với lực lượng vũ trang nhân dân, bắt đầu khởi nghĩa từng phần ở nông thôn và từ khởi nghĩa phát triển thành chiến tranh cách mạng, kết hợp chặt chẽ đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị, và đến một giai đoạn nào đó thì kết hợp chặt chẽ đấu tranh quân sự, đấu tranh chính trị với đấu tranh ngoại giao; kết hợp khởi nghĩa quần chúng với chiến tranh cách mạng, kết hợp nổi dậy với tiến công, tiến công với nổi dậy; đánh địch trên cả ba vùng: rừng núi, nông thôn đồng bằng và đô thị, đánh địch bằng ba mũi giáp công: quân sự, chính trị và binh vận, kết hợp ba thứ quân: bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương với chiến tranh của các binh đoàn chủ lực, kết hợp đánh lớn, đánh vừa và đánh nhỏ, thực hiện làm chủ để tiêu diệt địch, tiêu diệt địch để làm chủ; nắm vững phương châm chiến lược đánh lâu dài, đồng thời biết tạo thời cơ mở những cuộc tiến công chiến lược làm thay đổi cục diện chiến tranh, tiến lên thực hiện tổng tiến công và nổi dậy đồng loạt, đè bẹp quân địch, giành thắng lợi cuối cùng.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Đảng ta đã kế thừa tài đánh giặc đầy mưu lược của tổ tiên, đồng thời phát huy kinh nghiệm phong phú của cuộc Cách mạng Tháng Tám và cuộc kháng chiến chống Pháp. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta đã đánh giặc Mỹ bằng mọi phương tiện và vũ khí có trong tay, từ vũ khí thô sơ đến vũ khí hiện đại, đánh giặc với khí thế cả nước lên đường, toàn quân ra trận. Đó là đường lối chiến tranh nhân dân đã được phát triển đến một đỉnh cao mới. Tất cả những hình thức, phương pháp đấu tranh trên đây là một thể thống nhất, có quan hệ hữu cơ với nhau, tạo thành chiến lược tổng hợp và nghệ thuật quân sự của chiến tranh cách mạng Việt Nam.

Ba là, *sự chỉ đạo chiến lược đúng đắn của Trung ương Đảng và công tác tổ chức chiến đấu tài giỏi của Đảng qua các cấp bộ Đảng và các cấp chỉ huy quân đội.*

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng miền Nam và chiến tranh chống Mỹ, cứu nước, Trung ương Đảng ta luôn luôn theo dõi âm mưu của địch, đánh giá đúng so sánh lực lượng, đề ra những chủ trương chỉ đạo chính xác, sắc bén, linh hoạt, kịp thời, nhằm đánh bại từng bước âm mưu và hành động của địch, tạo điều kiện để tiến lên giành thắng lợi cuối cùng. Song, đứng trước một cuộc chiến tranh mà đế quốc Mỹ vừa đánh, vừa thăm dò, vừa thí nghiệm các chiến lược, chiến thuật, một cuộc chiến tranh leo thang

từng bước không có tiền lệ trong lịch sử, thì việc tìm hiểu về địch và về ta là cả một quá trình. Phải thông qua thực tế chiến đấu với những diễn biến cụ thể trong cuộc đọ sức trên chiến trường mà nhận thức của ta ngày càng sâu sắc, rõ ràng hơn. Một trong những bài học về chỉ đạo chiến lược mà Đảng ta rút ra được là “*trên cơ sở phương hướng chiến lược đúng, hãy làm đi rồi thực tiễn sẽ cho phép ta hiểu rõ sự vật hơn nữa*”¹.

Bốn là, *Đảng ta hết sức coi trọng công tác xây dựng Đảng, xây dựng lực lượng cách mạng ở miền Nam và tổ chức xây dựng lực lượng chiến đấu trong cả nước.*

Lực lượng cách mạng đó là các Đảng bộ miền Nam được tôi luyện thành các bộ tham mưu dày dặn trên tiền tuyến lớn, là khối liên minh công - nông được Đảng dày công xây đắp trong suốt quá trình cách mạng dân tộc dân chủ, là đội quân chính trị quần chúng và lực lượng vũ trang nhân dân, hai lực lượng cơ bản hùng hậu trong chiến tranh cách mạng, là Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam cùng với Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam đã động viên, tập hợp ngày càng rộng rãi, đông đảo các tầng lớp nhân dân, không phân biệt giai cấp, tôn giáo, dân tộc vào cuộc kháng chiến, cứu nước; đồng thời tranh thủ được sự đồng tình ủng hộ ngày càng to lớn của nhân dân và chính phủ nhiều nước yêu hòa bình và công lý trên thế giới.

1. *Sđd*, tr. 27.

Chương V

Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ tổ quốc (1975 - 2006)

I. Cả nước quá độ lên Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975 - 1986)

1. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng (tháng 12-1976) và thực hiện kế hoạch nhà nước năm năm (1976 - 1980)

a) Tình hình Việt Nam sau năm 1975 và Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng

- Tình hình Việt Nam sau năm 1975 và việc hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

Sau đại thắng mùa Xuân 1975, cả nước ta bước vào kỷ nguyên độc lập, thống nhất và quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội. Đất nước đã hoàn toàn độc lập, thống nhất, có tài nguyên phong phú, dồi dào sức lao động, nhân dân có truyền thống lao động cần cù, thông minh, sáng tạo, có cơ sở vật chất - kỹ thuật ban đầu của miền Bắc sau 20 năm xây dựng... Đó là những thuận lợi để cả nước đi vào khắc phục hậu quả của mấy mươi năm chiến tranh để lại¹ và xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn trên con đường quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Để xây dựng và phát triển đất nước trước mắt phải hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước. Tháng 8-1975, khi nhân dân hai miền đang tập trung sức lực khắc phục hậu quả của chiến tranh, ổn định tình hình tiến tới thống nhất đất nước về mặt nhà nước, Hội nghị toàn thể Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 24 của Đảng đã họp để quyết định những nhiệm vụ của cách mạng trong giai đoạn mới, đi lên chủ nghĩa xã hội. Đây là Hội nghị chuẩn bị về mặt tư tưởng, tổ chức cho việc thống nhất nước nhà. Ngoài thống nhất đất nước về mặt nhà nước, Hội nghị còn khẳng định quyết tâm đưa cả nước tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội.

Thực hiện chủ trương trên, Hội nghị hiệp thương chính trị của Đoàn đại biểu miền Bắc và Đoàn đại biểu miền Nam đã họp tại Sài Gòn từ ngày 15 đến ngày 21-11-1975. Thông cáo của hội nghị khẳng định nước Việt Nam, dân tộc Việt Nam là một; nước nhà cần được sớm thống nhất về mặt nhà nước; cần tổ chức cuộc Tổng tuyển cử trên toàn

1. Hậu quả nặng nề của hàng chục năm chiến tranh với 7.850.000 tấn bom đạn do đế quốc Mỹ ném xuống nước ta, gần 2 triệu người bị chết, hơn 2 triệu người bị tàn tật, 2 triệu người, trong đó có khoảng 5 vạn trẻ em dị dạng do bị nhiễm chất độc màu da cam. Mỹ ném xuống miền Nam 451.260 tấn chất độc hoá học, 338 tấn bom napan đang để lại những di chứng hết sức nặng nề. Sau 20 năm chia cắt đất nước, thống trị miền Nam, đế quốc Mỹ và chính quyền Sài Gòn đã để lại cho ta những di chứng nặng nề của chế độ thực dân mới của Mỹ về mặt chính trị, tư tưởng, kinh tế, văn hóa, xã hội. ở miền Bắc, hầu hết các thành phố, thị xã bị bom Mỹ tàn phá.

quốc theo nguyên tắc dân chủ, phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín, bầu ra Quốc hội chung cho cả nước.

Ngày 3-1-1976, Bộ Chính trị đã ra chỉ thị *Về việc lãnh đạo cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung* của cả nước và giao trách nhiệm cho các cấp uỷ lãnh đạo cuộc bầu cử. Ngày 25-4-1976, cử tri cả nước đã phấn khởi đi bỏ phiếu, đạt tỷ lệ 98,77% (miền Bắc 99,36%, miền Nam 98,39%). 492 đại biểu đã được bầu vào Quốc hội gồm đủ các thành phần công nhân, nông dân, trí thức, lực lượng vũ trang, đại biểu các tầng lớp thanh niên, phụ nữ, đại biểu các dân tộc thiểu số và các tôn giáo.

Thắng lợi của cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung cả nước biểu thị ý chí của toàn dân ta xây dựng một nước Việt Nam độc lập, thống nhất, là thắng lợi của lòng quyết tâm phấn đấu thực hiện trọn vẹn *Di chúc* thiêng liêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh: *"Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất. Đồng bào Nam, Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà"*.

Từ ngày 24-6 đến ngày 3-7-1976, kỳ họp thứ nhất của Quốc hội nước Việt Nam thống nhất (Quốc hội khoá VI) đã được tiến hành tại Hà Nội. Quốc hội đã quyết định đặt tên nước ta là nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Quốc kỳ nền đỏ ở giữa có ngôi sao vàng năm cánh, Thủ đô là Hà Nội, Quốc ca là bài *Tiến quân ca*; Quốc huy mang dòng chữ "Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam"; Sài Gòn được mang tên thành phố Hồ Chí Minh; thành lập Uỷ ban dự thảo Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; bầu Tôn Đức Thắng làm Chủ tịch nước, Nguyễn Lương Bằng, Nguyễn Hữu Thọ làm Phó Chủ tịch nước, Trường Chinh làm Chủ tịch Quốc hội; Phạm Văn Đồng làm Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Theo chủ trương của Đảng, Đoàn Thanh niên Lao động Hồ Chí Minh, các đoàn thể quần chúng ở hai miền đều thống nhất lại với nhau mang một tên gọi chung. Đó là Tổng Công đoàn Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội nhà báo Việt Nam, Hội Liên hiệp thanh niên Việt Nam.

- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng

Đại hội họp từ ngày 14 đến ngày 20-12-1976 tại Hà Nội. Dự Đại hội có 1.008 đại biểu thay mặt cho hơn 1,5 triệu đảng viên trong cả nước và 29 đoàn đại biểu của các đảng và tổ chức quốc tế. Đại hội đã thông qua *Báo cáo chính trị, Báo cáo về phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu chủ yếu của kế hoạch 5 năm 1976 - 1980, Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng và sửa đổi Điều lệ Đảng*; quyết định đổi tên Đảng Lao động Việt Nam thành *Đảng Cộng sản Việt Nam*.

Báo cáo chính trị đánh giá, thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ mãi mãi đi vào lịch sử dân tộc ta như một trong những trang sử chói lọi nhất và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỷ XX và để lại cho nhân dân ta nhiều bài học có giá trị to lớn.

Tình hình nước ta trong thời kỳ phát triển mới, nổi bật với ba đặc điểm lớn:

+ Nước ta đang ở trong quá trình từ một xã hội mà nền kinh tế còn phổ biến là sản xuất nhỏ tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa.

+ Tổ quốc ta đã hòa bình, độc lập, thống nhất, cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội với nhiều thuận lợi, song cũng còn nhiều khó khăn do hậu quả của cuộc chiến tranh và tàn dư của chủ nghĩa thực dân gây ra.

+ Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta tiến hành trong hoàn cảnh quốc tế thuận lợi, song cuộc đấu tranh "ai thắng ai" giữa cách mạng và phản cách mạng trên thế giới vẫn diễn ra gay go, quyết liệt.

Đại hội xác định *đường lối chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa* trong giai đoạn mới ở nước ta là: "*Nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động; tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học - kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng khoa học - kỹ thuật là then chốt; đẩy mạnh công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền văn hóa mới, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa; xóa bỏ chế độ người bóc lột người, xóa bỏ nghèo nàn và lạc hậu; không ngừng đề cao cảnh giác, thường xuyên củng cố quốc phòng, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự xã hội; xây dựng thành công Tổ quốc Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa; góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội*"¹.

Về *đường lối xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa*, Đại hội nêu rõ phải: Đẩy mạnh công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, đưa nền kinh tế nước ta từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, kết hợp xây dựng công nghiệp và nông nghiệp cả nước thành một cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp; vừa xây dựng kinh tế trung ương vừa phát triển kinh tế địa phương, kết hợp kinh tế trung ương với kinh tế địa phương trong một cơ cấu kinh tế quốc dân thống nhất; kết hợp phát triển lực lượng sản xuất với xác lập và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới; kết hợp kinh tế với quốc phòng; tăng cường quan hệ phân công, hợp tác, tương trợ với các nước xã hội chủ nghĩa anh em trên cơ sở chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa, đồng thời phát triển quan hệ kinh tế với các nước khác trên cơ sở giữ vững độc lập, chủ quyền và các bên cùng có lợi; làm cho nước Việt Nam trở thành một nước xã hội chủ nghĩa có kinh tế công - nông nghiệp hiện đại, văn hóa và khoa học - kỹ thuật tiên tiến, quốc phòng vững mạnh, có đời sống văn minh, hạnh phúc.

Trên cơ sở *đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa* trong giai đoạn mới, Đại hội đã xác định các nội dung về:

+ Phương hướng và nhiệm vụ của kế hoạch 5 năm 1976 - 1980 phát triển và cải tạo kinh tế, văn hóa, phát triển khoa học, kỹ thuật.

+ Đẩy mạnh cách mạng tư tưởng và văn hóa, xây dựng và phát triển nền văn hóa mới.

1. *Sđd*, tr. 523 - 524.

+ Tăng cường Nhà nước xã hội chủ nghĩa, phát huy vai trò của các đoàn thể, làm tốt công tác quần chúng.

+ Nhiệm vụ quốc tế và chính sách đối ngoại của Đảng.

+ Nâng cao vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

Đại hội quyết định bổ sung Điều lệ Đảng, đặt chức danh Tổng Bí thư thay chức danh Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng; bầu Ban Chấp hành Trung ương mới gồm 101 uỷ viên chính thức, Bộ Chính trị gồm 14 uỷ viên chính thức, Ban Bí thư gồm 9 đồng chí, Lê Duẩn được bầu làm Tổng Bí thư.

Đại hội lần thứ IV của Đảng là đại hội toàn thắng của sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc, khẳng định và xác định đường lối đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội, con đường lịch sử mà Hồ Chí Minh đã chọn. Tuy nhiên, Đại hội chưa tổng kết được kinh nghiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc; chưa nhấn mạnh việc bức thiết phải làm sau chiến tranh là khắc phục hậu quả chiến tranh; đặc biệt là chưa xác định được chặng đường đầu tiên tiến lên chủ nghĩa xã hội, nóng vội "tả khuynh" trong việc cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở một nước vốn là nông nghiệp lạc hậu lại trải qua mấy chục năm chiến tranh, đất nước bị tàn phá nặng nề.

b) Thực hiện kế hoạch nhà nước 5 năm và bảo vệ Tổ quốc (1976 - 1980)

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội lần thứ IV của Đảng, từ năm 1976 trở đi toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta đã vượt qua mọi khó khăn gian khổ, thực hiện cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, giữ gìn an ninh quốc gia.

Trong quá trình chỉ đạo thực hiện Nghị quyết của Đại hội, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã căn cứ vào sự phát triển của tình hình, từng bước bổ sung và cụ thể hóa đường lối, chủ trương, vạch ra những nhiệm vụ cụ thể về kế hoạch kinh tế, chính trị, văn hóa, an ninh, quốc phòng qua các kỳ hội nghị toàn thể Ban Chấp hành Trung ương.

Cuối tháng 6 đầu tháng 7-1977, Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã họp bàn về phát triển nông nghiệp. Hội nghị quyết định tập trung cao độ lực lượng cả nước thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển nông nghiệp với ba mục tiêu chính là bảo đảm lương thực, thực phẩm cho toàn xã hội và có lương thực dự trữ; cung ứng nguyên liệu nông sản, lâm sản, hải sản cho công nghiệp; tăng nhanh nguồn hàng xuất khẩu.

Trong những năm trước mắt, trên mặt trận kinh tế, phải nắm vững nhiệm vụ hàng đầu là phát triển vượt bậc sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp... Tuy vậy, do thiếu tính toán khoa học, không đầu tư vốn thích đáng cho nông nghiệp mà chủ yếu tập trung cho công nghiệp nặng nên đề ra nhiều chỉ tiêu quá cao mà sau này không thực hiện được. Chủ trương tổ chức lại nền nông nghiệp trong cả nước và trên địa bàn huyện, tiến hành hợp tác hoá nông nghiệp và đẩy mạnh xây dựng nông trường, lâm trường quốc doanh ở miền Nam không phù hợp nên nông nghiệp cũng không phát triển được.

Những năm tiếp theo, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã liên tiếp họp nhiều

Hội nghị quan trọng: Hội nghị lần thứ ba tháng 1-1978, Hội nghị lần thứ tư tháng 7-1978, Hội nghị lần thứ năm tháng 12-1978, nhằm vạch ra phương hướng, nhiệm vụ và chủ trương, biện pháp thực hiện kế hoạch Nhà nước hằng năm. Ban Chấp hành Trung ương đã phê phán những thiếu sót, khuyết điểm trong chỉ đạo, tổ chức quản lý kinh tế và xã hội, phân tích những nguyên nhân khách quan, nhất là nguyên nhân chủ quan đã làm cho kinh tế - xã hội nước ta gặp nhiều khó khăn, trì trệ.

Trong giai đoạn này nền kinh tế nước ta vốn đã thấp kém, thiên tai dồn dập, dự trữ nguyên vật liệu đang bị cạn kiệt, viện trợ của các nước xã hội chủ nghĩa giảm sút, chiến tranh hai đầu biên giới xảy ra, đế quốc Mỹ và các thế lực chống đối Việt Nam bao vây, cấm vận kinh tế, đã làm cho cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội bắt đầu xuất hiện. Trong bối cảnh đó, tháng 8-1979, Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã được triệu tập. Hội nghị đã đánh giá về thực trạng đất nước, tập trung bàn về phương hướng phát triển hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương nhằm khắc phục tình trạng khan hiếm nghiêm trọng các mặt hàng tiêu dùng thiết yếu. Hội nghị này khởi đầu chuyển biến về nhận thức đường lối kinh tế của Đảng, tháo gỡ những ràng buộc của cơ chế quản lý kế hoạch hoá tập trung, tạo điều kiện cho lực lượng sản xuất "bung ra".

Hội nghị đã thông qua Nghị quyết số 20-NQ/TW *Về tình hình và nhiệm vụ cấp bách* nêu ba nhiệm vụ phải thực hiện từ năm 1979 đến năm 1981 là đẩy mạnh sản xuất, ổn định và bảo đảm đời sống của nhân dân, tăng cường quốc phòng và an ninh, sẵn sàng chiến đấu chống xâm lược, bảo vệ Tổ quốc; kiên trì đấu tranh khắc phục những mặt tiêu cực trong hoạt động kinh tế - xã hội, nhất là các tệ nạn ăn cắp, hối lộ và ức hiếp quần chúng; nhiệm vụ quan trọng nhất là động viên cao độ và tổ chức toàn dân, toàn quân đẩy mạnh sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Cần thiết phải ban hành ngay các chính sách khuyến khích sản xuất nông nghiệp như ổn định nghĩa vụ lương thực trong năm năm; bán cho Nhà nước theo giá thỏa thuận và được lưu thông tự do, khuyến khích xuất khẩu nông sản, sửa đổi cách phân phối ăn chia trong hợp tác xã. ở miền Nam, cải tạo nông nghiệp phải bảo đảm đúng các nguyên tắc tự nguyện, cùng có lợi, chống chủ quan, cưỡng ép; thừa nhận các thành phần kinh tế quốc doanh, tập thể, công tư hợp doanh, cá thể kể cả tư sản được kinh doanh hợp pháp. Tiến tới cải tiến một bước cơ bản các chính sách lưu thông phân phối nhằm thúc đẩy sản xuất phát triển theo hướng kết hợp lợi ích tập thể, cá nhân và lợi ích Nhà nước.

Hội nghị còn thông qua Nghị quyết 21-NQ/TW *Về phương hướng, nhiệm vụ phát triển công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương* nêu rõ: Phải dựa trên cơ sở sản xuất trong nước, chống tư tưởng ỷ lại vào viện trợ; phấn đấu ăn no, mặc ấm, đề cao tinh thần cần kiệm, giản dị, khuyến khích dùng hàng sản xuất trong nước, dành hàng tốt cho xuất khẩu.

Cốt lõi của hai nghị quyết trên là nhằm tháo gỡ từng bước những ràng buộc của cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, mở hướng cho sản xuất "bung ra", kích thích lực lượng sản xuất phát triển, đáp ứng yêu cầu bức xúc của đời sống.

Thực hiện tinh thần làm cho sản xuất "bung ra" của Đảng, Chính phủ đã lần lượt công bố một loạt những quyết định mới về kinh tế như: Quyết định ngày 16-8-1979 *Về*

việc bãi bỏ các trạm kiểm soát có tính chất ngăn sông cấm chợ, ngăn cản việc lưu thông hàng hóa. Quyết định ngày 10-9-1979 Về việc khuyến khích tận dụng ruộng đất trong nông nghiệp vào sản xuất cho phép những loại ruộng đất do tập thể sản xuất làm không kịp thời nên tạm giao cho đội sản xuất, các nhóm lao động, gia đình xã viên, cơ quan đơn vị mượn và không tính vào cân đối lương thực và phương án ăn chia của hợp tác xã. Người có công khai hoang vỡ hoá được sử dụng từ 3 đến 5 năm mới phải giao lại ruộng, trong thời gian đó được miễn thuế và các lệ phí khác. Quyết định ngày 3-10-1979 Về chính sách khuyến khích phát triển chăn nuôi trâu bò không hạn chế về số lượng, sản phẩm chăn nuôi được tự do sử dụng, trao đổi mua bán, xóa bỏ mọi hình thức cấm vận trâu bò. Quyết định ngày 13-10-1979 Về việc mở rộng kinh doanh theo nguyên tắc hợp đồng kinh tế hai chiều giữa Nhà nước và cơ sở sản xuất. Ngoài sản phẩm nộp nghĩa vụ và hợp đồng, khuyến khích trao đổi theo giá thỏa thuận. Quyết định ngày 5-11-1979 Về chính sách phân phối thu nhập trong hợp tác xã và tập đoàn sản xuất nông nghiệp, thừa nhận phân phối bằng tiền và hiện vật, bảo đảm nguyên tắc phân phối theo lao động nhằm kích thích sản xuất nông nghiệp phát triển.

Quốc hội khoá VI đã họp kỳ họp thứ sáu (tháng 12-1979) đã đánh giá thành tựu to lớn mà nhân dân ta đã đạt được trong hoàn cảnh cực kỳ khó khăn của đất nước, đặc biệt là bảo vệ và giữ vững chủ quyền độc lập tự do của Tổ quốc và chỉ rõ những thiếu sót, khuyết điểm. Một số chủ trương và kế hoạch chưa phù hợp với hiện thực, chưa có các giải pháp đồng bộ; bố trí kế hoạch còn phân tán, dàn đều, thiếu tập trung dứt điểm; không cân đối đồng bộ, chưa phát huy mạnh mẽ khả năng hợp tác quốc tế, lưu thông phân phối bất hợp lý, chế độ phân phối bình quân chưa có tác dụng khuyến khích thúc đẩy sản xuất. Cơ chế quản lý theo lối hành chính bao cấp gây nên tình trạng sức ỳ lớn, thiếu trách nhiệm trong quản lý sản xuất và tài sản Nhà nước, v.v..

Để giải quyết những vấn đề cấp bách trước mắt trong sản xuất và đời sống, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 23-NQ/TW (tháng 1-1980) Về những công tác lớn trong năm 1980 tập trung sức chỉ đạo chặt chẽ việc thực hiện kế hoạch năm 1980, thực hiện ba nhiệm vụ cấp bách đã nêu trong Hội nghị lần thứ sáu của Ban Chấp hành Trung ương.

Tuy nhiên, việc thực hiện còn nhiều khuyết điểm và yếu kém. Nền kinh tế nước ta vẫn nằm trong tình trạng khủng hoảng. Việc thực hiện kế hoạch kinh tế 5 năm 1976 - 1980 chưa thu hẹp được những mất cân đối nghiêm trọng trong nền kinh tế quốc dân. Sản xuất phát triển chậm trong khi dân số tăng nhanh, thu nhập chưa bảo đảm tiêu dùng xã hội; nền kinh tế chưa có tích lũy từ bên trong. Lương thực, vải mặc và các hàng tiêu dùng thiết yếu đều thiếu. Cung ứng vật tư và giao thông - vận tải rất căng thẳng; chênh lệch thu chi, hàng và tiền, xuất khẩu và nhập khẩu còn lớn. Thị trường vật giá không ổn định. Đời sống nhân dân gặp rất nhiều khó khăn.

Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng (12-1980) bàn Về phương hướng, nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 1981. Hội nghị nhận định, các nghị quyết của Đảng bước đầu đã tạo ra những biến chuyển mới trong nền kinh tế quốc dân. Công tác khoán được xem là một nét mới và là biện pháp then chốt để đưa nông nghiệp phát triển. Vì vậy, ngày 13-1-1981, Ban Bí thư ra Chỉ thị số 100-CT/TW Về cải tiến công tác

khoán, mở rộng "khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động" trong hợp tác xã nông nghiệp.

Nội dung cơ bản của Chỉ thị 100 là cải tiến mạnh mẽ các hình thức khoán của đội sản xuất đối với xã viên, mở rộng "khoán sản phẩm". Chỉ thị 100 đi vào cuộc sống đã tạo đà đi lên, ngăn chặn sự sa sút của nền nông nghiệp nước ta. Năng suất, sản lượng cây, con và diện tích cây công nghiệp tăng nhiều so với trước. Bình quân lương thực đầu người năm sau cao hơn năm trước. Tuy nhiên, ở Chỉ thị 100 cơ chế quản lý tập trung quan liêu của Nhà nước chưa được tháo gỡ, cơ chế quản lý hợp tác xã còn nhiều mặt bất hợp lý, mức khoán không ổn định, bộ máy quản lý gián tiếp của hợp tác xã cồng kềnh, kém hiệu quả; tổng mức huy động của Nhà nước tăng, phần dành phân phối cho người lao động không đáng kể.

Để "làm cho sản xuất bung ra" trong các xí nghiệp quốc doanh, Hội đồng Chính phủ đã ban hành Quyết định 25-CP (ngày 21-1-1981) *Về một số chủ trương và biện pháp nhằm phát huy quyền chủ động sản xuất kinh doanh và quyền tự chủ về tài chính của các xí nghiệp quốc doanh.* Quyết định chỉ rõ, ngoài những xí nghiệp có vị trí kinh tế quan trọng được Nhà nước bảo đảm những phương tiện vật chất để hoạt động ổn định, những xí nghiệp không được cung ứng đủ các điều kiện *phải phát huy tính chủ động, sáng tạo, khắc phục khó khăn, tìm việc làm và bảo đảm đời sống cho công nhân, viên chức* bằng cách tìm vật tư thay thế, chuyển hướng sản xuất, nhận làm gia công cho các đơn vị kinh tế khác.

Chính phủ cũng đã ban hành Quyết định 26-CP (ngày 21-1-1981) *Về mở rộng hình thức trả lương khoán, lương sản phẩm và vận dụng hình thức tiền thưởng trong các đơn vị sản xuất kinh doanh của Nhà nước* nhằm thúc đẩy người lao động hăng hái sản xuất, tăng năng suất lao động, tăng thu nhập.

Các Quyết định số 25-CP và 26-CP đã giúp cho các cơ sở tháo gỡ được một phần khó khăn trong sản xuất, khuyến khích người lao động thi đua tăng năng suất, làm thêm giờ, tiết kiệm nguyên vật liệu, nhiên liệu, phát huy sáng kiến. Tình trạng trì trệ trong sản xuất công nghiệp giảm dần.

Chỉ thị số 100-CT/TW của Ban Bí thư về cải tiến công tác khoán, các Quyết định 25-CP và 26-CP của Chính phủ đã tạo điều kiện cho công nghiệp, nông nghiệp có chuyển biến mới.

Trong khi đó, trên mặt trận lưu thông, phân phối có nhiều rối ren. Năm 1980, giá bán lẻ hàng hóa thị trường xã hội đã tăng 189,5% so với năm 1976, năm 1981 tăng 313,7%. Trước tình hình đó, ngày 23-6-1980, Bộ Chính trị ra Nghị quyết 26-NQ/TW *Về cải tiến công tác phân phối, lưu thông.* Nghị quyết nhấn mạnh nguyên tắc: giá cả phù hợp với chi phí sản xuất và lưu thông; tạo những tiền đề cần thiết để tiến tới xóa bỏ từng bước chế độ cung cấp theo tem phiếu.

Khoa học - kỹ thuật có vai trò quan trọng trong sản xuất, đời sống, an ninh, quốc phòng. Vì vậy, song song với việc đề ra chủ trương, chính sách về phát triển kinh tế, ngày 20-11-1981, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 37-NQ/TW *Về chính sách*

khoa học và kỹ thuật. Nghị quyết nhấn mạnh cần hướng mọi hoạt động vào nhiệm vụ thiết thực là phục vụ phát triển sản xuất, ổn định và từng bước nâng cao đời sống của nhân dân, củng cố và tăng cường sức mạnh quốc phòng của đất nước. Cải tiến công tác đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng cán bộ khoa học và kỹ thuật, đầu tư thích đáng cho các hoạt động khoa học - kỹ thuật. Coi hợp tác quốc tế là một bộ phận hợp thành rất quan trọng trong chính sách khoa học và kỹ thuật. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định đưa hoạt động khoa học và kỹ thuật đến thắng lợi.

Sự nghiệp xây dựng đất nước của chúng ta trước mắt gặp nhiều khó khăn. Cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội đã xuất hiện. Tình hình thế giới diễn biến phức tạp, nhất là hệ thống xã hội chủ nghĩa đang lâm vào khủng hoảng nặng nề. Các thế lực phản động thù địch đang ra sức phá hoại, chống lại sự nghiệp cách mạng của dân tộc ta. Tình hình đó đã tác động mạnh đến tư tưởng của cán bộ, đảng viên và quần chúng. Vì thế yêu cầu nâng cao trình độ chính trị và tư tưởng, tăng cường đoàn kết nhất trí trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta, nâng cao sức chiến đấu của Đảng, thúc đẩy phong trào cách mạng của quần chúng là một nhiệm vụ cấp bách trước mắt. Ngày 24-2-1981, Ban Bí thư ra Nghị quyết số 36-NQ/TW *Về những nhiệm vụ trước mắt của công tác tư tưởng.*

Nghị quyết nêu rõ nhiệm vụ công tác tư tưởng lúc bấy giờ nhằm làm cho toàn Đảng, toàn quân, toàn dân nhận thức thật đúng về tình hình; nhận rõ đúng sai, tìm nguyên nhân, xác định phương hướng; giữ vững cái đúng, khắc phục sai lầm; nắm vững đường lối của Đảng; chống khuynh hướng "hữu" hoặc "tả" trong thực hiện đường lối, chủ trương về kinh tế của Đảng; kiên quyết chống lại âm mưu của chủ nghĩa đế quốc và các lực lượng thù địch; tăng cường hợp tác quốc tế với Liên Xô, Lào, Campuchia và các nước xã hội chủ nghĩa, v.v.. Cùng với nhiệm vụ công tác tư tưởng, nhiệm vụ xây dựng Đảng về mặt tổ chức cũng được thực hiện. Bộ máy các cấp của Đảng được kiện toàn; số cấp uỷ viên được đào tạo ngày một tăng. Số đồng chí có trình độ đại học, trung học tăng từ 1% đến 5%. Trong hai năm 1977 - 1978, có 42.741 người được kết nạp vào Đảng, trong đó có 85,2% tuổi đời dưới 30. Việc đưa những đảng viên không đủ tư cách ra khỏi Đảng được tiến hành thường xuyên.

Các hoạt động về đối ngoại của Đảng và Nhà nước được triển khai mạnh mẽ. Thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước đã đi thăm và cảm ơn các nước trong hệ thống xã hội chủ nghĩa và bầu bạn đã tận tình ủng hộ cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta.

Ngày 20-9-1977, nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam trở thành thành viên thứ 149 của Liên hợp quốc và thành viên của hơn 20 tổ chức quốc tế khác. Đến cuối năm 1980 đã có 106 nước lập quan hệ ngoại giao với nước ta. Tháng 11-1978, Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt Nam - Liên Xô được ký kết.

Thắng lợi giải phóng hoàn toàn miền Nam, giành độc lập và thống nhất đất nước của nhân dân Việt Nam đã làm đảo lộn chiến lược toàn cầu của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch. Vì vậy chúng ta kết nối với nhau tìm mọi cách chống phá quyết liệt công cuộc xây dựng đất nước của nhân dân ta.

Tập đoàn Pôn Pốt đã thi hành chính sách cực kỳ phản động và diệt chủng ở Campuchia, tăng cường thù địch chống Việt Nam. Ngày 3-5-1975, chúng đã cho quân đổ bộ lên đảo Phú Quốc và sau đó chiếm đảo Thổ Chu của Việt Nam. Từ tháng 4-1977, họ tiến hành hàng ngàn vụ tấn công vũ trang trên biên giới Việt Nam. Chúng tuyên truyền coi Việt Nam là kẻ thù số 1, kẻ thù truyền kiếp, cắt đứt quan hệ ngoại giao, tăng cường lấn chiếm đất đai, giết hại nhân dân ta bằng những hình thức vô cùng dã man.

Đảng và Chính phủ Việt Nam đã nhiều lần đề nghị hai bên cùng đàm phán để giải quyết bằng con đường thương lượng, nhưng họ đều từ chối. Cuối tháng 12 chính quyền Pôn Pốt huy động 19 sư đoàn trong tổng số 23 sư đoàn mở cuộc tiến công xâm lược quy mô lớn vào vùng biên giới Tây Nam Việt Nam. Ngày 23-12-1978, họ đã đưa 3 sư đoàn tấn công vào vùng Bền Sỏi, Bền Cầu với mục tiêu nhanh chóng chiếm tỉnh Tây Ninh, tiến sâu vào nội địa nước ta.

Trước hành động thù địch của tập đoàn Pôn Pốt ở Campuchia, sự kiên nhẫn của quân và dân ta là có giới hạn. Quân và dân ta đã lập tức đánh trả mạnh mẽ, nhanh chóng chuyển sang tiến công, mở các chiến dịch đánh đuổi bọn xâm lược Pôn Pốt ra khỏi bờ cõi nước ta, lập lại cuộc sống yên lành cho nhân dân. Ngày 26-12-1978, Bộ Chỉ huy quân đội cách mạng, Mặt trận đoàn kết dân tộc cứu nước Campuchia quyết định phát động phong trào nổi dậy của quần chúng toàn quốc và kêu gọi quân tình nguyện Việt Nam giúp đỡ tiêu diệt bè lũ diệt chủng. Đáp lời kêu gọi đó, quân tình nguyện Việt Nam cùng quân dân Campuchia đã phối hợp chặt chẽ tiến công quân diệt chủng Pôn Pốt. Ngày 7-1-1979, thủ đô Phnôm Pênh được giải phóng, chế độ diệt chủng được xóa bỏ. Cuộc chiến đấu của nhân dân Việt Nam chống lại sự xâm lược của bè lũ phản động Pôn Pốt-Iêngxari là một cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.

Như vậy, quân và dân Việt Nam vừa làm tròn nhiệm vụ quốc tế đối với nhân dân Campuchia, vừa tiêu diệt tận gốc mầm mống gây ra cuộc chiến tranh xâm lược, bảo vệ một cách vững chắc biên giới Tây Nam của Tổ quốc.

Ngày 18-2-1979, Việt Nam và Campuchia ký Hiệp ước hòa bình, hữu nghị và hợp tác. Theo nội dung của Hiệp ước, quân đội Việt Nam tiếp tục có mặt ở Campuchia để cùng phía bạn bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của cả hai nước.

Việt Nam và Trung Quốc là hai nước láng giềng có quan hệ hữu nghị truyền thống lâu đời. Trong sự nghiệp đấu tranh cách mạng, hai đảng và nhân dân hai nước đã đoàn kết, ủng hộ và giúp đỡ lẫn nhau. Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Trung Quốc cùng các nước xã hội chủ nghĩa khác đã dành cho nhân dân ta sự ủng hộ và giúp đỡ toàn diện và quý báu.

Nhưng từ năm 1978, quan hệ của Trung Quốc với Việt Nam xấu đi rõ rệt. Trên tuyến biên giới Trung - Việt liên tiếp diễn ra các vụ xung đột. Nghiêm trọng hơn, sáng 17-2-1979, Trung Quốc đã đưa hàng chục vạn quân mở cuộc tấn công dọc biên giới phía Bắc Việt Nam từ Phong Thổ (Lai Châu) đến Móng Cái (Quảng Ninh) dài hơn nghìn cây số, có nơi đã tiến sâu vào lãnh thổ Việt Nam tới 50 km.

Để bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, quân dân Việt Nam, trực tiếp là quân và

dân 6 tỉnh biên giới phía Bắc đã đứng lên chiến đấu rất ngoan cường vì độc lập, tự do. Nhân dân yêu chuộng hòa bình và công lý trên thế giới đã phản đối mạnh mẽ cuộc tiến công quân sự của quân Trung Quốc, ủng hộ cuộc chiến đấu chính nghĩa của Việt Nam.. Ngày 5-3-1979, Trung Quốc đã phải rút quân và đến 18-3-1979 đã rút hết quân về nước. Ngày 18-4-1979, Việt Nam và Trung Quốc bắt đầu đàm phán để khôi phục hòa bình, an ninh, giải quyết vấn đề về chủ quyền lãnh thổ biên giới.

Những năm lịch sử 1975 - 1981 là những năm sôi động và vô cùng phức tạp trên con đường tiến lên của cách mạng Việt Nam. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta đã giành được những thắng lợi to lớn trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc và đạt được những thành tựu bước đầu trong công cuộc xây dựng lại đất nước theo *Di chúc* thiêng liêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại. Song, bên cạnh những thành tựu, đất nước ta đã gặp nhiều khó khăn chồng chất và gay gắt về kinh tế và đời sống. Cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội đã xuất hiện. Những khó khăn chồng chất và gay gắt, sự khủng hoảng về kinh tế - xã hội, trước hết là do những nguyên nhân khách quan tạo ra. Song xét về mặt lãnh đạo "trên những mặt nhất định, khuyết điểm, sai lầm về lãnh đạo và quản lý là nguyên nhân chủ yếu gây ra hoặc làm trầm trọng thêm tình hình khó khăn về kinh tế và xã hội"¹ trong những năm đó.

2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng (tháng 3-1982), thực hiện kế hoạch nhà nước 5 năm (1981 - 1985)

a) Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng đã họp từ ngày 27 đến ngày 31-3-1982 tại Thủ đô Hà Nội (trong đó Đại hội nội bộ đã diễn ra từ ngày 15 đến ngày 24-3-1982). Tham dự Đại hội có 1.033 đại biểu thay mặt cho hơn 1,7 triệu đảng viên hoạt động trong 35.146 đảng bộ cơ sở trong cả nước và 47 đoàn đại biểu của các đảng và tổ chức quốc tế.

Đại hội V của Đảng diễn ra trong hoàn cảnh nền kinh tế - xã hội nước ta lâm vào khủng hoảng trầm trọng, một phần do sau những năm liên tục chiến tranh, việc khắc phục hậu quả chiến tranh rất phức tạp và kéo dài. Đặc biệt, những sai lầm, khuyết điểm trong việc duy trì mô hình kế hoạch hoá tập trung quan liêu, bao cấp quá lâu, cộng với hậu quả do hai cuộc chiến tranh biên giới làm khó khăn lại càng trở nên gay gắt. Sản xuất công nghiệp không đạt chỉ tiêu do Đại hội IV đề ra. Lưu thông, phân phối trở nên rối ren, cán cân thương mại chênh lệch, nhập gấp 4-5 lần xuất. Giá cả tăng vọt. Đời sống của nhân dân và cán bộ, công nhân viên, lực lượng vũ trang trở nên rất khó khăn. Nhiều nhu cầu thiết yếu, tối thiểu như lương thực, hàng tiêu dùng thiếu gay gắt. Nạn đói diễn ra ở nhiều nơi. Vấn đề công ăn, việc làm, tệ nạn xã hội... trở nên nhức nhối. Trong khi đó, tình hình quốc tế có nhiều căng thẳng. Các lực lượng phản động quốc tế câu kết với nhau, thi hành chính sách bao vây, cô lập Việt Nam. Đế quốc Mỹ xiết chặt cấm vận và lôi kéo các nước cắt viện trợ kinh tế cho Việt Nam. Ngoài ra, chúng ta còn chịu sức ép từ biên giới phía Bắc và các lực lượng chống Việt Nam tiếp tục lôi kéo một số nước

1. Sđd, t. 43, tr. 48-49.

láng giềng giúp đỡ bọn tàn quân Pôn Pốt hoạt động chống phá cách mạng.

Đại hội đã thảo luận và thông qua *Báo cáo chính trị, Báo cáo về phương hướng nhiệm vụ và những mục tiêu chủ yếu về kinh tế và xã hội trong 5 năm (1981-1985) và những năm 80, Báo cáo về xây dựng Đảng.*

Đại hội đã kiểm điểm một cách toàn diện sự lãnh đạo của Đảng từ Đại hội lần thứ IV; đánh giá những thành tựu và khuyết điểm sai lầm, phân tích nguyên nhân của những thắng lợi và khó khăn của đất nước; những biến động của tình hình thế giới. Trên cơ sở đó, Đại hội đã nêu rõ trong giai đoạn mới của cách mạng, Đảng phải lãnh đạo nhân dân ta tiếp tục thực hiện hai nhiệm vụ:

Một là xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội;

Hai là sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Hai nhiệm vụ đó có quan hệ mật thiết với nhau.

Về xây dựng chủ nghĩa xã hội, Đại hội đã vạch ra chiến lược kinh tế - xã hội, những kế hoạch phát triển, những chủ trương, chính sách và biện pháp thực thi trong từng chặng đường.

Chặng đường trước mắt bao gồm những năm 1980. Những mục tiêu kinh tế và xã hội tổng quát cho những năm đó là:

+ Ổn định dần dần, tiến lên cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân.

+ Tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, chủ yếu nhằm thúc đẩy sản xuất nông nghiệp, hàng tiêu dùng và xuất khẩu.

+ Hoàn thành công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa ở các tỉnh miền Nam, hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong cả nước.

+ Đáp ứng nhu cầu của công cuộc phòng thủ đất nước, củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh trật tự.

Đại hội đã thông qua những nhiệm vụ kinh tế, văn hóa và xã hội, tăng cường Nhà nước xã hội chủ nghĩa, chính sách đối ngoại, nhiệm vụ nâng cao sức chiến đấu của Đảng...

Nhiệm vụ then chốt của công tác xây dựng Đảng lúc này là: Tiếp tục nâng cao tính giai cấp công nhân, tính tiên phong của Đảng, xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, làm cho Đảng luôn luôn giữ vững bản chất cách mạng và khoa học, một đảng thực sự trong sạch, có sức chiến đấu cao, gắn bó chặt chẽ với quần chúng.

Đại hội đã thông qua Điều lệ (sửa đổi) của Đảng và bầu Ban Chấp hành Trung ương Đảng gồm 116 ủy viên chính thức và 36 ủy viên dự khuyết. Bộ Chính trị gồm có 13 ủy viên chính thức và 2 ủy viên dự khuyết. Ban Bí thư gồm 10 đồng chí. Đồng chí

Lê Duẩn được bầu lại giữ chức Tổng Bí thư.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ năm đã có những tìm tòi bước đi trên con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội, trước hết là về mặt kinh tế. Song, Đại hội chưa thấy được sự cần thiết phải duy trì nền kinh tế nhiều thành phần trong suốt thời kỳ quá độ, chưa xác định được những quan điểm cụ thể về kết hợp kế hoạch với thị trường, công tác quản lý lưu thông, phân phối vẫn một chiều do kế hoạch nhà nước quyết định, chưa có những chính sách, giải pháp cụ thể và đồng bộ để giải phóng các lực lượng sản xuất trong nông nghiệp.

Sau Đại hội, Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Bộ Chính trị đã mở nhiều hội nghị để tiếp tục đi sâu đánh giá tình hình, đề ra các chủ trương, biện pháp để chỉ đạo mọi hoạt động của Đảng và Nhà nước. Hội nghị lần thứ hai của Ban Chấp hành Trung ương đã quyết định chương trình công tác toàn khoá và quy chế làm việc của Trung ương để thực hiện thắng lợi Nghị quyết của Đại hội.

b) Thực hiện kế hoạch nhà nước 5 năm 1981 - 1985

Nhiệm vụ cấp bách của toàn Đảng, toàn dân Việt Nam được Đại hội lần thứ V của Đảng xác định là phải phấn đấu để ổn định tình hình, tiến lên cải thiện một bước về đời sống của nhân dân. Từ sau Đại hội tình hình khủng hoảng kinh tế - xã hội vẫn tiếp tục diễn ra theo chiều hướng ngày càng nghiêm trọng và có mặt rất gay gắt. Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng (12-1982) đã xác định phương hướng, nhiệm vụ kinh tế - xã hội và đặt mức phấn đấu cụ thể từ năm 1983 đến năm 1985: Tập trung giải quyết nhu cầu ăn và mặc; hoàn thành xây dựng và đưa vào sử dụng một số công trình quan trọng; kiện toàn và nâng cao chất lượng của kinh tế quốc doanh; củng cố hoàn thiện quan hệ sản xuất trong nông nghiệp và thủ công nghiệp; giải quyết tốt mối quan hệ giữa kinh tế và quốc phòng; phải thiết lập cho được trật tự trong lĩnh vực lưu thông phân phối, nhanh chóng ổn định và từng bước cải thiện đời sống nhân dân, trước hết là đời sống của công nhân, cán bộ, các lực lượng vũ trang. Trước mắt cần nắm và tập trung nguồn hàng, quản lý chặt chẽ tài chính, tiền tệ và giá cả; mở rộng mạng lưới thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, tăng cường quản lý thị trường... Hội nghị này đã thể hiện một bước tiến mới trong nhận thức về lãnh đạo, quản lý kinh tế của Đảng ta trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Những yếu kém và khuyết điểm về tư tưởng và tổ chức là một trở ngại trên con đường thực hiện đường lối chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Vì vậy, tháng 6-1983, Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương đã đề ra những nhiệm vụ công tác tư tưởng và tổ chức cấp bách cần tập trung giải quyết.

Vào cuối tháng 12-1983, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã họp bàn về phương hướng, nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 1984 và mức phấn đấu năm 1985.

Hội nghị tiếp tục khẳng định nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, chỉ ra những hạn chế trên nhiều lĩnh vực. Tuy vậy, vẫn chưa nắm chắc thực trạng tình hình kinh tế - xã hội, đề ra chỉ tiêu sản xuất được 18 triệu tấn lương thực là quá cao.

Tiếp đến tháng 12-1984, Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã họp bàn về phương hướng kinh tế - xã hội năm 1985 và phương hướng xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện. Hội nghị đề ra nhiệm vụ chủ yếu là tập trung cố gắng cho mặt trận nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, trọng tâm là sản xuất lương thực, thực phẩm, đẩy mạnh hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, ổn định và từng bước cải thiện đời sống của nhân dân.

Tuy nhiên, trong khi nhấn mạnh đến chủ trương coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, Hội nghị chưa chỉ rõ những chính sách thiết thực để tập trung cho nông nghiệp. Đường lối xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện có những điểm chưa phù hợp với thực tế, và chủ quan.

Các chính sách, biện pháp của Đảng về phân phối lưu thông vẫn chưa được giải quyết về cơ bản, vẫn tiếp tục duy trì các chính sách giá - lương - tiền trên cơ sở cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp. Vì vậy, tháng 6-1985, Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã họp *bàn về giá - lương - tiền*. Hội nghị chủ trương dứt khoát xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, thực hiện đúng chế độ tập trung dân chủ, hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Tiến hành cuộc điều chỉnh lớn và toàn diện về giá - lương - tiền lần thứ hai. Phương châm điều chỉnh lần này là khẩn trương, kiên quyết, nhưng phải tính toán thận trọng các phương án vững chắc. Đây là một bước đổi mới tư duy trên lĩnh vực lưu thông phân phối với nét nổi bật của nó là thừa nhận sản xuất hàng hóa và những quy luật của sản xuất hàng hóa.

Ngày 14-9-1985, cuộc tổng điều chỉnh giá, lương, tiền lần thứ hai bắt đầu cùng với việc ban hành một số giá mới và tiền lương mới, xóa bỏ hoàn toàn giá cung cấp và chế độ tem phiếu, chỉ giữ lại số gạo cho những người ăn lương. Chủ trương đổi tiền nhằm tăng khả năng chi trả của ngân hàng, bảo đảm yêu cầu đủ tiền cho tăng lương, tăng giá. Cuộc cải cách giá, lương, tiền lần thứ hai, thực hiện chính sách bán lẻ theo một giá là cần thiết, phù hợp với quy luật của nền sản xuất hàng hóa. Tuy vậy, vội vàng đổi tiền và tổng điều chỉnh giá, lương trong khi chưa chuẩn bị sẵn sàng về mọi mặt là một sai lầm. Hậu quả lớn nhất của cuộc cải cách giá, lương, tiền lần này đã dẫn đến tình trạng lạm phát "phi mã" trong 3 năm 1986 - 1988. Chính vì vậy, Nhà nước đã phải lùi lại một bước, thực hiện chính sách hai giá năm 1985.

Sau thời gian thực hiện các nghị quyết 6, 7, 8 của Trung ương, nền kinh tế nước ta đã đạt được một số tiến bộ. Sản lượng lương thực năm 1985 tăng 400.000 tấn, tốc độ sản xuất nông nghiệp tăng 7,4%. Quan hệ sản xuất mới ở nông thôn được củng cố và tăng cường một bước, công tác cải tạo ở các tỉnh Nam Bộ tiến triển thuận lợi, sản xuất nông nghiệp phát triển, đời sống nông dân ổn định và có mặt được cải thiện; lương thực cung cấp cho Nhà nước và nông sản xuất khẩu ngày càng tăng, việc kết hợp kinh tế với quốc phòng có bước tiến khá. Tuy vậy, nền kinh tế nước ta vẫn đứng trước những khó khăn gay gắt. Lương thực, năng lượng, ngoại tệ, vật tư, tài chính vẫn rất căng thẳng, cơ chế quản lý mới chưa hình thành. Kỷ luật của Đảng và pháp luật của Nhà nước lỏng lẻo.

Tiếp tục thực hiện đổi mới về quản lý kinh tế, tài chính, ngày 22-6-1985, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Chỉ thị *Về việc cải tiến quản lý kinh tế, hoàn thiện cơ chế khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động trong các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất nông nghiệp*. Chỉ thị quyết định chuyển hẳn công tác quản lý hợp tác xã sang hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa, hoàn thiện cơ chế khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động đi đôi với việc xây dựng huyện, tăng cường cấp huyện.

Chỉ thị của Ban Bí thư đã tạo điều kiện để củng cố các hợp tác xã nông nghiệp, hoàn thiện cơ chế khoán sản phẩm, làm cho người nông dân phấn khởi, không ngừng đầu tư cho sản xuất.

Ngày 10-8-1985 Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 28-NQ/TW *Về việc phê chuẩn các phương án giá - lương - tiền*. Tháng 9-1985, Hội đồng Nhà nước ban hành lệnh phát hành tiền ngân hàng mới, thu đổi tiền ngân hàng cũ nhằm bảo đảm quỹ tiền tệ phục vụ sản xuất, lưu thông đời sống, tổng kiểm kê tiền mặt của toàn xã hội. Tuy nhiên, việc thu đổi tiền đã mắc phải nhiều khuyết điểm: kế hoạch bị lộ sớm, nhiều nơi lộ cả thời gian và mức đổi. Sau đổi tiền, giá cả tăng lên 10 lần. Hệ thống giá mua của Nhà nước mới bắt đầu thực hiện nhưng đã diễn ra nhiều mặt phức tạp. Giá nhiều loại hàng thiết yếu, nhất là giá cước vận tải, cước bưu điện, giá một số thuốc chữa bệnh, giá muối, giấy tăng vọt.

Năm 1985, tuy nhiều lần bị thiên tai, nhưng sản lượng lương thực vẫn tăng hơn năm 1984, chăn nuôi, trồng cây công nghiệp, nghề rừng, nuôi trồng và khai thác thủy sản đều phát triển; giá trị sản lượng công nghiệp tăng 7,4%, phong trào hợp tác xã nông nghiệp ở miền Nam hoàn thành về cơ bản. Trong cả nước có nhiều xí nghiệp tạo ra thế làm ăn mới, có hiệu quả cao hơn; công tác giáo dục, y tế, xã hội có nhiều cố gắng và tiến bộ. Tuy vậy, sản xuất công nghiệp, nông nghiệp chưa ổn định; năng suất, chất lượng, hiệu quả thấp, kim ngạch xuất khẩu tăng chậm; do mắc nhiều khuyết điểm quan trọng về giá - lương - tiền, nên tình hình có nhiều phức tạp, ảnh hưởng xấu đến kinh tế - xã hội.

Trước tình hình trên, từ tháng 12-1985 đến tháng 12-1986 Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Bộ Chính trị đã triển khai nhiều hội nghị để tìm cách tháo gỡ khó khăn, ngăn chặn cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội và chuẩn bị triệu tập Đại hội lần thứ VI của Đảng. Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp tháng 12-1985 bàn về phương hướng, nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 1986. Hội nghị lần thứ 10 Ban Chấp hành Trung ương Đảng tháng 6-1986 đánh giá tình hình kinh tế - xã hội của đất nước. Ngày 10-7-1986, Tổng Bí thư Lê Duẩn qua đời. Ngày 14-7-1986, Ban Chấp hành Trung ương họp Hội nghị bất thường bầu đồng chí Trường Chinh, Ủy viên Bộ Chính trị giữ chức Tổng Bí thư của Đảng.

Từ năm 1982 đến năm 1986, quán triệt Nghị quyết Đại hội lần thứ V và các nghị quyết sau đó của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, toàn Đảng, toàn dân ta đã phấn đấu gian khổ, vượt qua nhiều thử thách trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Những thành tựu đạt được trong năm năm đó đã tạo cho sự nghiệp cách

mạng của nước ta những điều kiện mới để tiếp tục tiến lên. Đó là:

- *Về kinh tế*, đã chặn được đà giảm sút những năm trước, trong năm năm 1981-1986, bình quân hàng năm sản xuất nông nghiệp tăng 4,9%, lương thực mười bảy triệu tấn/năm, công nghiệp tăng 9,5%, điện tăng thêm 456.000 kW, than 2,5 triệu tấn, hoàn thành xây dựng mấy trăm công trình lớn... Thu nhập quốc dân bình quân hàng năm tăng 6,4%. Công trình thủy điện Hòa bình, Trị An đang được xây dựng, dầu mỏ bắt đầu được khai thác. Cải tạo xã hội chủ nghĩa tiến thêm một bước, đặc biệt chủ trương khoán sản phẩm theo Chỉ thị 100 đã mở lối ra cho quan hệ sản xuất ở nông thôn cũng như chủ trương nhiều nguồn cân đối và 3 phần kế hoạch trong Quyết định số 25-CP đang mở đường cho sản xuất công nghiệp.

- *Về văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục thể thao*... đã có những tiến bộ góp phần xây dựng nền văn hóa mới, con người mới.

- *Cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc* đã giành được những thắng lợi to lớn. Nghĩa vụ quốc tế đối với nhân dân Lào và Campuchia được thực hiện tốt, góp phần tăng cường quan hệ giữa ba nước Đông Dương. Quan hệ với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa thêm chặt chẽ.

Nhưng đất nước thời kỳ này đang phải đối mặt với cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội: sản xuất tăng chậm, nhiều chỉ tiêu quan trọng của kế hoạch 5 năm không đạt được; tài nguyên bị lãng phí; phân phối lưu thông rối ren, nhiều người lao động chưa có việc làm, hàng tiêu dùng không đủ, nhà ở và điều kiện vệ sinh thiếu thốn. Những mất cân đối trong nền kinh tế chậm được thu hẹp; quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa chậm được củng cố, vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh bị suy yếu; đời sống nhân dân nhất là công nhân viên chức gặp khó khăn; tiêu cực trong xã hội phát triển, công bằng xã hội bị vi phạm; quần chúng giảm lòng tin đối với sự lãnh đạo của Đảng và sự điều hành của Nhà nước. Nhìn tổng quát, chúng ta chưa thực hiện được mục tiêu ổn định tình hình kinh tế - xã hội, ổn định đời sống nhân dân.

Nguyên nhân chủ quan của tình hình trên là những sai lầm nghiêm trọng về chủ trương, chính sách lớn; về chỉ đạo chiến lược và tổ chức thực hiện của Đảng và của Nhà nước. Xác định mục tiêu và bước đi không sát thực tế nước ta, không coi trọng khôi phục kinh tế là nhiệm vụ cấp bách; nông nghiệp vẫn chưa thực sự là mặt trận hàng đầu; muốn xóa bỏ ngay các thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa trong vòng năm năm; chưa biết kết hợp kế hoạch hóa với quan hệ hàng hóa - tiền tệ; mắc sai lầm rất nghiêm trọng trong lĩnh vực phân phối, lưu thông. Những sai lầm nói trên là sai lầm nghiêm trọng về chủ trương, chính sách lớn về chỉ đạo chiến lược và tổ chức thực hiện.

Thực trạng của đất nước lúc bấy giờ đặt ra một yêu cầu khách quan và bức thiết là phải đổi mới sự lãnh đạo của Đảng, phải có những quyết sách khoa học để ổn định tình hình kinh tế - xã hội của đất nước, vượt ra khỏi khủng hoảng để tiến lên.

II. Thực hiện đường lối đổi mới, tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước (1986 - 2006)

1. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (tháng 12-1986) và thực hiện kế hoạch nhà nước 5 năm (1986-1990)

a) Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng

Đại hội họp từ ngày 15 đến ngày 18-12-1986 tại Hà Nội (Đại hội nội bộ từ ngày 05 đến ngày 14-12-1986). Dự Đại hội có 1.129 đại biểu thay mặt cho gần 1,9 triệu đảng viên cả nước và 32 đoàn đại biểu của các đảng và tổ chức quốc tế.

Đại hội VI của Đảng diễn ra trong bối cảnh sai lầm của đợt tổng cải cách giá - lương - tiền cuối năm 1985 làm cho kinh tế nước ta càng trở nên khó khăn (tháng 12-1986, giá bán lẻ hàng hoá tăng 845,3%). Chúng ta không thực hiện được mục tiêu đề ra là cơ bản ổn định tình hình kinh tế - xã hội, ổn định đời sống nhân dân. Số người bị thiếu đói tăng, bội chi lớn. Nền kinh tế nước ta lâm vào khủng hoảng trầm trọng. Tình hình này làm cho trong Đảng và ngoài xã hội có nhiều ý kiến tranh luận sôi nổi, xoay quanh thực trạng của ba vấn đề lớn: cơ cấu sản xuất; cải tạo xã hội chủ nghĩa; cơ chế quản lý kinh tế. Thực tế tình hình đặt ra một yêu cầu khách quan có tính sống còn đối với sự nghiệp cách mạng là phải xoay chuyển được tình thế, tạo ra sự chuyển biến có ý nghĩa quyết định trên con đường đi lên và như vậy phải đổi mới tư duy.

Với tinh thần nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật, Đại hội đã đánh giá đúng mức những thành tựu đạt được sau 10 năm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đi sâu phân tích những tồn tại và nghiêm khắc tự phê bình những sai lầm, khuyết điểm trong lãnh đạo và chỉ đạo của Đảng trong 10 năm (1976-1986).

Đại hội khẳng định quyết tâm đổi mới công tác lãnh đạo của Đảng theo tinh thần cách mạng và khoa học và đánh giá cao quá trình dân chủ hóa sinh hoạt chính trị của Đảng và nhân dân ta trong thời gian chuẩn bị và tiến hành Đại hội.

Đại hội đã đánh giá những thành tựu, những khó khăn của đất nước do cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội tạo ra, những sai lầm kéo dài của Đảng về chủ trương, chính sách lớn, về chỉ đạo chiến lược và tổ chức thực hiện khuynh hướng tư tưởng chủ yếu của những sai lầm đó, đặc biệt là sai lầm về kinh tế là bệnh chủ quan duy ý chí, lối suy nghĩ về hành động đơn giản, nóng vội chạy theo nguyện vọng chủ quan, là khuynh hướng buông lỏng trong quản lý kinh tế, xã hội, không chấp hành nghiêm chỉnh đường lối và nguyên tắc của Đảng đó là tư tưởng vừa tả khuynh vừa hữu khuynh. *Báo cáo chính trị* tổng kết thành bốn bài học kinh nghiệm lớn:

Một là, trong toàn bộ hoạt động của mình, Đảng phải quán triệt tư tưởng “lấy dân làm gốc”.

Hai là, Đảng phải luôn luôn xuất phát từ thực tế, tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan.

Ba là, phải biết kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới.

Bốn là, chăm lo xây dựng Đảng ngang tầm với một đảng cầm quyền lãnh đạo nhân dân tiến hành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Báo cáo xác định nhiệm vụ bao trùm, mục tiêu tổng quát trong những năm còn lại của chặng đường đầu tiên là ổn định mọi mặt tình hình kinh tế- xã hội, tiếp tục xây dựng những tiền đề cần thiết cho việc đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong chặng đường tiếp theo.

Mục tiêu cụ thể về kinh tế - xã hội cho những năm còn lại của chặng đường đầu tiên là:

- Sản xuất đủ tiêu dùng và có tích lũy.

- Bước đầu tạo ra một cơ cấu kinh tế hợp lý, trong đó đặc biệt chú trọng ba chương trình kinh tế lớn là lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, coi đó là sự cụ thể hóa nội dung công nghiệp hoá trong chặng đường đầu của thời kỳ quá độ. Làm cho thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa giữ vai trò chi phối, sử dụng mọi khả năng của các thành phần kinh tế khác trong sự liên kết chặt chẽ, dưới sự chỉ đạo của thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa. Tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa theo nguyên tắc phát triển sản xuất, nâng cao hiệu quả kinh tế và tăng thu nhập cho người lao động.

- Xây dựng và hoàn thiện một bước quan hệ sản xuất mới phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.

- Tạo ra chuyên môn về mặt xã hội, việc làm, công bằng xã hội, chống tiêu cực, mở rộng dân chủ, giữ kỷ cương phép nước.

- Bảo đảm nhu cầu củng cố quốc phòng và an ninh.

Đại hội đã nêu ra năm phương hướng cơ bản của chính sách kinh tế - xã hội và đề ra hệ thống các giải pháp để thực hiện mục tiêu: Bố trí lại cơ cấu sản xuất, điều chỉnh lớn cơ cấu đầu tư; xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, sử dụng và cải tạo đúng đắn các thành phần kinh tế. Coi nền kinh tế có nhiều thành phần là một đặc trưng của thời kỳ quá độ; đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, dứt khoát xoá bỏ cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp, chuyển sang cơ chế kế hoạch hoá theo phương thức hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa; phát huy động lực của khoa học - kỹ thuật; mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại.

Trong hệ thống các giải pháp, Đại hội nhấn mạnh phải tập trung sức lực vào việc thực hiện được ba chương trình, mục tiêu: 1. Lương thực - thực phẩm; 2. Hàng tiêu dùng; 3. Hàng xuất khẩu. Đây là sự cụ thể hoá nội dung chính của công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ.

Nhiệm vụ của chính sách đối ngoại nhằm góp phần giữ vững hòa bình ở Đông D-ương, Đông Nam á và thế giới, góp phần vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội, tăng cường tình hữu nghị và hợp tác toàn diện với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa; bình thường hoá quan hệ với Trung Quốc vì lợi ích của nhân dân hai nước, vì hòa bình ở Đông Nam á và trên thế giới.

Về huy động sức mạnh của quần chúng, Đại hội xác định phải phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, thực hiện khẩu hiệu "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra", tăng cường hiệu lực quản lý của Nhà nước là điều kiện tất yếu bảo đảm huy động lực lượng to lớn của quần chúng.

Để tăng cường sức chiến đấu và năng lực tổ chức thực hiện của Đảng, Đại hội nêu rõ Đảng phải đổi mới về nhiều mặt: đổi mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế; đổi mới tổ chức; đổi mới đội ngũ cán bộ; đổi mới phong cách lãnh đạo và công tác.

Đại hội đã thông qua bản Điều lệ Đảng (sửa đổi) và bầu Ban Chấp hành Trung ương khoá VI gồm 124 uỷ viên chính thức và 49 uỷ viên dự khuyết. Ban Chấp hành Trung ương Đảng bầu Bộ Chính trị gồm 13 uỷ viên chính thức, 01 uỷ viên dự khuyết. Ban Bí thư gồm 13 đồng chí. Nguyễn Văn Linh được bầu làm Tổng Bí thư của Đảng. Đại hội VI của Đảng là Đại hội kế thừa và quyết tâm đổi mới, đoàn kết để tiến lên.

Đại hội VI của Đảng có ý nghĩa lịch sử trọng đại, đánh dấu một bước ngoặt trong sự nghiệp quá độ lên chủ nghĩa xã hội và mở ra thời kỳ phát triển mới cho cách mạng Việt Nam. Đại hội VI đã tìm ra lối thoát cho cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội, thể hiện quan điểm đổi mới toàn diện đất nước, đặt nền tảng cho việc tìm ra con đường thích hợp đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Tuy nhiên, Đại hội VI còn có những hạn chế về những giải pháp tháo gỡ tình trạng rối ren trong phân phối, lưu thông.

b) Thực hiện kế hoạch nhà nước 5 năm (1986-1990)

Trên cơ sở đường lối đổi mới của Đại hội VI, căn cứ vào hoàn cảnh quốc tế và tình hình cụ thể của đất nước, Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng tiếp tục đề ra những chủ trương và biện pháp để thực hiện nhiệm vụ ổn định mọi mặt tình hình kinh tế - xã hội, tiếp tục xây dựng những tiền đề cần thiết cho việc đẩy mạnh công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa trong chặng đường tiếp theo.

Những biến động phức tạp diễn ra tại Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu gây ra nhiều bất lợi cho cách mạng Việt Nam. Công cuộc cải tổ ở Liên Xô không sửa chữa được những sai lầm trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội trước đây, trái lại, đất nước càng lún sâu vào khủng hoảng kinh tế, chính trị.

Khủng hoảng của chủ nghĩa xã hội ở các nước Đông Âu bắt đầu trầm trọng.

Cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội của nước ta vẫn diễn ra nghiêm trọng. Các năm 1987 - 1988, lương thực thiếu, nạn đói xảy ra ở nhiều tỉnh, lạm phát cao, đời sống nhân dân rất khó khăn. Các hiện tượng tiêu cực và tệ nạn xã hội tăng. Trên lĩnh vực tư tưởng chính trị đã xuất hiện sự dao động về con đường xã hội chủ nghĩa. Về mặt an ninh, quốc phòng, chủ quyền lãnh thổ trên tuyến biên giới phía Bắc và quần đảo Trường Sa của nước ta luôn luôn bị xâm phạm.

Các thế lực thù địch lấy cơ quân tình nguyện Việt Nam chưa rút hết khỏi Campuchia để tiếp tục cô lập Việt Nam. Mỹ vẫn cấm vận về kinh tế đối với nước ta. Quan hệ kinh tế giữa Liên Xô và các nước Đông Âu với nước ta bị thu hẹp.

Để thực hiện thắng lợi đường lối đổi mới, đưa đất nước ta thoát khỏi khủng hoảng

kinh tế - xã hội, điều kiện tiên quyết là giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, tạo môi trường quốc tế thuận lợi, phá thế bị bao vây, cấm vận, xây dựng Đảng ngang tầm yêu cầu và nhiệm vụ của công cuộc đổi mới.

Ngày 7-2-1987, Bộ Chính trị họp thảo luận về những biện pháp cấp bách nhằm giải quyết vấn đề giá - lương - tiền. Phân tích kỹ các nguyên nhân và bài học rút ra từ hai lần tổng điều chỉnh năm 1981.

Ngày 1-3-1987, Hội đồng Bộ trưởng đã ra quyết định giải thể các trạm kiểm soát hàng hóa trên các đường giao thông nhằm thúc đẩy lưu thông phân phối phát triển.

Vấn đề nóng bỏng và cấp bách là lưu thông và phân phối. Vì vậy, Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp tháng 4-1987 đã quyết định phương hướng giải quyết vấn đề là phải thực hiện mục tiêu bốn giảm: giảm tỷ lệ bội chi ngân sách; giảm nhịp độ tăng giá; giảm tốc độ lạm phát; giảm khó khăn về đời sống của nhân dân lao động.

Đây là lần đầu tiên Đảng ta ra một nghị quyết riêng về vấn đề phân phối lưu thông, nêu rõ từ quan điểm, chủ trương tới các biện pháp cụ thể nhằm xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp. Đó là sự chuyển hướng quan trọng trong nhận thức về tư duy kinh tế.

Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế là một bộ phận quan trọng trên lĩnh vực chỉ đạo kinh tế của Đảng. Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp tháng 8-1987 đã quyết định về: "*chuyển hoạt động của các đơn vị kinh tế cơ sở quốc doanh sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, đổi mới quản lý nhà nước về kinh tế*". Mục đích của đổi mới cơ chế quản lý kinh tế là phải tạo ra động lực mạnh mẽ để giải phóng mọi năng lực sản xuất, thúc đẩy tiến bộ khoa học - kỹ thuật, phát triển kinh tế hàng hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa với năng suất, chất lượng, hiệu quả ngày càng nâng cao, trước mắt phục vụ ba chương trình kinh tế lớn, từng bước thực hiện "bốn giảm", thiết lập trật tự kỷ cương trong mọi hoạt động kinh tế-xã hội.

Tiếp đến tháng 12-1987, Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã quyết định về phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong ba năm này là phần đầu việc ổn định một bước quan trọng tình hình kinh tế - xã hội. Điều quyết định là phát triển mạnh mẽ sản xuất hàng hóa, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả, trước hết là tập trung thực hiện ba chương trình kinh tế lớn, đặc biệt là chương trình lương thực - thực phẩm.

Ngày 5-4-1988, Bộ Chính trị ra Nghị quyết 10/NQ *Về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp*. Nghị quyết đề ra cơ chế khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm hộ và hộ xã viên. Bảo đảm cho các hộ xã viên thu nhập từ 40% sản lượng khoán trở lên. Đảm bảo cho người nhận khoán được canh tác trên diện tích theo quy mô thích hợp và ổn định trong 15 năm. Nhà nước công nhận sự tồn tại lâu dài của các thành phần kinh tế cá thể, bình đẳng về quyền lợi, nghĩa vụ trước pháp luật.

Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị *Về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp* đánh dấu sự phát triển của Đảng trong quá trình tìm tòi phương thức quản lý mới nền nông nghiệp

nước ta.

Ngày 12-9-1987, Bộ Chính trị đã ra Nghị quyết *Về cuộc vận động làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức Đảng và bộ máy nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội.*

Tháng 6-1988, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra Nghị quyết *Về một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng.* Công tác xây dựng Đảng theo phương hướng do Đại hội VI nêu ra là phải đổi mới tư duy, đổi mới tổ chức, đổi mới đội ngũ cán bộ, đổi mới phong cách lãnh đạo, nâng cao giác ngộ, bồi dưỡng lý tưởng, kiến thức và năng lực lãnh đạo, mở rộng dân chủ, đi đôi với tăng cường kỷ luật trong Đảng.

Qua hai năm thực hiện công cuộc đổi mới đã đem lại những kết quả bước đầu, song chưa đồng bộ và cơ bản. Đất nước vẫn nằm trong tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội. Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng (tháng 3-1989) được triệu tập để đánh giá tình hình và đề ra những chủ trương cụ thể để chỉ đạo công cuộc đổi mới vào chiều sâu và nêu ra các nguyên tắc cơ bản phải được toàn Đảng, toàn dân trong quá trình tiếp tục công cuộc đổi mới.

Hội nghị đã quyết định 12 chủ trương, chính sách lớn đẩy mạnh công cuộc đổi mới và đề ra những nguyên tắc cơ bản chỉ đạo công cuộc đổi mới như sau:

Một là, đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu xã hội chủ nghĩa, mà làm cho mục tiêu đó được thực hiện tốt hơn bằng quan niệm đúng đắn, hình thức, biện pháp và bước đi thích hợp.

Hai là, đổi mới không phải xa rời chủ nghĩa Mác - Lênin, mà là vận dụng sáng tạo học thuyết Mác - Lênin và khắc phục những quan niệm không đúng về học thuyết đó.

Ba là, đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị phải nhằm tăng cường, chứ không phải là làm yếu sức mạnh và hiệu lực của chuyên chính vô sản.

Bốn là, xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự nghiệp xây dựng xã hội chủ nghĩa. Song dân chủ phải có lãnh đạo, lãnh đạo phải trên cơ sở dân chủ; dân chủ với nhân dân, nhưng phải chuyên chính với kẻ địch.

Năm là, kết hợp chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

Công cuộc đổi mới ở nước ta tuy đạt được những kết quả bước đầu, song đất nước vẫn chưa ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội. Trên thế giới đang có những diễn biến phức tạp. Năm 1989, tại nhiều nước xã hội chủ nghĩa đã diễn ra những biến động chính trị lớn và khủng hoảng nghiêm trọng. ở nhiều nước, Đảng Cộng sản mất quyền lãnh đạo. Tháng 4-1989, tại Trung Quốc diễn ra sự kiện Thiên An Môn. Những biến động chính trị trên đã tác động trực tiếp đến tư tưởng của đảng viên và quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu tới công cuộc đổi mới của Đảng ta. Để giữ vững ổn định chính trị, tháng 8-1989 Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương ra Nghị quyết về *Một số vấn*

đề cấp bách về công tác tư tưởng trước tình hình trong nước và quốc tế hiện nay.

Nghị quyết Hội nghị nêu rõ: Công tác tư tưởng phải được tiến hành toàn diện, tập trung vào các nhiệm vụ và nội dung quan trọng :

Một là, khẳng định tính tất yếu lịch sử của chủ nghĩa xã hội và những thành tựu vĩ đại của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới.

Hai là, khẳng định tính khách quan và phương hướng xã hội chủ nghĩa của quá trình cải tổ, cải cách, đổi mới.

Ba là, nhận rõ bản chất và con đường diệt vong tất yếu của chủ nghĩa tư bản, nâng cao cảnh giác cách mạng, đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động quốc tế.

Bốn là, giáo dục trong Đảng và trong nhân dân kiên trì mục tiêu, lý tưởng xã hội chủ nghĩa, trên cơ sở quán triệt năm nguyên tắc và những chính sách đổi mới của Đảng.

Năm là, nâng cao phẩm chất, đạo đức cách mạng xã hội chủ nghĩa, tăng cường sự đoàn kết thống nhất trong Đảng, sự thống nhất ý chí và hành động trong xã hội, đấu tranh chống những biểu hiện tiêu cực.

Trên cơ sở bám sát tình hình quốc tế và trong nước, Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng (tháng 3-1990) thông qua Nghị quyết về tình hình các nước xã hội chủ nghĩa, sự phá hoại của chủ nghĩa đế quốc và nhiệm vụ cấp bách của Đảng ta (*Nghị quyết 8A*).

Hội nghị cũng đã thảo luận và thông qua Nghị quyết *Về tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và dân, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, đẩy mạnh công cuộc đổi mới* (*Nghị quyết 8B*) khẳng định: Tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân là nhân tố bảo đảm cho sự nghiệp đổi mới phát triển và ngăn chặn kẻ thù phá hoại sự nghiệp cách mạng.

Đến năm 1990, tình hình kinh tế - xã hội của ta đã có một số chuyển biến tốt nhưng vẫn còn yếu kém. Bối cảnh quốc tế đang diễn biến phức tạp. Hội nghị lần thứ chín (tháng 8-1991) của Ban Chấp hành Trung ương đã bàn một số vấn đề kinh tế - xã hội cấp bách, với tư tưởng chỉ đạo là kiên quyết thực hiện đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, nêu cao tinh thần độc lập tự chủ, tự cường đi đôi mở rộng quan hệ quốc tế, xây dựng ý chí làm cho dân giàu, nước mạnh, chủ động có những phương án khác nhau để thích ứng với tình hình mới, nêu cao ý thức tiết kiệm xây dựng đất nước và ý thức tổ chức kỷ luật, giữ vững kỷ cương, tôn trọng luật pháp trong hoạt động kinh tế - xã hội. Tháng 11-1990, Hội nghị lần thứ mười họp thông qua Nghị quyết *Về phương hướng chỉ đạo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 1991*. Mục tiêu của kế hoạch năm 1991 nhằm phấn đấu vượt qua những khó khăn mới về kinh tế - xã hội, giữ vững và ổn định về chính trị, tạo thế đi lên cho những năm sau, phải tập trung thực hiện ba chương trình kinh tế lớn.

Thực hiện quyết định của Đại hội lần thứ VI, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã dự thảo *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Chiến*

lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000 và các văn kiện khác để trình Đại hội lần thứ VII của Đảng. Dự thảo Cương lĩnh và các văn kiện đó đã được các cấp bộ Đảng và nhân dân sôi nổi thảo luận và đóng góp nhiều ý kiến để Ban Chấp hành Trung ương Đảng hoàn chỉnh trước khi trình trước Đại hội VII của Đảng sẽ họp vào năm 1991.

Từ tháng 12-1986 đến tháng 6-1991, sau hơn bốn năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, chúng ta đã đạt được những thành tựu bước đầu rất quan trọng. Đó là:

- Tình hình chính trị của đất nước ổn định. Nền kinh tế có những chuyển biến tích cực: đã đạt được những tiến bộ rõ rệt trong việc thực hiện các mục tiêu của ba chương trình kinh tế, bước đầu hình thành nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước, nguồn lực sản xuất của xã hội được huy động tốt hơn, tốc độ lạm phát được kiềm chế bớt, đời sống vật chất và tinh thần của một bộ phận nhân dân có phần được cải thiện.

- Sinh hoạt dân chủ trong xã hội ngày càng được phát huy.

- Quốc phòng được giữ vững, an ninh quốc gia được bảo đảm. Từng bước phá thế bị bao vây về kinh tế và chính trị, mở rộng quan hệ quốc tế, tạo ra môi trường thuận lợi hơn cho công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước.

Những điểm nêu trên chứng tỏ đường lối đổi mới của Đại hội VI đề ra là đúng, bước đi của công cuộc đổi mới về cơ bản là phù hợp. Đó là cơ sở quan trọng để chúng ta tiếp tục tiến lên trong những năm tiếp theo.

Bên cạnh thành tựu bước đầu đã đạt được, đất nước còn nhiều yếu kém và khó khăn chưa vượt ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, nhiều vấn đề kinh tế - xã hội nóng bỏng vẫn chưa được giải quyết, công cuộc đổi mới còn nhiều hạn chế.

2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng (tháng 6-1991) và thực hiện kế hoạch nhà nước 5 năm (1991-1996)

a) Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng

Đại hội họp từ ngày 24 đến ngày 27-6-1991 tại Hà Nội. (Đại hội họp nội bộ từ ngày 22 đến ngày 17-6-1991). Dự Đại hội có 1.176 đại biểu thay mặt cho trên hai triệu đảng viên cả nước. Các đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Liên Xô, Đảng Nhân dân cách mạng Lào, Đảng Nhân dân cách mạng Campuchia, Đảng Cộng sản Cuba và nhiều khách quốc tế đã đến tham dự.

Đại hội VII họp trong bối cảnh trên phạm vi thế giới đang diễn ra cuộc tấn công quyết liệt của các thế lực đế quốc và phản động vào các lực lượng hoà bình, độc lập dân tộc, chủ nghĩa xã hội, nhằm tiến tới xoá bỏ chủ nghĩa xã hội bằng mọi thủ đoạn thâm độc. Cuộc khủng hoảng toàn diện trong hệ thống xã hội chủ nghĩa Đông Âu dẫn đến sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở nhiều nước (1989-1990). Chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô đang đứng trước những thử thách nghiêm trọng. So sánh lực lượng diễn ra

bất lợi cho cách mạng thế giới. ở trong nước, sau 4 năm thực hiện đường lối đổi mới, tình hình kinh tế - xã hội có những biến chuyển đáng kể, song vẫn chưa thoát khỏi được khủng hoảng. Bối cảnh trên đây đặt ra cho Đại hội lần này một nhiệm vụ hết sức nặng nề: phải định hướng đúng đắn, vạch ra đường lối để đưa đất nước thoát khỏi khó khăn, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc.

Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Nguyễn Văn Linh đọc *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương về các văn kiện Đại hội VII. Đại hội đã thông qua Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000, Báo cáo chính trị, Báo cáo xây dựng Đảng và sửa đổi Điều lệ Đảng, kiểm điểm sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương khoá VI.*

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội được Đại hội thông qua đã trình bày: Đánh giá tổng quát quá trình cách mạng Việt Nam và nêu lên năm bài học kinh nghiệm lớn; quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta; những định hướng lớn về chính sách kinh tế, xã hội, quốc phòng - an ninh, đối ngoại; hệ thống chính trị và vai trò lãnh đạo của Đảng.

Cương lĩnh đã trình bày quan niệm của Đảng Cộng sản Việt Nam về chủ nghĩa xã hội mà nhân dân ta xây dựng và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ; những đặc trưng cơ bản của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội:

- Do nhân dân lao động làm chủ.
- Có một nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu.
- Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.
- Con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân.
- Các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ.
- Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới.

Cương lĩnh vạch ra 7 phương hướng cơ bản chỉ đạo quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc:

1. Xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa, Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.
2. Phát triển lực lượng sản xuất, công nghiệp hoá đất nước theo hướng hiện đại; phát triển một nền nông nghiệp toàn diện.
3. Thiết lập quan hệ sản xuất từ thấp đến cao, đa dạng về hình thức sở hữu và phù hợp với sự phát triển của lực lượng sản xuất.

4. Tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng và văn hoá.

5. Thực hiện chính sách đại đoàn kết các dân tộc.

6. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc là hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam.

7. Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

Mục tiêu tổng quát phải đạt tới khi kết thúc thời kỳ quá độ là xây dựng xong về cơ bản những cơ sở kinh tế của chủ nghĩa xã hội, với kiến trúc thượng tầng về chính trị và tư tưởng, văn hóa phù hợp, làm cho nước ta trở thành một nước xã hội chủ nghĩa phồn vinh.

Quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là một quá trình lâu dài, trải qua nhiều chặng đường. Mục tiêu của chặng đường đầu là: thông qua đổi mới toàn diện, xã hội đạt tới trạng thái ổn định vững chắc, tạo thế phát triển nhanh ở chặng sau.

Cương lĩnh đã nêu những định hướng lớn về chính sách kinh tế, xã hội, quốc phòng - an ninh, đối ngoại.

Về hệ thống chính trị và vai trò lãnh đạo của Đảng, *Cương lĩnh* nêu rõ:

- Toàn bộ tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị nước Việt Nam trong giai đoạn mới là nhằm xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân. Dân chủ gắn liền với công bằng xã hội phải được thực hiện trong thực tế cuộc sống trên tất cả các lĩnh vực thông qua hoạt động của Nhà nước do nhân dân cử ra và bằng các hình thức dân chủ trực tiếp. Dân chủ đi đôi với kỷ luật, kỷ cương, phải được thể chế hóa bằng pháp luật và được pháp luật bảo đảm. Nhà nước định ra các đạo luật nhằm xác định các quyền công dân và quyền con người, quyền đi đôi với nghĩa vụ và trách nhiệm.

- Trong hệ thống chính trị, Đảng Cộng sản Việt Nam là một bộ phận và là tổ chức lãnh đạo hệ thống đó. Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc. Đảng lấy chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản. Đảng lãnh đạo xã hội bằng cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương công tác; bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động, tổ chức kiểm tra và bằng hành động gương mẫu của đảng viên, v.v... Đảng liên hệ mật thiết với nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân, hoạt động trong khuôn khổ hiến pháp và pháp luật.

Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000 ghi rõ mục tiêu phát triển là phát triển kinh tế - xã hội theo con đường củng cố độc lập dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta là quá trình thực hiện dân giàu, nước mạnh, tiến lên hiện đại trong một xã hội nhân dân làm chủ, nhân ái, có văn hóa, có kỷ cương, xóa bỏ áp bức, bất công, tạo điều kiện cho mọi người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc.

Mục tiêu tổng quát của chiến lược đến năm 2000 là ra khỏi khủng hoảng, ổn định

tình hình kinh tế - xã hội, phấn đấu vượt qua tình trạng nước nghèo và kém phát triển, cải thiện đời sống của nhân dân, củng cố quốc phòng và an ninh, tạo điều kiện cho đất nước phát triển nhanh hơn vào đầu thế kỷ XXI.

Về cơ cấu kinh tế, cơ chế quản lý và các chính sách lớn của Đảng cũng đã được ghi rõ trong *Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000*.

Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương trình Đại hội đã khẳng định công cuộc đổi mới đã đạt được những thành tựu bước đầu quan trọng, song còn nhiều khó khăn, yếu kém, đất nước vẫn chưa ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, nhiều vấn đề kinh tế - xã hội nóng bỏng chưa được giải quyết và nêu ra năm bài học bước đầu về đổi mới.

Báo cáo chính trị nêu những phương hướng, nhiệm vụ chủ yếu của 5 năm (1991-1995) với mục tiêu tổng quát là vượt khó khăn, thử thách, ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường ổn định chính trị, đẩy lùi tiêu cực và bất công xã hội, đưa nước ta cơ bản ra khỏi tình trạng khủng hoảng hiện nay. Những mục tiêu cụ thể cần đạt được trong những năm 1991 - 1995 là tiếp tục kiềm chế và đẩy lùi lạm phát, giữ vững và phát triển sản xuất, bắt đầu có tích lũy từ nền kinh tế quốc dân; tạo thêm nhiều việc làm cho người lao động, giảm mạnh nhịp độ tăng dân số, ổn định và từng bước cải thiện đời sống của nhân dân; tiếp tục phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, đổi mới hoạt động của Nhà nước; bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội, bảo vệ thành quả cách mạng.

Báo cáo về xây dựng Đảng xác định nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn Đảng là: Phát huy truyền thống cách mạng, tăng cường bản chất giai cấp công nhân và tính tiên phong của Đảng; xây dựng Đảng thật sự vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, gắn liền với đổi mới cơ chế quản lý kinh tế - xã hội, cải cách bộ máy nhà nước, đổi mới công tác quần chúng, bảo đảm cho Đảng làm tròn nhiệm vụ lãnh đạo sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Đại hội thông qua Điều lệ Đảng (sửa đổi), trong đó: khẳng định cùng với chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng.

Đại hội đã bầu 146 đồng chí vào Ban Chấp hành Trung ương khoá VII, Bộ Chính trị gồm 13 đồng chí, Ban Bí thư gồm 9 đồng chí. Đỗ Mười được bầu làm Tổng Bí thư. Nguyễn Văn Linh, Phạm Văn Đồng, Võ Chí Công được giao trọng trách là Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương.

Đại hội VII của Đảng là "Đại hội của trí tuệ - đổi mới, dân chủ - kỷ cương - đoàn kết". Đại hội đã hoạch định con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội phù hợp với đặc điểm của Việt Nam và những giải pháp đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội. Đại hội đã củng cố thêm niềm tin tưởng của nhân dân đối với công cuộc đổi mới.

b) Thực hiện kế hoạch nhà nước 5 năm (1991-1996)

Từ sau Đại hội VII, tình hình thế giới tiếp tục diễn biến nhanh chóng và phức tạp.

Đảng Cộng sản Liên Xô bị giải tán (ngày 25-8-1991), chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô sụp đổ (tháng 8-1991). Chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch âm mưu xóa bỏ các nước xã hội chủ nghĩa còn lại. Sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta đứng trước thử thách hết sức nghiêm trọng. Song, Đảng ta và nhân dân ta vẫn giữ vững bản lĩnh chính trị, kiên trì xây dựng đất nước theo đường lối đổi mới. Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã cụ thể hóa và phát triển đường lối của Đại hội VII, giải quyết một loạt vấn đề quan trọng về đối nội và đối ngoại trước những diễn biến mới của tình hình thế giới và trong nước.

Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp từ ngày 25-11 đến ngày 4-12-1991 đã bàn về vấn đề ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, xác định quan điểm, chủ trương thực hiện Nghị quyết Đại hội VII và việc sửa đổi Hiến pháp.

Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp từ ngày 18 đến ngày 29-6-1992 đã nghiên cứu và quyết định ba vấn đề quan trọng về: tình hình thế giới và chính sách đối ngoại; củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia; đổi mới và chỉnh đốn Đảng.

Công tác đối ngoại giữ vị trí quan trọng trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Đảng chủ trương "mở rộng, đa dạng hoá và đa phương hoá quan hệ đối ngoại cả về chính trị, kinh tế, văn hóa và khoa học - kỹ thuật, cả về Đảng, Nhà nước và các đoàn thể nhân dân, các tổ chức phi chính phủ, trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng cùng có lợi, bảo vệ và phát triển kinh tế, giữ gìn và phát huy những truyền thống và bản sắc tốt đẹp của nền văn hóa dân tộc"¹.

Củng cố quốc phòng và giữ vững an ninh quốc gia là nhiệm vụ chung của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, trong đó Quân đội nhân dân và Công an nhân dân là lực lượng nòng cốt.

Đổi mới và chỉnh đốn Đảng là một nhiệm vụ đặc biệt quan trọng và cấp bách, có ý nghĩa quyết định đối với toàn bộ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước, đối với vận mệnh của chế độ và của Đảng.

Mục tiêu đổi mới và chỉnh đốn Đảng là nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng phù hợp với yêu cầu của cách mạng nước ta trong tình hình mới.

Trong công cuộc đổi mới, về mặt kinh tế, nông nghiệp là khâu đột phá hàng đầu. Để tiếp tục đẩy mạnh đổi mới về nông nghiệp và nông thôn, Hội nghị lần thứ năm của Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp từ ngày 3 đến ngày 10-6-1993 nghiên cứu sâu hơn về thực trạng nông nghiệp và nông thôn, đã quyết định những chủ trương để đưa nông nghiệp và nông thôn tiến nhanh và vững chắc hơn. Nghị quyết *Tiếp tục đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội nông thôn* của Hội nghị đã xác định ba mục tiêu, bốn quan điểm cùng các phương hướng và giải pháp cụ thể nhằm tạo ra

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng* (khoá VII), Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1992, tr. 6.

bước chuyển biến mới trong sự nghiệp phát triển nông nghiệp và kinh tế - xã hội nông thôn.

Từ sau Đại hội VII, mặc dù tình hình thế giới, đặc biệt là hệ thống xã hội chủ nghĩa đã có những diễn biến phức tạp, song Đảng và nhân dân Việt Nam vẫn kiên trì con đường đổi mới, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững ổn định chính trị, củng cố an ninh quốc phòng, đa dạng quan hệ đối ngoại, từng bước phá thế bao vây, cấm vận. Song, chúng ta còn nhiều mặt yếu kém và nhiều vấn đề mới nảy sinh. Thực hiện Điều lệ mới của Đảng, Ban Chấp hành Trung ương đã chuẩn bị triệu tập Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ của Đảng.

Từ ngày 20 đến ngày 25-1-1994 tại Hà Nội, 647 đại biểu đã dự *Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ* của Đảng. Hội nghị khẳng định: Đổi mới là sự nghiệp khó khăn, song chúng ta đã mạnh dạn tìm tòi, dũng cảm tiến hành và giành thắng lợi quan trọng. Trước mắt, nhân dân ta đang đứng trước những thách thức lớn và những cơ hội lớn.

Những thách thức đó là: nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới; nguy cơ chệch hướng xã hội chủ nghĩa; nguy cơ về nạn tham nhũng và tệ quan liêu; nguy cơ "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch.

Những thuận lợi cơ bản, thời cơ lớn là: Đảng có đường lối đúng đắn; nhân dân ta cần cù, thông minh, yêu nước, có bản lĩnh và ý chí kiên cường, tin tưởng sự lãnh đạo của Đảng; các lực lượng vũ trang trung thành với sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta; những thành tựu đổi mới đang tạo ra thế và lực mới của cách mạng khoa học kỹ thuật và xu thế mở rộng quan hệ hợp tác trên thế giới và khu vực đem lại cho chúng ta khả năng thêm nguồn lực quan trọng.

Hội nghị nêu rõ trong những năm còn lại của nhiệm kỳ Đại hội VII phải thúc đẩy nhanh hơn nhịp độ thực hiện những mục tiêu của chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000, phấn đấu vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh và đề ra những nhiệm vụ chủ yếu để thực hiện thắng lợi mục tiêu chiến lược đó.

Về nhân sự, Hội nghị đã bầu bổ sung vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng 20 ủy viên mới để thay thế cho các ủy viên vì lý do sức khỏe đã rút lui và hoặc bị kỷ luật.

Để triển khai Nghị quyết Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ, Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã họp từ ngày 25 đến ngày 30-7-1994 bàn định về chủ trương, chính sách phát triển công nghiệp, công nghệ và xây dựng giai cấp công nhân, nhằm đẩy tới một bước công nghiệp hóa, hiện đại hoá đất nước.

Yêu cầu của đất nước trong thời kỳ phát triển mới đòi hỏi phải ra sức xây dựng, kiện toàn bộ máy nhà nước vững mạnh, trong sạch, có hiệu lực và có hiệu quả. Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp từ ngày 16 đến ngày 23-1-1995 đã bàn thảo và ra nghị quyết về việc tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, cải cách một bước nền hành chính nhà nước. Kiện toàn Nhà nước là một quá trình tương đối lâu dài phải được tiến hành với những bước đi tích cực, vững chắc, đặt trong tổng thể đổi mới hệ thống chính trị, gắn chặt với đổi mới và chỉnh

đón Đảng.

Kể từ tháng 6-1991 đến nửa năm đầu năm 1995, toàn Đảng, toàn dân ta dưới sự lãnh đạo và tổ chức của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, chúng ta đã vượt qua những khó khăn, thách thức vô cùng gay gắt, giành được nhiều thắng lợi mới to lớn. Đó là:

- Đẩy nhanh nhịp độ phát triển kinh tế, hoàn thành vượt mức nhiều mục tiêu chủ yếu của kế hoạch năm năm.

- Tạo được một số chuyển biến tích cực về mặt xã hội. Giữ vững ổn định chính trị, củng cố quốc phòng, an ninh. Thực hiện có kết quả một số đổi mới quan trọng về hệ thống chính trị.

- Phát triển mạnh mẽ quan hệ đối ngoại, phá thế bị bao vây cấm vận, tham gia tích cực vào đời sống cộng đồng quốc tế.

Bên cạnh đó chúng ta còn những khuyết điểm và yếu kém. Nước ta còn nghèo và kém phát triển, nhưng chưa thực hiện tốt việc cần kiệm trong sản xuất, tiết kiệm trong tiêu dùng để dồn vốn đầu tư phát triển; tình hình xã hội còn nhiều tiêu cực và nhiều vấn đề phải giải quyết; việc lãnh đạo xây dựng quan hệ sản xuất mới vừa có phần lúng túng, vừa buông lỏng; quản lý nhà nước về kinh tế, xã hội còn yếu; hệ thống chính trị còn nhiều nhược điểm, chưa nâng lên kịp đòi hỏi của tình hình. Tuy vậy, về cơ bản nhiệm vụ do Đại hội VII đề ra cho năm năm 1991-1995 đã được hoàn thành. Nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, nhưng một số mặt còn chưa vững chắc.

Từ thực tiễn của sự nghiệp đổi mới 10 năm đã qua cho thấy con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng được xác định rõ hơn.

3. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng và thực hiện kế hoạch nhà nước 5 năm (1996-2000)

a) Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng

Đại hội lần thứ VIII của Đảng đã họp từ ngày 28-6 đến ngày 1-7-1996 tại Hà Nội (trong đó từ ngày 22-6 đến ngày 26-6 Đại hội nội bộ). Dự Đại hội có 1.198 đại biểu thay mặt cho 2.130.000 đảng viên trong cả nước và còn có 41 đoàn đại biểu quốc tế.

Đại hội VIII diễn ra trong bối cảnh Liên Xô tan rã và chủ nghĩa xã hội đi vào thoái trào. Cách mạng khoa học và công nghệ phát triển với trình độ ngày càng cao. Nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội.

Đại hội đã thảo luận và thông qua các văn kiện: *Báo cáo chính trị; Phương hướng nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (1996-2000); Điều lệ Đảng (bổ sung, sửa đổi)*. Đại hội đã kiểm điểm, đánh giá kết quả 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VII và đánh giá tổng quát trong 10 năm đổi mới:

- Công cuộc đổi mới trong 10 năm (1986-1996) thu được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa rất quan trọng. Nhiệm vụ do Đại hội VII đề ra cho 5 năm (1991-1995) đã hoàn thành về cơ bản.

- Nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, nhưng một số mặt còn chưa vững chắc.

- Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ngày càng được xác định rõ hơn.

- Nhiệm vụ đề ra cho chặng đường đầu của thời kỳ quá độ là chuẩn bị tiền đề cho công nghiệp hoá đã cơ bản hoàn thành, cho phép chuyển sang thời kỳ mới đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

- Xét trên tổng thể, việc hoạch định và thực hiện đường lối đổi mới những năm qua về cơ bản là đúng đắn, đúng định hướng xã hội chủ nghĩa, tuy trong quá trình thực hiện có một số khuyết điểm, lệch lạc và kéo dài, dẫn đến chệch hướng ở lĩnh vực này, hay lĩnh vực khác, ở mức độ này, hay mức độ khác.

- Giữ vững mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, nắm vững hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, kiên trì chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, đồng thời từng bước đổi mới chính trị.

- Xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, đi đôi với tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Tăng trưởng kinh tế gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường sinh thái.

- Mở rộng và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy sức mạnh của cả dân tộc.

- Mở rộng hợp tác quốc tế, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ của nhân dân thế giới, kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại.

- Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, coi xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt.

Xuất phát từ đặc điểm tình hình thế giới và trong nước, căn cứ vào cương lĩnh của Đảng, Đại hội quyết định cần tiếp tục nắm vững hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đến năm 2020, ra sức phấn đấu đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp.

Đại hội xác định mục tiêu, từ nay đến năm 2020 ra sức phấn đấu đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp với:

Lực lượng sản xuất sẽ đạt trình độ tương đối hiện đại, phần lớn lao động thủ công đã được thay thế bằng lao động sử dụng máy móc, điện khí hoá cơ bản được thực hiện trong cả nước, năng suất lao động xã hội và hiệu quả sản xuất kinh doanh cao hơn nhiều so với hiện nay. GDP tăng từ 8-10 lần so với năm 1990.

Về quan hệ sản xuất: chế độ sở hữu, cơ chế quản lý và chế độ phân phối gắn kết với nhau, phát huy được các nguồn lực, tạo ra động lực mạnh mẽ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, thực hiện công bằng xã hội.

Về đời sống vật chất và văn hoá: nhân dân có cuộc sống no đủ, có mức hưởng thụ văn hoá khá, có điều kiện về học hành, chữa bệnh. Quan hệ xã hội lành mạnh, lối sống văn minh.

Đại hội cũng nêu rõ quan điểm chỉ đạo công nghiệp hoá, hiện đại hoá:

- Giữ vững độc lập, tự chủ, đi đôi với mở rộng quan hệ quốc tế, đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ đối ngoại. Dựa vào nguồn lực trong nước chính là đi đôi với tranh thủ tối đa nguồn lực bên ngoài. Xây dựng nền kinh tế mở, hội nhập với khu vực và thế giới, hướng mạnh về xuất khẩu, đồng thời thay thế nhập khẩu bằng những sản phẩm trong nước sản xuất có hiệu quả.

- Công nghiệp hoá, hiện đại hoá là sự nghiệp của toàn dân, của mọi thành phần kinh tế, trong đó kinh tế Nhà nước giữ vai trò chủ đạo.

- Lấy việc phát huy nguồn lực con người là yếu tố cơ bản cho sự phát triển nhanh và bền vững. Động viên toàn dân cần kiệm xây dựng đất nước, không ngừng tăng tích lũy cho đầu tư phát triển. Tăng trưởng kinh tế gắn liền với cải thiện đời sống nhân dân, phát triển văn hoá, giáo dục, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường.

- Khoa học và công nghệ là động lực của công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Kết hợp công nghệ truyền thống với công nghệ hiện đại, tranh thủ đi nhanh vào hiện đại ở những khâu quyết định.

- Lấy hiệu quả kinh tế làm chuẩn cơ bản để xác định phương án phát triển, lựa chọn dự án đầu tư và công nghệ. Đầu tư chiều sâu để khai thác tối đa năng lực sản xuất hiện có. Trong phát triển mới, ưu tiên quy mô vừa và nhỏ, công nghệ tiên tiến, tạo thêm nhiều việc làm, thu hồi vốn nhanh; đồng thời xây dựng một số công trình quy mô lớn thật cần thiết và có hiệu quả. Tạo ra những mũi nhọn trong từng bước phát triển. Tập trung thích đáng nguồn lực cho các lĩnh vực, các địa bàn trọng điểm; đồng thời, quan tâm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của mọi vùng trong nước, có chính sách hỗ trợ cho những vùng khó khăn, tạo điều kiện cho các vùng đều phát triển.

- Kết hợp kinh tế với quốc phòng và an ninh.

Từ mục tiêu chung, Đại hội thông qua định hướng phát triển các lĩnh vực chủ yếu, phương hướng, nhiệm vụ, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 1996 - 2000 với 11 chương trình và lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội lớn, với chỉ tiêu đến năm 2000 tăng gấp đôi tổng sản phẩm trong bình quân đầu người so với năm 1990.

Để bảo đảm thực hiện mục tiêu, Đại hội VIII đề ra những định hướng phát triển các lĩnh vực chủ yếu:

- Tiếp tục phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Nắm vững chính sách đối với các thành phần kinh tế.

- Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý kinh tế.

- Phát triển khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo.

- Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.
- Giải quyết một số vấn đề xã hội.
- Thực hiện đại đoàn kết dân tộc, nâng cao vai trò làm chủ của nhân dân, xây dựng cơ chế cụ thể, thực hiện "*dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra*".
- Tăng cường quốc phòng và an ninh. Thực hiện đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ đối ngoại.
- Tiếp tục cải cách bộ máy nhà nước, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đẩy mạnh đấu tranh chống tham nhũng.

Đại hội thông qua Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam đã được bổ sung, sửa đổi.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII gồm 170 uỷ viên, Bộ Chính trị gồm 19 uỷ viên, Đỗ Mười được bầu lại là Tổng Bí thư Đảng. Ban Chấp hành Trung ương tôn vinh Nguyễn Văn Linh, Phạm Văn Đồng, Võ Chí Công tiếp tục làm Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Đại hội VIII đánh dấu bước ngoặt chuyển đất nước ta sang thời kỳ mới - thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng nước Việt Nam độc lập, dân chủ, giàu mạnh, xã hội công bằng, văn minh theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vì hạnh phúc của nhân dân ta, vì tình hữu nghị và sự hợp tác với nhân dân các nước trên thế giới. Đại hội có ý nghĩa quyết định đối với vận mệnh dân tộc và tương lai của đất nước vào lúc chúng ta sắp bước vào thế kỷ XXI.

b) Thực hiện kế hoạch nhà nước 5 năm (1996 - 2000)

Sau Đại hội VIII là thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước để phấn đấu đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp. Để thực hiện nhiệm vụ hàng đầu đó, Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII) (tháng 12-1996) đã thông qua hai Nghị quyết quan trọng.

Một là, Nghị quyết Về định hướng chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nhiệm vụ đến năm 2000. Hội nghị nêu rõ thực trạng giáo dục - đào tạo ở nước ta trong thời gian qua và kết luận: Sự nghiệp giáo dục - đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa phải được phát triển theo những tư tưởng chỉ đạo là: Thực sự coi giáo dục - đào tạo là quốc sách hàng đầu.

Hai là, Nghị quyết Về định hướng chiến lược phát triển khoa học và công nghệ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nhiệm vụ đến năm 2000, nêu ra định hướng chiến lược phát triển khoa học và công nghệ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa; mục tiêu, nhiệm vụ phát triển khoa học và công nghệ đến năm 2000; những giải pháp chủ yếu và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với khoa học và công nghệ.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, bảo đảm cho các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, khoa học và công nghệ nước ta thật sự là "quốc sách hàng đầu", thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển mạnh mẽ, vững chắc theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Tiếp đến tháng 6-1997, Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã thông qua hai Nghị quyết quan trọng. Nghị quyết về *Phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tiếp tục xây dựng Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh* nhấn mạnh một số chủ trương nhiệm vụ phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Nghị quyết đã vạch ra chủ trương mở rộng dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong xây dựng và quản lý nhà nước; nâng cao chất lượng hoạt động và kiện toàn tổ chức Quốc hội; tiếp tục cải cách nền hành chính nhà nước; cải cách tư pháp; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và các biện pháp tổ chức thực hiện.

Nghị quyết *Về chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước* đã khẳng định cán bộ là nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng, gắn liền với vận mệnh của Đảng, của đất nước và chế độ, là khâu then chốt trong công tác xây dựng Đảng.

Từ tháng 7-1997, cuộc khủng hoảng tài chính, tiền tệ xảy ra ở các nước trong khu vực Đông Nam á và châu á và có tác động xấu đến nền kinh tế nước ta. Đảng và Nhà nước ta đã đề ra những chủ trương, chính sách cụ thể để khắc phục ảnh hưởng tiêu cực của cuộc khủng hoảng trong khu vực, ngăn chặn sự suy giảm của nền kinh tế.

Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (tháng 12-1997) đã tập trung trí tuệ bàn về các nhiệm vụ kinh tế và một số vấn đề xã hội liên quan, để tiếp tục cụ thể hóa đường lối chủ trương của Đại hội VIII, về đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đồng thời xem xét và quyết định về vấn đề nhân sự cấp cao của Đảng.

Hội nghị đã xác định những chủ trương giải pháp lớn: Thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế và điều chỉnh cơ cấu đầu tư. Phát triển nông nghiệp và nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hợp tác, dân chủ hoá. Đẩy mạnh đổi mới, phát triển và quản lý có hiệu quả các loại hình doanh nghiệp. Tiếp tục đổi mới và lành mạnh hoá hệ thống tài chính - tiền tệ; thực hành triệt để tiết kiệm. Tích cực giải quyết việc làm và xoá đói giảm nghèo. Đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý nhà nước và phát huy quyền làm chủ của nhân dân về kinh tế - xã hội.

Hội nghị bầu Lê Khả Phiêu làm Tổng Bí thư của Đảng, Thường vụ Bộ Chính trị gồm 5 uỷ viên. Đỗ Mười, Lê Đức Anh, Võ Văn Kiệt được tôn vinh làm Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc đã được Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII (tháng 7-1998) bàn thảo. Hội nghị đã vạch ra những quan điểm chỉ đạo xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc là: Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội. Nền văn hóa mà chúng ta xây dựng là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Nền văn hóa Việt Nam là nền văn hóa thống nhất mà đa dạng trong cộng đồng và sắc thái của 54 thành phần dân tộc Việt Nam. Xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh

đạo, trong đó đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng. Văn hóa là một mặt trận; xây dựng và phát triển văn hóa là một sự nghiệp cách mạng lâu dài đòi hỏi phải có ý chí cách mạng và sự kiên trì, thận trọng.

Thực hiện nhiệm vụ cải cách nhà nước, Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII (tháng 8-1999) ra Nghị quyết *Một số vấn đề về tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị và tiền lương, trợ cấp xã hội thuộc ngân sách Nhà nước*.

Nghị quyết chỉ rõ việc kiện toàn tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị lần này là một nội dung quan trọng của cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Mục tiêu nhằm giữ vững và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, bản chất cách mạng của Nhà nước ta, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị, mở rộng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, tăng cường tiềm lực quốc gia, giữ vững ổn định chính trị, xã hội, củng cố mối quan hệ mật thiết giữa Đảng và Nhà nước với nhân dân.

Nhiệm vụ phải làm là tập trung củng cố, chỉnh đốn nội bộ từng tổ chức và các mối quan hệ trong toàn bộ hệ thống chính trị. Bảo đảm bộ máy của hệ thống chính trị vận hành thông suốt và năng động; khắc phục tình trạng trì trệ, gây phiền hà, tiêu cực, yếu kém trong tổ chức thực hiện nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Đảng đoàn Quốc hội chỉ đạo việc quy định những biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả làm việc của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội. Ban cán sự đảng Chính phủ tăng cường chỉ đạo việc tiếp tục thực hiện cải cách nền hành chính nhà nước theo Nghị quyết Hội nghị Trung ương tám khoá VII và Nghị quyết Trung ương ba khoá VIII.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng, từ năm 1996 đến năm 2000, Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đã đạt được những thành tựu quan trọng:

Kinh tế tăng trưởng khá. Tổng sản phẩm trong (GDP) tăng bình quân hằng năm 7%. Nông nghiệp phát triển liên tục, đặc biệt là sản xuất lương thực. Giá trị sản xuất công nghiệp bình quân hằng năm tăng 18,5%. Kết cấu hạ tầng được xây dựng mới và phát triển trên nhiều lĩnh vực. Các dịch vụ, xuất khẩu và nhập khẩu đều phát triển. Năm 2000, đã chặn được đà giảm sút tăng trưởng kinh tế, các chỉ tiêu chủ yếu đều đạt hoặc vượt kế hoạch đề ra. Kết quả tổng sản phẩm trong năm 2000 tăng hơn gấp đôi so với năm 1990. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và năng lực sản xuất tăng nhiều.

Văn hóa, xã hội có những tiến bộ; đời sống nhân dân tiếp tục được cải thiện. Giáo dục và đào tạo phát triển về quy mô và cơ sở vật chất. Trình độ dân trí và chất lượng nguồn nhân lực được nâng lên. Nước ta đã đạt chuẩn quốc gia về xoá mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học. Khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên và công nghệ chuyển biến tích cực, gắn bó hơn với phát triển kinh tế - xã hội. Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, báo chí, xuất bản góp phần tích cực động viên toàn dân tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nâng cao kiến thức và chất lượng cuộc sống. Mỗi năm giải quyết việc làm cho hơn 1 triệu lao động. Phong trào xoá đói, giảm nghèo có nhiều kết quả nổi bật, được dư luận thế giới đánh giá cao. Các chính sách xã hội khác được thực hiện tốt. Đời sống các tầng lớp nhân dân được cải thiện.

Tình hình chính trị - xã hội cơ bản ổn định; quốc phòng và an ninh được tăng cường. Các lực lượng vũ trang nhân dân làm tốt nhiệm vụ bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, bảo đảm an ninh quốc gia. Sức mạnh tổng hợp của nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân, nhất là trên các địa bàn chiến lược, biên giới, biển, đảo được phát huy. Tổ chức quân đội và công an nhân dân được điều chỉnh theo yêu cầu mới. Việc kết hợp quốc phòng và an ninh với phát triển kinh tế và công tác đối ngoại có tiến bộ. Sức mạnh về mọi mặt của nước ta đã lớn hơn nhiều so với 15 năm trước.

- Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng được chú trọng; hệ thống chính trị được củng cố. Nhiều nghị quyết Trung ương đã đề ra những chủ trương, giải pháp củng cố Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức, cán bộ, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng; Nhà nước pháp quyền tiếp tục được xây dựng và hoàn thiện, nền hành chính được cải cách một bước. Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức hoạt động. Quyền làm chủ của nhân dân trên các lĩnh vực được phát huy; một số chính sách và quy chế bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân, trước hết ở cơ sở, bước đầu được thực hiện.

Quan hệ đối ngoại không ngừng được mở rộng, hội nhập kinh tế quốc tế được tiến hành chủ động và đạt nhiều kết quả tốt. Việt Nam đã tăng cường quan hệ hữu nghị, hợp tác nhiều mặt với các nước xã hội chủ nghĩa, các nước láng giềng, bạn bè truyền thống và với nhiều nước khác, nhiều tổ chức khu vực và quốc tế. Đảng ta tiếp tục củng cố tình đoàn kết, hữu nghị với các đảng cộng sản và công nhân, các phong trào độc lập dân tộc và tiến bộ trên thế giới. Ngoại giao nhân dân được đẩy mạnh cả về quy mô và địa bàn góp phần tích cực vào thắng lợi của Đảng và Nhà nước trên mặt trận đối ngoại.

Những thành tựu của 5 năm 1996 - 2000 đã tăng cường sức mạnh tổng hợp, làm thay đổi bộ mặt của đất nước và cuộc sống của nhân dân, củng cố vững chắc độc lập dân tộc và chế độ xã hội chủ nghĩa, nâng cao vị thế và uy tín của nước ta trên trường quốc tế.

Bên cạnh khẳng định những thành tựu đó, quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII cũng bộc lộ những *yếu kém, khuyết điểm*: Nền kinh tế phát triển chưa vững chắc, hiệu quả và sức cạnh tranh thấp, chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế bình quân trong 5 năm (1996 - 2000) mà Đại hội VIII đề ra là 9-10% đã không đạt. Một số vấn đề văn hóa - xã hội bức xúc và gay gắt chậm được giải quyết. Cơ chế, chính sách không đồng bộ và chưa tạo động lực mạnh để phát triển. Tình trạng tham nhũng, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống ở một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên là rất nghiêm trọng.

4. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng (tháng 4-2001). Thực hiện kế hoạch nhà nước 5 năm 2001- 2005

a) Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng

Bước vào thế kỷ XXI, cách mạng nước ta vừa đứng trước thời cơ vận hội lớn, vừa phải đối mặt với những nguy cơ và thách thức không thể xem thường. Với tinh thần tiến công cách mạng tiếp tục trên con đường đổi mới, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng đã được triệu tập. Đại hội họp từ ngày 19 đến ngày 22-4-2001 tại Hà Nội. Dự

Đại hội có 1.168 đại biểu thay mặt cho 2.479.719 đảng viên trong cả nước và 35 đoàn đại biểu của các đảng và tổ chức quốc tế.

Chủ đề của Đại hội là: *Phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.*

Đại hội IX đã thông qua *Báo cáo chính trị; Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010; Phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2005; Báo cáo về bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng; Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII; Báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2).*

Đại hội đã đánh giá:

Thế kỷ XX ghi đậm trong lịch sử loài người những dấu ấn cực kỳ sâu sắc. Đó là thế kỷ khoa học và công nghệ tiến nhanh chưa từng thấy; kinh tế phát triển mạnh mẽ xen lẫn những cuộc khủng hoảng lớn của chủ nghĩa tư bản thế giới và sự phân hoá gay gắt về giàu nghèo giữa các nước. Đó là thế kỷ diễn ra hai cuộc chiến tranh thế giới đẫm máu cùng hàng trăm cuộc xung đột vũ trang. Đó cũng là thế kỷ chứng kiến một phong trào cách mạng sâu rộng trên phạm vi toàn thế giới, mặc dù vào thập niên cuối, chủ nghĩa xã hội hiện thực tạm thời lâm vào thoái trào.

Đối với nước ta, thế kỷ XX là thế kỷ của những biến đổi to lớn, thế kỷ đấu tranh oanh liệt giành lại độc lập, tự do, thống nhất Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội, thế kỷ của những chiến công và thắng lợi có ý nghĩa lịch sử và thời đại. Với những thắng lợi giành được trong thế kỷ XX nước ta từ một nước thuộc địa nửa phong kiến đã trở thành một quốc gia độc lập, tự do, phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa, có quan hệ quốc tế rộng rãi, có vị thế ngày càng quan trọng trong khu vực và trên thế giới. Nhân dân ta từ thân phận nô lệ đã trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ xã hội. Đất nước ta từ một nền kinh tế nghèo nàn, lạc hậu đã bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Qua 15 năm (1986 - 2001) đổi mới đã đạt được những *thành tựu* quan trọng làm thay đổi bộ mặt của đất nước và cuộc sống của nhân dân, củng cố vững chắc độc lập dân tộc và chế độ xã hội chủ nghĩa, nâng cao vị thế và uy tín của nước ta trên trường quốc tế. Đạt được những thành tựu trên là do Đảng ta có bản lĩnh chính trị vững vàng và đường lối lãnh đạo đúng đắn; Nhà nước có cố gắng lớn trong việc điều hành, quản lý, toàn dân và toàn quân phát huy lòng yêu nước và tinh thần dũng cảm, đoàn kết nhất trí, cần cù, năng động, sáng tạo.

Đại hội khẳng định những bài học do các Đại hội VI, VII, VIII của Đảng nêu lên đến nay vẫn còn có giá trị, nhất là những bài học chủ yếu sau đây:

Một là, trong quá trình đổi mới phải kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Hai là, đổi mới phải dựa vào nhân dân, vì lợi ích của nhân dân, phù hợp với thực tiễn, luôn luôn sáng tạo.

Ba là, đôi mới phải kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

Bốn là, đường lối đúng đắn của Đảng là nhân tố quyết định thành công của sự nghiệp đổi mới.

Đảng và nhân dân ta quyết tâm xây dựng đất nước Việt Nam theo con đường xã hội chủ nghĩa trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, là kết quả sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Đó là tư tưởng về giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người; về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; về sức mạnh của nhân dân, của khối đại đoàn kết dân tộc; về quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng Nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân; về quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; về phát triển kinh tế và văn hóa, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; về đạo đức cách mạng, cần kiệm, liêm chính, chí công, vô tư; về chăm lo bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau; về xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, cán bộ, đảng viên vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân.

Tư tưởng Hồ Chí Minh soi đường cho cuộc đấu tranh của nhân dân ta giành thắng lợi, là tài sản tinh thần to lớn của Đảng và dân tộc ta.

Con đường đi lên của nước ta là sự phát triển quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tức là bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa, nhưng tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, đặc biệt về khoa học - công nghệ để phát triển nhanh lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại.

Trong thời kỳ quá độ, có nhiều hình thức sở hữu về tư liệu sản xuất, nhiều thành phần giai cấp, tầng lớp xã hội khác nhau. Mỗi quan hệ giữa các giai cấp, các tầng lớp xã hội là quan hệ hợp tác và đấu tranh trong nội bộ nhân dân, đoàn kết và hợp tác lâu dài trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng. Lợi ích giai cấp công nhân thống nhất với lợi ích của toàn dân tộc trong *mục tiêu chung* là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Nội dung chủ yếu của đấu tranh giai cấp trong giai đoạn hiện nay là thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa, khắc phục tình trạng nghèo, kém phát triển; thực hiện công bằng xã hội, chống áp bức, bất công; đấu tranh ngăn chặn và khắc phục những tư tưởng và hành động tiêu cực, sai trái; đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hành động chống phá của các thế lực thù địch; thực hiện thắng lợi sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

Động lực chủ yếu để phát triển đất nước là đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh giữa công nhân với nông dân và trí thức, do Đảng lãnh đạo, kết hợp hài hòa các lợi ích cá nhân, tập thể và xã hội, phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực của các thành

phần kinh tế của toàn xã hội.

Đảng và Nhà nước ta chủ trương thực hiện nhất quán và lâu dài chính sách phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Về đường lối kinh tế và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, Đại hội nêu rõ:

Về đường lối kinh tế của Đảng là đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, đưa nước ta trở thành một nước công nghiệp; ưu tiên phát triển lực lượng sản xuất đồng thời xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp theo định hướng xã hội chủ nghĩa, phát huy cao độ nội lực, đồng thời tranh thủ nguồn lực bên ngoài và chủ động hội nhập quốc tế để phát triển nhanh, có hiệu quả và bền vững, tăng trưởng kinh tế đi liền với phát triển văn hóa, từng bước cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ và cải thiện môi trường, kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng - an ninh.

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2001 - 2010 nhằm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, nâng cao rõ rệt đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần của nhân dân. Tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại; nguồn lực con người, năng lực khoa học và công nghệ, kết cấu hạ tầng, tiềm lực kinh tế, quốc phòng, an ninh được tăng cường; thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được hình thành về cơ bản. Vị thế của nước ta trên trường quốc tế được nâng cao. Đến năm 2010, tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng ít nhất gấp đôi so với năm 2000; chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động, giảm tỷ lệ lao động nông nghiệp xuống còn 50%.

Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001 - 2005 là bước rất quan trọng trong việc thực hiện chiến lược 10 năm 2001 - 2010 nhằm tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững, ổn định và cải thiện đời sống nhân dân. Chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nâng cao rõ rệt hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Mở rộng kinh tế đối ngoại. Tạo chuyển biến mạnh về giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, phát huy nhân tố con người. Tạo nhiều việc làm; cơ bản xoá đói, giảm số hộ nghèo; đẩy lùi các tệ nạn xã hội; tiếp tục tăng cường kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; hình thành một bước quan trọng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và an ninh quốc gia. Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân hàng năm 5 năm 2001 - 2005 là 7,5%/năm.

Để thực hiện đường lối mục tiêu chiến lược nêu trên, Đảng chủ trương:

- Phát triển kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa là nhiệm vụ trung tâm;
- Phát triển kinh tế nhiều thành phần gồm kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế cá thể, tiểu chủ, kinh tế tư bản tư nhân, kinh tế tư bản nhà nước, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.
- Tiếp tục tạo lập đồng bộ các yếu tố thị trường; đổi mới và nâng cao hiệu lực

quản lý kinh tế của Nhà nước.

- Giải quyết tốt các vấn đề xã hội.

Đại hội tiếp tục thực hiện chủ trương phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; tăng cường quốc phòng và an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân; đẩy mạnh cải cách tổ chức và hoạt động của Nhà nước, phát huy dân chủ, tăng cường pháp chế; xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

Đại hội IX đã bổ sung, phát triển thêm những quan điểm của Đảng về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam với những điểm cơ bản:

- Xã hội xã hội chủ nghĩa mà chúng ta xây dựng là: dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

- Mô hình kinh tế tổng quát: kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Các thành phần kinh tế: có 6 thành phần kinh tế (bổ sung thêm thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài).

- Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế:

+ Nền kinh tế độc lập tự chủ trước hết phải độc lập tự chủ về đường lối, chính sách đồng thời có tiềm lực kinh tế đủ mạnh: có mức tích lũy ngày càng cao từ nội bộ nền kinh tế; có cơ cấu kinh tế hợp lý, có sức cạnh tranh; kết cấu hạ tầng ngày càng hiện đại và có một số ngành công nghiệp nặng then chốt; có năng lực nội sinh về khoa học và công nghệ; giữ vững ổn định kinh tế - tài chính vĩ mô; đảm bảo an ninh lương thực, an toàn năng lượng, tài chính, môi trường.

+ Xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ phải đi đôi với hội nhập kinh tế quốc tế, kết hợp nội lực với ngoại lực thành nguồn lực tổng hợp để phát triển đất nước.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá IX) gồm 150 uỷ viên. Bộ Chính trị gồm 15 uỷ viên. Nông Đức Mạnh được bầu làm Tổng Bí thư của Đảng.

Đại hội lần thứ IX của Đảng là Đại hội của trí tuệ, dân chủ, đoàn kết, đổi mới, thể hiện ý chí kiên cường và niềm hy vọng lớn lao của cả dân tộc trong thời điểm lịch sử trọng đại bước vào thế kỷ mới và thiên niên kỷ mới.

b) Thực hiện kế hoạch nhà nước 5 năm 2001-2005

Từ sau Đại hội IX, toàn Đảng, toàn dân đã phát huy trí tuệ và năng lực thực hiện Nghị quyết của Đại hội. Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã thực hiện chương trình triển khai các hội nghị định kỳ để bàn luận và ra các nghị quyết để cụ thể hóa Nghị quyết của Đại hội, từng bước đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo.

Về nhiệm vụ tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả của doanh nghiệp nhà nước đã được Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng (9-2001) bàn thảo. Hội nghị khẳng định kinh tế nhà nước phải giữ vai trò chủ đạo. Doanh

ng nghiệp nhà nước phải đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả và giữ vị trí then chốt trong nền kinh tế của Nhà nước.

Về phương hướng chỉ đạo sửa đổi, bổ sung một số điểm của Hiến pháp 1992 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001-2005 đã được bàn định tại Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (tháng 11-2001). Hội nghị cũng đã thông qua kết luận về nhiệm vụ tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khoá VIII nhằm đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng.

Tháng 2-2002, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã ra Nghị quyết *Về đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn thời kỳ 2001 - 2010*. Nhằm phát huy năng lực của các thành phần kinh tế, Hội nghị cũng đã ra Nghị quyết về đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể; Nghị quyết tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách, khuyến khích và tạo điều kiện phát triển kinh tế tư nhân.

Vấn đề tiếp tục thực hiện phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ đến năm 2005 và đến 2010, Ban Chấp hành Trung ương bàn thảo tại *Hội nghị lần thứ sáu (7-2002)*. Hội nghị cũng đã bàn thảo và kết luận về việc tiếp tục thực hiện công tác tổ chức và cán bộ.

Đến tháng 3-2003, Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã họp bàn, thông qua Nghị quyết về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, Nghị quyết về công tác dân tộc và Nghị quyết về công tác tôn giáo. Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương đã bàn và thông qua Nghị quyết về tiếp tục đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, tăng cường quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ là nhiệm vụ trọng yếu và thường xuyên của Đảng, Nhà nước và của toàn dân, trong đó Quân đội nhân dân và Công an nhân dân là lực lượng nòng cốt. Hội nghị lần thứ tám (tháng 7-2003) Ban Chấp hành Trung ương đã họp, nghiên cứu cục diện thế giới và tình hình trong nước, ra Nghị quyết về chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Mục tiêu của sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn này là: bảo vệ vững chắc độc lập chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo vệ sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc; bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và nền văn hóa; giữ vững ổn định chính trị và môi trường hòa bình, phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Để thực hiện mục tiêu đó, Nghị quyết đã vạch ra các phương châm chỉ đạo và các nhiệm vụ cơ bản để toàn Đảng, toàn dân, toàn quân phải nỗ lực thực hiện.

Đến tháng 1-2004, Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã họp để kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng đồng thời nêu lên những nhiệm vụ, giải pháp để thực hiện thắng lợi Nghị quyết của Đại hội trong những năm tiếp theo.

Qua nửa nhiệm kỳ triển khai và tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ IX

của Đảng cho thấy, việc cụ thể hóa và thể chế hóa Nghị quyết Đại hội được thực hiện sớm và nhanh; các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương và của nhiều cấp ủy được chú ý cải tiến; các tổ chức Đảng, Nhà nước, Mặt trận và đoàn thể nhân dân đã thể hiện quyết tâm, chủ động và năng động trong việc tổ chức chỉ đạo thực hiện nghị quyết của Đảng. Vì thế qua gần ba năm, Đảng và Nhà nước đã tập trung lãnh đạo nhiệm vụ trung tâm là phát triển kinh tế, đã giành được những kết quả quan trọng.

Nền kinh tế của đất nước đã vượt qua được giai đoạn suy giảm tốc độ tăng trưởng, đạt mức tăng trưởng khá cao; chất lượng hiệu quả, sức cạnh tranh của một số lĩnh vực và sản phẩm có chuyển biến. Bình quân tốc độ tăng trưởng trong ba năm liền là 7,1%.

Cơ cấu của nền kinh tế tiếp tục có bước chuyển dịch theo hướng công nghiệp hoá và từng bước hiện đại hoá. Chủ trương giữ vững độc lập, tự chủ về kinh tế được thực hiện có kết quả. Thể chế kinh tế tiếp tục được đổi mới, đang tiếp tục hình thành và phát triển các loại thị trường.

Các lĩnh vực xã hội như giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập và đời sống của đông đảo nhân dân, xoá đói giảm nghèo, phát triển sự nghiệp văn hóa, giáo dục đã được quan tâm phát hiện từng bước đồng bộ với phát triển kinh tế.

Việc xây dựng pháp luật và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa tiếp tục được chăm lo, dân chủ trong xã hội được mở rộng.

Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, làm lành mạnh hệ thống chính trị tiếp tục được coi trọng.

Quốc phòng an ninh, ổn định chính trị - xã hội được giữ vững, quan hệ đối ngoại được mở rộng, uy tín và vị thế của nước ta được tiếp tục nâng cao trên trường quốc tế.

Đầu năm 2005, Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương (khóa IX) họp tại Hà Nội (từ ngày 17 – 25-1-2005) nhằm chuẩn bị các văn kiện cho Đại hội X của Đảng. Hội nghị đã nghe và thảo luận về nội dung Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 20 năm đổi mới và các đề cương chi tiết Báo cáo chính trị, Báo cáo bổ sung một số nội dung trong Cương lĩnh chính trị năm 1991, Báo cáo phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010, Báo cáo xây dựng Đảng và Báo cáo bổ sung, sửa đổi điều lệ Đảng...

Hội nghị đã đánh giá những thành tựu to lớn qua 4 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX và dự báo về khả năng thực hiện nhiệm vụ năm 2005.

Ban Chấp hành Trung ương nhất trí rằng, thành tựu đạt được của 20 năm đổi mới là to lớn, toàn diện và có ý nghĩa lịch sử trên cả hai mặt thực tiễn và lý luận. So với trước kia đất nước ta đã và đang có sự thay đổi cơ bản và toàn diện. Điều quan trọng là, sau 20 năm đổi mới, Đảng và Nhà nước ta ngày càng tích lũy thêm nhiều kinh nghiệm; nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta càng sáng tỏ hơn. Đó là cơ sở để Đảng hoạch định chiến lược phát triển, trước mắt là định hướng phát triển cho 5 năm 2006 - 2010 và chỉ đạo xây dựng các văn kiện sẽ trình Đại hội X.

Quyết tâm to lớn của Đảng, Nhà nước và nhân dân Việt Nam trong 5 năm sắp tới là: "Ra sức nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh đổi mới toàn diện và đồng bộ, phấn đấu đạt bằng được mục tiêu

đến năm 2010 sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, nâng cao rõ rệt đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, tạo nền tảng để đến năm 2020, nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại"¹.

5. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng (tháng 4-2006)

Từ ngày 18 đến ngày 25-4 -2006, sau một quá trình chuẩn bị, Đại hội lần thứ X của Đảng đã được tiến hành tại Hà Nội với chủ đề: “*Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển*”. Dự Đại hội có 1.176 đại biểu, thay mặt cho 3,1 triệu đảng viên trong cả nước.

Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX đã trình Đại hội X các văn kiện: Báo cáo chính trị; Báo cáo phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế- xã hội 5 năm 2006-2010; Báo cáo công tác xây dựng Đảng; Báo cáo một số vấn đề về bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng; Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII trong nhiệm kỳ Đại hội IX và Báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX.

Đánh giá 5 năm thực hiện nghị quyết Đại hội IX của Đảng, Đại hội khẳng định: “Nền kinh tế đã vượt qua thời kỳ suy giảm, đạt tốc độ tăng trưởng khá cao, năm sau cao hơn năm trước, bình quân trong 5 năm (2001-2005) là 7,51% và phát triển tương đối toàn diện. Văn hóa và xã hội có tiến bộ trên nhiều mặt; việc gắn phát triển kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội có chuyển biến tốt, nhất là trong công cuộc xóa đói, giảm nghèo; đời sống các tầng lớp nhân dân được cải thiện. Chính trị- xã hội ổn định, quốc phòng và an ninh được tăng cường; quan hệ đối ngoại có bước phát triển mới. Việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa có tiến bộ trên cả ba lĩnh vực lập pháp, hành pháp và tư pháp. Sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc được phát huy. Công tác xây dựng Đảng đạt một số kết quả tích cực”¹.

Đại hội chỉ rõ: “Bên cạnh những thành tựu đạt được, chúng ta còn những khuyết điểm và yếu kém: Tăng trưởng kinh tế chưa tương xứng với khả năng; chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế còn kém; cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm. Cơ chế, chính sách về văn hóa- xã hội chậm đổi mới; nhiều vấn đề xã hội bức xúc chưa được giải quyết tốt. Các lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại còn một số mặt hạn chế. Tổ chức và hoạt động của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân còn một số khâu chậm đổi mới. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng chưa đạt yêu cầu”².

Đánh giá thành tựu của công cuộc đổi mới, Đại hội nhấn mạnh: “Hai mươi năm qua, với sự nỗ lực phấn đấu của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, công cuộc đổi mới ở nước ta đã đạt **những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử**.”

1. Nông Đức Mạnh: "Bước khởi đầu quan trọng trong việc chuẩn bị nội dung tiến tới Đại hội lần thứ X của Đảng", báo *Nhân dân*, số 18075, ngày 26-1-2005.

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr. 14, 15.

Đất nước đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế- xã hội, có sự thay đổi cơ bản và toàn diện. Kinh tế tăng trưởng khá nhanh, sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được đẩy mạnh. Đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt. Hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố và tăng cường. Chính trị- xã hội ổn định. Quốc phòng và an ninh được giữ vững. Vị thế nước ta trên trường quốc tế không ngừng nâng cao. Sức mạnh tổng hợp của quốc gia đã tăng lên rất nhiều, tạo ra thế và lực mới cho đất nước tiếp tục đi lên với triển vọng tốt đẹp.

... Nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ngày càng sáng tỏ hơn; hệ thống quan điểm lý luận về công cuộc đổi mới, về xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam đã hình thành trên những nét cơ bản.

Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao, dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người được giải phóng khỏi áp bức, bất công, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới”¹.

Đại hội rút ra năm bài học lớn là:

Một là, trong quá trình đổi mới phải kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác- Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Hai là, đổi mới toàn diện, đồng bộ, có kế thừa, có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp.

Ba là, đổi mới phải vì lợi ích của nhân dân, dựa vào nhân dân, phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của nhân dân, xuất phát từ thực tiễn, nhạy bén với cái mới.

Bốn là, phát huy cao độ nội lực, đồng thời ra sức tranh thủ ngoại lực, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới.

Năm là, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, không ngừng đổi mới hệ thống chính trị, xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân.

Đại hội đã nêu lên mục tiêu và phương hướng phát triển đất nước 5 năm 2006-2010, trong đó mục tiêu và phương hướng tổng quát là: “Nâng cao năng lực lãnh đạo và

1. *Sđd*, tr. 67 - 68.

sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, huy động và sử dụng tốt mọi nguồn lực cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; phát triển văn hóa; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; tăng cường quốc phòng và an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại; chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế; giữ vững ổn định chính trị- xã hội; sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển; tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại”¹.

Đại hội đã nêu lên những chỉ tiêu định hướng về phát triển kinh tế - xã hội chủ yếu trong 5 năm 2006-2010, trong đó, quan trọng nhất là: “Đến năm 2010, tổng sản phẩm trong nước (GDP) gấp hơn 2,1 lần so với năm 2000. Trong 5 năm 2006 - 2010, mức tăng trưởng *GDP bình quân đạt 7,5- 8%/năm, phấn đấu đạt trên 8%/năm*”². Cơ cấu ngành trong GDP: khu vực nông nghiệp khoảng 15-16%; công nghiệp và xây dựng 43-44%; dịch vụ 40- 41%. Tạo việc làm cho trên 8 triệu lao động, tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị dưới 5% vào năm 2010. Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn mới) giảm xuống còn 10-11% vào năm 2010”³.

Đại hội đã xác định những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu để thực hiện các mục tiêu đã đề ra là:

+ Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức.

+ Giải quyết tốt các vấn đề xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học và công nghệ.

+ Tăng cường quốc phòng và an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại; chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế.

+ Phát huy dân chủ và sức mạnh đại đoàn kết dân tộc. Hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

+ Đổi mới, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng.

Đại hội đã thông qua Nghị quyết, Điều lệ Đảng sửa đổi và bầu Ban Chấp hành Trung ương khóa X. Ban Chấp hành Trung ương khóa X gồm 160 ủy viên chính thức và 21 ủy viên dự khuyết. Bộ Chính trị có 14 đồng chí, Ban Bí thư có 8 đồng chí, Ủy ban Kiểm tra có 14 đồng chí. Đồng chí Nông Đức Mạnh được bầu lại làm Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng¹.

Thành công của Đại hội lần thứ X đánh dấu bước trưởng thành mới của Đảng,

1, 2. *Sđd*, tr. 76.

3. Xem *Sđd*, tr. 188 - 189.

1. 14 Ủy viên Bộ Chính trị khóa X: Nông Đức Mạnh, Lê Hồng Anh, Nguyễn Tấn Dũng, Nguyễn Minh Triết, Trương Tấn Sang, Nguyễn Phú Trọng, Phạm Gia Khiêm, Phùng Quang Thanh, Trương Vĩnh Trọng, Lê Thanh Hải, Nguyễn Sinh Hùng, Nguyễn Văn Chi, Hồ Đức Việt, Phạm Quang Nghị.

mở ra giai đoạn phát triển mạnh và đi vào chiều sâu của công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Chương VI

Tổng kết lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng, thắng lợi và bài học

Đảng Cộng sản Việt Nam do Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện là đội tiên phong của giai cấp công nhân và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc. Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động.

Lịch sử của Đảng là lịch sử của cuộc đấu tranh anh dũng, gian khổ, có nhiều tổn thất, hy sinh nhưng cũng hết sức vẻ vang vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội.

Những thắng lợi có ý nghĩa lịch sử vĩ đại, có tầm vóc quốc tế mà nhân dân ta đã giành được dưới sự lãnh đạo của Đảng hơn 75 năm qua đã khẳng định vai trò, công lao to lớn của Đảng và để lại nhiều bài học có giá trị lý luận và thực tiễn vô cùng quý báu cho Đảng và nhân dân ta.

I. Những thắng lợi có ý nghĩa lịch sử của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng

1. Thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám 1945

Từ cuối thế kỷ thứ XIX, nước ta trở thành thuộc địa của thực dân Pháp. Để thực hiện các nguyện vọng cơ bản là độc lập dân tộc và người cày có ruộng, nhân dân ta đã bao phen vùng dậy đấu tranh chống đế quốc, phong kiến, song rốt cuộc đều bị thất bại. Kể từ ngày có sự lãnh đạo của Đảng, cuộc đấu tranh vì các mục tiêu đó của nhân dân ta mới từng bước giành được thắng lợi, trước hết là thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám 1945, đưa lại độc lập tự do cho đất nước, lập nên Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Vừa mới ra đời, Đảng đã phát động một phong trào cách mạng rộng lớn mà đỉnh cao là Xôviết Nghệ Tĩnh. Phong này đã khẳng định trên thực tế vai trò lãnh đạo cách mạng của Đảng và sức mạnh của khối liên minh công nông. Quốc tế Cộng sản đánh giá cao đóng góp của phong trào cách mạng Việt Nam đối với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, công nhận Đảng ta là một phân bộ trực thuộc Quốc tế Cộng sản.

Sau cuộc đấu tranh đầy gian khổ và tổn thất để bảo vệ Đảng, duy trì tổ chức quần chúng cách mạng, đến năm 1936, khi tình hình trong nước và thế giới có sự biến chuyển mới, Đảng đã chủ trương tạm gác khẩu hiệu độc lập dân tộc và người cày có ruộng, chuyển hướng đấu tranh sang đòi dân sinh dân chủ, với các hình thức đấu tranh và tổ

chức thích hợp, chuẩn bị lực lượng cho cuộc đấu tranh giành chính quyền. Phong trào đấu tranh những năm 1936-1939 đã làm cho ảnh hưởng của Đảng ăn sâu, lan rộng trong quảng đại quần chúng. Đảng đã biết kết hợp các hình thức đấu tranh công khai hợp pháp với các hình thức bán hợp pháp, bí mật trong cuộc đấu tranh ở một nước thuộc địa. Qua phong trào, sự giác ngộ chính trị của quần chúng được nâng cao.

Từ năm 1939, khi Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, Đảng ta đã có những nhận định sáng suốt về tình hình thế giới và xu hướng phát triển của cách mạng Đông Dương, xác định giải phóng dân tộc, đánh đuổi phátxít Pháp, Nhật, giành độc lập, tự do là yêu cầu sống còn của dân tộc Việt Nam. Từ đó, Đảng chủ trương chuẩn bị các điều kiện để tiến hành cuộc khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền về tay nhân dân. Nhờ có sự chuẩn bị chu đáo trong cuộc vận động giải phóng dân tộc những năm 1939-1945 và nắm bắt thời cơ lịch sử một cách chuẩn xác và kịp thời khi Nhật đã đầu hàng quân Đồng minh, Đảng đã phát động, tổ chức thắng lợi cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945.

Thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám 1945 là thắng lợi có ý nghĩa lịch sử vĩ đại đầu tiên của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng. Với thắng lợi này, nhân dân ta đã đập tan xiềng xích nô lệ hơn 80 năm của thực dân Pháp và hàng trăm năm chế độ phong kiến nhà Nguyễn, đưa lại độc lập, thống nhất cho đất nước ta; đưa nhân dân ta từ địa vị nô lệ thành người làm chủ xã hội; lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam á; đưa Đảng ta từ hoạt động bất hợp pháp thành đảng cầm quyền trong toàn quốc; khẳng định trong thực tiễn tư tưởng cách mạng dân tộc và khởi nghĩa dân tộc, khởi nghĩa toàn dân của Hồ Chí Minh và đường lối cứu nước giải phóng dân tộc của Đảng vạch ra là đúng đắn; nâng cao niềm tự hào dân tộc và để lại nhiều kinh nghiệm quý báu cho Đảng và nhân dân ta; mở ra kỷ nguyên phát triển mới cho dân tộc Việt Nam, kỷ nguyên độc lập tự do gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Đặt trong bối cảnh thế giới năm 1945, thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám đã cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới; tăng cường lực lượng, mở rộng địa bàn cho cách mạng thế giới; chứng minh học thuyết Mác- Lênin có thể áp dụng thành công vào cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa nếu biết vận dụng một cách đúng đắn, sáng tạo. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử phong trào giải phóng dân tộc, Đảng Cộng sản ở một nước thuộc địa đã lãnh đạo nhân dân đấu tranh giành được thắng lợi và nắm chính quyền trong cả nước.

2. Thắng lợi của các cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc thời kỳ 1945-1975

Vừa giành được chính quyền về tay nhân dân chưa đầy một tháng, dân tộc Việt Nam đã phải bước vào một cuộc chiến đấu mới chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ và các thế lực thù địch trong hơn 30 năm để giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc.

Trong những năm 1945-1954, khi thực dân Pháp quay lại xâm lược nước ta, với ý chí "Thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ", Đảng đã phát động, lãnh đạo nhân dân ta tiến hành cuộc chiến tranh nhân dân,

kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính, vượt qua mọi khó khăn, gian khổ đi tới thắng lợi vẻ vang mà đỉnh cao là chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ.

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược có ý nghĩa lịch sử to lớn đối với nước ta và với thế giới. Đối với nước ta, thắng lợi này đã làm sụp đổ hoàn toàn ý chí xâm lược của thực dân Pháp đối với Việt Nam; bảo vệ được độc lập, chủ quyền dân tộc, giữ vững được chính quyền dân chủ nhân dân; giải phóng được một nửa đất nước là miền Bắc, tạo điều kiện đưa miền Bắc đi lên chủ nghĩa xã hội, trở thành căn cứ địa, hậu phương của cả nước để giải phóng miền Nam trong giai đoạn sau; tăng thêm sức mạnh vật chất, tinh thần cho cách mạng Việt Nam; nâng cao uy tín cho dân tộc và cho Đảng trên trường quốc tế; để lại nhiều kinh nghiệm cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước sau đó... Đối với quốc tế, thắng lợi này đã buộc thực dân Pháp phải chấm dứt chiến tranh và lập lại hòa bình ở Đông Dương trên cơ sở tôn trọng quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam, Lào và Campuchia; nhân dân Việt Nam trở thành người đi tiên phong trong việc làm tan rã chủ nghĩa thực dân cũ, cổ vũ mạnh mẽ cuộc đấu tranh của nhân dân các dân tộc bị áp bức chống chủ nghĩa thực dân, giành độc lập dân tộc; miền Bắc được hoàn toàn giải phóng đã góp phần tăng cường lực lượng và địa bàn cho chủ nghĩa xã hội.

Trong những năm 1954-1975, khi đế quốc Mỹ phá hoại Hiệp định Giơnevơ, đưa cố vấn quân sự rồi quân viễn chinh xâm lược miền Nam, đánh phá miền Bắc, Đảng đã phát động, lãnh đạo nhân dân hai miền Bắc, Nam tiến hành đồng thời hai chiến lược cách mạng, nhằm thực hiện mục tiêu chung trước mắt của cả nước là giải phóng miền Nam, hòa bình thống nhất Tổ quốc. Với tinh thần "Không có gì quý hơn độc lập, tự do", nhân dân cả nước ta đã vừa xây dựng, bảo vệ hậu phương miền Bắc xã hội chủ nghĩa, ra sức chi viện tiền tuyến, vừa đẩy mạnh cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, đánh bại các âm mưu, thủ đoạn chiến tranh của Mỹ và tay sai đi tới đại thắng mùa Xuân 1975.

Thắng lợi hoàn toàn của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước mà đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử có ý nghĩa dân tộc và thời đại to lớn. Đối với dân tộc ta, thắng lợi này kết thúc hơn 20 năm chống đế quốc Mỹ, 30 năm chiến tranh cách mạng, hơn một thế kỷ chống xâm lược nước ngoài, đưa lại độc lập, thống nhất trọn vẹn cho đất nước ta; giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc; hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ trong cả nước, đưa cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội; tăng thêm sức mạnh to lớn về vật chất, tinh thần cho cách mạng Việt Nam; nâng cao vị thế quốc tế cho Đảng và dân tộc trên trường quốc tế; để lại nhiều bài học có giá trị cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;...

Đối với thế giới, thắng lợi này đã góp phần quan trọng làm đảo lộn chiến lược toàn cầu của đế quốc Mỹ, tác động sâu sắc đến nội tình nước Mỹ; cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc dân chủ của nhân dân thế giới; mở rộng địa bàn và tăng thêm lực lượng cho chủ nghĩa xã hội và cách mạng thế giới.

Thắng lợi của nhân dân ta trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế

quốc Mỹ xâm lược đã khẳng định một chân lý lịch sử là một dân tộc đất không rộng, người không đông nếu có Đảng Cộng sản chân chính lãnh đạo biết đề ra đường lối đúng, phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc, có phương thức tiến hành chiến tranh sáng tạo, được sự ủng hộ của nhân dân thế giới hoàn toàn có thể chiến thắng bất cứ kẻ thù xâm lược nào.

3. Thắng lợi bước đầu của công cuộc đổi mới

Sau thắng lợi vĩ đại mùa Xuân năm 1975, cả nước ta bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội trong bối cảnh có những thuận lợi to lớn, song cũng gặp nhiều khó khăn nghiêm trọng.

Quá độ lên chủ nghĩa xã hội xuất phát từ một nước nông nghiệp lạc hậu, kinh tế chậm phát triển, cơ sở vật chất- kỹ thuật nhỏ bé, manh mún, hậu quả chiến tranh nặng nề, lại bị Mỹ phong tỏa cấm vận, tình hình quốc tế có những diễn biến bất lợi, phải đương đầu với cuộc chiến tranh ở hai đầu biên giới phía nam, phía bắc, đòi hỏi công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta phải trải qua nhiều bước đi cụ thể thích hợp. Trong bối cảnh đó, với bản lĩnh chính trị vững vàng được tôi luyện qua thử thách đấu tranh vì độc lập, tự do, vì chủ nghĩa xã hội, Đảng đã kiên trì tìm tòi đề ra đường lối đổi mới đưa đất nước vượt qua khủng hoảng kinh tế - xã hội, giành được những thành tựu to lớn, toàn diện.

Thắng lợi bước đầu của hai mươi năm đổi mới có ý nghĩa hết sức quan trọng. Báo cáo chính trị tại Đại hội X của Đảng đánh giá khái quát 20 năm đổi mới đã ghi nhận: Hai mươi năm qua, với sự nỗ lực phấn đấu của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, công cuộc đổi mới ở nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử. Mặc dù còn không ít khó khăn, hạn chế, đất nước ta đã có sự thay đổi cơ bản và toàn diện. Kinh tế ra khỏi khủng hoảng và có sự tăng trưởng khá nhanh, sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được đẩy mạnh. Đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt. Hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố và tăng cường. Chính trị- xã hội ổn định. Quốc phòng và an ninh được giữ vững. Vị thế nước ta trên trường quốc tế không ngừng được nâng cao. Sức mạnh tổng hợp của quốc gia đã tăng lên rất nhiều, tạo ra thế và lực mới cho đất nước tiếp tục đi lên với triển vọng tốt đẹp. Những thành tựu đó chứng tỏ đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng đắn, sáng tạo; con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là phù hợp với thực tiễn Việt Nam. Nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ngày càng sáng tỏ hơn; hệ thống quan điểm lý luận về công cuộc đổi mới, về xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam đã hình thành trên những nét cơ bản.

Tóm lại, với những thắng lợi đã giành được trong thế kỷ XX, Việt Nam đã ta từ một nước thuộc địa trở thành một quốc gia độc lập tự do, phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa, có quan hệ quốc tế rộng rãi, có vị thế ngày càng quan trọng trong khu vực và trên thế giới. Nhân dân ta từ thân phận nô lệ đã trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ xã hội. Đất nước ta từ một nền kinh tế nghèo nàn, lạc hậu đã bước vào

thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Những thắng lợi đó là minh chứng sinh động về năng lực lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo của Đảng ta, sức mạnh to lớn của nhân dân ta.

II. Những bài học lãnh đạo cách mạng của Đảng

Tổng kết kinh nghiệm là một chức năng, nhiệm vụ quan trọng của khoa học lịch sử Đảng, là một mặt hoạt động lý luận rất được Đảng quan tâm. Trên thực tế, trong và sau mỗi thời kỳ vận động cách mạng, nhất là vào các dịp đại hội của Đảng từ 1960 đến nay, Đảng đều chú trọng tổng kết thực tiễn và rút ra nhiều bài học lịch sử có tác dụng nâng cao năng lực lãnh đạo của mình. Để làm rõ các bài học lớn, xuyên suốt Lịch sử Đảng, cần có sự lý giải cần thiết cơ sở khoa học - lý luận của mỗi bài học và lấy thực tiễn lịch sử của Đảng, của cách mạng để minh chứng cho bài học đó.

Trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta* được Đại hội VII (1991) thông qua, Đảng đã nêu lên năm bài học lớn mà đến nay vẫn có giá trị khoa học và thực tiễn sâu sắc.

1. Nắm vững và giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội

Về lý luận, V.I Lênin cho rằng: khi chủ nghĩa tư bản chuyển sang chủ nghĩa đế quốc, xâm lược các nước khác, biến thành thuộc địa của nó, thì phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân thuộc địa trở thành một bộ phận của cách mạng vô sản. Do đó, muốn đi tới thắng lợi triệt để, phong trào giải phóng dân tộc phải đi theo con đường cách mạng vô sản, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản.

Trong quá trình đi tìm đường cứu nước, Nguyễn ái Quốc - Hồ Chí Minh đã tiếp cận được chân lý đó và quyết định giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản. Hồ Chí Minh cho rằng “*Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác ngoài con đường cách mạng vô sản*”¹, “*Chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ*”².

Đặt cách mạng giải phóng dân tộc vào quỹ đạo cách mạng vô sản là một sự lựa chọn đúng đắn, sáng suốt của Hồ Chí Minh. Điều quan trọng hơn, Người còn cho rằng cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa không thụ động lệ thuộc vào cách mạng vô sản ở chính quốc mà có tính độc lập, có thể thắng lợi trước cách mạng chính quốc. Nhiệm vụ giải phóng dân tộc phải được ưu tiên thực hiện trước, là bước đi tất yếu để tiến lên chủ nghĩa xã hội. Cách mạng xã hội chủ nghĩa tuy là phương hướng tiến lên trong tương lai, nhưng lại có ảnh hưởng quyết định đến tính chất triệt để và sức mạnh của cách mạng giải phóng dân tộc. Tư tưởng này là cơ sở định hướng đúng đắn cho hoạt

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.9, tr. 314.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.10, tr. 128.

động của Đảng và nhân dân ta ở mỗi thời kỳ cũng như toàn bộ cuộc đấu tranh, là điều kiện để tập hợp lực lượng, tạo nên sức mạnh tổng hợp cho cách mạng. Bởi vậy, nắm vững, giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là cội nguồn thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Về thực tiễn, tư tưởng chiến lược nắm vững, giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội đã được Đảng ta khẳng định trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên khi Đảng thành lập và được khẳng định tiếp tục trong các cương lĩnh tiếp theo, đã đưa cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Trước năm 1930, các phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân ta, do chưa có định hướng xã hội chủ nghĩa, mà đi theo khuynh hướng phong kiến, tư sản, tiểu tư sản, nên dù rất anh dũng, cuối cùng đều đã bị thất bại.

Trong những năm 1930-1945, nắm vững và giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, Đảng đã lãnh đạo nhân dân ta vượt qua mọi khó khăn, tổn thất, từng bước giành được những thắng lợi to lớn, đỉnh cao là cuộc Cách mạng Tháng Tám 1945, lập nên nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

Từ năm 1945 đến năm 1954, giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội được Đảng thể hiện qua đường lối kết hợp kháng chiến với kiến quốc, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa ba nhiệm vụ chiến lược chống đế quốc, chống phong kiến và xây dựng chế độ dân chủ nhân dân gây mầm mống cho chủ nghĩa xã hội, tạo nên sức mạnh to lớn cho dân tộc ta, đưa kháng chiến đến thắng lợi. Từ năm 1954 đến năm 1975, bài học đó được thể hiện trong đường lối tiến hành đồng thời và kết hợp chặt chẽ hai chiến lược cách mạng khác nhau ở hai miền: cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, nhằm thực hiện mục tiêu chung là hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Nhờ có đường lối độc lập tự chủ, sáng tạo này Đảng đã huy động được tối đa sức mạnh của hai miền, sức mạnh cả nước, sức mạnh của thời đại, đủ sức đánh thắng đế quốc Mỹ xâm lược.

Từ năm 1975 đến nay, khi cả nước đã giành được độc lập, thống nhất, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, Đảng đã đề ra đường lối kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc thống nhất. Đường lối đó đã củng cố, giữ vững độc lập tạo điều kiện để xây chủ nghĩa xã hội, và xây dựng chủ nghĩa xã hội lại tạo ra cơ sở vật chất, tinh thần để bảo vệ vững chắc Tổ quốc. Khi tình hình quốc tế có những chuyển biến mới, hệ thống xã hội chủ nghĩa lâm vào khủng hoảng và sụp đổ, bài học giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội được Đảng thể hiện trong đường lối đổi mới, chuyển sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường dưới sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, thực hiện đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế, xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, phát huy nội lực, tranh thủ tối đa các nguồn lực bên ngoài, mở rộng giao lưu văn hóa, giữ vững bản sắc dân tộc... Nhờ vậy, Đảng đã lãnh đạo nhân dân ta giành được những thành tựu mới trong công cuộc bảo vệ đất nước Việt Nam thống nhất, vượt qua khủng hoảng kinh tế - xã hội, chuyển sang thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa định

hướng xã hội chủ nghĩa.

2. Quán triệt sâu sắc quan điểm cách mạng là sự nghiệp của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân

Về lý luận, bài học này xuất phát từ quan điểm của chủ nghĩa Mác- Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò của quần chúng nhân dân trong lịch sử, coi quần chúng nhân dân là người làm nên lịch sử.

Chủ nghĩa Mác- Lênin đánh giá cao vai trò của cá nhân, nhất là vĩ nhân trong lịch sử, song khẳng định cách mạng luôn luôn là sự nghiệp của quần chúng nhân dân, nhân dân là người sáng tạo ra lịch sử, rằng giai cấp vô sản muốn thực hiện được vai trò lãnh đạo cách mạng phải trở thành dân tộc, liên minh công nông là cơ sở để xây dựng lực lượng to lớn của cách mạng. V.I Lênin cho rằng cách mạng là ngày hội của quần chúng lao động, sự liên minh giai cấp, trước hết là liên minh công nông, là hết sức cần thiết bảo đảm cho thắng lợi của cách mạng vô sản, nếu không có sự đồng tình và ủng hộ của nhân dân lao động, thì cách mạng vô sản không thể thực hiện được.

Quán triệt quan điểm đó của chủ nghĩa Mác- Lênin và kế thừa truyền thống của dân tộc coi "*Dân là gốc của nước*", Hồ Chí Minh đã nhận thức sâu sắc sức mạnh của nhân dân. Người cho rằng cách mạng chỉ có thể giành được thắng lợi nếu được quần chúng nhân dân tham gia, "*Cách mạng là công việc của dân chúng, chứ không phải của một, hai người*", "*Để mười lần không dân cũng chịu, khó trăm lần dân liệu cũng xong*".

Hồ Chí Minh đề cao sức mạnh của nhân dân, của dân tộc, đặc biệt là sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước. Người khẳng định: "Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước"¹.

Để tạo ra sức mạnh cho cách mạng, sức mạnh toàn dân tộc, Hồ Chí Minh nhấn mạnh phải tin dân, tôn trọng và phát huy quyền dân chủ của dân, đưa lại quyền lợi cho dân, phải dùng sức dân, tài dân, lực dân mà làm lợi cho dân. Người viết: muốn được giải phóng, các dân tộc bị áp bức và nhân dân lao động phải tự mình cứu lấy mình bằng đấu tranh cách mạng, bằng cách mạng vô sản. Khi "*cách mạng đã thành công thì quyền thuộc về dân chúng số nhiều, thế thì dân chúng mới được hưởng hạnh phúc*". "*Khi đất nước độc lập và trở thành nước dân chủ thì lợi ích thuộc về nhân dân. Quyền hạn đều của dân... quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân*". "*Việc gì có lợi cho dân phải hết sức làm. Việc gì có hại cho dân, ta phải hết sức tránh*"...

Về thực tiễn, bài học này đã được chứng minh qua những thành bại của cách mạng Việt Nam hơn một thế kỷ qua.

Trước ngày có Đảng lãnh đạo, dân tộc ta đã liên tiếp vùng lên đấu tranh cứu nước, cứu nhà, song do hạn chế về nhận thức và bị lợi ích giai cấp chi phối, những tổ chức và

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.6, tr. 171.

cá nhân lãnh đạo phong trào đã không thấy hết sức mạnh của quần chúng nhân dân, không quan tâm đến lợi ích cơ bản của nhân dân, nhất là nhân dân lao động. Do thiếu niềm tin vào khả năng cách mạng và sức mạnh của nhân dân, họ đã hướng về chủ trương cầu viện, đi tìm một lực lượng bên ngoài dân tộc. Kết quả của những nhận thức đó là lực lượng dân chúng bên trong, trước hết là công nông, không được tập hợp, chỉ thu hút được tầng lớp trí thức tiểu tư sản thành thị hoặc một bộ phận thuộc tầng lớp trên, còn lực lượng bên ngoài thì hạn hẹp, mong manh. Do đó các phong trào dân tộc, dân chủ ở nước ta cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX đều đã bị thất bại.

Từ năm 1930, với tư cách là đội tiên phong của giai cấp và dân tộc, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của toàn dân tộc, Đảng đã quán triệt sâu sắc và ra sức thực hiện trên thực tế tư tưởng coi cách mạng là sự nghiệp của dân, do dân, vì dân. Đảng đã nêu cao khẩu hiệu độc lập dân tộc và người cày có ruộng, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và dân chủ, kiên trì xây dựng lực lượng cách mạng, do đó đã phát huy cao độ sức mạnh của nhân dân, trước hết là cho mục tiêu giải phóng dân tộc. Thắng lợi của cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám 1945 là biểu hiện hùng hồn nhất, minh chứng điển hình nhất của bài học lịch sử coi cách mạng là sự nghiệp của dân, do dân, vì dân.

Trong cuộc đấu tranh bảo vệ chính quyền cách mạng và kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược 1945-1954, với tinh thần “Thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”, Đảng đã dựa chắc vào nhân dân để xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng, đã phát động cuộc chiến tranh nhân dân, chống thực dân xâm lược, do đó đã làm cho tiềm lực kháng chiến ngày càng lớn mạnh. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954-1975, với tinh thần “*Không có gì quý hơn độc lập tự do*”, “*chống Mỹ, cứu nước là nhiệm vụ thiêng liêng của cả dân tộc*”, ... Đảng và Hồ Chí Minh đã động viên sức mạnh toàn dân vào cuộc kháng chiến thần thánh, lôi cuốn mọi giai tầng xã hội từ Bắc chí Nam quyết tâm đánh thắng đế quốc Mỹ, đưa sức mạnh dân tộc lên đỉnh cao mới, chiến thắng tên đế quốc đầu sỏ, hùng mạnh nhất thế giới.

Trong những năm 1975-1985, Đảng ta mắc phải khuyết điểm chủ quan, duy ý chí, duy trì quá lâu cơ chế kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp, cho nên sức mạnh cách mạng của nhân dân bị suy giảm. Từ năm 1986 đến nay, với đường lối đổi mới, mới sức mạnh của mọi tầng lớp nhân dân, của từng đơn vị, địa phương, cá nhân được tôn trọng và phát huy, do đó nước ta đã vượt qua khó khăn, bước sang thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Xuất phát từ những cơ sở lý luận và thực tiễn nói trên, Đảng ta đã nêu lên bài học lớn: “*Sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Toàn bộ hoạt động của Đảng phải xuất phát từ lợi ích và nguyện vọng chân chính của nhân dân. Sức mạnh của Đảng là ở sự gắn bó mật thiết với nhân dân. Quan liêu, mệnh lệnh, xa rời nhân dân sẽ đưa đến những tổn thất không lường được đối với vận mệnh của đất nước*”.

3. Không ngừng củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân

Cơ sở lý luận của bài học này là quan điểm của chủ nghĩa Mác- Lênin coi cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, đặc biệt là quan điểm của Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc. Trong toàn bộ sự nghiệp của mình, Hồ Chí Minh quan tâm đến mọi vấn đề, song vấn đề đoàn kết được Người đề cập nhiều nhất. Người luôn nhấn mạnh rằng: "*Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết, Thành công, thành công, đại thành công*".

Kinh nghiệm này còn dựa trên truyền thống yêu nước, nhân ái, tinh thần cố kết cộng đồng của dân tộc Việt Nam.

Khối đại đoàn kết dân tộc chỉ được hình thành trên cơ sở lợi ích chung toàn dân tộc và phù hợp với lợi ích riêng của mỗi giai cấp và tầng lớp trong xã hội trên từng chặng đường phát triển. Trước đây, trong chế độ phong kiến, sở dĩ các vương triều đã tập hợp được dân tộc cùng đứng lên chống ngoại xâm, bảo vệ được độc lập dân tộc là lúc đó lợi ích của họ phù hợp với lợi ích của dân tộc, song sự đoàn kết ấy không thể lâu bền, vì khi đất nước đã được độc lập, lợi ích của các triều đại phong kiến lại đối lập với lợi ích của nhân dân. Chỉ có lợi ích của giai cấp công nhân luôn luôn gắn liền với lợi ích toàn dân tộc, nên sự đoàn kết giữa giai cấp công nhân và Đảng Cộng sản với các giai tầng xã hội khác là bền chặt, lâu dài, cả trong cách mạng giải phóng dân tộc và trong cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Mặt trận dân tộc thống nhất là tổ chức tiêu biểu tập hợp, đoàn kết mọi giai cấp, tầng lớp nhân dân, được hoạt động theo các nguyên tắc sau: đoàn kết phải xuất phát từ mục tiêu vì nước, vì dân, trên cơ sở yêu nước, thương dân, chống áp bức bóc lột, nghèo nàn lạc hậu; Đoàn kết dân tộc phải được xây dựng trên nền tảng liên minh công - nông - trí; hoạt động của Mặt trận phải theo nguyên tắc hiệp thương dân chủ; khối đoàn kết trong Mặt trận là lâu dài, chặt chẽ, đoàn kết thật sự, chân thành, thân ái giúp đỡ nhau cùng tiến bộ; Đảng là một thành viên của Mặt trận, đồng thời là lực lượng lãnh đạo Mặt trận...

Để thực hiện đại đoàn kết toàn dân, Đảng phải luôn đứng vững trên lập trường của giai cấp công nhân, giai cấp tiêu biểu cho lợi ích của những người lao động và lợi ích của toàn dân tộc, không bao giờ được tách rời lợi ích chung của dân tộc với lợi ích riêng của giai cấp mình. Đảng phải kết hợp hài hòa giữa lợi ích chung và lợi ích bộ phận của các giai cấp và tầng lớp xã hội, phải xác định đúng đắn mục tiêu chiến lược, mục tiêu trước mắt và chương trình hành động phù hợp với quan hệ giai cấp biến đổi ở mỗi thời kỳ. Việc xây dựng khối đoàn kết thống nhất dân tộc thông qua tổ chức các đoàn thể chính trị- xã hội và mặt trận dân tộc thống nhất với hình thức và tên gọi thích hợp với từng thời kỳ cụ thể là vấn đề có ý nghĩa chiến lược.

Về thực tiễn, vấn đề đại đoàn kết toàn dân tộc đã được lịch sử cận hiện đại Việt Nam, lịch sử Đảng kiểm nghiệm trên thực tế.

Cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, trước kẻ thù mới của dân tộc là tư bản, thực dân phương Tây, các giai cấp địa chủ, nông dân, tư sản, tiểu tư sản ở nước ta đều trở nên bất cập trước thời cuộc, không thể nêu cao được ngọn cờ dân tộc, dân chủ, không xây dựng

được khối đại đoàn kết toàn dân tộc, vì vậy mọi cuộc đấu tranh của nhân dân ta đều bị đàn áp và thất bại.

Từ năm 1930, khi có sự lãnh đạo của Đảng, khối đại đoàn kết toàn dân mới được xây dựng và ngày càng củng cố, sức mạnh dân tộc được tăng cường và tập hợp trong Hội phản đế đồng minh, Mặt trận dân chủ Đông Dương, Mặt trận Việt Minh, đưa tới thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám 1945. Thắng lợi vĩ đại của Cách mạng Tháng Tám là kết quả của chiến lược đại đoàn kết dân tộc, khởi nghĩa toàn dân tộc, trực tiếp là của chủ trương nêu cao nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu của Đảng và Hồ Chí Minh.

Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược 1945-1975, Đảng đã huy động được mọi giai cấp, dân tộc, tôn giáo dưới ngọn cờ cách mạng, tập hợp trong Mặt trận Việt Minh, Liên Việt, trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, tạo nên khối đại đoàn kết dân tộc to lớn, vững chắc, cô lập cao độ kẻ thù, đưa sự nghiệp giải phóng dân tộc đến toàn thắng. Thắng lợi của các cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ là thắng lợi của chiến lược tập hợp, động viên toàn dân đánh giặc, thắng lợi của khối đại đoàn kết toàn dân tộc do Đảng lãnh đạo.

Trong những năm 1975-1985, do chưa có nhận thức đúng đắn về sự tồn tại của nền kinh tế nhiều thành phần, chưa thấy được mặt tích cực của cơ chế thị trường, nên ta đã có những chính sách không phù hợp trong cải tạo xã hội chủ nghĩa, làm cho khối đại đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc có phần bị giảm sút, sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc gặp khó khăn.

Từ năm 1986 đến nay, với sự kiên định mục tiêu chiến lược của cách mạng Việt Nam là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, giải phóng dân tộc gắn liền với giải phóng giai cấp, giải phóng con người, xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho nhân dân, xây dựng một xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, Đảng đã củng cố và tăng cường được một bước quan trọng khối đại đoàn kết toàn dân. Việc Đảng và Nhà nước ban hành nhiều chính sách mới như kinh tế hộ gia đình, giao quyền sử dụng đất lâu dài cho nông dân, chính sách khoa học và công nghệ, nhiều đạo luật quan trọng về dân tộc, tôn giáo, về xóa đói giảm nghèo,... đã đáp ứng được lợi ích của các giai cấp, các tầng lớp trong xã hội, kể cả với đồng bào Việt Nam định cư ở nước ngoài, làm cho khối đại đoàn kết toàn dân tộc được tăng cường. Nhờ vậy, nước ta không những vượt qua được những khó khăn bên trong, đối phó được những tác động bất lợi của tình hình quốc tế, mà còn đạt được nhiều thành tựu mới, to lớn trong công cuộc đổi mới, tiềm lực của đất nước được tăng cường, vị thế quốc tế được nâng cao.

4. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế

Cơ sở lý luận của bài học này là mối quan hệ biện chứng giữa vấn đề dân tộc và vấn đề quốc tế trong cách mạng giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản nói riêng, cũng như trong vấn đề mối quan hệ biện chứng giữa nhân tố bên trong và nhân tố bên ngoài, chủ quan và khách quan trong sự phát triển của sự vật, hiện tượng

nói chung.

C.Mác đã nghiên cứu chủ nghĩa tư bản khi chủ nghĩa tư bản ở giai đoạn tự do cạnh tranh. Ông cho rằng, đến một giai đoạn nào đó, phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa sẽ chín muồi trên phạm vi toàn thế giới và lúc đó cách mạng vô sản sẽ đồng loạt xảy ra, chủ nghĩa cộng sản sẽ được thiết lập trên toàn thế giới như một quá trình lịch sử, tự nhiên. Kế tục tư tưởng đó, nhưng nghiên cứu chủ nghĩa tư bản ở giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, V.I. Lênin nhấn mạnh tăng cường mối liên hệ chặt chẽ giữa cách mạng vô sản thế giới có hai bộ phận là cách mạng vô sản ở chính quốc và cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa. Với quan niệm chủ nghĩa đế quốc là con đĩa hai vôi, một vôi bám vào giai cấp vô sản chính quốc, một vôi bám vào các dân tộc thuộc địa, Hồ Chí Minh cho rằng muốn giết con vật đó người ta phải đồng thời cắt cả hai vôi, nếu cắt một vôi, con vật vẫn sống và cái vôi kia lại mọc ra. Đó là những luận điểm khoa học của V.I. Lênin, Hồ Chí Minh về cách mạng vô sản trong điều kiện mới, bao gồm hai bộ phận là cách mạng vô sản ở chính quốc và cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa và mối quan hệ biện chứng giữa hai cuộc cách mạng đó.

Trước khi đi ra nước ngoài tìm đường cứu nước, Hồ Chí Minh đã có niềm tin sâu sắc vào sức mạnh dân tộc là chủ nghĩa yêu nước, ý thức cố kết cộng đồng, anh dũng, sáng tạo... Tuy vậy, Người vẫn thấy chỉ riêng sức mạnh đó thì chưa đủ để đánh thắng kẻ thù mới của dân tộc. Đi ra nước ngoài tìm đường cứu nước, xét trên một khía cạnh khác, thực chất là Hồ Chí Minh đi tìm sức mạnh của thời đại để tranh thủ, để kết hợp với sức mạnh dân tộc tạo nên sức mạnh tổng hợp đủ khả năng đánh đuổi đế quốc, lật đổ phong kiến, cứu nước, cứu dân. Sức mạnh thời đại mà cuối cùng Hồ Chí Minh đã tìm được là tình đoàn kết, sự giúp đỡ của giai cấp công nhân và các dân tộc bị áp bức trên thế giới, nhất là nước Nga xã hội chủ nghĩa, vô sản Pháp...

Muốn giải phóng dân tộc mình cần thiết phải đoàn kết với các dân tộc khác cùng chung cảnh ngộ. Muốn đánh thắng đế quốc xâm lược phải thực hiện khối liên minh chiến đấu giữa lao động ở các thuộc địa với nhau và giữa lao động ở thuộc địa với vô sản ở chính quốc; nếu tách riêng mỗi lực lượng thì không thể nào thắng lợi được.

Theo Hồ Chí Minh, do điều kiện lịch sử đã thay đổi, kẻ thù dân tộc không phải là thế lực phong kiến phương Đông mà là chủ nghĩa tư bản phương Tây, nên cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân ta muốn giành thắng lợi triệt để phải đi theo con đường cách mạng vô sản. Vì vậy, cuộc đấu tranh của nhân dân ta vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội không tách rời cuộc đấu tranh chung của nhân dân các nước vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Đoàn kết quốc tế, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ quốc tế trở thành một nhân tố thắng lợi của sự nghiệp dựng nước và giữ nước của nhân dân ta.

Hồ Chí Minh đã xây dựng nên một hệ thống quan điểm về vấn đề kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Đó là phải đặt cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam trong sự gắn bó với cách mạng vô sản thế giới; Kết hợp chặt chẽ chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế trong sáng; Dựa vào sức mình là chính, tranh thủ sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa, sự ủng hộ của nhân loại tiến bộ, đồng thời không quên nghĩa vụ quốc tế cao cả của mình; Có quan hệ hữu nghị, hợp tác, sẵn sàng

“làm bạn với mọi nước dân chủ”...

Dựa vào những luận điểm đó, Đảng ta xác định cách mạng Việt Nam là bộ phận của cách mạng thế giới để phát huy sức mạnh dân tộc, tranh thủ sức mạnh thời đại, giành độc lập thống nhất cho đất nước. Khi cả nước quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội, trong bối cảnh toàn cầu hóa, quốc tế hóa, Đảng cho rằng sức mạnh dân tộc là ý chí vươn lên thoát khỏi tình trạng nước nghèo kém phát triển, hướng tới xã hội dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh, là chính trị xã hội ổn định, nguồn nhân lực dồi dào, sáng tạo, là lợi thế về vị trí địa lý của đất nước, sức mạnh của thời đại, là khoa học công nghệ, vốn, thị trường. Do đó, Đảng chủ trương phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, mở cửa, hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế, đa dạng hóa, đa phương hóa các quan hệ đối ngoại, nhằm giải phóng mọi tiềm năng của đất nước, thu hút các nguồn lực bên ngoài, tranh thủ thời cơ, vượt qua thách thức để tiến lên.

Về thực tiễn, trong ba mươi năm đầu thế kỷ XX, Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Nguyễn Thái Học... do những hạn chế chủ quan, khách quan, đã không tìm được sức mạnh thời đại, nên dù đã hết sức cố gắng, sự kết hợp sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế không thể thành công.

Từ năm 1930, khi Đảng ra đời, coi cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới, sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại mới từng bước được kết hợp một cách đúng đắn. Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945 thắng lợi là do Đảng đã dày công xây dựng lực lượng cách mạng trong nước, đồng thời tranh thủ được sức mạnh thời đại, trực tiếp là việc các nước Đồng Minh đánh thắng phátxít Nhật, làm cho quân Nhật ở Đông Dương tê liệt, bọn tay sai rệu rã để ta kết hợp sức mạnh bên trong với sức mạnh bên ngoài giành chính quyền nhanh gọn, ít đổ máu. Cách mạng Tháng Tám thành công là sự thể hiện sinh động bài học kết hợp sức mạnh to lớn của dân tộc Việt Nam với sức mạnh vĩ đại của thời đại.

Trong thời kỳ 1945-1954, với chủ trương dựa vào sức mình là chính, đồng thời ra sức tranh thủ sự giúp đỡ của Trung Quốc, Liên Xô và sự đồng tình ủng hộ của nhân dân thế giới, kể cả Đảng Cộng sản và nhân dân lao động Pháp, Đảng đã tạo nên lực lượng to lớn cho kháng cuộc chiến, từng bước đi tới thắng lợi, nhất là ở chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ. Trong thời kỳ 1954-1975, kinh nghiệm kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại được Đảng nâng lên tầm cao mới bởi đường lối tiến hành đồng thời và kết hợp chặt chẽ hai chiến lược cách mạng ở hai miền, nhằm mục tiêu chung là giải phóng miền Nam, hòa bình thống nhất đất nước. Đường lối đó đã phát huy cao độ sức mạnh dân tộc, tranh thủ tối đa sức mạnh thời đại, bao gồm sức mạnh của hệ thống xã hội chủ nghĩa, của phong trào giải phóng dân tộc, phong trào hòa bình dân chủ, sức mạnh của cả Liên Xô và Trung Quốc, của khối đoàn kết ba nước Đông Dương, tạo nên sức mạnh tổng hợp to lớn, đánh bại đế quốc Mỹ, thống nhất Tổ quốc.

Từ 1975 đến nay, nhất là từ năm 1986, khi Đảng đề ra đường lối đổi mới, tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan, từ bỏ cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp, đã phát huy được tiềm năng của đất nước. Kết hợp với đổi mới trong nước, Đảng, Nhà nước ta cũng có sự đổi mới quan trọng về chính sách đối ngoại, thực hiện

hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế, có quan hệ với hơn 170 nước và vùng lãnh thổ trên thế giới, do đó đã tranh thủ được nguồn lực to lớn từ bên ngoài, nhất là vốn, thị trường, công nghệ, kinh nghiệm quản lý, nên đưa đất nước vượt qua khủng hoảng kinh tế- xã hội, chuyển mạnh sang thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

5. Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu bảo đảm thắng lợi của cách mạng Việt Nam

- Về khoa học, cơ sở lý luận của bài học này là quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, về vai trò của Đảng Cộng sản, về mối quan hệ giữa vấn đề giai cấp và vấn đề dân tộc trong cách mạng vô sản, là tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và vai trò lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam.

Chủ nghĩa Mác- Lênin cho rằng trong mỗi thời đại, mỗi dân tộc, bao giờ cũng có một giai cấp đứng ở vị trí trung tâm, mọi vấn đề của thời đại, của dân tộc, thành hay bại, đều tùy thuộc vào tư tưởng, đường lối của giai cấp trung tâm, giai cấp lãnh đạo, thông qua đội tiên phong của nó. Rằng, trong xã hội tư bản chủ nghĩa, cuộc đấu tranh giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản đến một giai đoạn nhất định sẽ xuất hiện chính đảng của các giai cấp, đó là đảng cộng sản và đảng tư sản. Đảng Cộng sản là đội tiên phong chính trị của giai cấp công nhân, có vai trò lãnh đạo cuộc đấu tranh giải phóng giai cấp công nhân và những người lao động khỏi ách thống trị tư bản. Lý luận về xây dựng chính đảng của giai cấp công nhân của chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh gồm nhiều luận điểm, trong đó quan trọng nhất là luận điểm về vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

Vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản đối với xã hội là vấn đề khách quan xuất phát từ địa vị lịch sử của giai cấp công nhân, tồn tại suốt thời kỳ cách mạng dân chủ nhân dân, trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, trong chủ nghĩa xã hội cho đến khi xây dựng thành công chủ nghĩa cộng sản. Sự lãnh đạo của Đảng có nội dung cơ bản trước tiên là nhận thức quy luật vận động khách quan của cách mạng, diễn đạt quy luật đó thành mục tiêu, phương hướng giải pháp đạt mục tiêu, thể hiện trong cương lĩnh, đường lối, chủ trương của Đảng. Sau đó, Đảng tiến hành tuyên truyền, phổ biến mục tiêu, phương hướng, con đường đi tới mục tiêu cho dân biết, để dân bàn, dân làm và qua thực tế dân kiểm tra sự đúng đắn của đường lối, chủ trương giúp Đảng hoàn thiện, sửa đổi cho đúng hơn, làm cho hành động của quần chúng phù hợp hơn với quy luật, đưa cách mạng đi tới thắng lợi. Vì lẽ đó, sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản luôn luôn là nhân tố hàng đầu bảo đảm thắng lợi của cách mạng.

ở nước ta, Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc, là lực lượng có vai trò đề ra đường lối, chủ trương cho cách mạng dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa và tổ chức nhân dân tiến hành các cuộc cách mạng đó. Đường lối, chủ trương của Đảng đúng đắn, hợp quy luật, năng lực tổ chức xây dựng lực lượng, vận động quần chúng của Đảng cao, hiệu quả sẽ làm cho phong trào cách mạng của quần chúng phát triển, mau chóng đi tới thắng lợi, ngược lại, sẽ làm cho phong trào cách mạng gặp khó khăn, bị tổn thất, chậm đạt tới mục tiêu.

Đảng ta có sứ mệnh đó và có thể đảm đương được sứ mệnh đó bởi Đảng có một số đặc tính riêng biệt mà các chính đảng khác không thể có:

Thứ nhất: Khi đề ra đường lối, bao giờ các chính đảng cũng xuất phát từ lợi ích của giai cấp mình. Các giai cấp thống trị trước đây, lợi ích của họ chỉ trùng khớp với lợi ích của nhân dân, của dân tộc khi đất nước bị ngoại xâm, nên chỉ lúc đó họ mới được nhân dân ủng hộ. Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng của giai cấp công nhân, đồng thời là đảng của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam, nên khi đề ra đường lối phục vụ giai cấp mình cũng đồng thời Đảng cũng phục vụ nhân dân, phục vụ dân tộc. Bởi vậy, đường lối, chủ trương của Đảng luôn luôn phù hợp với lợi ích của nhân dân, của dân tộc, nên có tính đúng đắn cao, được nhân dân tin tưởng, ủng hộ, thực hiện. Đây là đặc điểm riêng có của Đảng ta, tạo nên nhân tố vừa chủ quan, vừa khách quan bảo đảm cho vai trò lãnh đạo của Đảng được vững chắc, lâu dài.

Hồ Chí Minh cho rằng, ngoài việc phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân, Đảng không có lợi ích nào khác và bản thân Người, với tư cách là người thành lập, lãnh tụ tối cao của Đảng cũng xác định: *“Tôi chỉ có một sự ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành”*.

Thứ hai: Đảng là đội tiên phong của giai cấp công nhân, của dân tộc Việt Nam, do đó số lượng đảng viên không thể nhiều, tổ chức Đảng phải tinh gọn, điều đó khiến cho Đảng chỉ là một bộ phận nhỏ của giai cấp, của dân, tự mình, Đảng không thể đưa mục tiêu cách mạng thành hiện thực mà phải thông qua phong trào cách mạng của quần chúng nhân dân. V.I. Lênin nói: *“Việc xây dựng chủ nghĩa xã hội sẽ không phải là việc riêng của Đảng Cộng sản - Đảng chỉ là một giọt nước trong đại dương - mà là việc của tất cả quần chúng lao động”*¹. Đó là lý do Đảng phải luôn luôn quán triệt trong mọi hoạt động của mình quan điểm sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, phải *“lấy dân làm gốc”*. Việc phải *“lấy dân làm gốc”* quy định Đảng phải thường xuyên thắt chặt mối liên hệ mật thiết với nhân dân, với dân tộc, làm cho Đảng được nhân dân che chở, giúp đỡ, tạo điều kiện để Đảng nắm bắt đúng, kịp thời tâm tư, nguyện vọng của nhân dân, đề ra được đường lối, chủ trương đúng với dân, để đưa đường lối, chủ trương của Đảng vào cuộc sống. Vì vậy, tuy số lượng đảng viên không nhiều, song Đảng có chỗ dựa vững chắc, địa bàn rộng lớn, lực lượng hùng hậu, sức mạnh to lớn.

Thứ ba: Do Đảng là sản phẩm của sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước do Hồ Chí Minh sáng lập, xây dựng, rèn luyện, nên Đảng có nền tảng tư tưởng là chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Đó là hệ thống lý luận khoa học, tinh hoa trí tuệ của nhân loại và của dân tộc Việt Nam giúp Đảng có khả năng đề ra được đường lối, chủ trương cách mạng đúng đắn, phản ánh đúng quy luật phát triển của cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa cũng như của cách mạng xã hội chủ nghĩa, vừa có tính nguyên tắc, không chệch hướng, vừa linh hoạt phù hợp với tình hình quốc tế và trong nước...

- Về thực tiễn, bài học này cũng đã được lịch sử của Đảng và cách mạng Việt Nam

1. V.I.Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Mátxcova, 1978, t.45, tr. 110-111.

chứng minh trên thực tế.

Trước năm 1930, khi cuộc đấu tranh của dân tộc ta do các tổ chức, cá nhân đại biểu cho giai cấp phong kiến địa chủ, nông dân, tư sản, tiểu tư sản lãnh đạo, dù đã diễn ra liên tục, anh dũng, song kết cục đều bị thất bại. Từ 1930, dưới sự lãnh đạo của Đảng, phong trào dân tộc, dân chủ của nhân dân ta mới từng bước đi tới thắng lợi.

Trong những năm 1930-1945, với đường lối đúng đắn được đề ra trong Cương lĩnh đầu tiên của Đảng, lực lượng cách mạng nước ta từng bước được xây dựng với nòng cốt là khối liên minh công nông, quần chúng cách mạng được rèn luyện qua nhiều cuộc tổng diễn tập, mặt trận dân tộc thống nhất được xây dựng, lực lượng chính trị, vũ trang, căn cứ địa hình thành, do đó khi có thời cơ, Đảng đã phát động, tổ chức cuộc khởi nghĩa giành chính quyền thành công, lập nên nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, nhưng các thế lực đế quốc thực dân và tay sai câu kết với nhau, tái xâm lược Việt Nam lần nữa. Trước tình hình đó, Đảng xác định độc lập dân tộc vẫn là mục tiêu trực tiếp, chủ nghĩa xã hội là phương hướng tiến lên, kịp thời đưa ra bản chỉ thị kháng chiến kiến quốc, kết hợp dựng nước với giữ nước, thực hiện đoàn kết dân tộc, tiến hành thắng lợi cuộc đấu tranh chống giặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm, bảo vệ được chính quyền cách mạng trong hoàn cảnh “ngàn cân treo sợi tóc”.

Từ cuối năm 1946, khi thực dân Pháp dùng vũ lực để đặt lại ách thống trị của chúng lên toàn cõi nước ta, Đảng đã kịp thời phát động nhân dân toàn quốc nhất tề đứng lên kháng chiến, đề ra đường lối kháng chiến đúng đắn là thực hiện chiến tranh nhân dân, kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính. Nhờ đó, Đảng đã từng bước lãnh đạo, tổ chức cuộc kháng chiến tiến lên, đi tới thắng lợi vẻ vang sau cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953-1954.

Trong những năm 1954-1975, trước kẻ thù hùng mạnh, có âm mưu bá chủ thế giới và trước bối cảnh các nước xã hội chủ nghĩa có những bất đồng, Đảng đã suy nghĩ tìm tòi và cuối cùng tại Đại hội lần thứ III (1960) đã đề ra được đường lối chiến lược chung sáng suốt là tiến hành đồng thời và kết hợp chặt chẽ hai chiến lược cách mạng khác nhau ở hai miền, nhằm thực hiện một mục tiêu chung của cả nước là giải phóng miền Nam, hòa bình thống nhất Tổ quốc, nên đã tạo ra được sức mạnh tổng hợp đưa cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc đi tới thắng lợi vẻ vang sau đại thắng mùa Xuân 1975.

Trong những năm 1975-1985, do đường lối của Đảng mang tính chủ quan, nóng vội nên kinh tế- xã hội nước ta lâm vào khủng hoảng. Từ năm 1986, với đường lối đổi mới được đề ra tại Đại hội lần thứ VI, công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước có những bước chuyển rõ rệt, đạt được những thành tựu mới, đưa nước ta vượt qua khó khăn, chuyển sang thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thế và lực được tăng cường, vị thế quốc tế được nâng cao.

Hiện nay, để bảo đảm cho sự lãnh đạo Đảng được đúng đắn, tiếp tục là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam, Đảng chủ trương phải hết sức chú trọng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, coi xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, bảo đảm cho Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức... Đại hội lần thứ

X của Đảng nhấn mạnh: "Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của dân tộc"¹; phải "Tiếp tục tự đổi mới, tự chỉnh đốn Đảng, tăng cường bản chất giai cấp công nhân và tính tiên phong, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; Xây dựng Đảng thực sự trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có đạo đức cách mạng trong sáng, có tầm trí tuệ cao, có phương thức lãnh đạo khoa học, luôn gắn bó với nhân dân"², coi đó là "đòi hỏi có ý nghĩa sống còn đối với Đảng và nhân dân ta".

Những bài học lịch sử quan trọng nói trên có quan hệ mật thiết với nhau. Với cơ sở khoa học đúng đắn, đã được lịch sử cách mạng Việt Nam, lịch sử của Đảng kiểm nghiệm, những bài học đó có ý nghĩa lý luận và ý nghĩa thực tiễn hết sức sâu sắc đối với Đảng và nhân dân ta, nhất là trong thời điểm hiện nay.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr. 130.

2. Sđd, tr. 279.

Mục lục

Bài mở đầu. Nhập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Chương I. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam

Chương II. Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945)

Chương III. Đảng lãnh đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp
và can thiệp Mỹ (1945 - 1954)

Chương IV. Đảng lãnh đạo cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc
và kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)

Chương V. Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và
bảo vệ Tổ quốc (1975-2006)

Chương VI. Tổng kết lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng, thắng lợi
và bài học